NĂM THỨ 3 • SỐ 30 • THÁNG MƯỜI 1991

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

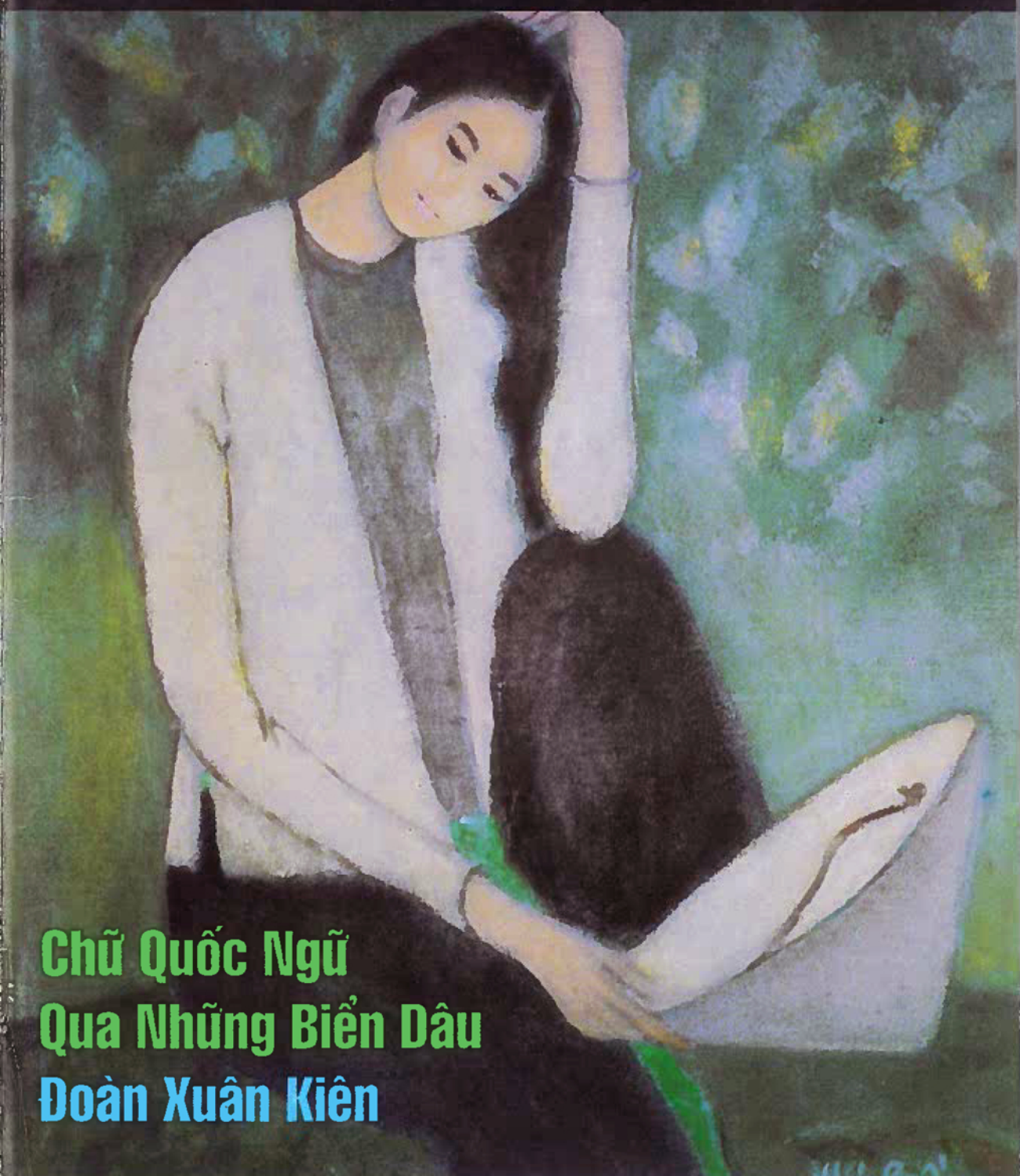

Chữ Quốc Ngữ Qua Những Biển Dâu

Đoàn Xuân Kiên

LITTLE SAIGON

SUPERMARKET

小西貢超級市場

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

CÓ BÁN CÁC LOẠI GIẤY SỐ

California Lottery LOTTO

California Lottery DECCO

Little Lotto

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

Mua tận gốc, bán tận ngọn! Quý vị được mua hàng với giá hạ nhất!
Chỉ có tại chợ LITTLE SAIGON!!!

Trên đà phát triển lớn mạnh của siêu thị Little Saigon
Một siêu thị có số thương vụ cao nhất và khách hàng
đông nhất trong năm...
Nhằm mở rộng các chi nhánh khắp nơi trong hệ thống siêu thị Little Saigon,
CẦN SỰ HỢP TÁC CỦA CÁC THƯƠNG GIA YÊU THÍCH
NGHỀ SIÊU THỊ
Siêu Thị Little Saigon có nguồn cung cấp lớn nhất vùng và có chuyên viên nhiều kinh nghiệm hướng dẫn cho các ngành để quý vị trở nên những chủ nhân chuyên nghiệp tự quản trị lấy cơ sở của mình.
NẾU AI MUỐN LÀM NGÀNH CHỢ, XIN THƠ VỀ ĐỊA CHỈ
SIÊU THỊ LITTLE SAIGON

9822 BOLSA AVE. ● WESTMINSTER, CA 92683 ● TEL: (714) 531-7272

ONE STOP TRAVEL

9211 Bolsa Ave., Suite 123, Westminster, CA 92683 (Trong khu Chợ 99)

Phone: (714) 373-8373 Fax: 373-8377

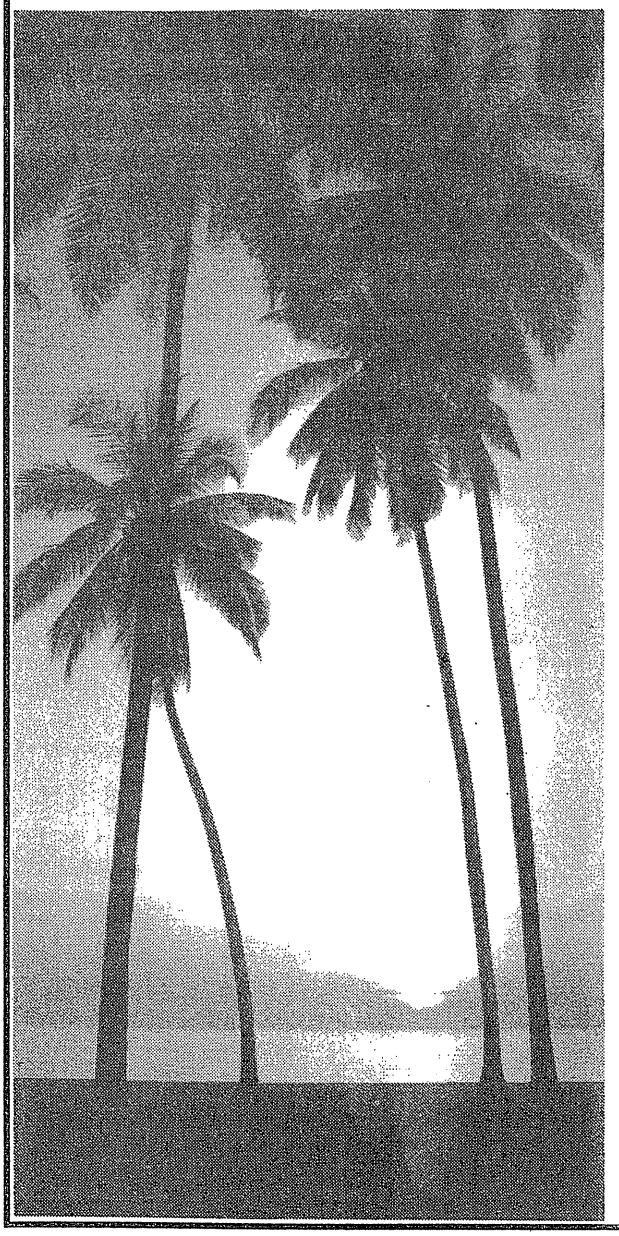

- Bán vé máy bay quốc nội, quốc ngoại.
- Làm Visa xuất nhập cảnh, passport, Re-Entry Permit.
- Thuê khách sạn, xe du lịch.
- Tổ chức Tours
- Du lịch Việt Nam và tất cả các dịch vụ Việt Nam.
- Bảo đảm đi và về đúng hẹn.

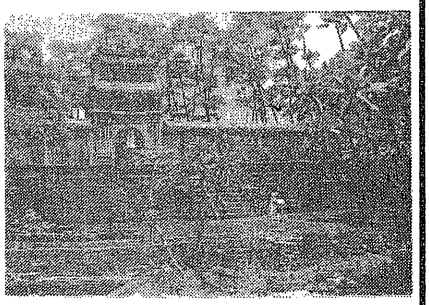

- Chúng tôi cần nhiều đại lý các tiểu bang cho tất cả các dịch vụ về Việt Nam và agent bán vé máy bay.
- Chúng tôi là đại diện chính thức cho những hãng Hàng không Quốc tế.

malaysia AIRLINES
ENCHANTMENT WHEREVER YOU FLY

Philippine Airlines

Thai
Thai Airways International Limited

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại **PHÁP:**
* Mme Lê Tất Luyện
15 Place Souham
75013 Paris - France
* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại **TÂY ĐỨC:**
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại **BỈ**
* Đông Sơn Center
1369 Chée De Wavre
B. 1160 Bruxelles
Belgium

Tại **CANADA:**
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
10767 Street
Edmonton - T5H2M2
Canada
Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại **ÚC:**
* Tòa soạn báo Việt Luận
P.O. Box 415
Villawood, NSW 2163
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
PO Box 133 Pascoe Vale
South Vic. 3044 - Australia

* Saigon Bookshop
17 Penny Arcade
Cabramatta N.S.W 2166
Australia
Tel. 727-2609

* Mỹ Hóa
3710 Springvale Rd.
Vic. 3171
Tel. (03) 548-2216

Tại **NHẬT BẢN:**
* Mekong Center
F140 Tokyo - To,
Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262
Ichodanchi 72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại **HOA KỲ:**
Minnesota:
* Saigon Bookstore
2950 4th Ave. S.
Minneapolis MN 55408
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Nam Phương
1032 S. Jackson St. #B
Seattle, WA 98104
Tel. (206) 324-6364

Pennsylvania
* Kim Sơn
900 South 8th St.
Phila., PA 19147

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E. Colonial Dr.
Orlando, FL 32803
Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa, FL 33609
Tel. (813) 874-0526

New York:
* Tú Quỳnh
128 Hester St.
New York, NY 10002

Massachusetts:
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA 02122

Louisiana:
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey, LA 70058
Tel. (504) 340-4626

Missouri:
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO 64106
Tel. (816) 421-6838

Texas:
* Mỹ Linh
3512 Walnut
Garland, TX 75042
Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Aiport Blvd.
Austin, TX 78753

* Ngày Nay
8200 Wilcrest #5
Houston, TX 77072
Tel. (713) 568-6400

* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006
* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003
Tel. (713) 224-6615

* Tân Sơn Nhất Express
301 A S.Capitol Ave. #8
San Jose, CA 95127

* Thiên Nga
2929 A Milan St.
Houston, TX 77006
Tel. (713) 520-8013

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
Tel. (713) 650-1770

California:
* Thư Quán
Asian Pacific Plaza
6511 N. Inglewood Ave. #7
Stockton, CA 95207

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
496 S. 2nd St.
San Jose, CA 95113

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd
San Jose, CA 95113
Tel: (408) 292-2788

* Hồng Bàng
1692 Tully Rd #16
San Jose, CA 95129
Tel. (408) 270-0865

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San Jose, CA 95112

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:
* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92543
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21, hoa hồng cao, xin vui lòng liên lạc với Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT
14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
Điện thoại (714) 892-9414

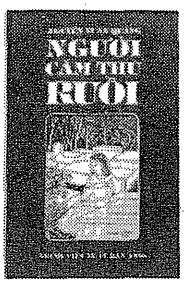

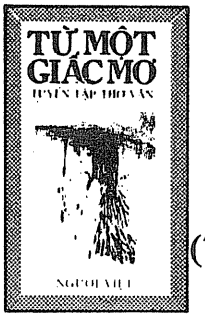

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

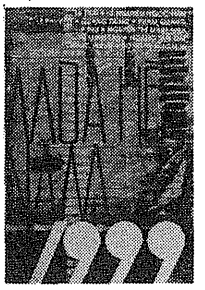

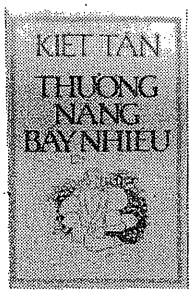

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Tổng thư ký
Nguyễn Xuân Hoàng
Giám đốc trị sự
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14891 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14891 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Bạn đọc thân mến,

Đây Liên Xô tháng Tám, bao giờ đến Việt Nam có lẽ là câu hỏi được hầu hết người Việt Nam -- nếu không muốn nói là toàn thể dân tộc Việt Nam đặt ra. Thế Kỷ 21 *lập lại câu hỏi này và nhà phân tích Vương Hữu Bột sẽ cùng với các nhà bình luận thời cuộc Nguyễn Hữu Chung, Trần Thanh Hiệp, Tôn Thất Thiện... sẽ tìm lời giải cho bài toán trên? Theo Vương Hữu Bột "trước tình trạng dân sôi sục đòi hỏi và đảng viên tan rã dần, các lãnh tụ ở Hà Nội sẽ tiếp tục chống đỡ. Các biện pháp chống đỡ của họ sẽ chỉ làm cho họ yếu hơn... và sẽ làm cho dân chúng khinh thường...*

... "Chúng ta tin rằng người Việt Nam sẽ tự giải quyết cơn ác mộng Cộng sản trong một ngày gần đây."

Luật sư Trần Thanh Hiệp thì cho rằng "cuộc chỉnh lý bất thành ngày 19 tháng Tám 1991 tại Mạc Tư Khoa cho thấy là những người Cộng Sản bảo thủ đã lâm vào bước đường cùng. Một mặt vì chủ nghĩa Mác - Lênin đã xơ cứng, không còn khả năng sáng tạo để người Cộng Sản ứng phó với tình thế. Mặt khác, những người Cộng Sản bảo thủ không có được sức mạnh của lịch sử... để nhận lãnh trách nhiệm trước lịch sử... Về phía những người Cộng sản bảo thủ Việt Nam, Trần Thanh Hiệp cho rằng "Làm ngơ trước đòi hỏi chính đáng bãi bỏ Hiến Pháp 1980 để soạn thảo một Hiến Pháp mới, phải chăng những người Cộng Sản bảo thủ Việt Nam muốn cưỡng lại đến cùng lô-gích của lịch sử, của thời đại, và chờ đợi một biến chuyển quyết định để bị đào thải?"

Về phần biên khảo, Thế Kỷ 21 *kỳ này xin được giới thiệu đến bạn đọc một công trình của Đoàn Xuân Kiên, "Chữ Quốc Ngữ Qua Những Biến Dâu." Bài viết không đặt vấn đề sửa đổi chữ quốc ngữ. Dụng ý của tác giả là phân tích một vài khía cạnh của chữ quốc ngữ để qua đó nhận ra dáng vẻ sống động của hệ thống chữ viết La Tinh trong dọc dài lịch sử chữ viết dân tộc.*

Sau cùng phần văn học nghệ thuật số này xin được giới thiệu đến bạn đọc sáng tác mới nhất của hai nhà văn Mai Thảo và Trần Diệu Hằng. Thi sĩ Nguyên Sa kỳ này trong loạt bài Âm Nhạc và Tôi -- rất được bạn đọc Thế Kỷ 21 *yêu thích theo dõi -- viết về Mộng Dưới Hoa của nhạc sĩ Phạm Đình Chương.*

Mời các bạn đọc và giới thiệu Thế Kỷ 21 *đến các bạn bè thân hữu. Những đóng góp ý kiến của các bạn sẽ được đúc kết trong một số sau.*

THẾ KỶ 21

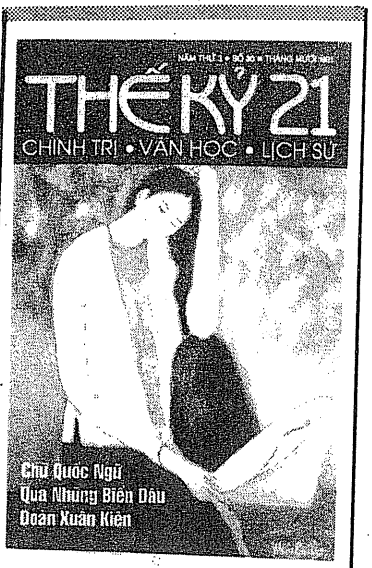

Tranh bìa
Thái Tuấn
Trình bày
Nguyễn Thị Hợp

TRANH / MINH HỌA / HÍ HỌA:

BARBARA CUMMINGS * KAL * ZANETTI * CATBOW * VŨ THÁI HOÀ * VẸT

MỤC LỤC

BÌNH LUẬN / CHÍNH TRỊ

8. VƯƠNG HỮU BỘT
Bao giờ tới Việt Nam?
12. TRẦN THANH HIỆP
Trong những ngõ cụt của một chủ nghĩa đã phá sản.
16. NGUYỄN HỮU CHUNG
Việt nam và sự ổn định của vùng Đông Nam Á
19. TÔN THẤT THIỆN
Cùng bất biến tắc... bung
22. THẾ UYÊN
Phác thảo mùa hè về tương lai Việt Nam
27. NGUYỄN HƯƠNG
Từ Perestroika đến Trật Tự Thế Giới Mới
33. PHẠM CAO DƯƠNG
Những ý nghĩ vụn về một nền giáo dục

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

40. MAI THẢO
Chuyến về buồn thảm
50. TRẦN DIỆU HẰNG
Khi ở S. về C.
56. BÙI BẢO TRÚC
Tác giả Tiếng Thu không còn nữa
58. BÙI BÍCH HÀ
Khi người ta không thở được nữa...
61. NGUYÊN SA
Mộng Dưới Hoa

THƠ: LÊ BI * HỒ DZẾNH * TRẦN MỘNG TÚ * DU TỬ LÊ * THÁI TÚ HẠP * CAO ĐÔNG KHÁNH * KIỆT TẤN

BIÊN KHẢO

69. ĐOÀN XUÂN KIÊN
Chữ quốc ngữ qua những biến dâu

MỤC THƯỜNG XUYÊN

79. *Thời sự tháng qua*
87. *Sách báo trong tháng.*

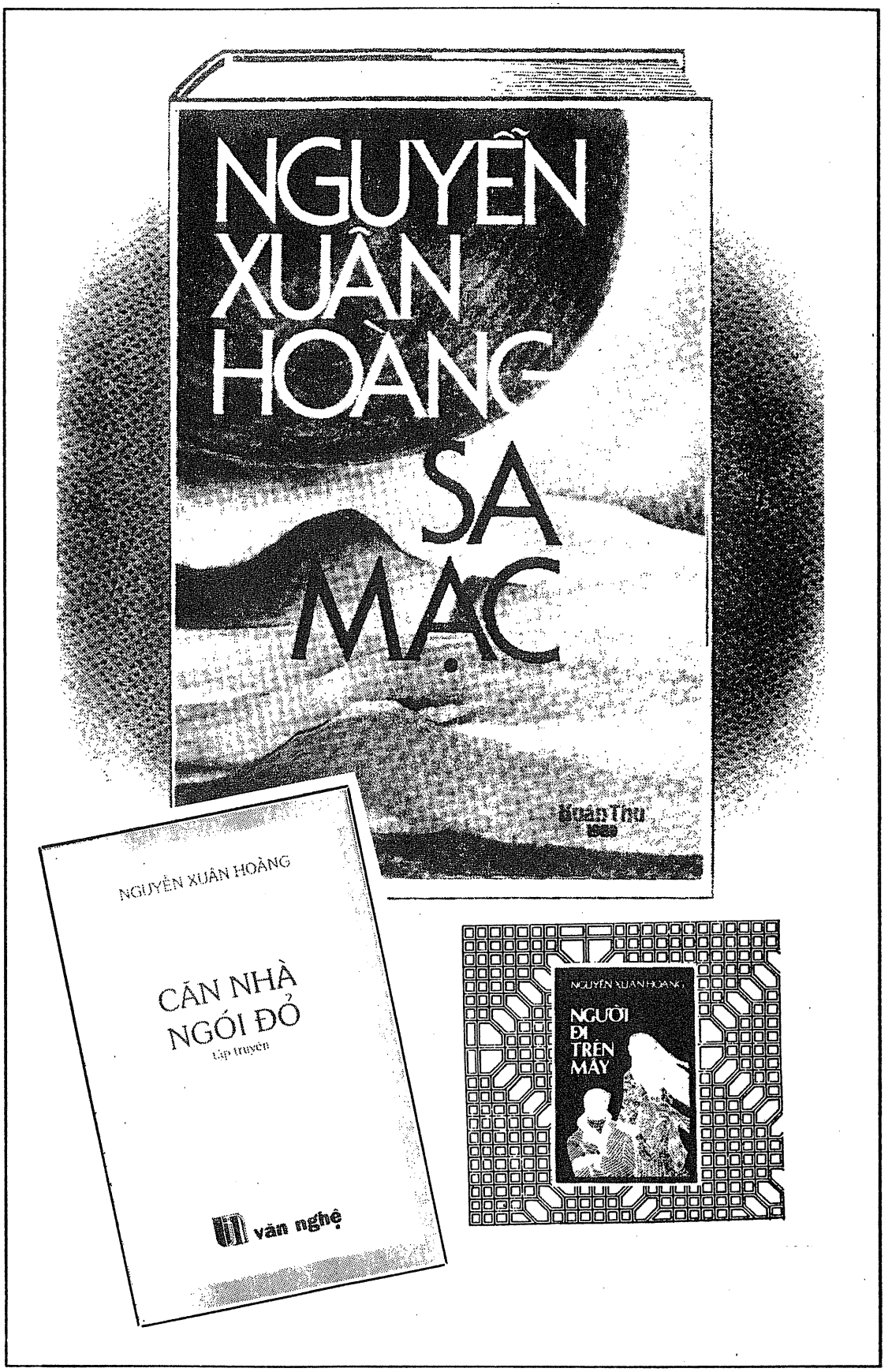
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
SA MẠC
Quán Thư
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ
Tập truyện
văn nghệ
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY

Dây Liên Xô Tháng Tám

BAO GIỜ TỚI VIỆT NAM?

VƯƠNG HỮU BỘT

Một chế độ thống trị gần 300 triệu người suốt 70 năm, bằng bạo lực, công an, mật vụ và cán bộ cuồng tín. Bây giờ chế độ đó sụp đổ trong vòng hai tuần lễ, và chỉ có ba người chết. Sau khi cảm ơn Trời, Phật, chúng ta vẫn phải tự hỏi nhờ đâu mà mọi chuyện lại xảy ra được như vậy?

Cuộc chuyển hóa đã xảy ra, mà xảy ra một cách hòa bình, là nhờ não trạng của đa số trong 300 triệu người dân đó đã thay đổi. Các người đi tiền phong, các trí thức, nhà báo, chính trị gia, các cán bộ Cộng Sản từ cấp Yeltsin, Scheuardnadze cho đến các sĩ quan KGB, não trạng của họ cũng đã thay đổi. Sự thay đổi đó diễn ra nhờ số lượng thông tin và hiểu biết gia tăng trong những năm qua. Hiện tượng này không phải chỉ xảy ra ở nước Nga. Ở trên khắp thế giới, loài người đã trưởng thành hơn nhờ sự bùng nổ về thông tin. Sự trưởng thành này biểu lộ ở ước mong sống trong tự do, dân chủ, không chịu nhục nhã sống dưới ách độc tài. Sự trưởng thành này cũng nằm trong nhận thức đứng đắn về tự do-dân chủ, một nếp sống được quy định bởi lý trí, luật pháp chứ không phải hoàn toàn do tình tự, đam mê. Chính sự truyền thông nhanh chóng, rộng rãi, tới tận hang cùng ngõ hẻm khắp các nước trên thế giới, đã giúp cho đám đông nhân loại trưởng thành, và các người trí thức dẫn đầu cũng trưởng thành với họ.

Giữa thế kỷ này, Georges Orwell viết cuốn *1984*, đã dự báo một cảnh tượng bi quan hơn nhiều. Trong tiểu thuyết chính trị giả tưởng đó, ông đã tỏ ra lo ngại rằng khi các phương tiện thông tin đại chúng càng được phát triển thì chế độ độc tài càng mạnh hơn. Vì nhà độc tài nào kiểm soát được các phương tiện thông tin thì sẽ kiểm soát được cả não trạng của người dân, sau khi họ đã kiểm soát thân xác, cơm áo, chỗ ở, việc làm.

Nhưng thông tin không thể giữ mãi ở một chiều từ trên xuống dưới. Các kỹ thuật thông tin sinh sôi nảy nở, nhanh hơn, nhiều hơn, đã phát triển cả các mạng lưới thông tin nhiều chiều, khiến cho không một chính quyền nào kiểm soát được hết. Tin tức và hiểu biết không thể cung cấp bằng các thứ thẻ như thẻ mua gạo, mua sữa.

Trong thời đại thông tin này, dối trá không những chỉ vô hiệu quả mà còn gây họa cho người nói dối. Đó là điều mà các lãnh tụ Cộng Sản, vẫn sống với não trạng của 30, 50 năm trước, không thể hiểu được. Họ tiếp tục nói những điều dối trá một cách chân thành, hăng hái, và họ trở thành lố bịch. Khi người dân đã nhìn rõ sự lố bịch và dốt nát thủ cựu của họ, người dân sẽ khinh và hết sợ. Đó là điều đã xảy ra ở Liên Xô khi các thủ lãnh đảo chính báo tin Gorbachev bị bịnh, trong lúc bàn tay run run, và không trưng ra được một bằng cớ nào về tình trạng thực của Gorbachev. Điều đó cũng sẽ xảy ra ở Việt Nam khi người dân cứ tiếp tục nghe về lý tưởng xã hội chủ nghĩa, định hướng xã hội chủ nghĩa, mà ai cũng tấn bi kịch đó đã hạ màn từ lâu rồi. Gánh hát đã rã, khán giả đã ra về, mà còn mấy đào kép già nua vẫn ngơ ngác loay hoay tiếp tục làm tuồng cương trên sân khấu.

Việc tuyên truyền sai sự thật đã trở thành thói quen, thành cố tật của các chế độ Cộng sản. Dù họ có biết và cố tránh họ cũng không bỏ đi được. Các lãnh tụ đảo chính ở Moskva đã cố ý không nói gì đến Mác - Lênin, không nhắc cả đến địa vị độc tôn của đảng Cộng Sản. Nhưng chỉ cần thấy những khuôn mặt nói giấu đầu hở đuôi là người dân Nga đã bừng tỉnh, lo sợ ách độc tài thời Stalin sắp quay trở lại. Vì sau 74 năm sống dưới chế độ Cộng Sản, dân Nga đã liên kết sự tuyên truyền dối trá với ách độc tài tàn bạo. Họ đã thấy hai hiện tượng đó liên kết chặc chẽ với nhau giống như đã được Pavlov huấn luyện. Chính vì lo sợ phải trở lại sống dưới ách độc tài mà người dân và người lính Nga đã chống lại nhóm đảo chính.

Bài học ở các nước Đông Âu cũng giống vậy. Thông tin và hiểu biết mới đã đưa người dân đến chỗ trưởng thành. Dân Tiệp Khắc, Đông Đức đã trưởng thành trong quyết tâm xuống đường đòi tự do dân chủ. Nhưng họ cũng trưởng thành trong việc cư xử đối với nhau một cách ôn hòa, kể cả các lãnh tụ cũ của Cộng Sản. khi Honnecker, thủ lãnh cộng sản Đông Đức, bị trục xuất ra khỏi

các dinh thự, nhà nghỉ mát, thì chính một mục sư tin lành đã cho ông ta tạm trú trong nhà thờ. Vị mục sư đã bị các đồng chí chống Cộng của ông phản đối. Nhưng ông biết rằng một thể chế dân chủ, tự do phải dựng trên lý trí, luật pháp, chứ không thể xây trên các tình tự thù hận, căm phẫn nhất thời. Ở Liên Xô cũng vậy. Sau vụ đảo chính hụt, thị trưởng Moskva, Popov đã kêu gọi dân chúng đừng tố cáo lẫn nhau tội tham gia đảo chánh để thanh toán tư thù. Thị trưởng St Petersburg (Leningrad) cảnh cáo không nên hành động theo cơn nóng nảy nhất thời.

Ý nghĩa lịch sử của các cuộc cách mạng dân chủ ở Nga và Đông Âu là sự thắng thế của lý tính, và sự kiềm chế thú tính. Chế độ độc tài khích động sân si, thù hận để thiết lập, rồi dùng bạo lực tạo ra sợ hãi ươn hèn để củng cố chế độ. Thể chế dân chủ được xây dựng trên việc sử dụng lý trí, thảo luận, nhường nhịn lẫn nhau, tự trọng và kính trọng người khác. Đó là một bài học mà người Việt chúng ta phải tìm hiểu thêm và quảng bá cho nhau.

Vậy người Việt Nam đã trưởng thành vừa đủ để cuộc chuyển hóa có thể xảy ra trên đất nước chúng ta hay chăng?

Vì có một yếu tố khác trong tâm não người dân, là sau 74 năm dưới chế độ Cộng Sản họ đã liên kết sự dối trá lừa lọc với chính sách độc tài tàn bạo. Chỉ nhìn thấy mấy khuôn mặt dối trá, người dân đã lạnh xương sống, lo rằng cả một quá khứ ghê rợn thời Stalin sắp quay trở lại.

Chính nhờ cuộc cách mạng về thông tin mà não trạng người dân đã thay đổi. Và sự thay đổi đi theo chiều hướng trong đó người dân sử dụng lý trí nhiều hơn và khôn ngoan hơn. Lý tính trong con người càng ngày càng mạnh hơn thú tính. Lý tính có tính chất ôn hòa hơn, đưa đến cách cư xử ôn hòa hơn. Tinh thần dân chủ đi đôi với sự phát triển của lý tính, vì quyền bính dân chủ dựa trên luật pháp và sự thảo luận, suy nghĩ, chứ không phải trên cuồng tín và bạo lực.

Đó là ý nghĩa lịch sử của các cuộc cách mạng lật đổ Cộng Sản, xây dựng dân chủ. Một cuộc cách mạng không đổ máu dễ đưa tới một thể chế dân chủ, trọng pháp hơn. Cả hai là dấu hiệu của sự trưởng thành trong một dân tộc.

Chúng ta tự hỏi các điều kiện trên có thể có ở Việt Nam hay chăng?

Trước hết, cần phải trả lời câu hỏi: dân Việt Nam là sẵn sàng sống và cư xử theo tinh thần dân chủ hay chưa?

Nhiều người Việt Nam, và nhà bình luận quốc tế nghĩ rằng dân Á Châu theo truyền thống Khổng giáo quen tuân phục quyền hành cho nên nhu cầu sống dân chủ và lòng yêu nếp sống tự do của họ không cao. Họ lấy điều đó để giải thích tại sao chế độ Cộng Sản còn sót lại ở Bắc Hàn, Trung Quốc ở Việt Nam.

Khi nghĩ như vậy, người ta đã suy nghĩ theo một cách nhìn tĩnh, bất động. Óc tuân phục quyền bính không phải chỉ có ở Á Đông, mà ở khắp các xã hội nông nghiệp, dưới nhiều dạng thức khác nhau. Khi vua Louis XVI bị xử tử, nhiều người dân Pháp còn sợ cả nước sẽ bị trời phạt. Nhưng không phải thế mà cả đại khối dân Pháp, dân Âu Châu không bắt đầu xây dựng dân chủ.

Tiêu biểu cho lối suy nghĩ tĩnh đầy thành kiến trên là cách người ta nhìn dân Nga. Cho đến mấy tháng trước đây, rất nhiều người vẫn cho rằng dân Nga còn lâu mới bắt đầu tập sống dân chủ được. Đó là do một thành kiến từ mấy thế kỷ nay, nhìn dân Nga như một giống dân chưa khai hóa. Nhiều sử gia cho rằng lịch sử Nga chỉ có hai mô hình xã hội, hoặc là dân Nga tuân phục một bạo chúa, hoặc là dân Nga sống hỗn loạn, vô chính phủ. Khi còn gượng gạo giải thích sự độc tài của Stalin, Bertrand Russell cũng nói: "Thử tưởng tượng nếu quý vị phải cai trị một dân tộc toàn những nhân vật của Postoievsky thì quý vị sẽ phải làm gì?

Nhưng nước Nga không phải chỉ toàn những anh em nhà Karamazov. Họ còn sống trong tiểu thuyết của Tchekov, Tolstoi, Pasternak. Bao nhiêu năm trên sân khấu chính trị, một đảng độc tài tàn bạo tiếp tục độc diễn, nhưng ở bên dưới, người dân đã thay đổi, nhờ mức sống cao hơn và hiểu biết rộng hơn. Lịch sử đã thay đổi, sự thay đổi không phải đã diễn ra trên sân khấu, nhưng diễn ra âm thầm, chậm và chắc chắn, trong lòng người dân, trong não trạng người dân. Dùng một văn ảnh của Pasternak, người ta không thấy lịch sử biến đổi, cũng như không ai trông thấy cỏ mọc lên thế nào. Nhưng dần dà, từ tốn, cỏ cây vẫn mọc.

Trong mấy năm qua hai hiện tượng trong não trạng diễn ra, thay đổi dân Nga. Như đã trình bày ở đoạn trên, một là người dân đã hết sợ và nhờ hiểu biết và kinh nghiệm mới họ đã biết rõ có một thể chế tốt hơn, mang lại phúc lợi nhiều hơn, đó là nền kinh tế thị trường và cách sống trong pháp luật dân chủ. Trong lòng người dân, hy vọng đã thắng cái sợ. Hiện tượng thứ hai là công cụ của độc tài cũng thay đổi. Công cụ đó là đảng Cộng Sản Liên Xô, với các tổ chức len lỏi vào từng đơn vị kinh tế, quân sự, hành chánh, chính các đảng viên từ dưới lên trên, nhờ hiểu biết và kinh nghiệm mới, đã dứt bỏ niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, đã hết kính sợ uy quyền của nhóm lãnh tụ già nua thủ cựu. Họ cũng thay đổi cùng với người dân. Nếu dân thường ở Nga chỉ có nhu cầu tự do, dân chủ thì đảng viên Cộng Sản Nga còn có thêm nhu cầu tự cứu vãn danh dự của họ, tự giải thoát khỏi nỗi nhục làm công cụ cho một chế độ bạo tàn để đè nén đồng bào.

Vì muốn tự giải thoát và tự cứu vãn danh dự, những đảng viên cao cấp đã công khai từ bỏ đảng. Các đảng viên cấp dưới cũng lặng lẽ từ bỏ đảng. Trong số 4 triệu đảng viên Liên Xô bỏ đảng năm 1990 có những chi bộ từ bỏ đảng bằng cách tự giải tán tập thể.

Ở Việt Nam các hiện tượng trên đã bắt đầu xảy ra và tiếp tục gia tăng cường độ.

Việt Nam đã thay đổi ra sao

Hai hiện tượng đã xảy ra ở Đông Âu và Nga thì cũng đã xảy ra ở Việt Nam. người dân càng ngày càng bớt sợ, và đảng viên Cộng Sản càng ngày càng bớt trung kiên. Nhưng Việt Nam không giống Nga, không giống Đông Âu và cũng không giống Trung Quốc.

Ở Việt Nam chưa xảy ra một vụ Moskva vì chưa có Gorbachev để nhóm thủ cựu phải mưu toan lật đổ, cũng chưa có Yeltsin để chống lại. Sự thay đổi ở Việt Nam đã gây sôi sục trong lòng mọi người, nhưng còn chưa có cơ hội bộc phát.

Việt Nam cũng chưa xảy ra các biến cố như ở Đông Âu vì tại Đông Âu các đảng Cộng Sản đã thống trị lâu nặm hơn, họ lại do hồng quân Nga nặn ra, và giới trí thức Đông Âu sau 40 năm hòa bình đã có dịp suy nghĩ và tiến bộ hơn. Ở Việt Nam chưa có đủ các điều kiện trên.

Nhưng Việt Nam cũng không hề giống Trung Quốc. Vụ Thiên An Môn ở Tàu xảy ra sau 10 năm đổi mới kinh tế, cuộc đổi mới đó thật sự nâng mức sống của nông dân lên gấp đôi cho nên các lãnh tụ Cộng Sản Trung Quốc còn có uy tín. Ở Việt Nam thì những cải cách kinh tế của đảng Cộng Sản từ 1985 chỉ đưa tới hết lạm phát lại đến phá sản và hỗn loạn. Trong tương lai họ cũng khó thoát khỏi các tình trạng đó vì họ vẫn bị cô lập với thế giới, trong khi nước Tàu đã được tư bản thế giới bỏ vốn vào làm ăn, kể cả tư bản Đài Loan. Người lính trong quân đội Cộng Sản Việt Nam bất mãn nhiều hơn và hiện nay đã đào ngũ nhiều hơn, không nhắm mắt tuân lệnh như người lính Tàu ở Thiên An Môn. Vì họ đã là nạn nhân của dối trá nhiều lần sau 30 năm chiến tranh.

Sự thay đổi não trạng của dân, của đảng viên, của binh lính đã bắt đầu ngay từ 1975. Họ so sánh mức sống và tư cách đạo đức ở hai miền Nam, Bắc và đã thấy sự dối trá, sự bất lực của Cộng Sản trong việc quản lý đất nước. Chính các vụ đổi mới kinh tế, đổi mới tư duy của Cộng Sản Việt Nam càng thúc đẩy cho não trạng người dân và đảng viên thay đổi.

Người dân đã thấy cả chủ nghĩa Cộng Sản đưa tới một hệ thống kinh tế khánh kiệt. Do đó từ người dân đến đảng viên đều đặt câu hỏi về chủ nghĩa Mác - Lênin. Dương Thu Hương là một trường hợp điển hình. Từ sợ hãi, tuân phục, người dân đổi sang khinh bỉ, người đảng viên đổi sang nhàm chán, và các nạn nhân tăng nỗi oán hờn.

Các biến cố ở Đông Âu, đã làm tan rã niềm tin của đảng viên Cộng Sản. Những người cốt cán lâu đời như Nguyễn Khắc Viện, những người đã được trọng dụng như Trần Xuân Bách, Bùi Tín, cũng phải công khai đòi cải cách triệt để hơn. Họ đã chứng kiến những cải cách nửa vời và họ đã có kinh nghiệm về guồng máy hư nát với các lãnh tụ thiển cận như thế nào. Biến cố ở Liên Xô năm nay lại càng công phá mạnh thêm lên niềm tin của đảng viên Cộng Sản. Các bức tượng Lênin sụp đổ, sự tan rã của đảng Cộng Sản Liên Xô 15 triệu người, các biểu tượng đó sẽ có tác động mạnh mẽ. Tác động đó là: nỗi sợ sệt, rụt rè càng bớt đi, và hy vọng vào một cuộc cách mạng dân chủ sẽ tăng thêm.

Tình trạng đó đã đủ chín mùi cho một cuộc thay đổi lớn lao. Như trái bom chỉ còn chờ ngòi nổ? Ngòi nổ này có thể

...ở Việt Nam chưa xảy ra một vụ Moskva vì chưa có Gorbachev để nhóm thủ cựu phải mưu toan lật đổ, cũng chưa có Yeltsin để chống lại...

Nhưng Việt Nam cũng không hề giống Trung Quốc. Vụ Thiên An Môn ở Tàu xảy ra sau 10 năm đổi mới kinh tế, cuộc đổi mới đó thực sự nâng mức sống của nông dân lên gấp đôi cho nên các lãnh tụ Cộng sản Trung Quốc còn có uy tín. Ở Việt Nam thì...

VƯƠNG HỮU BỘT

xuất hiện bất ngờ, chúng ta không thể dự đoán vì không đủ tin tức cần thiết. Nhưng chúng ta có thể nhìn thấy nhiều cơ hội để cho các ngòi nổ được châm lửa.

Một cơ hội là sự liên kết vội vã giữa Cộng Sản Việt Nam và Cộng Sản Trung Quốc có thể gây rạn nứt ngay trong hàng ngũ Cộng Sản ở cấp cao. Ngay từ năm 1990, khi Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười sang thành đô khấu đầu, dân Hà Nội đã truyền tụng câu ca dao mới: "Chống Tây, chống Mỹ bạc đầu - Bây giờ chống gậy sang Tầu ăn xin". Việc thần phục Cộng Sản Tầu sẽ tạo nên một vết thương lớn ngay trong lòng đảng Cộng Sản Việt nam, vì người Việt Nam rất dễ xúc động trước cái nhục tập thể khi lệ thuộc Trung Quốc.

Một cơ hội khác là việc sửa đổi hiến pháp và tổ chức bầu cử dự trù vào năm tới. Các lực lượng tiến bộ ở trong nước, dù ở ngoài hay ở ngay trong đảng, sẽ lợi dụng các cơ hội này để xuất hiện công khai. Hiến pháp có thể bãi bỏ vai trò độc quyền của đảng Cộng Sản và chấp nhận tách nhà nước ra khỏi đảng. Những người tiền phong ở trong nước sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hơn việc tách đảng ra khỏi các cơ quan nhà nước. Đảng Cộng Sản tồn tại nhờ sống bám vào nhà nước, từ cấp trung ương đến xã, từ trong nhà máy đến đồn công an. Tách ra, là tách nguồn lợi vật chất và quyền lực của họ. Dần dần, đảng viên sẽ thấy trung thành với đảng hay từ bỏ đảng không khác nhau gì cả. Các lực lượng tiến bộ ở trong nước đi tiên phong sẽ thúc đẩy diễn trình này. Dù chủ tâm của các lãnh tụ Cộng Sản là chỉ thay đổi về hình thức bên ngoài, nhưng dân chúng vẫn có thể thúc đẩy để hư thành thực, giả thành chân. Thời kỳ đổi mới văn nghệ, đổi mới tư duy, hiện tượng này đã xảy ra. Các lãnh tụ Cộng Sản không thể cưỡng lại được vì cơn sóng của lịch sử đã quá mạnh họ có loay hoay chống đỡ cũng không nổi.

Các cuộc bầu cử và sửa hiến pháp dù chỉ vẽ vời cũng có thể tạo nên các trung tâm chống đối ngay trong lòng chế độ, và các trung tâm chống đối này sẽ tạo ra ngòi nổ, nhất là với tình trạng kinh tế trì trệ sẽ kéo dài không lối thoát.

Tình trạng kinh tế có thể dễ thở hơn khi việc thần phục Trung Quốc mang về vài tỷ mỹ kim mỗi năm, thay thế cho 3 tỷ viện trợ Nga và Đông Âu đã bị cắt đứt. Nhưng vài tỷ đô la đó có thể đủ giúp cho dân bớt đói bụng nhưng không đủ để trấn áp các bất mãn của dân. Vì bất mãn được tạo ra không phải do người ta có đủ ăn hay không, mà do người ta có đạt được điều ước muốn, kỳ vọng hợp lý của họ hay không. Những năm trước 1985 có thể dân Hà Nam Ninh, Thanh Nghệ Tĩnh chỉ kỳ vọng ngày hai bữa cơm. Nhưng bây giờ họ đã tự so sánh với người dân ở Sài Gòn, ở đồng bằng sông Cửu Long, họ còn đòi hỏi quần áo, nhà cửa, đồ tiêu dùng. Với tình trạng và chính sách ở Việt Nam hiện nay, mức chênh lệch giữa mức sống miền Nam và miền Bắc sẽ càng ngày càng rộng khiến nổi bất mãn của dân càng ngày càng cao. Liệu các lãnh tụ Cộng Sản có thể giải quyết khó khăn đó không? Họ không thể giải quyết nếu còn duy trì tình trạng sứ quân kinh tế, mỗi tỉnh, mỗi quận làm kinh tế với những cấp tỉnh ủy, quận ủy hiện nay, vừa bất lực vừa tham nhũng. Ngược lại muốn giải tỏa cơ cấu kinh tế hạ tầng đó, đặt cơ sở vi mô cho một nền kinh tế thị trường thực thì họ sẽ phải thật sự tách đảng ra khỏi nhà nước ở các cấp, thực sự cắt nguồn quyền lực và nguồn lợi vật chất của các đảng viên trung cấp, tức là tự chặt chân, chặt tay của họ.

Cục diện ở nước ta sẽ định đoạt bởi các sức đẩy trên. Một là khát vọng của người dân ở các vùng khá giả trong miền Nam, người đủ ăn đủ mặc sẽ đòi thêm tự do. Hai là nỗi bất mãn của người dân vùng đói kém, muốn tiến lên bằng miền Nam. Bên cạnh hai sức đẩy đó, trong nội bộ đảng Cộng Sản có sự tranh chấp giữa các đảng viên thủ cựu sống trên quyền lực của đảng, với các đảng viên giác ngộ và có lương tâm, danh dự, mâu thuẫn đó càng ngày càng gia tăng. Các thay đổi về kinh tế sẽ giúp nhiều đảng viên khôn ngoan biết lợi dụng thời cơ làm giàu ở bên ngoài hệ thống đảng. Những người này sẵn sàng bỏ đảng để bảo vệ của cải họ mới tạo ra vì họ biết có ngày đảng sẽ tan rã như ở Liên Xô. Những đảng viên tiến bộ càng bất mãn thêm trước cảnh các đảng viên chụp giựt làm giàu, họ sẽ bỏ đảng vì lương tâm và danh dự của họ. Còn lại với đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ là những đảng viên không đủ can đảm để tự rút ra khỏi đảng, và không đủ khả năng để kiếm ăn ở bên ngoài hệ thống đảng. Họ sẽ tận dụng thời gian còn sử dụng được, hệ thống đảng để tham nhũng, bóc lột gấp hơn. Một số khác không thể tham nhũng, bóc lột, sẽ trở thành thờ ơ, lãnh đạm.

Trước tình trạng dân sôi sục đòi hỏi và đảng viên tan rã dần, các lãnh tụ ở Hà Nội sẽ tiếp tục chống đỡ. Các biện pháp chống đỡ của họ sẽ chỉ làm cho họ yếu hơn. Họ sẽ dùng khẩu hiệu để trấn an dân và đảng viên. Các khẩu hiệu như "định hướng xã hội chủ nghĩa", "chính cương Nguyễn Ái Quốc" v.v... sẽ làm cho dân càng khinh thường; ai cũng biết tất cả đều trống rỗng. Việc thần phục và cầu viện Trung Cộng, chỉ khiến cho các phe chống đối thành hình rõ rệt hơn. Họ hé mở các cánh cửa thì các lực lượng tiến bộ sẽ thúc đẩy cho cửa mở rộng thêm, cả lãnh vực kinh tế lẫn chính trị.

Chúng ta tin rằng người Việt Nam sẽ tự giải quyết cơn ác mộng cộng sản trong một ngày gần đây. (vk)

VƯƠNG HỮU BỘT

TRONG NHỮNG NGÕ CỤT CỦA MỘT CHỦ NGHĨA ĐÃ BỊ PHÁ SẢN

TRẦN THANH HIỆP

Tháng Bẩy, 1991, một thiểu số những người cộng sản Việt Nam -- đúng hơn, những người cộng sản bảo thủ -- còn cố bám lấy chính quyền bằng mọi giá, đã đưa ra bàn cãi công khai việc "sửa đổi Hiến Pháp."

Võ Chí Công, chủ tịch đương nhiệm Hội đồng Nhà nước đồng thời cũng là chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, đã đọc trước quốc hội cộng sản "Tờ trình Quốc hội về bản Dự thảo II sửa đổi Hiến Pháp năm 1980."

Về giá trị pháp lý cũng như chính trị của hiến pháp ấy, trước khi Đại Hội VII nhóm họp, những người cộng sản bảo thủ đã biết quá rõ là dư luận trong cũng như ngoài nước dứt khoát đòi hỏi phải "bãi bỏ" chớ không chỉ "sửa đổi" để chắp vá và sơn phết lại Hiến pháp năm 1980.

Nhưng ngựa quen đường cũ, mấy ông học trò ngoan còn sót lại của Stalin vẫn cứ một mực quanh quẩn trong những ngõ cụt của một chủ nghĩa đã phá sản, những ngõ cụt chuyên chính, độc đảng, giáo điều, gian dối, bạo lực, v.v...

Nhận định về tờ trình của Võ Chí Công không phải vì còn có một hồ nghi nào về việc "bãi bỏ" mà tại vì muốn bàn cho hết lẽ, thử xem những người cộng sản bảo thủ còn đi xa tới đâu trên con đường sai lầm, con đường tội ác của họ.

Bàn về hiến pháp là bàn về luật pháp trong mối liên hệ của nó với chính trị. Võ Chí Công có phải là một nhà luật không, hay chỉ là một người cộng sản đã xây dựng sự nghiệp của mình bằng những việc làm trên nguyên tắc chỉ có thể là trái luật: ám sát, công an, như đương kim thủ tướng Võ Văn Kiệt? Ta không hiểu vì lý do nào đảng đã đưa ông lên ghế chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Nói cho ngay, Tôn Đức Thắng mà làm được chủ tịch Hội đồng Nhà nước thì ai cũng làm được! Trong suốt gần nửa thế kỷ cộng sản cầm quyền tại Việt Nam đã có biết bao nhiêu ông thợ hồ, thợ dệt, thợ in, thợ máy, thợ may, thợ mộc v.v... đè cổ dân chúng ra để làm tướng, làm quan cách mạng. Đương nhiên khỏi mất thì giờ bàn về kiến thức luật học của người đọc tờ trình. Nhưng cũng phải đặt nghi vấn về đạo đức, tâm địa? Có thể chờ đợi để nghe ở những người có quá khứ đầy thành tích phi pháp, tiếng nói đích thực của lương tâm pháp lý, nhất là lương tâm pháp lý dân chủ -- dù là dân chủ xã hội chủ nghĩa -- được không?

Sự thật, đọc tờ trình về sửa đổi hiến pháp, Võ Chí Công chỉ là một máy vi âm truyền đi chủ trương của nhóm cộng sản bảo thủ trong đó có những nhà luật "hộ pháp" được chỉ thị soạn thảo theo đúng lô-gích đường lối cơ bản của đảng nhằm những mục tiêu không dời đổi mà đảng hằng theo đuổi từ nhiều thập niên qua. Các mục tiêu này là những gì? Muốn tìm được những câu trả lời xác đáng, không nên chỉ căn cứ vào tờ trình tóm lược các sửa đổi hoặc bản dự thảo II với đầy đủ các đề nghị sửa đổi hoặc ngay cả bản Hiến pháp 1980, mà phải đi ngược lên tới Đại hội IV (1976) là một Đại hội trong đó đảng cộng sản Việt Nam đã phơi bầy đầy đủ bộ mặt thực của mình, đã bộc lộ được hết ý đồ chiến lược của một đảng cách mạng sau gần 50 năm tranh đấu vừa bí mật vừa công khai nhưng không lộ diện. Có thể nói Đại hội IV đánh dấu bước khởi đầu thật sự của một đảng Cộng sản trong một thế đứng lịch sử hội đủ tất cả mọi điều kiện thuận lợi để thành công. Chính bởi vì ý thức được điều đó cho nên đảng Cộng Sản Việt Nam mới không thấy cần thiết phải che dấu bộ mặt thực của nó. Nghị quyết của Đại hội IV quyết định đảng *"chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước độc lập thống nhất và làm nhiệm vụ chiến*

lược duy nhất là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội". Và để đưa cuộc cách mạng ấy đến thành công "*điều kiện trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.*" Người cầm đầu đảng thời đó, Lê Duẩn, xác định rõ thêm: "*Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông, thực hiện bằng Nhà Nước, dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong của giai cấp công nhân, đó là chuyên chính vô sản. Nhà nước ta vì vậy là nhà nước chuyên chính vô sản.*" Tham luận trước Đại hội IV, Trường Chinh, chủ tịch ủy ban thường trực Quốc hội, bổ túc: "*Quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động là một bộ phận khẳng khít của chế độ chuyên chính vô sản nước ta.*"

Khởi đi từ ý định rõ rệt là thiết lập, bằng áp đặt, trên cả nước một nền chuyên chính vô sản do chính nó lãnh đạo, đảng CSVN ở phần cuối thập niên 70 còn lấy một sáng kiến mới thứ hai nữa là xây dựng một "pháp chế xã hội chủ nghĩa" để cai trị bằng luật. Do đó có nhu cầu bãi bỏ hiến pháp bánh vẽ 1959 và chuẩn bị cho ra đời một văn kiện thể chế hóa địa vị lãnh đạo độc tôn, những quyền lực tối thượng của đảng Cộng sản bằng một đạo luật có hiệu lực cao nhất: Hiến pháp. Và để lũng đoạn toàn bộ sinh hoạt quốc gia, đảng sửa đổi Điều lệ Đảng, giành một chương (Chương VII) quy định việc bố trí đảng viên xâm nhập để lãnh đạo nhà nước và các tổ chức quần chúng bằng các "đảng đoàn", các "ban cán sự".

Hiến pháp 1980 là con đẻ của Đại hội IV nhằm mục đích dùng nhà nước làm công cụ thông qua đó đảng toàn quyền lãnh đạo cả nước một cách vô hạn định! Tuy bao gồm 12 chương, 147 điều, trù liệu đầy đủ các cơ cấu, chức vụ từ trung ương đến địa phương, mọi quyền cơ bản của công dân, bản Hiến pháp này chỉ là sự thể hiện đủ mặt công thức "*đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý*". Cách trình bầy có vẻ kỳ cục, lòng thòng của công thức này nhằm che dấu nội dung đích thực rất rõ rệt của nó là "*Đảng lãnh đạo.*"

Có lẽ những người cộng sản Việt Nam không thể ngờ được rằng ngày đảng của họ lên đến đỉnh cao nhất của vinh quang, đỉnh cao đánh dấu bằng Đại hội IV, lại là ngày mà họ bắt đầu tự đào huyệt chôn mình bằng cái nhìn rất cận thị của họ về lịch sử đưa tới nhiều sai lầm nghiêm trọng và chí tử như hành động đàn áp đối lập, gây hấn với láng giềng, rời bỏ vị trí trung lập giữa Nga và Trung Quốc để tự đặt mình vào quỹ đạo của Nga v.v... Khoảng thời gian không đầy mười năm từ cuộc "đại thắng mùa xuân" cho đến ngày Gorbachev đề xướng cải tổ cơ cấu chỉ vừa đủ để các đảng viên cộng sản Việt Nam tự chia chác chiến lợi phẩm thu được ở miền Nam và Campuchia trong khi cả nước ngày càng lún sâu trong đồng lầy của nghèo túng và lạc hậu.

Nhưng gió đã lên. Gió của tự do, của phồn vinh, của tiến bộ đã thổi tới khiến những người CSVN phải bừng tỉnh. Phải "đổi mới để sống còn" hay nói cách khác, "không đổi mới được thì sẽ chết". Đó là nghị quyết không thành văn của Đại hội VI. Trong thực tế, đảng CSVN đang chết, nếu không muốn nói là đã chết, vì không còn khả năng tự đổi mới. Không lột xác được như các đảng Cộng sản Đông Âu, đảng CSVN băng hoại theo tiến trình các bộ phận, ở trung ương, ở ngoại vi tiếp nối nhau tự tan rã từng mảng. Cho đến khi nó triệu tập được Đại hội VII thì nó chỉ còn sống thoi thóp qua một thiểu số "bảo thủ". Đại hội VII là đại hội của thiểu số "bảo thủ" đã bị đại đa số các đảng viên còn lại chối bỏ, minh nhiên hay mặc nhiên.

Việc sửa đổi hiến pháp do Võ Chí Công đề xuất không khác gì biện pháp hô hấp nhân tạo những người cộng sản bảo thủ phải dùng để duy trì sự sống một cách cưỡng ép trên một cơ thể đã xơ cứng về tinh thần, đã tê liệt về thể xác, nói tóm lại đã hết sức sống.

Tờ trình Võ Chí Công (hãy cứ tạm coi Võ Chí Công là tác giả, cho tiện) đã nói những gì, đã đề nghị sửa đổi những gì đáng gọi là "*đổi mới*" so với hiến pháp năm 1980? Và những đề nghị sửa đổi này, giả dụ được chấp thuận toàn bộ, sẽ đưa sinh hoạt chính trị của đất nước tới đâu?

Theo Võ Chí Công, đây là đợt sửa đổi thứ ba, được tiến hành sau 11 lần họp toàn thể của ủy ban sửa đổi hiến pháp với những đóng góp của cán bộ và nhân dân, qua những cuộc đi nghiên cứu, khảo sát ở địa phương, những cuộc hội thảo khoa học và những cuộc tham khảo kinh nghiệm nước ngoài. Kết quả đạt được là bản Dự thảo II với 104 trong số 147 điều đã sửa đổi.

Về nội dung, tờ trình Võ Chí Công chỉ là một văn kiện trích dẫn gần như nguyên văn một số ý kiến của bản báo cáo chính trị tại Đại hội VII. Cũng như bản báo cáo ấy, tờ trình đã nói "ít" hơn những điều từ trước đến nay người ta thường nghe cộng sản nói. Nó đã bỏ đi không nói tới một số danh từ, cụm từ, tính từ... Đại hội IV đã đề ra. Người ta không hề thấy xuất hiện lần nào trên tờ này cụm từ "chuyên chính vô sản" mặc dù đó là lẽ sống của đảng bôn-sê-vích Việt Nam! Cũng vậy, tờ trình Võ Chí Công đã cho biết bản dự thảo ghi đảng CSVN như là "lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội". Như vậy là tính từ "duy nhất" đã biến mất. Sau hết, chủ trương "*tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội*" nay đã được đổi thành "*vững bước tiến lên theo đinh*

hướng xã hội chủ nghĩa."

Chớ vội hớn hở mà cho rằng như vậy những người Cộng sản bảo thủ Việt Nam đã từ bỏ "chuyên chính vô sản", đã chấp nhận đa nguyên, đa đảng để mở đường cho dân chủ tự do và đã từ bỏ chủ nghĩa xã hội. Cũng đừng coi đó là một bước lùi chiến thuật để lùi một, tiến hai, dù trong thâm tâm họ rất muốn như vậy. Họ bắt buộc phải nói bớt đi vì thực tế đã dậy cho họ nhiều bài học về khiêm tốn, đã lôi họ ra khỏi cơn say chiến thắng, độc tài, giáo điều, cuồng tín, không cho họ chạy trốn về đằng trước. Và trong cơn bối rối để tự cứu, họ không còn cách nào khác hơn là phải bám chặt lấy những gì còn có thể bám được, những gì dưới mắt họ không đưa họ vào phiêu lưu họ không lường trước được. Không ai ngạc nhiên nếu phao cứu mệnh của bảo thủ cộng sản là tư tưởng Mác Lênin, đảng lãnh đạo, chủ nghĩa xã hội v.v...

Nhưng đồng thời tờ trình Võ Chí Công lại nói "nhiều" hơn những điều cộng sản đã nói. Quả vậy, nó bắt đầu khai thác cụm từ mới trong ngôn ngữ cộng sản, cụm từ "tư tưởng Hồ Chí Minh". Nó còn khẳng định rõ hơn trước là "*quyền lực nhà nước là tập trung thống nhất, không phân chia các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp theo thuyết "tam quyền phân lập" mà thực hiện sự phân công, phân nhiệm rành mạch...*" Nó loan báo rằng "*các quyền và nghĩa vụ của công dân đã được thể chế hóa rõ hơn và đầy đủ hơn*" nhưng cũng lập lại rằng "*đi đôi với mở rộng dân chủ phải tăng cường kỷ cương, kỷ luật, tránh tình trạng lợi dụng các quyền tự do dân chủ gây mất ổn định chính trị là thiệt hại đến lợi ích chung của tổ quốc và của nhân dân.*" Nó đặc biệt gây sự chú ý của ngoại quốc bằng sự bảo đảm rằng "*xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không bị quốc hữu hóa*".

Về tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, tờ trình Võ Chí Công tiết lộ rằng dự thảo "*tiếp tục nêu cao vị trí của quốc hội, tạo điều kiện đầy đủ để quốc hội hoạt động cho có hiệu quả, kiên quyết khắc phục tính hình thức*" (bằng chế độ làm việc chuyên trách, gia tăng các kỳ họp hàng năm, thời gian họp, tư liệu, phương tiện làm việc, v.v...), "*tiêu chuẩn đại biểu quốc hội phải nâng lên cả về phẩm chất cả về năng lực*".

Để kết thúc, tờ trình Võ Chí Công đi vào sửa đổi cụ thể và công bố hai "phương án" để tùy quốc hội chọn, hoặc "có chủ tịch quốc hội, chủ tịch nước, bỏ hội đồng nhà nước, không có ủy ban thường vụ quốc hội" hoặc có "đoàn chủ tịch, chủ tịch đoàn, chủ tịch quốc hội đồng thời là nguyên thủ quốc gia" và mấy sáng kiến mới về "chính phủ", bỏ "hội đồng bộ trưởng" để lập chính phủ theo "chế độ Thủ tướng [...] có quyền quyết định cuối cùng" chịu trách nhiệm trước quốc hội vì chính phủ là cơ quan chấp hành của quốc hội và do quốc hội quyết định về tổ chức cũng như về nhiệm vụ; không phân chia thành quyền lực nhà nước trung ương và nhà nước địa phương (nghĩa là địa phương phải phục tùng trung ương); ủy ban nhân dân sẽ đổi tên thành ủy ban hành chính, bỏ cấp phường ở các thành phố lớn...

Tuy đề cập tới một loạt các sửa đổi rất quan trọng, rất sâu rộng, rải rác trong 104 điều của bản Hiến pháp hiện hành để "*tạo cơ sở pháp lý đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện,*" tờ trình Võ Chí Công lại im lặng không chịu nói gì về nhiều điểm mà dư luận người Việt cũng như dư luận quốc tế chờ đợi để biết rõ.

Thứ nhất, không nhắc tới cụm từ "chuyên chính vô sản", đề xuất những cơ cấu tổ chức chính quyền bình thường (phương án I), những người cộng sản bảo thủ Việt Nam có hay không mưu ngầm việc duy trì một nền chuyên chính vô sản thực tế, không có danh xưng, một thủ đoạn để củng cố chuyên chính vô sản trước đe dọa bị tiêu vong? Nếu không có mưu ngầm đó, tại sao không khẳng định rằng nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không còn là một nhà nước chuyên chính vô sản nữa? Không nói rõ thì vẫn còn những nghi ngờ.

Thứ hai, khi không còn nói rằng đảng của mình là một lực lượng "duy nhất" lãnh đạo nhà nước và xã hội, những người cộng sản bảo thủ Việt Nam có

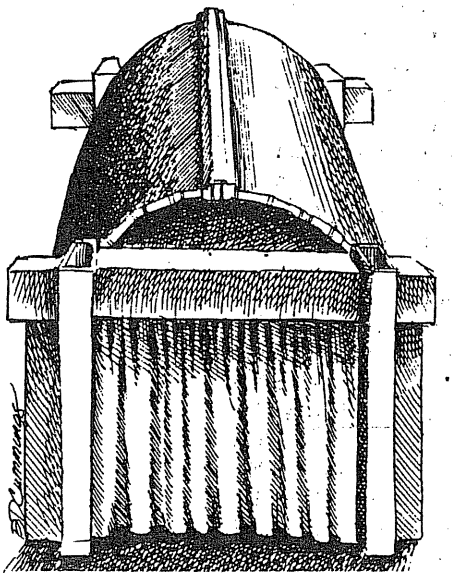

chấp nhận các đảng khác "lãnh đạo" như đảng cộng sản hay không?

Thứ ba, tờ trình của Võ Chí Công vẫn lập lại điều khẳng định cho đến nay thường được nhắc đi nhắc lại nhiều lần theo đó vai trò và trách nhiệm lãnh đạo đất nước là do "lịch sử giao phó" cho đảng CSVN và đã được "nhân dân thừa nhận". Đó là dựa vào những cơ sở lý thuyết đã lỗi thời như bản tuyên ngôn của đảng Cộng sản, quan điểm cách mạng của Lênin mà khẳng định. Những biến chuyển ở Đông Âu, ở Liên Xô đã thực tế bác bỏ khẳng định này. Tại sao những người cộng sản bảo thủ Việt Nam vẫn cứ cố chấp?

Thứ tư, đảng không còn lãnh đạo một mình nhà nước và xã hội như trước nữa, vậy sau sửa đổi hiến pháp, đảng sẽ lãnh đạo như thế nào? Liệu đảng còn tiếp tục "quyết định đường lối, chính sách, phương hướng của nhà nước", tiếp tục dùng "đảng đoàn, ban cán sự" để lũng đoạn nhà nước, dùng các tổ chức quần chúng để kiểm tra bao vây hầu thao túng nhà nước như Đại hội IV đã quyết định hay không?

Thứ năm, nếu chính toàn đảng, chứ không phải cá nhân đảng viên vi phạm luật pháp thì áp dụng luật nào để trừng trị đảng? Ý hệ ở trên luật pháp hay luật pháp ở trên ý hệ?

Những câu hỏi như vậy còn nhiều, hài ra không hết được. Tuy nhiên sẽ chẳng bao giờ có được những câu trả lời đầy đủ, đứng đắn về phía những người cộng sản bảo thủ. Hỏi là một cách tự trả lời trước vậy.

Ta có thể kết luận mà không sợ bị chê là võ đoán rằng những sửa đổi được Võ Chí Công tường trình không phải là những "đổi mới" đáp ứng đòi hỏi của tình thế và đi kịp trào lưu tiến hóa. Hiến pháp sửa đổi năm 1991, con đẻ của Đại hội VII, là đứa cháu đích tôn của Đại hội IV, cha đẻ của Hiến pháp năm 1980. Nó là một chứng tích -- cũng sẽ là một tội chứng chăng -- cho thấy những người cộng sản bảo thủ Việt Nam vẫn theo đuổi những ý đồ mà đại đa số các đồng chí tiến bộ của họ đã lên án. Đó là ý đồ dùng bạo lực để thực hiện cuộc cách mạng bôn-sê-vích lê-nin-nít sta-lin-nít. Đợt sửa đổi hiến pháp 1991 là một bằng chứng mới vạch trần âm mưu của phe bảo thủ là tăng thêm mức độ tập quyền để một thiểu số, dưới danh nghĩa đảng, có thể nắm trọn, nắm chắc quyền lực cả nước thông qua những công cụ bù nhìn cũ đã được chỉnh hình như "*quốc hội chuyển sang hoạt động thường xuyên*", "*chính phủ theo chế độ thủ tướng*". Họ cố ý không có phân quyền vì sợ rằng phân quyền là phải quy định rõ rệt vị trí, quyền hạn của đảng, không còn bầy được trò chính quyền cặp đôi "Đảng - Nhà nước" như hình với bóng, hình (Đảng) ẩn nấp trong bóng (Nhà nước) cho bóng chạy như đèn kéo quân.

Những người bảo thủ tưởng rằng ngả ra thêm một quân bài mới nữa, quân bài "tư tưởng Hồ Chí Minh", họ sẽ kiếm thêm một chỗ dựa tinh thần chống giữ cột trụ Mác Lênin đã xiêu vẹo đang trên đà sụp đổ. Thật là chết đuối vớ phải bọt. Không có "tư tưởng Hồ Chí Minh" mà chỉ có "thủ đoạn Hồ Chí Minh". Những thủ đoạn đã đưa đất nước vào cảnh quốc phá gia vong ngày nay, những thủ đoạn chỉ còn đáng chôn dấu trong một xác ướp sắp phải chịu sự phán quyết của thời gian.

Tờ trình Võ Chí Công đã không hề giúp cho đảng CSVN lấy lại được lòng tin mà nó đã mất đối với quốc dân cũng như đối với các đảng viên. Nó chỉ phô bầy bộ mặt thảm hại của những người bảo thủ đang loay hoay bám víu lấy một chủ nghĩa đang hấp hối vì những sai lầm trong bản thân nó, vì vô vàn tội ác nó đã gây cho loài người hơn hai phần ba thế kỷ nay.

Nếu bản dự thảo Võ Chí Công được chấp thuận, nếu những bài học Đông Âu, Liên Xô chỉ đưa tới những cải cách ngoại vi của đời sống chính trị Việt Nam như bản dự thảo ấy đã đề xuất thì quả thật tình trạng thảm hại của những người cộng sản bảo thủ đã trở thành một thảm kịch cho hơn 60 triệu đồng bào trong nước. Chẳng những vậy, thiểu số bảo thủ cộng sản còn nuôi dưỡng một thiểu số "bảo thủ chống cộng". Như vậy tiềm lực phục hưng của dân tộc gồm có chống cộng không bảo thủ lẫn cộng sản tiến bộ bị một phần ung thối. Không chữa lành được bệnh nội thương này thì "chống cộng" có cơ trở thành một phó sản của cộng sản, bị bảo thủ cộng sản cầm giữ để múa đôi với bảo thủ cộng sản. Sẽ chỉ có thể có đổi mới chính trị thực sự ở Việt Nam nếu những lực lượng tiến bộ vượt được lên trên sự cầm giữ của bảo thủ cộng sản và bảo thủ chống cộng sản.

Cuộc chỉnh lý bất thành ngày 19 tháng Tám, 1991 tại Mạc Tư Khoa cho thấy là những người cộng sản bảo thủ đã lâm vào bước đường cùng. Một mặt vì chủ nghĩa Mác Lênin đã xơ cứng, không còn khả năng sáng tạo để người cộng sản ứng phó với tình thế. Mặt khác những người cộng sản bảo thủ không có được sức mạnh của lịch sử, nhất là trí năng của thời đại, để tái chiếm địa vị lãnh đạo, nhận lãnh trách nhiệm trước lịch sử. Rất tiếc là họ không sớm ý thức được điều đó và đã cần phải có sự can thiệp của những yếu tố ngoại sinh như "quần chúng", "quốc tế", "tự do", họ mới tỉnh ngộ.

Làm ngơ trước đòi hỏi chính đáng bãi bỏ hiến pháp 1980 để soạn thảo một hiến pháp mới, phải chăng những người cộng sản bảo thủ Việt Nam muốn cưỡng lại đến cùng lô-gích của lịch sử, của thời đại, và chờ đợi một biến chuyển quyết định để bị đào thải?

TRẦN THANH HIỆP

VIỆT NAM VÀ SỰ ỔN ĐỊNH CỦA VÙNG ĐÔNG NAM Á

NGUYỄN HỮU CHUNG

LTS -- Bài báo này được đăng trong tập san "Vietnam Commentary" xuất bản ở Singapore, số tháng Chín. "Vietnam Commentary" là tập san chuyên nghiên cứu các vấn đề Việt Nam mà độc giả là những lớp trí thức lãnh đạo ở các nước Á Châu.

Mặc dầu những cố gắng của các lãnh tụ ở Hà Nội từ mấy năm qua nhằm tạo cho Việt Nam một bộ mặt ổn định để thu hút đầu tư ngoại quốc, trong thực chất Việt Nam là một nước bất ổn nhất trong vùng tây Thái Bình Dương. Điều này có lẽ các nhà ngoại giao có nhiệm sở ở Việt Nam hay những nhà báo quốc tế đã có thể nhìn thấy. Người ta có thể nhìn thấy sự bất ổn của Việt Nam trên hai bình diện: bình diện quốc nội và bình diện quốc tế; nói khác đi là Việt Nam đang là một xứ đầy bất ổn và Việt Nam cũng là một yếu tố bất ổn cho vùng Đông Nam Á.

Việt Nam là một quốc gia bất ổn:

Các lãnh tụ Hà Nội thường khoe rằng Việt Nam rất ổn định vì không có một đảng chính trị nào ngoài đảng Cộng Sản và từ nhiều năm qua không hề có biểu tình chống đối ở Việt Nam. Thực tế đúng như vậy. Nhưng thực tế cũng cho thấy rằng có hàng trăm ngàn người đang ngồi trong tù vì riêng tội phạm chánh trị hay tội phạm kinh tế. Có hơn một triệu quân lính, hơn một triệu cán bộ chánh trị và hơn ba trăm ngàn công an ngày đêm kiểm soát dân chúng để có được sự yên ổn. Một xã hội dựa vào một bộ máy khổng lồ của quân đội, công an và những cán bộ chánh trị để có được sự ổn định thì chẳng khác chi một cơ thể bảo là khỏe mạnh nhưng hàng ngày phải sang máu và uống thuốc trụ sinh. Sự bất ổn ở Việt Nam rất trầm trọng và đã gây nên bởi những yếu tố chủ quan lẫn những yếu tố khách quan.

Những yếu tố chủ quan của sự bất ổn ở Việt Nam là sự phá sản của nền kinh tế quốc gia và của chế độ chánh trị. Ai cũng biết rằng Việt Nam là một trong vài ba nước nghèo nhất thế giới. Ngoài sự nghèo đói, tình trạng hỗn loạn kinh tế hôm nay là yếu tố bất ổn cho từng cá nhân, từng gia đình, từng đơn vị sản xuất và cho cả quốc gia. Đó không những là sự phá sản kinh tế, mà là trầm trọng hơn, sự phá sản niềm tin, phá sản đạo đức xã hội. Dân chúng Việt Nam bây giờ nghĩ ngược lại những gì chánh quyền nói. Chánh quyền không còn khả năng kêu gọi dân chúng ủng hộ một kế hoạch kinh tế hay xã hội nào nữa. Dân chúng chỉ theo chánh sách kinh tế sống còn. Điều kiện tâm lý của xã hội Việt Nam ngày hôm nay là những điều kiện mà Lênin đã mô tả như đã chín mùi cho cách mạng, chỉ cần châm ngòi thì sẽ bùng nổ. Đó là về phía dân chúng.

Về phía chánh quyền, từ năm 1975 cho đến nay, chánh quyền CSVN đã hoàn toàn thất bại trong mọi kế hoạch nhằm biến xã hội Việt Nam thành một xã hội Cộng Sản. Chánh quyền Cộng Sản chưa có một cơ hội nào chứng tỏ là họ có khả năng cai trị nước Việt Nam. Nguyên nhân chánh của sự thất bại của Đảng CSVN là sự ngu dốt của những đảng viên Cộng Sản từ trung ương tới địa phương. 95% các ủy viên trong bộ chánh trị và trong trung ương đảng không có học đại học. 80% những người này chưa học hết trung học. Hơn một triệu đảng viên trong số một triệu bảy trăm ngàn người chỉ ở trình độ tiểu học. Không cần phải chỉ trích chánh sách kinh tế sai lạc Macxit, cũng không phải đổ lỗi cho phương pháp quản trị bịnh hoạn của XHCN, những cán bộ CSVN có khả năng hiểu biết và thi hành đúng hai đường lối hay chánh sách nào cả. Chánh sách trả thù của các lãnh tụ Hà Nội sau khi họ chiếm được miền Nam năm 1975 đã khiến một triệu người miền Nam bỏ nước ra đi. Những người này là bác sĩ, kỹ sư, quản trị viên, chuyên viên, được đào tạo theo tiêu chuẩn tây phương,

và vì vậy, đã bị Hà Nội loại ra khỏi guồng máy sản xuất. Tuy vậy, Việt Nam không phải là không còn người tài giỏi. Một số ít đảng viên Cộng Sản có học đã bị gạt ra một bên vì không đồng ý với những đường lối ngu muội. Ở mỗi đơn vị trong mọi ngành đều có một ủy viên chánh trị (vốn là một đảng viên Cộng Sản), và các chuyên gia -- ngay cả các giáo sư đại học -- đều phải cúi đầu nghe lịnh những người chỉ huy ngu dốt này.

Ngoài ra, các đảng viên CSVN còn tham nhũng và ăn cắp của công tới độ làm cho bộ máy cai trị hoàn toàn mục nát. Bất cứ ai có dịp tới Việt Nam đều nhìn thấy hiện tượng này trong ngày đầu.

Trong sự tê liệt của toàn xứ, Hà Nội bảo là có ổn định.

Nếu những yếu tố chủ quan nêu trên chưa đủ để làm sụp đổ chánh quyền CSVN thì yếu tố khách quan là một nhát búa đã đánh vào đỉnh đầu của họ. Yếu tố khách quan là sự sụp đổ của thế giới Cộng Sản và nhất là việc họ bị Liên bang Sô viết (LBSV) cúp viện trợ. Mất những nguồn viện trợ kinh tế, mất luôn chỗ dựa tinh thần, đảng CSVN không còn đứng vững trên hai chân.

Kết quả đại hội 7 của đảng CSVN trong tháng Sáu vừa qua cho thấy đảng này đang sống trong tình trạng hỗn loạn tâm thần. Đảng tiếp tục chủ trương một chế độ độc tài, độc đảng, một đường lối cứng rắn, nhưng những lãnh tụ cứng rắn đã bị loại và được thay bằng những người không có sắc thái đặc biệt và không có bản lãnh. Lý do được hiểu là những người "mềm dẻo" này được đưa ra để có nhiệm vụ đổi mới kinh tế. Đây quả là một bi hài kịch. Sự thật đã chứng tỏ rằng việc áp dụng một nền kinh tế thị trường trong một chế độ Cộng Sản là con đường đưa tới bế tắc và bất ổn nếu không nói là một việc bất khả thi. Nếu có thể thi hành được một thời gian thì nó sẽ dẫn tới một trong hai hậu quả: hoặc một Thiên An Môn, hoặc một tình trạng như bên LBSV.

Tổng thống LBSV Gorbachev là một người tài giỏi mà Việt Nam không có. Tuy vậy, ở LBSV, sự đắc cử Tổng Thống của Yeltsin qua phổ thông đầu phiếu đã đặt xứ này trên con đường dân chủ bất phản hồi. Chức vụ Tổng thống LBSV rồi cũng sẽ được dân bầu trực tiếp. Chế độ độc đảng coi như đã cáo chung.

Nói Thiên An Môn, nhưng ở Việt Nam những sự việc sẽ trầm trọng hơn bên Trung Quốc. Ở Trung Quốc, 90% dân chúng sống xa thành thị và không quan tâm tới các vấn đề chánh trị. Ở Việt Nam, dân chúng sống gần các đô thị hơn, có nhiều ý thức chánh trị hơn và được biết tin tức nhiều hơn dân chúng Trung quốc. Ở Việt Nam, việc dân chúng chống Cộng Sản và hận thù chánh quyền là một việc hiển nhiên và phổ biến. Sở dĩ ở Việt Nam chưa có nổi loạn vì dân chúng ở cả hai miền Nam và Bắc vừa mới thoát ra khỏi cuộc chiến tranh, còn có thói quen nhẫn nhục trong chiến tranh và chịu đựng gian khổ. Mười sáu năm qua là 16 năm dân chúng lần lần lấy lại sự tự tin, lần lần ý thức quyền lợi của mình và những trách nhiệm của chánh quyền. Vì vậy đã có những phong trào phản kháng trong các giới văn nghệ sĩ và giới trí thức, và ngay cả trong các đảng viên của đảng Cộng sản. Nếu so sánh Bắc Hàn và Trung Quốc với Việt Nam, cùng là Cộng Sản Á Châu, thì Việt Nam là nơi có những phong trào phản kháng sớm sủa nhất, kể từ khi chiến tranh chấm dứt. Ba năm đổi mới một cách khiêm nhường từ 1986 tới 1989 đã đem lại cho chánh quyền CSVN những kết quả khốc hại khiến họ đã phải trở lại chánh sách kềm kẹp. Giai đoạn sắp tới ở Việt Nam sẽ là một giai đoạn bất ổn lớn.

Việt Nam là mối bất ổn trong vùng

Một quốc gia bất ổn, tự nó là mối bất ổn cho các nước láng giềng, không cần biết chế độ chánh trị của nó thuộc loại nào. Lý do là vì quốc gia đó có thể hành động bậy bạ và làm mất trật tự bình thường đang có trong vùng.

Các lãnh tụ Cộng Sản ở Hà

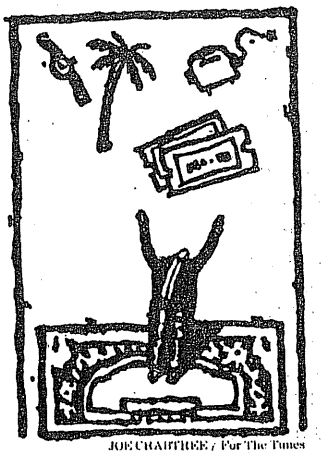

JOE CHAIRTREE / For The Times

Một quốc gia bất ổn, tự nó là mối bất ổn cho các nước láng giềng, không cần biết chế độ chánh trị của nó thuộc loại nào...

NGUYỄN HỮU CHUNG

Nội đang tỏ vẻ dễ thương và muốn hợp tác với tất cả các nước Á Châu để mong có đầu tư, có viện trợ để cứu vãn nền kinh tế của họ. Nhưng đây chỉ là một màn kịch mà có lẽ tất cả các lãnh tụ các nước Á Châu ai cũng thấy. Bản chất của những người Macxit không phải là hợp tác hữu nghị với các chế độ tư bản, trừ trường hợp họ đổi mới tư tưởng một cách rõ rệt như người Nga. Bản chất của các lãnh tụ CSVN tệ hại hơn tất cả các lãnh tụ Cộng Sản trên thế giới. Vừa tự tôn, vừa tự ti, luôn luôn nuốt lời hứa, không hiểu biết gì về thế giới, họ có những hành động bất thuần lý mà những người ở xã hội dân chủ Tây phương không thể giải thích nổi. Ngày nào những người Cộng Sản còn nắm quyền ở Việt Nam thì không thể có ổn định ở Đông Nam Á, dù Việt Nam là một nước nghèo đói hay có một nền kinh tế hùng mạnh.

Ngoài ra, một trong những mối nguy lớn của Đông Nam Á là việc Việt Nam có thể ngã theo Trung Quốc (TQ). Hầu hết các nước ở ĐNÁ đều có đông người Trung Hoa (TH) cư ngụ. Nếu người TH không chiếm một tỷ lệ dân số cao trong một xứ, họ cũng chiếm một tỷ lệ rất cao trong việc kiểm soát nền kinh tế xứ này và ảnh hưởng nặng nề lên chánh quyền. Người ta bảo rằng hầu hết những người TH ở các nước ĐNÁ đều chống Cộng Sản và không hướng về TQ như hướng về tổ quốc của họ. Điều này đúng, nhưng nó không có nghĩa rằng những cộng đồng TH này sẽ không bao giờ bị TQ ảnh hưởng, lung lạc và chế ngự. Người ta cũng nói rằng ưu tiên của TQ bây giờ là canh tân và phát triển xứ sở của họ chứ không phải tìm cách khống chế vùng Á châu để thủ lợi. Điều này cũng đúng, nhưng có dấu hiệu rõ rệt cho thấy sự canh tân và phát triển của TQ sắp bị ngưng trệ vì hệ thống chánh trị và cơ cấu xã hội của họ. Hơn nữa, khi mà Liên Xô đã từ bỏ chế độ Cộng Sản và không còn là một đe dọa cho Tây phương thì Tây phương không còn cần TQ như một đối trọng với Liên Xô, TQ sẽ không còn hy vọng được sự trợ giúp kỹ thuật dồi dào của Tây phương, như họ đã có thể hy vọng cách đây ba năm. Trừ trường hợp Nhật Bản, vì quyền lợi riêng của mình, muốn mua sự ổn định ở Á Châu, có thể phải trả cho TQ một giá nào đó. Khi mà sự canh tân và phát triển trong xứ bị tắc nghẽn, những người lãnh tụ CSTQ sẽ tìm thêm quyền lợi ở ngoài nước, đồng thời kích thích tâm lý người dân. Bằng nhiều phương tiện khác nhau, TQ có thể gây bất ổn các xứ ở ĐNÁ để đạt kết quả là tạo dựng những chánh quyền thân TQ. Khi thấy TQ giúp giải quyết vấn đề Cam Bốt, nhiều người đã vội kết luận rằng TQ đã thỏa mãn với hiện trạng và sẽ không còn gây rắc rối trong vùng. Tôi không biết rõ những cuộc thương thảo sau hậu trường, nhưng tôi nghĩ, đối với TQ, Cam Bốt là một vấn đề nhỏ, muốn đóng, muốn mở lúc nào cũng được. Vấn đề quan trọng hơn là Việt Nam. Trong thập niên tới, chánh sách của TQ ở ĐNÁ tùy thuộc vào việc họ có được giúp đỡ dồi dào để canh tân và phát triển hay không và vào bang giao của họ và Việt Nam.

Việt Nam hiện tại là trở ngại lớn nhất trên con đường xuống ĐNÁ của TQ. Nếu Việt Nam ngả theo TQ thì cả Đông Dương cũng sẽ vào tay TQ và người ta thấy ngay là Thái Lan sẽ ở vào tình trạng bất an.

Việc CSVN có thể ngả theo TQ là một điều có thể xảy ra bất cứ lúc nào trong tương lai vì Liên Xô không còn là chỗ bám víu cho Việt Nam và nhất là vì những lãnh tụ nhiều hận thù với TQ không còn tại chức. Những lãnh tụ này, vì sợ và vì thể diện, đã không thể ngả theo TQ. Điều nguy hiểm nhất là đảng CSVN hiện không có một lãnh tụ có khả năng thống nhất nó và ai cũng thấy chắc chắn là sẽ có chia phe trong đảng này nếu chế độ CS còn có thể kéo dài ở Việt Nam. Sẽ có một phe đi tìm thế lực nơi TQ và với sự giúp đỡ của TQ, có thể sẽ nắm quyền. Điều này có thể xảy ra, không cần biết kinh tế Việt Nam có được cải tiến hay không và không cần biết chánh sách của các nước ĐNÁ nói riêng và của thế giới dân chủ nói chung đối với Việt Nam như thế nào. Nó có nhiều cơ hội xảy ra nếu tình trạng bất ổn hiện tại ở Việt Nam có cơ hội kéo dài.

Kết luận:

Tôi được đọc nhiều bài bình luận trên các báo cũng như nhiều lời tuyên bố của các nhân vật ở Á châu nói rằng cần phải hợp tác với đảng CSVN để họ phát triển kinh tế hầu ổn định chánh trị xứ này và ổn định vùng ĐNÁ. Sự thật sẽ trái ngược lại. Đảng CSVN hiện rất yếu, một phần cũng vì sự suy sụp kinh tế ở Việt Nam. Đầu tư và phát triển kinh tế sẽ làm đảng này nuôi thêm ảo vọng, nhưng không giúp ổn định Việt Nam về cả hai mặt chánh trị lẫn xã hội. Nếu ông Gorbachev không thành công trong việc ổn định xã hội Nga thì các lãnh tụ CSVN hiện nay không thể nào tạo ổn định ở xứ này với chánh sách mâu thuẫn và vá víu của họ và với bộ máy cai trị như một tập đoàn mafia của họ. Có nhiều dấu hiệu cho thấy đảng CSVn sắp phải đầu hàng dân chúng Việt Nam và sẽ phải trả lại tự do dân chủ cho dân chúng. Một chế độ dân chủ sẽ được thiết lập trên xứ này. Nó sẽ ổn định xã hội Việt Nam về mọi mặt kinh tế, chánh trị, xã hội và sẽ là một yếu tố ổn định cho cả vùng ĐNÁ. Giúp đỡ đảng CSVN là kéo dài tình trạng bất ổn của xứ này và của vùng này. (vk)

Montreal 15-07-1991
NGUYỄN HỮU CHUNG

Bài học cáo chung của Cộng sản Nga

CÙNG BẤT BIẾN TẮC...BUNG

TÔN THẤT THIỆN

KAL/Baltimore Sun

I. Bốn luận đề lớn

Trong những tuyên bố của các lãnh tụ và trong những văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) có bốn luận đề lớn thường được nhắc đi nhắc lại:

1. Theo thuyết Mác-Lê, đèn pha soi sáng cho ĐCSVN, tư bản chủ nghĩa đang rấy chết và sẽ bị xã hội chủ nghĩa đánh bại trên lãnh vực toàn cầu, vì xã hội chủ nghĩa là hướng đi nhất thiết của lịch sử, và xã hội chủ nghĩa là thể hiện của tương lai nhân loại.

2. Cuộc khủng hoảng của xã hội chủ nghĩa từ mấy năm nay chỉ có tính cách giai đoạn; rồi đây chủ nghĩa xã hội sẽ vượt qua khó khăn, trở lại mạnh như cũ, và chứng minh "ai thắng ai".

3. ĐCSVN phải tiếp tục nắm giữ độc quyền lãnh đạo quốc gia và xã hội Việt Nam vì đó là "một sứ mạng do lịch sử giao phó cho Đảng" (tuyên bố của Nguyễn Văn Linh ngày 2 tháng Chín, 90).

4. ĐCSVN tuyệt đối không chấp nhận đa nguyên đa đảng vì "nhân dân muốn như vậy" (tuyên bố của Nguyễn Văn Linh ngày 24 tháng Sáu, 91).

Nhưng tất cả những luận đề trên đã hoàn toàn bị hiện thực phủ định, và bằng chứng lịch sử là những biến cố đã xảy ra ở Đông Âu và Liên Xô trong thời gian qua.

II. Tư bản chưa rấy chết, nhưng cộng sản đã chết rồi!

Từ mùa hè năm 1989 các chế độ cộng sản Đông Âu tiếp tục nhau sụp đổ, và trong tháng Tám năm nay Liên Xôy cả "thành trì" của Cách mạng Thế giới, và "Tổ quốc" của những người xã hội chủ nghĩa, Liên Xô vĩ đại, cũng sụp đổ luôn.

Cờ Liên Xô nay đã bị tháo gỡ búa liềm; tượng Lênin, Stalin và các lãnh tụ bôn-sê-vích khác đã bị hạ và ném vào một xó trong công viên Moscow; viện bảo tàng Lenin ở Moscow sắp đóng cửa và xác Lenin sẽ được đưa về Leningrad (đã bị Quốc hội Liên Xô biểu quyết đổi lại là Saint Petersburg) mai táng bên cạnh mộ mẹ ông ta; tổng bí thư ĐCS Liên Xô, Gorbachev, đã từ bỏ chức vụ (một chức vụ xưa kia oai hùng nhưng nay không còn béo bở gì nữa); hầu hết ủy viên Bộ Chính trị hiện bị giam và rất có thể sẽ bị xử tử; Trung ương ĐCS Liên Xô đã bị giải tán, và Đoàn Thanh niên (Komsomol) Liên Xô cũng sẽ giải tán theo; tài sản của Đảng bị tịch thu và thư khố của Đảng bị niêm phong; tượng Lenin trong phòng họp của Quốc hội đã bị dẹp; và trong danh xưng của Liên Xô ngày nay danh từ "xã hội chủ nghĩa" đã bị gạch bỏ.

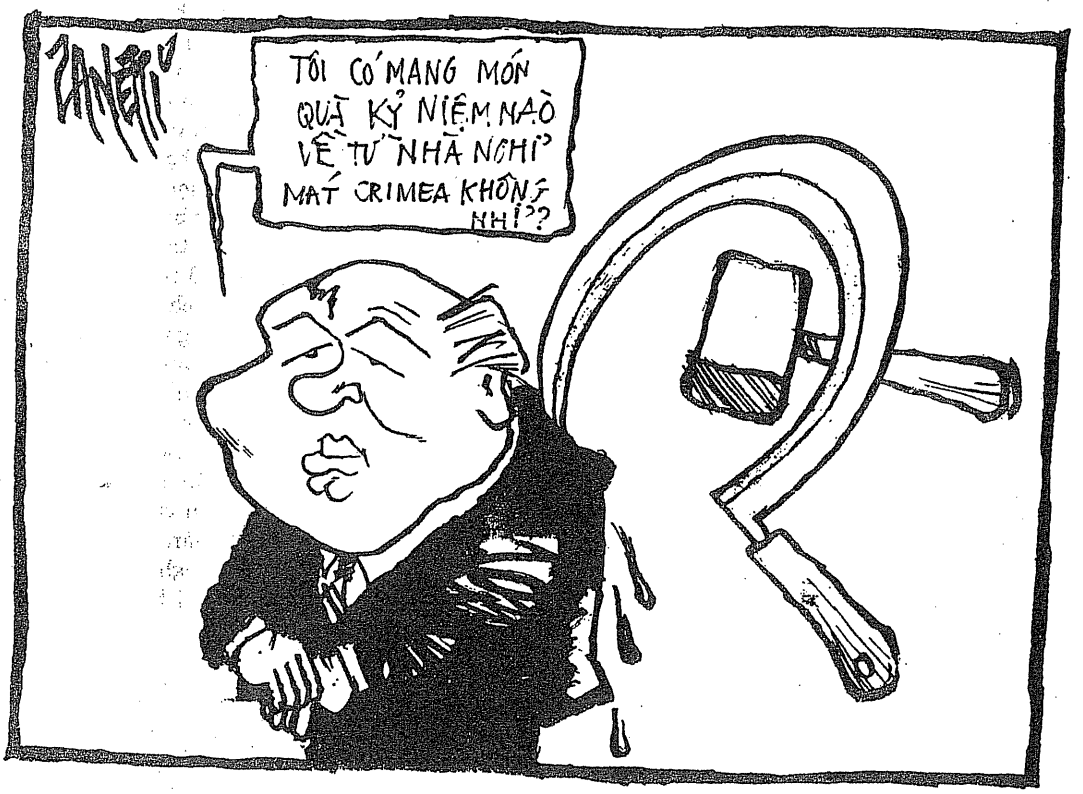

ZANETTI Daily Telegraph, Sydney, Australia

Cộng sản Liên Xô nay đã cáo chung.

Cách mạng tháng Mười nay đã khai tử.

Từ nay, những người cộng sản sẽ không còn "thành trì" để nương tựa khi tai biến; những "tiền đồn của phe chủ nghĩa xã hội", trong đó có Cộng hòa Chủ nghĩa Xã hội Việt Nam, là tiền đồn không có hậu cần; nó chỉ là những bót gác sót lại của những căn cứ đã bị san bằng! Những người xã hội chủ nghĩa muốn hướng về "tổ quốc" của xã hội chủ nghĩa nay không biết hướng về đâu!

III. Nơi khai sinh của chủ nghĩa cộng sản nay cũng là nơi khai tử của chủ nghĩa cộng sản. Nếu trên thế giới còn một vài quốc gia còn tự nhận mình là cộng sản thì đó chỉ là một sự lạm nhận, hay một tình trạng không thể kéo dài được.

Một trong những quốc gia này là Trung Quốc. Quốc gia này có nhiều lẽ có vẻ chính đáng hơn hết để tự xưng là một quốc gia cộng sản. Nhưng lãnh tụ Trung Cộng luôn luôn nhấn mạnh rằng họ đang xây dựng "xã hội chủ nghĩa với đặc tính Trung Hoa". Theo các nhà học giả chuyên nghiên cứu về Trung Quốc thì trong xã hội chủ nghĩa với đặc tính Trung Hoa này, "đặc tính Trung Hoa" nhiều hơn là "chủ nghĩa xã hội". Ai đã có viếng thăm Trung Cộng gần đây, nhất là miền Nam của xứ này, đều nhận thấy rằng càng đi xa Bắc Kinh, càng thấy ít hiện chứng xã hội chủ nghĩa.

Còn sót lại Việt Nam, Bắc Hàn, và Cuba. Đây là ba cây leo mà cây mẹ là Liên Xô. Khi cây mẹ đã sụp đổ rồi thì cây leo làm sao sống mãi? Chỉ có bám vào cây mẹ khác. Cây mới này chỉ có thể là Trung Quốc. Nhưng, như đã nói ở trên, xã hội chủ nghĩa Trung Quốc chứa nhiều đặc tính Trung Hoa hơn là xã hội chủ nghĩa. Thêm vào đó, Trung Cộng phủ nhận mình là siêu cường, và tự xếp mình vào nhóm Đệ tam Thế giới, n.l., những nước nghèo và kém mở mang về kinh tế. Họ đang cần một thế giới ổn định và hòa bình, và dồn hết tâm trí và tài nguyên vào việc thực hiện "tứ hiện đại hóa". Chính họ cũng cần trợ giúp. Đặc biệt là họ cần đầu tư của các nước giàu, nghĩa là các nước tư bản, đứng đầu là Nhựt và Hoa Kỳ. Vậy làm sao họ yểm trợ những nước cộng sản như Việt Nam vẫn hung hăng muốn chống tư bản và chứng minh "ai thắng ai"?

IV. Chủ nghĩa cộng sản đã bị chôn vùi ở Liên Xô, "thành trì" của xã hội chủ nghĩa, thì

muốn đấu tranh để coi "ai thắng ai" chỉ là chuyện giỡn chơi, dành riêng cho đám lãnh tụ vừa dốt nát, vừa ngu xuẩn, vừa mù quáng, vừa ngoan cố của ĐCSVN. Họ vẫn tiếp tục tin ở sự "sáng suốt" của Lenin trong khi những biến chuyển vừa rồi ở Liên Xô đã chứng minh hết sức rõ ràng và không chối cãi được là

Lenin đã lầm to và đã nói ẩu

khi quả quyết rằng thời đại này là thời đại tư bản rẫy chết và cộng sản chiến thắng trên toàn cầu.

Tư bản chưa rẫy chết, nhưng cộng sản đã chết rồi. Đó mới là sự thực lịch sử mà không ai chối cãi được. Sự thực thứ hai là khi mà "thành trì" của Cách mạng Thế giới và "Tổ quốc" của xã hội chủ nghĩa sụp đổ rồi thì chẳng hy vọng gì mà cộng sản sẽ mạnh trở lại, nhất là trong ngắn hạn, để làm mưa làm gió như trước.

V. Thật ra, một trong những oái oăm của Mác và Lênin là khi Mác vạch rõ những cái xấu xa của chế độ tư bản sơ khởi (tư bản rừng rú) và những điều kiện làm cho nó có thể bị sụp đổ (kết hợp và tranh đấu của lao động), và khi Lênin thành lập Đảng Bôn-sê-vích và Đệ tam Quốc tế kêu gọi lao động và vô sản thế giới đứng lên lật đổ tư bản, họ đã báo động cho tư bản biết, và buộc tư bản, vì tự tồn, phải cải tổ và cải thiện. Tư bản đã phải chú ý đến vấn đề công bằng xã hội, đã trở nên nhân đạo hơn. Rốt cục, như Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đã thú nhận, dân chủ tư bản ngày nay không khác gì dân chủ nhân dân (dân chủ xã hội). Tư bản, cùng, đã biết biến để thông, và nhờ đó, nó đã tự cứu.

Tuy nhiên, tư bản ngày nay vẫn khác xã hội chủ nghĩa ở hai điểm lớn. Không những nó công bằng và nhân đạo, nhưng nó lại dân chủ hơn xã hội chủ nghĩa nhiều về chính trị, và hữu hiệu hơn xã hội chủ nghĩa nhiều về phương diện kinh tế, nó có nhiều khả năng đem lại hạnh phúc cho con người, trong khi cộng sản phải dùng bạo lực để duy trì quyền hành nhưng lại không có khả năng gì về kinh tế, không có điều kiện đem lại cơm áo cho dân. Chế độ cộng sản đã thua xa chế độ tư bản, và nhân dân Liên Xô đã làm sáng tỏ sự thực lịch sử này bằng cách vùng lên lật đổ và diệt tiêu chế độ cộng sản đã trị vì họ trong 74 năm trời.

Chủ nghĩa cộng sản đã thất bại vì Mác và Lênin đã khinh miệt con người. Họ cho rằng con người không có lương tri và lương tâm, chỉ có lòng tham. Họ cho rằng tư bản không thay đổi được, và phải lật đổ nó bằng bạo lực. Họ cũng cho rằng con người như thú vật, chỉ biết miếng ăn, tranh nhau vì miếng ăn, không coi gì quan trọng hơn, và cũng vì miếng ăn mà sẽ cúi đầu ngậm miệng quy phục bạo lực và chấp nhận độc tài.

Những biến cố ở Liên Xô trong tháng Tám vừa qua đã chứng minh rằng Mác và Lênin sai lầm to.

VI. Những sự kiện lịch sử nói trên chứng minh rằng lãnh tụ cộng sản Việt Nam nói ngoa khi họ tuyên bố rằng lịch sử đã trao cho ĐCSVN sứ mạng phải độc quyền lãnh đạo quốc gia và xã hội Việt Nam, và phải từ chối đa đảng đa nguyên vì nhân dân Việt Nam muốn như vậy. Ông bà lịch sử nào đã tước quyền của 64 triệu dân Việt Nam trao nó cho nhóm lãnh đạo ĐCSVN hiện tại? Trong cuộc tuyển cử nào? Ngày nào? Và nhân dân Việt Nam đã nói lên ý nguyện của mình không muốn dân chủ đa đảng đa nguyên lúc nào?

Kinh nghiệm Liên Xô cho mọi người thấy rõ rằng lịch sử chẳng có trao cho tập đoàn lãnh tụ Liên Xô sứ mạng nào cả. Đám lãnh tụ này đã thừa đục nước béo cò, lợi dụng một tình thế đặc biệt của Liên Xô và sự vụng về của đối phương, dùng bạo lực và mưu mô để thực hiện một cuộc đảo chính cướp chính quyền ngày 7 tháng Mười Một, 1917), xong duy trì chính quyền bằng bạo lực và dối trá, và rốt cục mất chính quyền vì dân chúng Liên Xô đã đồng tâm và mạnh dạn vùng lên chống bạo lực làm cho một cuộc đảo chính khác (ngày 18 tháng Chín, 1991) thất bại.

Chắc mọi người đều có theo dõi những biến chuyển Liên Xô trên đài truyền hình những ngày 18-23 tháng Tám vừa qua, thấy dân chúng Liên Xô đổ ra đường đông nghẹt và bao vây xe tăng của đám đảo chính. Những hình ảnh này chứng minh một cách hùng hồn ý dân muốn chấm dứt chế độ cộng sản. Liên Xô cả nhân viên mật vụ KGB và sĩ quan cùng lính của nhiều đơn vị quân đội cũng chống "lũ tám tên nghịch tặc". Đám này thất bại, vì họ chống lại những cải tổ cần thiết để cho nước Liên Xô có thể tiến được và dân chúng Liên Xô có thể có một đời sống dễ chịu hơn. Phần khác, Đảng Cộng sản Liên Xô đã lâm vào cảnh cùng, nhưng họ không cho đảng biến, để có thể thông được, như Gorbachev đề nghị, cho nên không những họ bị đào thải mà còn kéo theo toàn đảng cộng sản Liên Xô nữa.

Như vậy, lịch sử cũng như ý dân đã chứng minh rằng những khẳng định của ĐCSVN (qua Nguyễn Văn Linh) hoàn toàn không có cơ sở. Sự thực là chính quyền cộng sản hiện nay ở Việt Nam xuất phát từ bạo lực, phải tự duy trì bằng bạo lực, và sẽ khó tồn tại mãi được. Một ngày nào đó, mà nay có thể nói là rất gần, nếu ĐCSVN không rút kinh nghiệm Liên Xô và không trao lại quyền cho nhân dân (qua Quốc hội) để mở rộng đường cho những sự cải tổ sâu rộng để đem lại nhân phẩm, dân chủ tự do và cơm áo cho nhân dân Việt Nam thì nhân dân sẽ nổi dậy lật đổ và trừng phạt họ như nhân dân Liên Xô đã làm. ĐCSVN đang ở thế cùng, mà cùng bất biến tất phải bung.

Montreal
ngày 8 tháng Chín, 1991

PHÁC THẢO MÙA HÈ VỀ TƯƠNG LAI VIỆT NAM

THẾ UYÊN

LTS- Như nhan đề bài văn đã loan báo, những gì trình bày dưới đây chỉ là những phác thảo, hay nói một cách khác là những gợi ý về những vấn đề chúng ta đang quan tâm về cộng đồng hải ngoại cũng như Việt Nam nội địa. Trên một diễn đàn tự do, ý kiến của mỗi cá nhân đều được tôn trọng (dù tòa soạn có thể có quan điểm khác). Bởi thế tòa soạn cũng như tác giả rất hoan nghênh mọi thảo luận của độc giả khắp nơi, trong tinh thần dân chủ và tôn trọng lẫn nhau. Tòa soạn và tác giả xin được bỏ qua không nói tới những lời thô bạo, những chụp mũ cũng như xuyên tạc dưới bất cứ hình thức nào.

I.

Đến mùa hè năm nay 1991 thì tình hình về Việt Nam đã rõ nét cho tương lai. Điều đầu tiên cần ghi nhận là giải pháp dùng bạo lực để lật đổ chính quyền Cộng Sản Việt Nam, giải pháp thường hay được gọi chung là Phục Quốc ấy, đã tan theo khói theo mây mà đi vào quá khứ. Hãy khoan nói những người, những đoàn thể chống Cộng Sản tại hải ngoại có đủ thiện chí, đủ tài (và đủ tiền) và đủ sức để làm hay không, chỉ xét riêng về tình hình quốc tế và đặc biệt nước Mỹ, thì mọi sự đã thật hiển nhiên: Không một đồng minh cũ nào của VNCH, đặc biệt là Hoa Kỳ, còn muốn giơ một ngón tay út hay chỉ một đồng cent nào cho mọi đoàn thể Phục Quốc nữa. Thậm chí với vụ truy tố năm lãnh tụ của một phong trào phục quốc tại Mỹ ra tòa án về tội gian lận thuế má, ai cũng có thể hiểu rằng thái độ của chính quyền Hoa Kỳ đã phân minh: Bây giờ ai mà còn muốn sử dụng bạo lực lật đổ CSVN, thì sẽ va vào FBI ở nội địa và CIA ở ngoài nước Mỹ.

Cũng cần ghi nhận thêm là khi mở chiến dịch H.O. đón những cựu sĩ quan viên chức VNCH bị cải tạo nhiều năm, chính phủ Hoa Kỳ đã cam kết không khuyến khích họ chống lại chính quyền CSVN. Gia nhập các hội ái hữu, các hiệp hội thiện nguyện hoạt động văn hóa xã hội thì được, còn nếu gia nhập những đoàn thể chống Cộng cực đoan, hô hào lật đổ chính quyền nội địa, thì nên chấp nhận rằng có thể một ngày kia gặp khó khăn với INS hay FBI.

II.

Sự kiện thứ hai nổi bật trong đầu thập niên 1990 là phe Đổi mới là có thực ở Việt Nam. Phe này không hề là thứ đảng viên được trao vai trò "giả vờ đổi mới" để đánh lừa bà con nội địa và hải ngoại.

Phe đổi mới ở Việt Nam là có thực, mặc dù họ không mạnh như phe đổi mới của những nước Đông Âu hay lực lượng của ông Yeltsin, chủ tịch bang Cộng Hòa Nga hiện nay của Liên Bang Xô Viết. Và khi phe này đã có thực, thì ảnh hưởng của họ, tác động của họ phải tỏa rộng ra khắp mọi địa hạt, kể cả địa hạt văn học. Văn nghệ phản kháng của nội địa phát xuất từ phe này, có thật như phe này vậy.

Đã đến lúc những người chống Cộng cực đoan và bảo thủ ở hải ngoại phải chấp nhận những sự thực ấy. Dĩ nhiên nếu phe CS bảo thủ, thường được gọi là phe chính thống giáo điều, phe Stalin hay Mao-ít còn cầm quyền tuyệt đối như cũ, thì những người chống Cộng ở hải ngoại này sẽ thích hơn vì dễ có chính nghĩa hơn. Dễ hô hào "quốc cộng phân minh", dễ đòi bao vây kinh tế để tiêu diệt

Cộng Sản, dễ hô hào phục quốc hơn...

Nhưng những người chống cộng cổ điển và cực đoan cũng chẳng nên buồn trước sự biến đổi ấy NẾU HỌ LÀ NHỮNG NGƯỜI MUỐN CHỐNG CS THẬT SỰ. Bởi vì chống cộng để làm gì nếu không phải là để cho dân tộc chúng ta đỡ đói khổ và nhiều tự do hơn. Và phe Đổi mới dứt khoát là ở đâu cũng để cho dân tự do hơn và đỡ đói hơn, kể cả ở Việt Nam hiện nay.

Lý do thứ hai để không nên buồn là : Chúng ta đa số đều đã đọc truyện cổ Ả Rập "Ngàn lẻ một đêm" và đều nhớ đến đoạn một nàng công chúa dùng bùa phép để ráng cứu một chàng hoàng tử bị một phù thủy ác độc biến thành con khỉ. Khi phù thủy biến thành con mèo thì công chúa biến thành con chó, khi phù thủy biến thành chim cắt thì công chúa biến thành con gà... Có là như thế sau cùng công chúa mới thắng được phù thủy ác độc để cứu chàng hoàng tử đẹp trai.

Bởi thế nếu là người chống Cộng thực sự thì phải biến hóa theo thời, thế, cơ như vậy. Khi VNCH lọt vào quỹ đạo domino của Foster Dulles, chính quyền Mỹ cho súng đạn, đổ tiền bạc ào ào vào Việt nam thì chúng ta chống cộng như một tiền đồn. Khi Mỹ đã hòa được với Trung Hoa, không cần tiền đồn VNCH nữa, rút quân về, đổi chính sách thì con người làm chính trị, cách mạng phải thích ứng được ngay. Làm như vậy không có nghĩa là đi một đường hoạt đầu chủ nghĩa bởi vì Hoa kỳ chỉ đổi cách thế chống cộng chứ không theo CS bao giờ.

Muốn nói gì thì nói, khi giảm bớt sự chống cộng ở khắp thế giới bằng biện pháp trực tiếp đổ quân can thiệp, nhưng tăng cường hoạt động kinh tế văn hóa chính trị, Hoa Kỳ đã thành công như chúng ta đã thấy. Mỹ đâu có dùng xe tăng húc đổ bức tường Bá-Linh hồi nào đâu. Cứ bình tĩnh chiếu bí các đảng CS bằng văn hóa kinh tế, nhất là kinh tế, thì tự những người CS phải tự mình vác búa ra phá tường, gỡ kẽm gai, hạ các tượng Mác, Lenin xuống... Trong hệ thống sách vở đủ loại của các nước CS, luôn luôn có câu: "Hãy chờ xem ai thắng ai!". Bây giờ giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản cải lương, hệ thống tư bản cải lương đã thắng rõ ràng.

Mặt khác, nếu nói về sách lược đấu tranh, thì một kẻ thù đoàn kết là một kẻ địch khó đánh vô cùng. Nay đảng CSVN đã phải chia đôi thì những người chống Cộng thật sự -- chứ không phải chống bằng mồm ở hậu phương, trên các con tàu di tản và các căn nhà điều hòa không khí ở miền bắc châu Mỹ -- cần nên lợi dụng ngay. Địch chia rẽ ít, ta tìm đủ mọi cách để địch chia rẽ nhiều hơn. Bởi thế đã đến lúc những người chống Cộng hải ngoại cần phải tiếp sức, phải liên kết với phe Đổi mới của Việt Nam. Trong tầm gần, thì điều đó làm suy yếu đảng CSVN. Trong tầm xa, giúp cho phe Đổi mới thật mạnh thì trong năm mười năm nữa không phải không thể đẩy cho phe này làm những điều như đã và đang xẩy ra ở Đông Âu và Liên Xô.

Bởi vì xét cho cùng người Việt hải ngoại nói chung sống trong no đủ và tự do, *nên lấy lòng thương dân nội địa làm gốc*. Cho dù chúng ta sau này chẳng đẩy nổi cho phe Đổi mới Việt Nam biến đổi hẳn như Đông Âu, thì thà củng cố cho phe Đổi mới cầm quyền còn hơn là phe Bảo thủ giáo điều. Dân Việt nội địa no được thêm chút nào, được tự do thêm phần nào, chúng ta vui phần đó.

III.

Trước một tình thế mới như vậy, trong một *New World Order* đang hình thành, những người quốc gia gốc Việt nam tại hải ngoại nên (và chỉ có thể làm được) những gì cho tương lai Việt Nam?

Điều đầu tiên là phải dứt khoát từ bỏ tâm thức "sợ cộng và trốn cộng" của năm 75, cũng như từ bỏ đường lối chống Cộng kiểu tiền đồn trong khuôn khổ chính sách domino cũ của Hoa Kỳ. Phải chấp nhận (và đành chấp nhận) một chiến đấu kiểu mới thích hợp với tình hình mới. Nghĩa là đường lối sử dụng kinh tế và văn hóa để đánh địch.

Đã sử dụng đường lối này thì không còn thể ngồi yên trong những căn nhà tiện nghi ở hải ngoại viết bài chửi Cộng tàn sát, cuối tuần hội họp ra quyết định này, thông báo kia được nữa. Có dùng báo chí chửi cho lắm, phát ra cho nhiều quyết nghị, thì cũng chỉ những người hải ngoại -- vốn đã không ưa gì chế độ CS từ lâu -- đọc với nhau thôi. Đâu có tác dụng gì tới tình hình nội địa.

Về lý thuyết, trước hết chúng ta phải từ bỏ mọi hô hào "bao vây kinh tế để tiêu diệt CS". Chúng ta nên noi gương những nhà lãnh đạo Mỹ từ hai thập niên vừa qua, miệng thì vẫn hô hào chống Cộng chống Liên Xô, nhưng tỉnh bơ bán rất nhiều lúa mì với giá rẻ cho dân Nga ăn. Bởi vì có một sự thực mà ai cũng biết là giả sử có một thứ vi khuẩn nào thuộc loại Alien xâm nhập phá hoại hết mùa màng trên trái đất, thì các chính quyền Mỹ cũng như Nga và Việt Nam sẽ làm gì. Nếu họ chỉ còn dư lương thực dự trữ để nuôi mỗi nước vài triệu dân thôi thì ở Mỹ, chắc chắn là những dân Mễ nhập cảnh lậu chết đói trước, rồi đến những dân refugee còn cầm green card. Kế đó là chết tới những công dân Mỹ da vàng, da đen và những dân da trắng homeless. Vài ba triệu sống sót sẽ là ai, chúng ta có thể đoán biết. Còn ở Việt Nam, chắc chắn đảng CSVN sẽ cho "dân ngụy" chết trước tiên rồi mới đến các loại dân khác, lương thực còn lại chỉ dùng để nuôi Công an và đảng viên thôi.

Không những chúng ta đã không bao vây kinh tế ai, mà

còn cần làm ngược lại. Nghĩa là đổ tiền đổ bạc thật nhiều vào Việt nam. Đồng dollar Mỹ (đi sau một chút là văn hóa Mỹ, nếp sống Mỹ) có tác động vô cùng lớn tại bất cứ nước nào. Hãy nhìn các nước như Nhật Bản Đại Hàn, kể từ khi tiếp nhận viện trợ Mỹ, họ có còn là y hệt như thời trước đệ II thế chiến nữa không. Ngay VNCH của chúng ta trước đây cũng vậy: muốn nói gì thì nói xã hội miền Nam đã biến đổi ghê gớm dù Mỹ chỉ mang quân đến rồi đi trong khoảng 10 năm phù du.

Những đồng tiền những quà cáp bà con hải ngoại tương trợ bà con nội địa đã có tác động mạnh như thế nào, chúng ta đã biết quá rõ. Đã đến lúc cần làm hơn thế nữa theo nguyên tắc mà người Cộng sản hay nhắc đi nhắc lại là "Hai bên cùng có lợi". Đảng CSVN vì suy yếu nên mới chia làm hai phe và đành mở cửa tương đối khá rộng rãi cho người Việt hải ngoại trở về thăm quê, thăm thân nhân, và cả đầu tư nữa. Chúng ta nên lợi dụng cánh cửa ấy mà *đổ người* đổ tiền bạc vô, càng nhiều càng tốt.

Hãy thử tưởng tượng đến cuối thập niên 90 mà người Việt hải ngoại làm sở hữu chủ nhiều xí nghiệp nhỏ, nhiều cơ sở kinh doanh, nhiều đường xe đò xe bus, nắm nhiều cổ phần trong đường hàng không nội địa, thì quyền lực sẽ tăng lên tới mức có khả năng khuynh thành khuynh quốc. Sống ở Mỹ, Canada đã lâu, chúng ta đã biết đồng dollar quyền lực ra sao rồi, vậy thử hỏi quyền lực ấy sẽ là thế nào ở một nước nghèo như ở Việt Nam.

Kinh điển của Marx Lenin "*phán truyền*" rằng: "Tồn tại quyết định nhận thức, hạ tầng cơ sở kinh tế quyết định thượng tầng kiến trúc, ai nắm kinh tế là người ấy nắm tất cả..." Đã đến lúc chúng ta phải đi một đường Mộ dung Cô tô, dùng chính võ công của địch để đánh lại địch.

Bây giờ thì đảng CSVN chưa chấp nhận cho người Việt hải ngoại lưu lại nội địa quá sáu tháng. Nhưng trong tương lai, chắc chắn vì những lý do cần vốn liếng đầu tư, cần chất xám tốt để nâng cao khoa học kỹ thuật, dù ông Đỗ Mười hay Đỗ Hai Mươi cầm quyền chăng nữa, cũng phải đành chấp nhận cho mở những *colony*, những khu Việt kiều thường trú tại Hà Nội, Hải phòng, Huế-Đà nẵng, Nha trang, Sài gòn, Cần thơ... Chính những người Việt mang quốc tịch ngoại quốc sống trong các khu Việt Kiều ấy sẽ là những trung tâm phát huy mọi thay đổi trọng đại cho dân Việt nội địa thế kỷ 21.

Nói giản dị, những người chống CS thực sự phải chấp nhận *tiếp cận* với CS, sống chung với họ, làm ăn buôn bán với họ, *giáo dục con cái họ*, đấu tranh với họ trong nội địa (với hiểm nguy bị nhốt, bị trục xuất) mới có thể hi vọng một ngày kia làm cho đảng CSVN biến hình biến dạng, và có thể biến mất luôn trên toàn nội địa Việt Nam.

IV.

Trong cuộc chiến đấu mới ấy, không thể không nói tới vai trò của các tôn giáo.

Giáo hội công giáo Việt Nam với bốn triệu tín đồ ở nội địa dĩ nhiên không thể mạnh như giáo hội Ba Lan. Nhưng cộng đồng Công giáo Việt nam lại có truyền thống thân Tây phương từ nhiều thế kỷ, luôn luôn là cánh cửa, là gạch nối giữa Việt nam và bên ngoài. Bởi thế cộng đồng Công giáo Việt Nam sẽ đóng vai trò quan trọng, không phải là cầm súng giết hết loài quỉ đỏ -- chuyện đó qua lâu rồi -- mà là nhân tố tác động vào đảng CSVN để cho đoàn thể này dù muốn hay không cũng phải thay đổi theo tình hình mới. Đã đến lúc những người Công giáo chống cộng ở hải ngoại chấm dứt những lời chê bai Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình, các linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần... Và có thể còn cần phải làm hơn thế nữa bằng cách dùng khả năng tài chính, liên hệ quốc tế tốt để yểm trợ cho những tu sĩ trên và các giáo xứ trong nội địa. Các cụ xưa đã nói rất đúng: Đói thì đầu gối phải bò, có thực mới vực được đạo...

Hơn nữa xét về giáo lý căn bản của Thiên Chúa giáo, dùng sự hợp tác, dùng cảm thông, dùng phương tiện kinh tế chính trị trong hòa bình để cải hóa những "kẻ tà đạo", vẫn chẳng hay hơn là hô hào thánh chiến với *crusade* này nọ gây biển máu nơi quê hương cũ hay sao...

Dĩ nhiên một người Công giáo *chân chính* đọc đến đây chẳng thể nghiến răng bảo "tụi CS ác như quỉ, ta không thể không giết chúng". Muốn nói gì thì nói, người CSVN còn biết nói tới chuyện "cải tạo" chứ không giết gọn giết sạch quân nhân viên chức VNCH như Khmer Đỏ đã làm bên Cao mên, thì không lẽ người Công giáo lại không thể tính tới chuyện tha thứ rồi cảm hóa kẻ thù cũ hay sao. Cuốn kinh thánh còn đó với lời chúa Ki-Tô dậy còn đó...

Với đạo Phật thì mọi sự dễ dàng hơn nhiều. Đạo này từ căn bản đã là tu hành diệt dục, lúc nào cũng đề cao từ bi hỉ xả, lúc nào cũng thích hòa bình. Bởi thế, ngoại trừ một thiểu số mượn áo cà sa chứ không tu thật, ngoại trừ thiểu số Phật tử đầu tư cơm áo và địa vị đời mình vào đường lối chống cộng theo chủ thuyết domino trong quá khứ, còn đa số Phật tử dĩ nhiên là muốn giải quyết vấn đề CSVN theo cách thế hòa bình rồi. Bây giờ Phật tử hải ngoại chỉ cần tạo liên hệ tốt với các nhà nội địa, tăng cường phương tiện vật chất để tăng ni nội địa có nhiều khả năng duy trì và hoằng dương Phật pháp hơn là đủ.

V.

Bây giờ xin bàn tới vấn đề lãnh đạo -- không phải lãnh đạo

trong nội địa, một đề tài phức tạp đòi hỏi một bài văn khác -- mà là vấn đề ai nên và có thể lãnh đạo cộng đồng Việt nam tại hải ngoại trong cuộc chiến đấu mới nặng về kinh tế văn hóa tôn giáo và vận động chính trị?

Đây là một vấn đề cấm kỵ của hải ngoại từ gần hai thập niên rồi. Bàn không khéo, lãnh đạn của sát thủ như không. Nhưng đã đến năm 1991 rồi mà không ngay thẳng bàn luận trong tinh thần dân chủ với nhau, thì không biết còn phải đợi đến bao giờ nữa.

Điều căn bản và tiên quyết phải đưa ra là: hoàn cảnh lịch sử nào sẽ đòi hỏi nhân sự thích hợp với hoàn cảnh ấy. Nếu ở trong nước, phe Đổi mới không có thành phần nhân sự tốt nghiệp từ Liên Xô và Đông Âu, cũng chẳng dễ gì mà đổi mới được như hiện nay. Ở hải ngoại, chúng ta có thể nói thẳng với nhau rằng trong thời chiến, nếu các tướng tá có ra nắm quyền, thì cũng chẳng phải là điều bất thường. Bước chân xuống chiến hạm, chẳng có ông luật sư nào dám tranh quyền chỉ huy của hạm trưởng -- có biết gì đâu về hàng hải mà đòi tranh quyền. Bước chân lên máy bay thì giáo sư tiến sĩ thạc sĩ cũng không ai ngu đến độ đòi chỉ dậy cách điều khiển phi cơ cho phi công trưởng.

Cuộc chiến tranh có bom nổ đạn bay đã chấm dứt kể từ ngày 30 tháng Tư, 1975. Ra lập nghiệp ở các nước ngoài thanh bình, tướng hay tá đều trở thành dân thường. Tài năng quân sự không còn đất dụng võ. Điều đó thật hiển nhiên. Nhưng có một sự thực hiển nhiên hơn nữa là các cựu tướng tá đó phải chấp nhận là trong hoàn cảnh mới như thế, bản thân mình vốn chẳng được học nhiều lúc trẻ, vốn liếng văn hóa đâu có bao nhiêu. Nay cuộc chống Cộng kiểu mới đòi hỏi khả năng cao về văn hóa cũng như khoa học kỹ thuật, thì các cựu quân nhân đó đâu có thể làm nổi.

Không làm nổi mà vẫn cứ xông ra đòi nắm quyền lãnh đạo thì làm sao không chia rẽ, làm sao được lòng dân, nhất là lòng dân lớp trẻ đã được học nhiều học kỹ ở xứ người. Không ai chối cãi tài cầm quân của một Ngô Quang Trưởng, nhưng thử hỏi vị nầy biết được những gì về kinh tế, giáo dục và khoa học kỹ thuật cao cấp của thế giới hiện nay? Về những người già dân sự cũng vậy, tuổi đã cao mới ra nước ngoài ít ai còn khả năng học thêm, xông ra hoạt động chỉ với vốn liếng đã thu nhập từ những ngày xa xưa, thậm chí từ hồi còn sinh tiền ông tướng De Lattre de Tassigny, thì nói đâu mấy người chịu nghe, và nghĩ ngày đêm cũng chẳng tìm nổi phương lược tốt.

Bởi thế đã đến lúc những người già hải ngoại nên rút lui ra khỏi địa hạt lãnh đạo tư tưởng cũng như lãnh đạo các đoàn thể khác nhau của cộng đồng Việt nam hải ngoại. Đừng có tìm cách cưỡng chế lớp trẻ phải chấp nhận những đường lối chính sách thuộc loại "Sàigòn năm xưa" với " Văn minh miệt vườn" nữa. Hành động hữu ích nhất những người già và bảo thủ (xin ghi tách biệt hai tĩnh từ đó vì có một số người già nhưng không bảo thủ, cũng như có không thiếu những người còn trẻ mà đã bảo thủ như những ông già nội địa) là lui ra làm "long-trọng-viên" cho các buổi họp lớn nhỏ, không những vui vẻ nhường ghế chủ tịch mà còn khuyến khích lớp trẻ ra làm việc thay cho mình -- dù rằng những người kế vị ấy có thể theo những đường lối chính sách khác hẳn mình.

VI.

Phác thảo như thế hẳn làm buồn lòng rất nhiều những người lớn tuổi và cao niên ở hải ngoại. Nhưng làm thế nào khác hơn được, cuộc đổi đời đã diễn ra rồi, cho những người Việt nam, dù ở trong nội địa hay ở hải ngoại. Thời gian đã trôi qua nhiều, không gian sinh hoạt cũng đã thay đổi. Những người già cần nên ý thức sự thay đổi ấy để chọn cho mình một vai trò hữu ích trong cộng đồng của mình.

Điều đầu tiên khá buồn, nhưng phải chấp nhận thôi vì đó là sự thực: những người hải ngoại hãy thôi mơ đến việc trở về làm quan nơi quê hương cũ. Chuyện đó không thể có nữa đâu. Hãy nhìn Đông Âu thì thấy rõ. Sau khi dứt điểm chế độ và đảng CS ở nước mình, thì từ Ba Lan đến Hungary, có nước nào đi rước những ông bà già hải ngoại về làm dân biểu, tỉnh trưởng hay bộ trưởng đâu.

Điều thứ nhì nên làm là thôi cáu giận, thôi đôi co với nhau về những chuyện nhỏ, thôi dùng những lời thô tục và thô bạo với nhau trên báo chí. Hãy hỏi những người đi sau thì hiểu rõ; cái sốc lớn nhất người đi sau gặp khi đọc báo chí hải ngoại là thấy quí vị đầu bạc hải ngoại đả kích nhau dữ dội quá, bằng những thứ ngôn từ ít khi thấy trên báo chí VNCH trước tháng Tư, 1975.

Những người già ở đâu thì cũng cần phải ráng giữ gìn lời ăn tiếng nói cùng tác phong của mình. Có như thế mới làm gương được cho lớp hậu sinh. Bây giờ chính người già cầm bút lên là nói những điều đôi co tủn mủn với ngôn ngữ thô lỗ, thì làm sao các lớp đàn em và con cháu tin phục cho được. Những người tóc đã bạc ở hải ngoại hãy đáng tự chủ, kiềm chế ngòi bút và lời nói nhiều hơn nữa. Thảo luận là tốt, nhưng chửi nhau thì không đẹp chút nào. Còn chút uy tín cuối cùng của mái tóc bạc, xin hãy ráng bảo vệ lấy nó. Nếu không, thì chỉ còn là một tuổi già rất hư không, trống trải.

Điều thứ ba những người già hải ngoại có thể làm được là tham gia tích cực vào chế độ dân chủ nơi mình cư ngụ. Rất nhiều người già đã có quyền công dân, vậy hãy đi bầu tích cực. Bầu từ hội đồng thị xã, county tới tất cả những cuộc

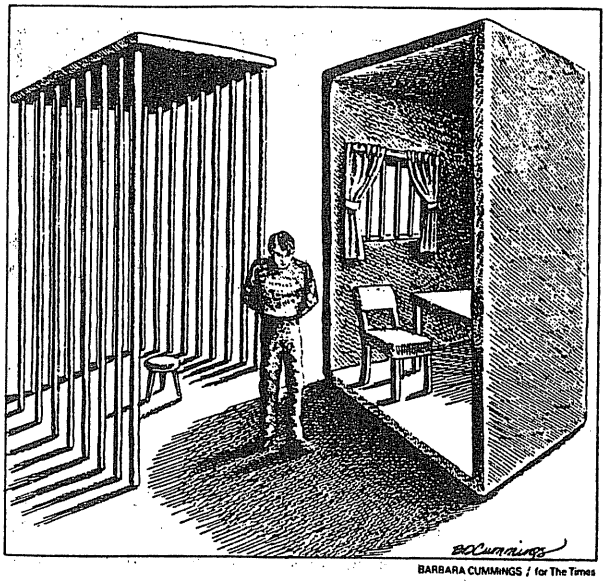

BARBARA CUMMINGS / for The Times

bầu bán khác diễn ra trùng trùng điệp điệp ở các xứ sở Tây phương. Riêng tại Mỹ, sự thắng hay thua của một ứng cử viên Dân chủ và Cộng hòa lắm khi quyết định bởi một số phiếu mỏng manh. Nếu những người già biết sử dụng lá phiếu của mình và con cháu, bạn bè mình, thì sẽ làm những người cầm quyền bản địa nể vì. Hơn nữa tại những vùng đông người Việt, nếu chịu khó đi bầu và tập trung lá phiếu, thì có thể đưa được người gốc Việt ra cầm quyền tại địa phương. Lúc đó, tiếng nói của mình mới được lắng nghe thực sự. Còn cứ ồn ào với nhau hoài trên báo chí Việt ngữ, thì tác động thật là yếu kém.

Trong kỳ hội thảo của các trí thức và chuyên viên trẻ gốc Việt tổ chức ở Đại Học Stanford, Cali, năm 1990, một diễn giả người Châu Á đã đưa ra một nhận xét cụ thể: Sau khi tổng thống Bush đắc cử, ông đã bổ nhiệm khoảng 200 người Châu Á vào các chức vụ trong chính quyền các cấp. Người gốc Việt không được chức nào vì chẳng chịu tham gia vào sinh hoạt dân chủ địa phương. Và Orange County của California đông cả 100,000 người gốc Việt, mà không tranh được một chức vụ dân cử nào. Tình trạng này sẽ được cải thiện rất nhanh nếu những người già xông vô sinh hoạt dân chủ địa phương, dùng chút uy tín cuối cùng lôi kéo con cháu theo mình trong nỗ lực này.

Xét cho cùng thì người già hải ngoại cũng còn một cuộc chiến nữa, còn một vai trò hữu ích nữa trong tương lai, nhưng không phải tại các nước Tây phương. Rất có thể trong một tương lai không xa lắm, chính quyền nội địa sẽ đi đến chỗ chấp nhận cho những người già gốc Việt nam ở hải ngoại được trở về sống nốt tuổi trời nơi quê hương cũ. Nếu chính quyền nội địa không cho, thì chúng ta phải đấu tranh đòi cho bằng được cái quyền thiêng liêng đó. Đất nước Việt nam đâu có là tài sản của riêng một đảng hay một tôn giáo nào, tôi muốn về sống ở quê nhà thì tôi phải có quyền chứ.

Dĩ nhiên lúc đó chính quyền nội địa, do ông Võ Văn Kiệt hay Vũ Như Cẩn, hoặc một ông Walesa hay Yeltsin Việt nam nắm giữ, thì do hoàn cảnh nước quá nghèo, chắc chắn sẽ đòi hỏi những người già ấy phải chứng minh được mình có nguồn lợi tức đủ sống bằng ngoại tệ mạnh để ngân sách cái quốc gia nghèo hết chữ để tả ấy khỏi phải đài thọ thứ tuổi già phi sản xuất. Nhưng trợ cấp một hay hai trăm đô la cho cha hay mẹ già về sống ở Việt nam, vẫn còn là "rẻ" chán so với phí tổn phụng dưỡng khá cao như ở tại Hoa Kỳ chẳng hạn. Chưa kể những người già đã lao động nhiều năm ở hải ngoại thì có dư tiền hưu bổng để sống không cần ai trợ cấp.

Những ông bà già ấy không khó gì không mua được nhà ở tiện nghi -- con cháu chung nhau thì mua đâu khó -- ở ven hồ Tây Hồ Hoàn Kiếm, ven sông Hương hay Đồng nai, Cửu long. Tuổi già đã nhàn rồi, tiền nong lại vững mạnh, chẳng mấy lúc trở thành thân hào nhân sĩ địa phương. Nhưng quan trọng nhất là nhi đồng, con nít sẽ quây quần quanh những ông bà già này đòi nghe kể chuyện cổ tích Đông phương và chuyện có thật của cõi Tây phương hiện nay. Nếu giả sử đảng CS lúc đó còn cầm quyền cấm ông bà già tuyên truyền cho "Mỹ ngụy", thì cứ chuyện thường nhật mà kể. Những đứa trẻ ấy sẽ sáng đôi mắt trẻ thơ lên mà mơ về thế giới Mỹ, Canada hiện đại giầu có ấy. Chẳng phải hô hào gì, các em ấy cũng cho "bác Hồ" đi chỗ khác chơi. (vk)

THẾ UYÊN.
Hè 91.

TỪ PERESTROIKA ĐẾN TRẬT TỰ QUỐC TẾ MỚI

NGUYỄN HƯƠNG

"Cộng Hòa Xô Viết đang bị bao vây bởi kẻ thù. Nhưng chúng ta sẽ chiến thắng mọi kẻ thù trong và ngoài." Lenin đã khẳng định như thế từ tháng 8-1918. Chiến thắng đó, Lenin từng tuyên bố, "chỉ có thể là một chiến thắng khi chính nghĩa chúng ta thành công trên toàn thế giới," và kêu gọi các đồng chí của ông kiên trì chiến đấu cho đến khi "chinh phục hoàn cầu." Nhưng cũng Lenin, trong bản dự thảo quyết nghị Đại Hội 8 của Đảng Cộng Sản Nga vào tháng 12-1919 trước cuộc nội chiến ngặt nghèo và sự bao vây can thiệp của các cường lực Liên Minh (Anh, Pháp, Mỹ, Ý và Nhật), đã nhũn nhặn viết: "Cộng Hoà Xô Viết Xã Hội Chủ Nghĩa Nga mong mỏi được sống hoà bình với mọi người để nỗ lực phát triển đất nước..."

Như thế perestroika ngày nay cũng chỉ tiêu biểu chính sách hai mặt "một bước tiến hai bước lùi" đã gắn liền với Liên Xô từ thời Lenin hay thật sự phản ảnh những biến chuyển nội tại? Bài viết này sẽ cố gắng giải đáp nghi vấn trên bằng cách xét lại cái nhìn của Liên Xô về Chủ Nghĩa Xã Hội, về tương quan lực lượng thế giới, những chính sách đối ngoại cụ thể dựa trên căn bản tư duy này, và hậu quả của chúng trên trật tự thế giới.

TƯ DUY MỚI

Trong tiến trình biến thể của các nước Chủ Nghĩa Xã Hội, Việt Nam còn đang dùng dằng ở sau cùng với những đồng hành như Trung Quốc và Bắc Hàn. Bản Dự Thảo Cương Lĩnh soạn trước cho Đại Hội 7 diễn ra vào cuối tháng 6 năm 1991 đã nghiêm chỉnh tuyên bố rằng Việt Nam đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ (từ cuối tháng 5-1991, tên gọi của văn kiện này đã được bổ túc đôi chút thành "Xây Dựng Đất Nước trong Thời Kỳ Quá Độ lên Chủ Nghĩa Xã Hội"). Nhưng ngay cả Đảng Cộng Sản Liên Xô mới hồi năm 1986 hãy còn nhận định "thời đại của chúng ta là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản." Vậy thì "tư duy chính trị mới" do Tổng Bí Thư Mikhail S. Gorbachev đề xướng mang nội dung như thế nào, nhất là trong lãnh vực ngoại giao?

Khoảng thời gian từ năm 1986 cho đến nay được đánh dấu bởi đầy đặc những mâu thuẫn về tư tưởng. Nhưng chắc chắn đã có một sự chuyển động trong lãnh vực ý thức hệ. Trong những bài báo, phát ngôn của giới chức, những công trình nghiên cứu khoa học xã hội, chúng ta bắt đầu thấy hình thành vóc dáng của, theo ngôn từ Gorbachev, Tư Duy Chính Trị Mới.

Theo Marx và Lenin, dĩ nhiên thực tại mâu thuẫn và nảy sinh theo quy luật biện chứng. Quy luật này thể hiện trong xã hội bằng cuộc đấu tranh giai cấp mà vô sản sẽ đạt thắng lợi cuối cùng. Trong điều kiện như thế, Lenin xác định, loại ý thức hệ duy nhất có thể tồn tại là ý thức hệ giai cấp. Ngược lại, Gorbachev đã lập lại nhiều lần rằng thế giới của chúng ta là một, vì mọi người, mọi quốc gia đều sống lệ thuộc vào nhau. Mối đe dọa của võ khí hạt nhân là mối đe dọa chung. Định mệnh chung buộc chúng ta phải cùng theo những giá trị đạo đức chung của con người vượt lên trên những lằn ranh giai cấp.

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định rằng xã hội loài người chỉ phát triển theo một quá trình nhất định từ cộng sản nguyên thủy, lên phong kiến, lên tư bản, lên cộng sản mỗi thời kỳ do một giai cấp thống trị- cho đến khi lịch sử đạt đến một xã hội vô giai cấp, quốc tế đại đồng vì không cần có những guồng máy cai trị nhà nước phục vụ quyền lợi của giai cấp thống trị. Trong khi đó Gorbachev lại bảo "thế giới đang phát triển theo đa nguyên phù hợp với thời đại mới của chúng ta." Trật tự quốc tế mà Gorbachev hình dung là sự "đoàn kết trong dị biệt."

Khái niệm trên làm chúng ta liên tưởng đến hình thức "sống chung hòa bình" đã được phía các nước chủ nghĩa xã hội cổ xướng nhiều lần trong quá khứ từ "khoảng nghỉ thở" của Lenin lúc ký hiệp ước

Brest-Litovsk cho đến hòa dịu hay détente của Leonid Brezhnev sau này. Đương nhiên đây chỉ là giải pháp tạm thời để chủ nghĩa xã hội có thời giờ củng cố lực lượng. Điểm khác biệt là Gorbachev đã xác định trạng huống này không còn có tính cách chiến lược nhất thời nữa mà phải biến thành cố định.

Dĩ nhiên, Tư Duy Chính Trị Mới đã không được đưa ra một cách dứt khoát và có hệ thống ngay. Gorbachev và đồng minh trong nước của ông tiếp tục quyến luyến Lenin và thứ chủ nghĩa xã hội quen thuộc với Liên Xô trong hơn bảy mươi năm qua. Chưa bao giờ Gorbachev phủ nhận giá trị của chủ nghĩa xã hội. Công lao chủ nghĩa này trong việc biến đế quốc Nga thành một cường quốc hiện đại cùng với sứ mệnh tiên phong đưa đường cho thế giới đến thiên đường cộng sản đã đáp ứng khá thỏa đáng nhu cầu tâm lý dân tộc. Vì thế, Lenin tôn kính tiếp tục hiện diện trong tâm thức của dân Liên Xô bằng cái xác ướp giữa Công Trường Đỏ. Không phải chỉ mới đây mà từ thời Stalin, vợ Lenin là Nadezhda Krupskaya đã nhiều lần đòi chôn xác Lenin theo ý muốn của chồng lúc sinh thời. Đến hồi tháng 4 năm 1989, có người đề nghị trên truyền hình Liên Xô là nên chôn xác Lenin và đã gặp sự chống đối kịch liệt. Liên Xô vẫn chưa đủ can đảm dứt khoát với quá khứ. Chủ nghĩa xã hội dưới dạng mà ta đã quen thuộc trong 70 năm qua phải chăng cũng đang ở cùng một thời kỳ như xác ướp của Lenin? Như thế những người duy trì xác ướp mang thêm ý nghĩa đặc biệt. Không biết có phải vì thế mà một chuyên viên Liên Xô giữ nhiệm vụ ướp xác ông Hồ Chí Minh bị một người dân tạt xăng đốt chết trên đường phố Hà Nội hồi tháng 5-91 vừa qua hay không.

Nhưng dù chưa dám đập vỡ những thứ đã biến thành biểu tượng, Tư Duy Chính Trị Mới của Gorbachev cũng đã mang đến những thay đổi thực thụ trong tư tưởng chủ nghĩa xã hội. Nếu khi xưa Lenin cảnh cáo rằng không có con đường nào khác ngoài sự chọn lựa giữa "chuyên chính vô sản" và "chuyên chính tư sản," và đây là một chọn lựa giữa "thiên đàng" và "địa ngục," thì cộng sản thời nay dưới trướng Gorbachev ngang nhiên bàn đến điểm đồng qui của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội: một thứ xã hội tôn trọng những giá trị phổ cập của con người.

Chỉ năm mười năm về trước, những ý tưởng như thế phải dấu kỹ trong đầu những thành phần bất hảo của chế độ. Sự công khai hóa những gì ngoài tư tưởng chánh thống cũng là một trong những dấu hiệu cho thấy có thay đổi thực thụ. Sự thật không còn chỉ là sản phẩm của chính sách đương thời mà bắt đầu phản ánh những điều vĩnh cửu hơn. Trong bài diễn văn đọc vào tháng Giêng 1988 tại trụ sở Trung Ương Đảng, Gorbachev đã nói về cuộc bàn cãi sôi nổi tại Liên Xô về quá khứ, hiện tại và tương lai: "Con người cần sự thật. Chúng ta sống ở thế gian chỉ một lần. Thái độ của mỗi chúng ta đối với con người, đời sống, và việc làm phải thành kính, nhất là những kẻ mang trên vai gánh nặng đấu tranh ở ngã rẽ của lịch sử.... Ta không nên thay thế một sự thật nửa vời này bằng một sự thật nửa vời khác. Lịch sử chúng ta phải được trình bày trọn vẹn với tất cả những thành tựu, mất mát, và thảm trạng."

Độc quyền sản xuất và phân phối sự thật từng là một nhu cầu của các chế độ chủ nghĩa xã hội trong quá khứ. Khi bắt đầu đặt sự thật lên trên tiện lợi là đã bắt đầy lay chuyển nền tảng của một xã hội kiểu "1984." Ngoài ra, cởi mở (glasnost) và nâng cao sự thật còn có tác dụng bảo đảm cho đường lối ngoại giao mới. Dư luận phương Tây có thể nhìn vào glasnost mà tin tưởng rằng Liên Xô, tổ quốc của chủ nghĩa xã hội, đã thật sự thay đổi.

TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN CHÍNH SÁCH

Thật ra, không nhất thiết những chuyển biến tư tưởng đã dẫn đến những thay đổi trong chính sách. Trong thập niên 70, tổng sản lượng quốc gia của Liên Xô gia tăng ở mức độ 4% mỗi năm; 2% ở những năm đầu thập niên 80, và sau đó đã trì trệ ở mức cố định. Có thể cơn khủng hoảng kinh tế - xã hội nói chung trong nước đã đòi hỏi sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Phương pháp sản xuất dựa trên quyền lợi và trách nhiệm cá thể đòi hỏi phải phân tán quyền hành trên nhiều mặt. Như Gorbachev vẫn nói: "Mỗi người đóng góp tùy theo khả năng, mỗi người được hưởng tùy theo việc làm," thay vì khẩu hiệu của chủ nghĩa xã hội xưa giờ là "Mỗi người đóng góp tùy theo khả năng, mỗi người được hưởng tùy theo nhu cầu." Từ đó dẫn đến nhu cầu phải có tư duy mới, chính sách mới. Cao vọng tái cấu và phát triển kinh tế đòi hỏi phải có sự xét lại về ưu tiên xử dụng tài nguyên xã hội. Theo những bài diễn văn của Gorbachev đọc từ 1985-1988, rường cột của chính sách đối ngoại Liên Xô là hoà hoãn để tài giảm binh bị (hạch tâm lẫn chính qui). Ít nhất là 17% tổng sản lượng quốc gia của Liên Xô là chi phí quốc phòng (chi phí quốc phòng của Hoa Kỳ là 6% trong khi của Việt Nam là khoảng 25%). Gorbachev lặp lại nhiều lần rằng mỗi quốc gia không còn có thể tìm an ninh riêng lẻ bằng cách gây bất ổn cho đối phương; rằng trong thời đại của chúng ta, chỉ có thứ an ninh duy nhất là an ninh chung; rằng mức độ phát triển của võ khí hạch tâm đã loại trừ hình thức bạo động ra khỏi lãnh vực ngoại giao nhất là giữa các siêu cường (chiến tranh, trong suốt lịch sử của con người, luôn là một trong những phương tiện để đạt mục tiêu đối ngoại, và mối đe dọa diệt vong đã đóng vai rường cột trong thời chiến tranh lạnh). Tư duy mới về vấn đề an ninh quốc gia như kể trên đã được đề ra trong khoảng thời gian từ giữa năm 1985 cho đến tháng 2-1986 thì biến thành

chính thức với Đại Hội Toàn Quốc Đảng Cộng Sản Liên Xô lần thứ 27.

Âu Châu và Liên MinhChiến Lược.

Liên Xô từ đó khởi xướng những cuộc gặp gỡ cao cấp và thượng đỉnh cùng những cuộc thương thuyết với Hoa Kỳ để tài giảm binh bị tại Âu Châu. Sau những trở ngại như việc Liên Xô không chấp nhận chương trình phòng thủ không gian của Reagan (Strategic Defense Initiative hay SDI) và Hoa Kỳ đòi hỏi giảm lực lượng chính qui của khối Warsaw, cuộc họp thượng đỉnh tại Reykjavik giữa Reagan và Gorbachev đã dọn đường cho hiệp ước về võ khí hạch tâm tầm trung (Intermediate-range Nuclear Forces hay INF) được ký kết vào tháng 12 năm 1987. Tại Reykjavik Gorbachev đã đề nghị hoàn toàn loại trừ cấp võ khí này, và về sau còn ưng thuận nguyên tắc "zero đôi" tức là loại bỏ INF tại cả Âu Châu lẫn Á Châu. Hiệp ước này đã đánh dấu hai nhượng bộ quan trọng về phía Liên Xô: (1) số võ khí cắt giảm chênh lệch - phía Liên Xô phải hủy bỏ nhiều hơn; (2) và việc ưng thuận cho đối phương kiểm soát tại chỗ.

Về phía lực lượng chính qui tại Âu Châu (Conventional Forces in Europe hay CFE), Liên Xô cũng đã đề nghị cắt giảm từ 10% đến 15% số võ khí. Trong bài diễn văn đọc tại Liên Hiệp Quốc vào tháng 12-1988, Gorbachev tuyên bố giải ngũ 500.000 quân, loại bỏ 10.000 chiến xa, 800 chiến đấu cơ, và 8.500 ống hỏa pháo. Ngoài ra, Mạc-tư-khoa sẽ rút 6 sư đoàn thiết giáp ra khỏi Đông Âu kể cả 4 sư đoàn thiện chiến đóng tại Đông Đức. Phi đội tấn công duy nhất đóng tại Đông Đức và Hung Gia Lợi cũng sẽ giải tán. Tiếp theo đó, Gorbachev lại thuyên bố vào tháng Giêng 1989 rằng Liên Xô cắt giảm 14,2% ngân sách quốc phòng và 19,5% số võ khí sản xuất.

Các nước thành viên khối Warsaw cũng theo sau với: (1) Đông Đức tuyên bố giảm 10.000 trong tổng số 170.000 quân tại ngũ, 600 trong tổng số 3.000 chiến xa, 50 trong tổng số 350 chiến đấu cơ, và 10% ngân sách quốc phòng; (2) Tiệp Khắc cắt giảm 12.000 trong số 145.000 quân tại ngũ, 850 chiến xa, 165 thiết vận xa, 51 chiến đấu cơ, và 15% ngân sách quốc phòng; (3) Hung Gia Lợi giải ngũ 9.300 quân hiện dịch, giảm 251 chiến xa, và 17% ngân sách quốc phòng; (4) Bảo Gia Lợi giảm 10.000 quân hiện dịch, 200 chiến xa, 200 ống hỏa pháo, 20 chiến đấu cơ, và 12% ngân sách quốc phòng. Như thế phe Warsaw đã giảm hẳn tầm mức đe dọa về quân sự đối với khối đồng minh NATO.

Lý do tại sao Mạc-tư-khoa để khối Warsaw bị sút giảm khả năng quân sự, nhất là khi Đông Âu là vùng có tầm quan trọng chiến lược hạng nhất đối với Liên Xô xưa nay? Nhu cầu kinh tế và tư duy an ninh mới chịu trách nhiệm cho những thay đổi này. Nói rõ hơn, "chủ thuyết Brezhnev" đã chết. Liên Xô tuyên bố từ năm 1968 rằng các nước xã hội chủ nghĩa chỉ có chủ quyền giới hạn cho phép sự can thiệp của một nước xã hội chủ nghĩa khác khi cần để bảo toàn hướng đi chung. Chủ thuyết này đã được dùng biện hộ cho hai lần Liên Xô mang quân sang đàn áp Hung Gia Lợi và Tiệp Khắc năm 1956 và 1968. Phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Liên Xô Gennadi Gerasimov đã không đùa khi tuyên bố hồi tháng 10, 1989: "Ở Liên Xô ngày nay chúng tôi đã thay thế chủ thuyết Brezhnev...bằng chủ thuyết Frank Sinatra, theo tựa một bản nhạc nổi tiếng của ông ta "Tôi có cách làm riêng của tôi".... Tôi nghĩ rằng mỗi nước Đông Âu đều đang theo lối riêng."

Song song với tuyên cáo mở đầu "chủ thuyết Sinatra," Gorbachev đã trực tiếp khuyến khích sự phát triển ngoài khuôn khổ chủ nghĩa xã hội xưa nay. Vào tháng 8, 1989, Gorbachev đã nhiều lần điện thoại áp lực cộng sản Ba Lan nhượng bộ phe công đoàn Liên Đới. Những thay đổi đột ngột tại Đông Đức sau chuyến viếng thăm của Gorbachev hồi tháng 10, 1989 cho thấy có thể ông đã đóng vai tuồng không nhỏ trong biến cố này, hoặc bằng áp lực trực tiếp phe Erich Honecker, hoặc sự có mặt của ông đã gián tiếp khuyến khích phong trào đòi đổi mới, hoặc cả hai. Có nguồn tin cho biết vào tháng 11, Gorbachev đã yêu cầu lãnh tụ cộng sản Milos Jakes của Tiệp Khắc nới lỏng gọng kìm; và vào tháng 12, Liên Xô đã ủng hộ các lực lượng nổi loạn chống chính quyền Nicolae Ceausescu (dĩ nhiên Mạc-tư-khoa xưa nay cũng chẳng ưa gì Ceausescu vì đường lối đối ngoại độc lập của Lỗ Ma Ni, nhưng hành động này có tác dụng phá vỡ thêm một thành trì chủ nghĩa xã hội).

Sự sụp đổ của bức tường Bá-linh và những biến cố thay đổi cục diện Đông Âu đã loại trừ nhu cầu có mặt của khối quân sự Warsaw. Câu hỏi ở đây không còn là cắt giảm hay không nữa mà đã biến thành Warsaw có thể tiếp tục và có còn cần thiết không. "Chủ thuyết Sinatra" công nhận quyền lựa chọn hướng đi của các quốc gia Đông Âu nhưng vẫn yêu cầu các quốc gia này làm tròn bổn phận quân sự đối với Warsaw. Hiệp ước Warsaw ký năm 1955 đã ghi rõ rằng liên minh quân sự là một phản ứng lại NATO và việc Tây Đức vào NATO. Vì thế khi hai khối Warsaw và NATO ký kết hiệp ước CFE tại Paris vào ngày 19 tháng 11, 1990 tuyên bố cả hai không còn coi nhau là thù địch thì không còn có lý do gì để Warsaw tiếp tục hiện hữu. Vấn đề còn lại của những năm đầu thập niên 90 sẽ chỉ xoay quanh vai trò của NATO. Các nước Âu Châu và Pháp muốn giới hạn

tầm quan trọng của NATO để giao trọng trách an ninh Âu Châu lại cho các quốc gia Âu Châu. Nhưng ảnh hưởng Hoa Kỳ hãy còn quá sâu rộng. Tại hội nghị về an ninh Âu Châu đầu tháng 6, 1991, Ngoại Trưởng Hoa Kỳ James Baker đã nhất quyết đòi giữ khuôn khổ NATO. Dầu thế nào đi nữa, vai trò tương lai của Liên Xô tại Âu Châu sẽ thay đổi hoàn toàn. Vào tháng 2-90, Gorbachev đã tuyên bố Liên Xô là một cường quốc Âu Châu hơn là siêu cường quốc tế. Như thế ông đã xác định lại vị trí hợp lý hơn cho Liên Xô. Trong tương lai, Liên Xô (hoặc các cộng hòa trong phần Âu Châu của Liên Xô) sẽ lần hồi gia nhập vào nền kinh tế chung và do đó phải dự phần vào an ninh chung của châu Âu.

Vai trò của Liên Hiệp Quốc.

Có lẽ một trong những điều quan trọng nhất trong Tư Duy Mới là nhìn nhận sự thất bại của thói quen can thiệp quân sự về phía một cường quốc đối với nước nhỏ. Bài học này không phải là dễ nuốt. Ở cao điểm của cuộc chiến Việt Nam, tại Hoa Kỳ cũng có nhiều tiếng nói đề nghị nới rộng vai trò của Liên Hiệp Quốc để tránh những cuộc chiến tranh sa lầy, thể hiện qua những đề nghị của Hubert Humphrey về LHQ trong kỳ tranh cử năm 68. Nhưng sau Việt Nam, Hoa Kỳ đã không rút ra được đúng bài học cần thiết. Thay vào đó chỉ là những lấp liếm đổ thừa kiểu "Apocalypse Now" hay kiểu quân đội phân bua bị khóa tay để khỏa lấp mặc cảm thua trận. Do đó thời Reagan và Bush lại xuất hiện những cuộc phiêu lưu mới khi thất bại (Thủy quân lục chiến tại Beirut), khi thành công (Grenada, Panama). Ngay cả cuộc chiến với Iraq vừa qua cũng chỉ sặc mùi chiến tranh Đại Hàn thời thập niên 50 dưới chiếc lọng Liên Hiệp Quốc. "Trật Tự Quốc Tế Mới" chắc chắn mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Trên bề mặt, trật tự này dựa trên những quyền căn bản và giá trị con người, công nhận quyền bình đẳng của mọi quốc gia, chuyển giao một số chủ quyền quốc gia lại cho các tổ chức quốc tế, bác bỏ những can thiệp đơn lẻ (unilateral intervention). Đấy cũng là những nguyên tắc căn bản của Tư Duy Chính Trị Mới trong lãnh vực bang giao quốc tế. Trong cuộc họp Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc để biểu quyết về việc xử dụng giải pháp quân sự đối với Iraq ngày 29 tháng 11, 1990, tất cả 15 vị ngoại trưởng của 15 quốc gia đang là thành viên của hội đồng đều nhắc đến Trật Tự Quốc Tế Mới trong các bài phát biểu. Liên Hiệp Quốc đã gần như một sớm một chiều tăng gia uy tín và biến thành giải đáp cho bài toán an ninh quốc tế.

Không phải trước đó Liên Hiệp Quốc không có vai trò nhưng cả hai cường quốc đều cố lợi dụng tổ chức này tối đa và đồng thời xem nó như công cụ của đối phương. Từ ngày sáng lập theo hiến chương Dumbarton Oaks, LHQ chẳng có mấy ngày vinh quang. Hết một vị tổng thư ký, Dag Hammarskjold, bỏ mạng trong vụ dàn xếp Congo mà theo một số nguồn tin là bị CIA ám sát. Còn Khrushchev thì đòi "nhổ nước bọt vào LHQ," cởi cả giày ra nện lên bàn để phản đối chính phủ Franco của Tây Ban Nha lúc họp Đại Hội Đồng LHQ, và hăm he thủ tiêu "thằng Ham [Hammarskjold] vô dụng," vì luôn ngầm cho rằng LHQ là công cụ của Hoa Kỳ. Rốt cuộc chẳng ai rõ CIA hay KGB đã ám sát Hammarskjold! Ngoài ra còn bao nhiêu lần quân bảo vệ hòa bình bỏ mạng trong những vùng sôi bỏng từ Namibia, Lebanon..., cho đến biên giới Iran-Iraq, và bây giờ biên giới Kuwait-Iraq.

Thời Reagan, Hoa Kỳ đã phản ứng lại những tiêu xài xa xỉ, khuynh hướng chống tư bản đế quốc thực dân - nhất là khuynh hướng chống Do Thái ủng hộ Tổ Chức Giải Phóng Palestine - phản ánh tiếng nói của đại đa số thành viên là các quốc gia đệ tam trong Đại Hội Đồng LHQ bằng cách cắt giảm tài trợ, chưa kể là còn sinh ra những tập tục lạ kỳ như hệ thống chấm điểm của đại sứ Hoa Kỳ lại LHQ thời bấy giờ là bà Jean Kirkpatrick - ưu tiên ngoại giao dựa trên số điểm ban cho mỗi nước tùy theo số lần nước ấy biểu quyết theo Hoa Kỳ trong LHQ.

Cũng không phải Liên Xô xem trọng LHQ gì trong quá khứ. Theo lời cựu Phó Tổng Thư Ký LHQ Arcady Shevchenko, nhân vật Liên Xô cao cấp nhất xưa nay đào tẩu theo Hoa Kỳ, thì Mạc-tư-khoa đương nhiên đòi hỏi công dân Liên Xô làm việc cho LHQ phải dọ thám, tạo ảnh hưởng, sắp xếp để có lợi cho phe họ chứ không hề để họ có được một độ độc lập cần thiết như đa số các nước khác. Lương bổng thì phải nộp cho chính phủ họ và chỉ được trả lại một phần nhỏ. Đó là chưa kể Liên Xô không bao giờ chịu nộp đủ phần đóng góp tài chánh của mình.

Vì vậy, 2 dấu hiệu chính cho thấy Liên Xô thật sự đổi thái độ đối với LHQ là: (1) việc nới lỏng kiểm soát đối với công dân Liên Xô làm việc cho LHQ - bắt đầu từ năm 1987, họ được sống ngoài khu biệt lập dành cho nhân viên ngoại giao của Liên Xô, và được ký giao kèo dài hạn với LHQ; (2) việc Mạc-tư-khoa góp 75 triệu Mỹ Kim trong số 200 triệu thiếu quỹ tài trợ các chiến dịch bảo vệ hòa bình của LHQ bằng đồng ngoại tệ vốn quí giá đối với Liên Xô.

Liên Xô đã có những đề nghị thiết thực để nới rộng vai trò của LHQ trong việc giải quyết tranh chấp. Việc đóng tiền thiếu cho quỹ quân bảo vệ hòa bình cho thấy Mạc-tư-khoa bắt đầu có chính sách nâng cao khả năng quân sự của LHQ. Liên Xô đã đưa những đề nghị thiết thực trong vấn đề này như lập những vị trí quan sát trong những vùng sôi động, tạo ra một đội hải quân LHQ để tuần tiểu thường xuyên vùng Vịnh Ba Tư (đề nghị này có trước vụ Iraq-Kuwait), và việc cho quân LHQ đóng dọc biên

giới bất cứ quốc gia nào tự ý yêu cầu để bảo đảm an ninh chống lại sự can thiệp quân sự của những thế lực từ bên ngoài.

Trong khoảng thời gian 1988-1989, Liên Xô đã tích cực ủng hộ việc thành lập thêm năm chương trình giữ hoà bình cho LHQ: 2 đội quan sát quân sự việc Hồng Quân rút khỏi A-phú-hãn và quân Cuba rút khỏi Angola, đội giám sát ngưng bắn dọc biên giới Iran-Iraq, Nhóm Hỗ Trợ Tiến Trình Chuyển Tiếp tại Namibia, và Nhóm Quan Sát tại Trung Mỹ. Mạc-tư-khoa chủ trương xử dụng vai trò nới rộng của LHQ để giúp giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế. Trong việc dàn xếp vấn đề Kampuchea, Liên Xô một mặt vẫn lên tiếng bênh vực Việt Nam và chính quyền Hun Sen, một mặt vẫn tích cực ủng hộ giải pháp LHQ do Hội Đồng Bảo An đề xướng. Chính sách hai mặt này đã tạo những mâu thuẫn không nhỏ giữa Mạc-tư-khoa với đồng minh Phnom Penh và Hà Nội. Phnom Penh và Hà Nội xưa nay lúc nào cũng muốn giới hạn tối đa vai trò quốc tế trong việc giải quyết vấn đề Kampuchea. Theo dự án của Hội Đồng Bảo An LHQ, Thế Lực Chuyển Tiếp tại Kampuchea của Liên Hiệp Quốc (United Nations Transitional Authority in Cambodia hay UNTAC) sẽ thay thế chính quyền Hun Sen để tạo điều kiện tổ chức bầu cử tự do mà trên danh nghĩa vẫn không giải tán chính phủ Phnom Penh. Hun Sen cho rằng như thế thật ra là một hình thức giải tán chính phủ ông. Hà Nội và Phnom Penh chống mạnh nhất là dự định giải giới hết 4 lực lượng quân sự gồm Phnom Penh, Khmer Rouge, Sihanouk, và Son Sann. Chúng ta sẽ đi vào chi tiết hơn về sự xuất hiện của nhiều mâu thuẫn trong liên minh Mạc-tư-khoa - Hà Nội keo sơn từ 1978.

Đệ Tam Thế Giới.

Một phần chính sách LHQ của Mạc-tư-khoa nằm trong chính sách rộng lớn hơn đối với đệ tam thế giới. Trước đây, Mạc-tư-khoa chủ trương giúp đỡ cho các đảng cộng sản đệ tam thế giới giành chính quyền bằng võ lực. Thời 70, những nước xã hội chủ nghĩa mới này có công dụng cho Liên Xô thêm lợi điểm chiến lược hoặc nới rộng ảnh hưởng của "tổ quốc chủ nghĩa xã hội". Do đó "đế quốc" Liên Xô bành trướng ảnh hưởng trên căn bản ý thức hệ. Không may, các nước xã hội chủ nghĩa anh em này càng ngày càng biến thành gánh nặng. Nói chung, các nước xã hội chủ nghĩa trong thế giới thứ ba đều nghèo đói lạc hậu thuộc hàng nhất nhì ngay cả khi so sánh với số đông quốc gia khác trong đệ tam thế giới. Từ Cuba, đến Kampuchea, Lào, Việt Nam, đến Angola, Ethiopia. Mozambique, Nam Yemen, đến A-phú-hãn, đến Nicaragua, đều cần viện trợ của Liên Xô. Chưa kể Angola, Mozambique, A-phú-hãn, Kampuchea (và ở độ thấp hơn nhiều, Việt Nam và Lào), và Nicaragua đều bị đe dọa bởi quân du kích. Dần dà sự mất máu này biến thành lực cản trong nổ lực phát triển kinh tế của Liên Xô. Nói theo thuyết Paul Kennedy về sự sụp đổ của các đế quốc thì những gánh nặng quân sự (kể cả những ràng buộc có tính cách chiến lược) đã tăng gia nhanh chóng hơn là nền kinh tế Liên Xô có thể chịu đựng. Thêm vào đó, cái nhìn an ninh quốc gia đã được định nghĩa lại dưới thời Gorbachev như đã trình bày. Lý do duy trì những liên hệ tốn kém với các nước anh em trong đệ tam thế giới ngày càng khó biện hộ. Từ đầu thập niên 80, tại Liên Xô đã bắt đầu có những ý kiến tách rời ra khỏi đường lối cũ. Karen Brutents, phó Văn Phòng Quốc Tế của Trung Ương Đảng lên tiếng kêu gọi chuyển trọng tâm chính sách từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em nghèo sang các nước không cộng sản nhưng có ảnh hưởng và tiềm lực lớn hơn trong thế giới thứ ba như Ấn Độ, Ba Tây, Mễ Tây Cơ.

Văn Phòng Quốc Tế của Trung Ương Đảng là cơ quan thừa kế sứ mạng của Quốc Tế Cộng Sản (Comintern) và là chỗ tụ tập những phần tử cộng sản cứng rắn. Hai nhân vật đứng đầu cơ quan này trước đây là Boris Ponomarev và Ulyanovsky đều là cựu cán bộ Comintern. Ponomarev về hưu vào tháng 2-1986 và được thay thế bởi cựu đại sứ Liên Xô tại Hoa Kỳ Anatoly Dobrynin. Dobrynin tương đối có khuynh hướng uyển chuyển hơn vì kinh nghiệm ngoại giao của ông. Phận sự của Ulyanosky có lẽ đã được chuyển giao cho Brutents sau khi Ulyanovsky về hưu. Ngoài ra, Alexandre Yakolev, nguyên viện trưởng Viện Kinh Tế Thế Giới và Ngoại Giao tại Mạc-tư-khoa, đã được Gorbachev chỉ định vào Văn Phòng Tuyên Truyền Dân Vận của Ban Bí Thư Trung Ương Đảng và biến thành cố vấn tin cẩn của Gorbachev. Yakolev, cũng như Brutents, muốn Liên Xô đặt trọng tâm vào các quốc gia quan trọng ngoài thế giới xã hội chủ nghĩa.

Cố thủ tướng Rajiv Gandhi viếng thăm Mạc-tư-khoa vào tháng 5-1985. Gorbachev sang New Dehli hồi tháng 11-1986. Những trao đổi kinh tế và quân sự gia tăng kể cả việc Liên Xô ký hợp đồng để Ấn Độ sản xuất một số MiG-29. Liên Xô là khách hàng số một của kỹ nghệ xuất cảng Ấn; và Ấn là một trong số nước mua nhiều võ khí nhất từ Liên Xô.

Gorbachev và Ngoại Trưởng Eduard Shervardnaze viếng thăm Mễ-tây -cơ, Ba Tây, Á Căn Đình, và Uruguay trong năm 1986 và 1987. Ngược lại, chính quyền Mễ-tây-cơ đã ủng hộ một số đề nghị của Mạc-tư-khoa về Trung Mỹ và nhu cầu loại trừ võ khí hạch tâm.

Tại Trung Đông, Mạc-tư-khoa đã lập bang giao với Oman, United Arab Emirates, và cả với Saudi Arabia là xứ Á-rập bảo thủ nhất. Ai Cập cũng được Liên Xô cho khất nợ trong khi phe Hoa Kỳ và Quỹ

Tiền Tệ Quốc Tế ép buộc Cairo phải cải tổ kinh tế bỏ bớt những chương trình như bao cấp giá cả nhu yếu phẩm. Ai Cập xưa là đồng minh của Liên Xô dưới thời Gamal Abdel Nasser. Sau, người kế vị ông là Anwar el-Sadat loại trừ ảnh hưởng Liên Xô, ký hòa ước với Do Thái và biến Ai Cập thành nước nhận viện trợ Hoa Kỳ nhiều thứ nhì sau Do Thái. Đáng ngạc nhiên hơn là liên hệ Mạc-tư-khoa - Jerusalem. Ngoại trừ lúc ban đầu là quốc gia công nhận Do Thái đầu tiên hồi năm 1948, Liên Xô xưa nay nghiêng về phía Á-rập trong cuộc tranh chấp giữa Do Thái và Á-rập. Nhưng kể từ cuộc gặp mặt hồi tháng 8-1986, Liên Xô đã có những nỗ lực cải thiện bang giao với Do Thái, một thế lực quân sự đáng kể trong vùng. Vào tháng 4-1987, Gorbachev đã nói thẳng với Tổng Thống Syria là Hafez al-Assad rằng tình trạng thiếu bang giao giữa Liên Xô và Do Thái không thể xem là bình thường. Assad là đồng minh của Liên Xô bằng hiệp ước Hữu Nghị. Đang hồi chiến tranh Iran-Iraq, Liên Xô đã đáp ứng yêu cầu bảo vệ tàu chở dầu của Kuwait bằng cách cho 3 chiếc hoạt động dưới sự bảo vệ và lá cờ Liên Xô (Hoa Kỳ cũng hành động tương tợ nhưng rầm rộ hơn và đã gây nhiều xích mích với Iran hơn).

Tóm lại chính sách mới dưới thời Gorbachev về thế giới thứ ba gồm hai phần chính: (1) cải thiện liên hệ với các nước không cộng sản, và (2) giải quyết các vấn nạn gây ra bởi các đồng minh xã hội chủ nghĩa bằng những phương thức ít tốn kém nhất. Trọng yếu là xử dụng giải pháp chính trị thay vì quân sự. Đây là chỗ cho vai tuồng nới rộng của LHQ. Tại Nicaragua, Angola, và Kampuchea, Liên Xô đã hợp tác với Hoa Kỳ hay quốc tế để đi đến giải pháp. Hai trường hợp đầu thành công hơn vì điều kiện khách quan và vì Liên Xô có ảnh hưởng mạnh hơn là trong vấn đề Kampuchea. Thí dụ, trong vụ thương thuyết năm 1988 giữa phe du kích quân UNITA của Savimbi và phe chính quyền Angola với quân Cuba, trưởng phòng Đông và Nam Phi trong Bộ Ngoại Giao Liên Xô là Vladillen Vasev đã áp lực phe đồng minh họ là quân Cuba và chính quyền không cho bỏ cuộc. Tại A-phú-hãn, "trận chiến sa lầy" của Liên Xô, Mạc-tư-khoa cũng đã giàn xếp rút quân với sự có mặt của các quan sát viên LHQ. Có lẽ sau một thập niên đối phó với tinh thần độc lập và thanh gươm lưỡi liềm của Hồi Giáo từ dưới thung lũng lên đèo núi Trung Á đã cho Mạc-tư-khoa nhìn thấy viễn tượng cuốn cờ kiểu Hoa Kỳ tại Việt Nam. Mỗi nơi đều có thực tại riêng khó lòng quân viễn chinh thấu hiểu. Ít ra, Liên Xô không thể đổ thừa guồng máy dân chủ với dư luận quần chúng đã trói tay quân đội trong một cuộc chiến "đạo đức." Đất A-phú-hãn còn trải đầy mìn chống nhân sự hoá trang dưới dạng đồ chơi trẻ con. Chắc thế giới rồi phải đồng ý rằng lịch sử con người chưa từng nhìn thấy một cuộc chiến "đạo đức."

Kỳ tới: Đông Á

NHỮNG Ý NGHĨ VỤN VỀ MỘT NỀN GIÁO DỤC

PHẠM CAO DƯƠNG

Hai thế giới của người Việt ở hải ngoại

Những người Việt Nam lưu vong ở hải ngoại thuộc phần tư cuối cùng của thế kỷ 20 luôn luôn sống trong hai thế giới khác biệt. Thế giới của trú quán và thế giới của nguyên quán. Tùy theo hoàn cảnh, ban ngày người ta có thể sống với người Mỹ, người Pháp, người Đức, người Thụy Điển, người Đan Mạch, người Úc, người Gia Nã Đại... vân... vân..., tối về sống với gia đình, họ hàng, bè bạn người Việt. Cuối tuần sống và hoạt động trong các cộng đồng người Việt. Ranh giới ở đây là ranh giới thời gian ấn định bởi những chiếc đồng hồ ở cùng khắp mọi nơi. Nhưng trong nhiều trường hợp, ranh giới đã không hiện ra một cách rõ rệt. Ban ngày làm việc hay học hỏi trong thế giới không phải là Việt Nam, người ta vẫn có thể bị ám ảnh bởi những hình ảnh, những ý nghĩ về Việt Nam hay tự liên tưởng đến những vấn đề Việt Nam. Một điểm hay, một điều dở, một sự phí phạm do cuộc sống quá phong phú hay do nhu cầu của một nền kinh tế thị trường tạo ra, một hạnh phúc thoáng qua... trong thế giới nơi trú quán đã thường trực đưa người ta vượt biên trở về với thế giới của nguyên quán để sau đó, giật mình trở về với thực tại. Chiều về sinh hoạt với gia đình, bè bạn, hay đêm ngủ một mình, người ta lại vượt biên từ thế giới của nguyên quán Việt Nam trở về thế giới của trú quán vì một ưu tư, lo lắng nào đó liên hệ tới cuộc sống ở trú quán. Cuộc sống dở dang, nửa vời này đã chi phối toàn bộ những ý nghĩ của họ. Đối với những vấn đề to lớn hơn liên hệ tới cộng đồng, tới đất nước, sự suy tư, sự thu nhận và phân tích các dữ kiện, hai thế giới đã đồng thời trở thành hai ám ảnh. Người ta không thể nói tới bất cứ vấn đề gì liên hệ tới đất nước Việt Nam, dù đó là chánh trị, là xã hội, là kinh tế, là giáo dục, là văn hóa mà chối bỏ mình là hải ngoại, là nhìn từ hải ngoại, là phân tích, là nhận định là đưa ra giải pháp, là trông đợi, ước mơ... từ hải ngoại. Cũng vậy nói tới các vấn đề Việt Nam, người ta không thể không nghĩ tới những vấn đề cùng loại của cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại, vì nói, vì viết, vì thảo luận, cãi cọ... cuối cùng người ta cũng đi tới vấn đề, đúng hơn nhu cầu hành động, từ đó tới những gì có thể làm được, những gì trong tầm tay mình, những gì có thể tạo nên sức mạnh cho mình. Nói cách khác những gì thực tế trước mắt, có thể làm được. Mười sáu năm qua người Việt ở hải ngoại đã đổ rất nhiều mực, đã tốn rất nhiều công sức, thời giờ, đã đi tìm chân tướng, ngọn ngành của cộng sản và chủ nghĩa cộng sản từ lý thuyết đến con người, Việt Nam cũng như quốc tế, nhưng đùng một cái sang thập niên chín mươi của thế kỷ 20, toàn bộ hệ thống của chủ nghĩa này đã sụp đổ trong một thời gian ngắn ở những nơi người ta tưởng rằng nó mạnh nhất. Trong khi đó thì người ta vẫn loay hoay với những vấn đề nội bộ của chính người Việt ở hải ngoại. Từ chuyện sống còn, công ăn việc làm, con cái học hành, đoàn kết hay kết hợp, xác định lập trường, chống xâm nhập của cộng sản... Tất cả đều bắt nguồn từ những vị thế bất ổn, từ cuộc sống mộng du giữa hai thế giới. Đối diện với vấn đề giáo dục người ta cũng không thoát khỏi thế trận rối rắm nếu không nói là ngõ cụt này. Chúng ta bàn về một nền giáo dục tương lai cho một nước Việt Nam tương lai, dù là một Việt Nam hậu cộng sản, nhưng chúng ta bàn từ hải ngoại, dựa vào những gì chúng ta nhận được ở hải ngoại, đối chiếu với những gì chúng ta thấy và kinh nghiệm hay học hỏi ở hải ngoại.

Chúng ta giả dụ một ngày nào đó chế độ cộng sản hiện tại không còn nữa, hoặc giả lạc quan hơn, một ngày nào đó chế độ cộng sản hiện tại bị sụp đổ hay bị thay thế bởi một chế độ chính trị nào khác. Nhưng chúng ta hoàn toàn không biết chừng nào sự sụp đổ hay thay thế đó sẽ xảy ra. Sáu tháng, một năm hay năm, mười, hai chục năm nữa? Chúng ta cũng không rõ là chế độ chánh trị lúc đó sẽ là chế độ gì. Cộng sản trá hình, tư bản ngoại quốc thống trị, xã hội, xã hội dân tộc, xã hội nhân bản... hay là gì? Chúng ta cũng không biết những tài nguyên được sử dụng lúc đó sẽ như thế nào? Đối tượng của giáo dục sẽ là gì? Mục tiêu lý tưởng, mục tiêu dài hạn, mục tiêu ngắn hạn sẽ là gì? Tất cả đều bắt nguồn từ lý tưởng ban đầu, đầu tiên và cuối cùng của những người Việt hiện sống lưu vong ở hải ngoại. Tất cả đều bắt đầu bằng những giả dụ dù được hiểu một cách tích cực, lạc quan là dự trù hay một cách tiêu cực, bi quan là giả tưởng. Nhưng nói như một vị cựu giáo chức có mặt trong buổi họp ngày 27 tháng Tư năm 1991 ở Tiểu Saigon, California, Hoa Kỳ, giữa một số những người lưu tâm tới một nền giáo dục tương lai cho Việt Nam nhân dịp nhà văn, nhà giáo Đỗ Quý Toàn từ Gia Nã Đại xuống vùng này, là *việc đến thì phải làm*. Vấn đề đã được nêu lên như một nhu cầu phải tìm hiểu, mổ xẻ, nhận định và hành động. Những người có mặt trong buổi họp kể trên đã làm công tác này. Những người có bài đăng trên *Thế Kỷ 21*, số 26, tháng Sáu năm 1991 số đặc biệt về *Vấn đề giáo dục ở Việt Nam thời hậu cộng sản* cũng đã làm việc này. Cũng như Bằng Vũ trong *Thế Kỷ 21*, số 28 tháng Tám năm 1991 đã trao đổi ý kiến về vấn đề này. *Việc đến thì phải làm*, xin thêm *thì cứ làm*. Hay, dở tính sau. Bài này được viết theo chiều hướng này và tất nhiên từ vị thế của một người có một nguyên quán và đang tạm trú ở một trú quán cách xa nguyên quán cả vạn dặm đường trong thế giới vật chất, vẫn vượt biên đi lại hàng ngày trong cuộc sống tinh thần và tình cảm, bắt đầu từ một giả dụ là chế độ cộng sản không còn nữa và vào lúc những người cầm đầu đảng Cộng Sản Việt Nam qua đại hội kỳ 7 của họ vẫn quyết định ngồi lì ở vị trí lãnh đạo đất nước của họ. Trong tư thế này những nhan đề như *Một dự án...*, *Một chương trình...*, *Một đóng góp... hay Góp phần thảo luận...* đều là những nhan đề quá to lớn nếu không nói là thiếu khiêm tốn, là thời thượng. Cũng trong tư thế này, người viết cũng mộng du nghĩ tới *những vấn đề giáo dục hướng vào giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại* vì những lúc tỉnh khi sống trong thế giới thực tế của mình, thế giới của trú quán, người viết thấy chúng cũng bức thiết không kém, đồng thời ở trong tầm tay của người Việt ở hải ngoại. Gia dĩ, khi làm những kế hoạch hay chương trình trong tương lai người ta phải nắm được yếu tố thời gian, định được những thời điểm từ lúc khởi đầu cho đến những mốc phân chia các giai đoạn. Cũng vậy, người ta phải biết được những tài nguyên, những phương tiện có thể sử dụng được. Chúng ta hiện không nắm, không biết hay chỉ nắm, chỉ biết một cách lờ mờ những yếu tố này. Nhưng nếu việc đến thì phải làm và cứ làm thì chúng ta phải tạo ra phương tiện để làm. Chúng ta không biết bao giờ thì *thời hậu cộng sản* trở thành *một thực tế* ở Việt Nam. Chúng ta đã nói tới phẩm chất và vai trò của các nhà giáo đã được đào tạo và đã hành nghề một cách tự do hồi trước năm 1975 ở miền Nam. Nhưng giả sử thời hậu cộng sản này chỉ đến trong mười, mười lăm, hai chục năm nữa -- điều này rất có thể xảy ra vì đối với những người cầm đầu đảng Cộng Sản Việt Nam hiện tại, sự nghèo nàn của đất nước, sự cùng khốn của người dân chưa chắc đã thực sự là quan trọng so với độc quyền lãnh đạo và kiểm soát của họ -- khi những nhà giáo này theo nhau ra đi vĩnh viễn, cùng chung với những người đã, đang và sẽ tham gia cuộc thảo luận này, thì ai sẽ là những nhân sự không bị huấn luyện theo đường lối của đảng cộng sản, để có cái nhìn, suy tư, hoạch định và thực thi một nền giáo dục mới không Cộng sản?

Chúng ta biết và dư biết đất nước Việt Nam hiện vô cùng nghèo đói, sa đọa, và dư biết hơn nữa là một nền giáo dục mới đòi hỏi phải có những phương tiện tài chánh, những sách vở - không riêng gì sách giáo khoa -, những học cụ, những cơ sở vật chất khác... mới có thể thực hiện được. Chúng ta sẽ kiếm đâu ra tiền bạc và phương tiện để biến những sách lược, những chương trình thành thực thể. Câu trả lời nằm sẵn ngay ở đó, ở ngay thế giới hải ngoại, thế giới của trú quán ngoài nước Việt Nam của người Việt.

Chúng ta có hơn một triệu người ở rải rác khắp thế giới, trong đó có những quốc gia giàu có và hùng mạnh nhất. Nói theo Nguyễn Long Đất trong *Thế Kỷ 21*, số 21, "Một triệu người Việt ở hải ngoại, ôi thật là một nguồn nhân lực khổng lồ hàm chứa một tiềm năng vô tận" và "Để cho tiềm năng đó bị mai một, lãng phí là tội ở ai?" Bốn chữ "những ý nghĩ vụn" được dùng trong nhan đề cho bài viết này bắt nguồn từ nhận định kể trên, nhận định về lối sống thiếu dứt khoát về thái độ khước từ không lựa chọn một trong hai thế giới của người Việt hiện lưu trú ở hải ngoại.

Giáo dục nào?

Câu hỏi được đặt ra nhưng thực sự nó đã được trả lời ngay từ đầu. Đó là một nền giáo dục không cộng sản thay thế cho nền giáo dục cộng sản đã hoàn toàn phá sản sau hơn bốn mươi năm độc quyền áp chế ở miền Bắc và mười sáu năm ở miền Nam.

Phá sản bởi vì nền giáo dục này đã không đáp ứng được nhu cầu cải tiến để theo kịp những biến

chuyển của nhân loại trong những năm cuối cùng của thế kỷ 20, sửa soạn bước sang thế kỷ 21 trong tất cả mọi địa hạt từ kinh tế, kỹ thuật khoa học, kể cả các khoa học nhân văn và xã hội. Phá sản vì nó đã không đáp ứng được nhu cầu giáo dục của người dân, không có khả năng đạt được những chỉ tiêu do chính chế độ đề ra trong đó có cả việc chống nạn mù chữ. Phá sản vì nó đã không những không giữ được mà còn làm sa đọa tinh thần phục vụ, lòng hăng say với sứ mạng xây dựng những thế hệ mới nhằm phục hưng quốc gia của giáo chức cũng như nếp sống, khả năng và phẩm chất của giới này.

Người ta có thể đổ tại nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu của quốc gia và sau đó là những năm dài của chiến tranh, chia cắt cùng sự can thiệp của ngoại bang. Nhưng đó chỉ là những biện minh dựa vào những vòng luẩn quẩn.

Nó cũng phá sản vì những sản phẩm nó tạo ra đã quá tệ hại về cả hai phạm vi kiến thức và hạnh kiểm. Những bằng chứng về sự băng hoại trong giới trẻ Việt Nam hiện tại, sự thiếu khả năng quản trị các sinh hoạt của quốc gia do sự thiếu giáo dục, thiếu huấn luyện -- hiểu theo nghĩa là không được cấp sách đến trường để được học những gì mà chức vụ họ đã hay đang được giữ đòi hỏi họ phải được học và thường trực theo dõi và học thêm nhằm cập nhật hóa trong một thế giới tiến quá nhanh và quá mạnh của cuối thế kỷ 20 này. Giáo dục dưới chế độ cộng sản đã không làm được những gì nó phải làm hay không được phép làm, những gì nó lẽ ra phải làm trong những năm sáu mươi, bảy mươi hay ít ra là tám mươi. Bây giờ thì nó đã phá sản cùng với chính lý thuyết và chế độ đã đẻ ra nó. Người viết không cần phải nêu lên những bằng chứng để chứng minh, vì tất cả đã hiển nhiên, rõ ràng và hàng ngày được người ta nhắc tới khi chuyện trò hay trên các mặt báo ở cả trong nước lẫn hải ngoại. Những hành động lừa đảo, gian lận, thói quen nói tục, tư cách của các cấp chỉ huy, sự dốt nát của các nhà lãnh đạo trong chế độ cộng sản đã trở thành những mẩu chuyện bên cạnh cuộc sống nghèo nàn, vất vả của các nhà giáo.

Giáo dục này sẽ là giáo dục nào? Giáo dục chuyên nghiệp - tráng niên, giáo dục kỹ thuật và khoa học hay giáo dục theo đúng nghĩa của nó là giáo dục con người. Ở đây là con người Việt Nam? Cũng vậy, giáo dục cấp thời để giải quyết những bế tắc nhất thời về kinh tế, từ đó chính trị hay giáo dục hướng vào những thập niên sắp tới, từ đó vào thế kỷ 21? Đây là những câu hỏi khó trả lời vì chúng vừa phức tạp, vừa tế nhị. Tùy theo cách nhìn hiện trạng của đất nước đối chiếu với những cái nhìn về con người, về thế giới hiện tại và tương lai, về các nền giáo dục hiện hữu ở các quốc gia có người Việt trú ngụ, chưa kể tới thời điểm của cách nhìn này, người ta có thể có những câu trả lời khác nhau. Không những thế, trả lời không khéo người ta có thể bị ngộ nhận, bị chụp mũ. Giới hạn giáo dục trong các địa hạt liên hệ tới phát triển kinh tế chẳng hạn. Lý do là vì chính quyền cộng sản hiện tại cũng cần phát triển những địa hạt này. Họ cần chuyên viên quản trị kế toán, chuyên viên kỹ thuật, thợ lành nghề... để sửa đổi và phát triển kinh tế của đất nước dưới chế độ không thay đổi của họ. Người Việt ở hải ngoại rành về các địa hạt này hoặc là sẽ bày cỗ sẵn cho họ ăn, hoặc là sẽ nhảy ra ăn có dưới cái tân giáo dục không chính trị. Riêng đối với người viết bài này nền giáo dục mà chúng ta lưu tâm và bàn thảo không thể chỉ là một nền giáo dục nửa vời, vá víu, hai hay ba chân khập khiễng mà phải là một nền giáo dục toàn diện. Giáo dục của những người làm giáo dục phải nhằm vào con người toàn diện hướng vào một xã hội và một thế giới tương lai mà người ta có thể thấy một phần nếu nhìn theo đà tiến của nhân loại hiện tại. Và theo đà tiến hiện tại, đà tiến của hai năm đầu của thập niên chín mươi này, cộng sản sẽ suy thoái không còn đất đứng. Nền giáo dục thực sự cho Việt Nam trong tương lai phải là một nền giáo dục toàn diện nhằm tạo dựng lại con người cho một nước Việt Nam đã bị lệ thuộc quá nhiều vào ngoại quốc trong quá khứ, bị chiến tranh tàn phá trong suốt hơn ba mươi năm và kéo dài đến tận ngày nay nếu người ta nói tới các cuộc chiến chống Tàu và ở Căm Bốt, bị đủ thứ cách mạng trong đó trầm trọng nhất là cách mạng vô sản của người Cộng sản phá hoại... Công tác nghiên cứu, thảo dựng kế hoạch tạo phương tiện, cập nhật hóa hướng về nền giáo dục này là một công tác vô cùng khó khăn, phức tạp và trường kỳ. Nó vượt khỏi khả năng của một nhóm người làm việc riêng lẻ, nhưng nó cũng có thể thực hiện được vì không chỉ từng nhóm, từng cá nhân, người ta cũng có thể từng phần đóng góp được miễn là phải hạn định những gì mình muốn làm cho rõ ràng, không bao quát, không tham vọng, luôn luôn đi sát với giới hạn cá nhân hay đoàn thể và tất nhiên là kiên trì, thường trực. Điều mới thoạt nhìn có vẻ mâu thuẫn. Người viết sẽ xin trở lại vấn đề này trong phần cuối của bài này khi gợi ý về một số công tác có thể làm.

Tạo dựng và tạo dựng lại những gì?

Đây là một câu hỏi mà bất cứ một người Việt Nam nào cũng có thể có ít nhất một câu trả lời. Tất cả tùy thuộc vào kinh nghiệm sống của cá nhân, vào sự quan sát, vào sự hiểu biết của cá nhân về quá khứ của dân tộc, vào cái nhìn của cá nhân về đất nước, về dân tộc trong hiện tại, vào sự hiểu biết và nhận định của cá nhân về thế giới bây giờ và trong những năm hay thế kỷ tới, vào ước mơ của mỗi người. Nhưng quan trọng nhất đúng như Đỗ Quý Toàn đã nhận định, là *tạo dựng lại niềm tin*. Niềm tin nào? Điều này tùy

thuộc nhận định của mỗi người, nhưng mọi người phải có. Không có niềm tin, người ta sẽ chẳng làm được gì cả, y hệt đối với các cụ ta ngày xưa, muốn thành công phải có chí, phải lập chí trước đã. Ở đây niềm tin khởi đầu và có tính cách giai đoạn là *chế độ Cộng sản ở Việt Nam sẽ sụp đổ*, vấn đề là sớm hay muộn, không đổ máu hay có đổ máu mà thôi. Niềm tin thứ hai, tích cực hơn, lâu dài hơn là *niềm tin vào khả năng, từ đó thế đứng và sứ mạng của dân tộc Việt Nam trong cộng đồng nhân loại*. Niềm tin này chúng ta đã có, đã được tổ tiên ta xây dựng từ những ngày đầu của lịch sử xuyên qua các truyện cổ dân gian, những công trình, những thái độ, những lời nói, những hành động của các cụ trong quá trình dựng nhà, dựng nước, giữ nhà giữ nước. Nó có thể mang những hình thức của những tin tưởng siêu hình, nhưng nó cũng đã được thể hiện một cách cụ thể với những khả năng thuyết phục, ngập tràn sức sống. Tất cả đầy rẫy trong lịch sử, trong văn học, bao gồm cả văn học dân gian và bác học của dân tộc, để sau này nở rộ trong văn chương, âm nhạc và cả hội họa hiện đại.

Người Việt Nam sang thế kỷ hai mươi mặc dù chưa tạo dựng lại được thế đứng độc lập của mình trong cộng đồng nhân loại nhưng vẫn không mất vì niềm tin căn bản này, trái lại còn nhìn thấy rõ hơn sứ mạng của mình. Hùng Lân và Phạm Duy ít ra là hai nhạc sĩ đã thổi vào lòng người Việt nói chung, thế hệ trẻ Việt nói riêng, của những thập niên bốn mươi, năm mươi và luôn cả bảy mươi trước khi miền Nam sụp đổ niềm tin tưởng vào sứ mạng của dân tộc mình đối với cộng đồng nhân loại đó. Trước hết là Hùng Lân. Nhà soạn nhạc cho giáo dục và cho tuổi trẻ Việt Nam của những thập niên kể trên đã cao giọng cùng hát với thế hệ mình, sau này với các thế hệ đàn em, rồi đàn con của ông về một Việt Nam *hoa gấm, uy linh,* tươi đẹp, rực rỡ, *sáng trưng ở một phương* mà Trời đã dành cho dân Việt từ nơi đó người "*trai đất Việt phải nêu đèn sáng thế giới ngóng trông*". Sau này, cũng trí giải đất Việt Nam hoa gấm, uy linh, tươi đẹp rực rỡ, sáng trưng ở một phương ấy, Phạm Duy đã nhìn thấy *trên đường tương lai* một ánh *lửa thiêng* đã bùng lên *soi toàn thế giới*. Không tin tưởng vào khả năng của dân tộc mình, vào tương lai xa và lâu dài của dân tộc mình, sống vào những thời kỳ tăm tối nhất của lịch sử dân tộc, những người nhạc sĩ dân tộc của chúng ta chắc chắn không thể nào thốt lên được những lời uy nghi, hào hùng, tràn trề sức sống và tự tin như vậy. Niềm tin thứ ba là niềm tin vào *vận hội mới của dân tộc*. Gọi là mới vì vận hội này chỉ đến với dòng giống Việt từ sau biến cố 1975, sau nhiều ngàn năm thử thách trong quá khứ. Sau năm 1975, mảnh đất nhỏ bé nằm trên bờ phía Tây của Thái Bình Dương không còn là địa bàn hoạt động duy nhất của người Việt nữa. Chúng ta bắt đầu có một địa bàn hoạt động lớn hơn. Chúng ta có cả thế giới trừ Nam Băng Châu. Từ người Anh ở Tây Âu, sau hơn một thế kỷ, thành ngữ và niềm hãnh diện "mặt trời không bao giờ lặn trên đế quốc Anh" đã chuyển sang "mặt trời không bao giờ lặn trên những miền đất có người Việt cư ngụ". Từ hai phương trời cách nhau non nửa trái đất, từ hai thời điểm cách nhau hơn một thế kỷ, hai dân tộc nhỏ bé, từ hai mảnh đất nhỏ bé, đã khởi sự những vận hội mới cho mình. Có điều nếu người Anh đã chủ động, dùng sức mạnh của cơ khí và võ lực xâm chiếm và khống chế các quốc gia và các dân tộc lạc hậu, nghèo đói khác thì người Việt đã tự nhiên từ chỗ không may được đẩy vào những xứ giàu có, màu mỡ đã được khai thác sẵn. Nếu người Anh cưỡng bách các dân tộc khác phải chấp nhận chế độ đô hộ của họ như những thực dân, đế quốc bạo tàn thì người Việt đã được các dân tộc khác rộng tay đón nhận với tình thương dành cho những người bị chính đồng chủng của mình đầy đọa, áp bức, kỳ thị. Nếu người Anh thường trực bị các dân bản xứ tìm cách kháng cự và đánh đuổi thì người Việt lại được các dân tộc khác giúp đỡ xây dựng cuộc sống mới, chấp nhận cho hưởng những gì họ có, học hỏi để cùng bước mạnh trên đường tiến hóa họ đã dầy công vạch hướng và xây đắp từ hàng chục, hàng trăm năm trước. Vận hội mới này tuy nhiên chỉ mới mở đầu. Hơn một triệu người Việt ở hải ngoại có thể giữ được hay ít ra ý thức được cội rễ của mình, từ đó kết hợp thành một khối, rồi quay lại hỗ trợ, tiếp sức cho hơn sáu chục triệu đồng bào của mình ở quê nhà hay không? Tất cả còn nằm trong vòng thử thách của những thập niên tới. Chúng ta đã có gạo, có nước, có lửa. Chúng ta có được cơm ăn hay không là tùy thuộc ở chúng ta. Cơm ngon, dẻo, sống, khê hay nhão nát là tùy thuộc ở chúng ta. Trong đời sống của một cá nhân, ta phải nói có những vận hội. Trong lịch sử và đời sống của một dân tộc cũng có những vận hội. Có những vận hội lớn và có những vận hội nhỏ. Có những vận hội người ta bắt được và có những vận hội người ta để vuột mất. Trong quá khứ, dân tộc Việt Nam đã để vuột mất nhiều vận hội hay đã khai thác sai, khai thác không đúng mức nhiều vận hội. May mắn thay đó chỉ là những vận hội nhỏ. Vận hội mới đến với chúng ta không phải là một vận hội nhỏ mà là một vận hội lớn, rất lớn. Một vận hội ngàn năm một thuở. Một vận hội để chúng ta hóa giải thế nhược tiểu đã giam hãm chúng ta từ cả hai ngàn năm dưới sự khống chế của người Tàu, sau đó là người Pháp, người Nhật, người Mỹ vân..vân... Một vận hội để chúng ta trở thành một dân tộc tự do và tự do thực sự không chỉ riêng trong phạm vi chánh trị, kinh tế hay xã hội.

Viết dông dài hơi nhiều. Người viết xin được tóm tắt lại. Chúng ta phải khởi sự bằng cách

dựng nên hay dựng lại niềm tin trong đó theo người viết có ba niềm tin quan trọng, chủ cốt là:

Thứ nhất: chế độ cộng sản, nguồn gốc của tình trạng yếu kém, tăm tối của dân tộc hiện tại sẽ bị sụp đổ và sụp đổ trong một thời gian rất gần.

Thứ hai: Dân tộc Việt Nam từ cá nhân đến tập thể là một dân tộc có khả năng, có vai trò và sứ mạng đóng góp và sự tiến hóa chung của cả nhân loại.

Thứ ba: Vận hội để người Việt thoát khỏi tình trạng nhược tiểu và chậm tiến đã đến với sự bung ra khắp thế giới của hơn một triệu đồng bào ta từ sau biến cố 1975.

Ba niềm tin kể trên không phải là viển vông, hão huyền mà đã được xây dựng từ những thực tế lịch sử cũ và mới. Tất cả đều hiển nhiên, không chối cãi được. Vấn đề chỉ còn là chúng ta có chấp nhận chúng hay không và chúng ta có tiến tới hay không?

Bây giờ nói tới con người và những giá trị mà giáo dục cần hướng tới. Đây là một vấn đề mà chúng ta với tư cách cá nhân chỉ có thể bàn tới như là một sự gợi ý. Những gợi ý chắc chắn sẽ rất khác nhau và chắc chắn ít nhiều ai cũng có. Các tác giả các bài báo viết về giáo dục nói chung, về giáo dục cho Việt Nam hậu cộng sản nói riêng đều đã nêu lên rất nhiều. Ở đây người viết cũng chỉ nêu thêm vài ý nghĩ vụn vặt. Khởi sự từ nhận định giáo dục là nhằm vào con người toàn diện thay vì là dạy nghề hay huấn luyện kỹ thuật chuyên môn nhằm giải quyết những yếu kém về kinh tế của Việt nam hiện tại. Con người mà giáo dục trong tương lai cần hướng tới trước hết phải là *con người bình thường*. Thế nào là con người bình thường? Câu hỏi này rất khó trả lời nhưng ta có thể bắt đầu bằng con người Việt Nam hiện tại, đặc biệt là những con người sản phẩm của chiến tranh, của cuộc sống nô lệ, của cách mạng khởi sự từ căm hờn, thù hận, của giáo điều, của lừa gạt, dối trá, bưng bít, kìm kẹp... Con người bình thường là con người biết quí trọng sự sống, sự sống của mình và sự sống của những cá nhân khác và tất cả những gì liên hệ tới sự sống trong đó có tự do, có tình thương của gia đình và của đồng loại. Chủ nghĩa, giáo điều, từ đó căm thù và cách mạng chỉ là những sản phẩm bất bình thường của những bộ óc bệnh hoạn. Con người bình thường cũng cần phải nhận định rằng mình chỉ là một cá nhân trong một tập thể, không ai có thể vượt lên trên người khác để trở thành đối tượng bắt người khác tôn sùng, phục vụ. Coi sự sống là điều kiện tiên quyết ở một con người bình thường, nền giáo dục tương lai phải chú trọng đến sự vun xới cho sự sống, vun xới từ vật chất, tình cảm, đến trí tuệ và tâm linh. Không có sự sống hay đúng hơn không có sự sống để phát triển, giáo dục cũng sẽ chết theo, không còn hoạt động được nữa. Ý niệm này cho ta thấy rõ hơn ý nghĩa của danh từ giáo dục, một ý nghĩa gắn liền với sự sống và sự sống đang phát triển trong đó cuộc sống và sự phát triển của con người phải được chấp nhận trước hết, coi như điều kiện tiên quyết. Chụp lên đầu con người ngay từ buổi đầu một cái mũ dù là mũ gì đi chăng nữa là ngăn chặn phát triển, là chấm dứt sự sống, là thay quyền tạo hóa từ đó là phi giáo dục.

Con người thứ hai mà giáo dục phải nhắm tới là *con người hiểu biết*. Hiểu biết về mình, hiểu biết về môi trường trong đó mình sống, môi trường thiên nhiên cũng như môi trường nhân văn, môi trường hữu hạn cũng như môi trường vô hạn. Hiểu biết về quá khứ và hiểu biết về hiện tại. Từ hiểu biết con người sẽ trở thành con người có ý thức và có trách nhiệm, trách nhiệm đối với bản thân, đối với gia đình, đối với xã hội, đối với đất nước và nhân loại. Từ hiểu biết con người sẽ tự nhận ra những giá trị cần phải bảo tồn và đề cao, những gì không phải là giá trị hay những gì không thể còn được gọi là giá trị nữa.

Con người thứ ba mà giáo dục phải nhắm tới là *con người sản xuất*, sản xuất được hiểu theo nghĩa rộng là có khả năng hoạt động để đóng góp vào cộng đồng sinh hoạt chung, từ đó có thể tồn tại hay đúng hơn duy trì và phát triển sự sống của mình một cách toàn vẹn. Giáo dục của ta trong quá khứ đã tạo nên không biết bao nhiêu mẫu người hoặc là không có khả năng làm gì để mưu cầu cuộc sống dù là cuộc sống vật chất cho cá nhân mình theo nghĩa đen của nó, hoặc là tự cho phép mình không làm gì cả, dựa vào quyền lực, vào những thủ đoạn lọc lừa, tráo trở hay vào những gì cha mẹ để lại, bắt người khác hoạt động để nuôi dưỡng mình. Trong tương lai, sản xuất để tự sinh tồn và trách nhiệm đóng góp phải được coi là những giá trị căn bản con người phải có để bảo đảm sự sống, phẩm giá của mình và của tập thể.

Ngoài ba con người kể trên -- *con người bình thường, con người hiểu biết và con người sản xuất* -- người ta có thể nói tới *con người tự do, con người dân tộc, và con người dân chủ*... Người viết nghĩ rằng ba con người sau mặc nhiên đã nằm sẵn trong hai con người đầu là bình thường và hiểu biết, vì một khi được hiểu biết một cách chân thật và đầy đủ, con người sẽ trở thành có ý thức, có trách nhiệm. Và một khi có ý thức, có trách nhiệm, y sẽ thấy rõ bản chất của mình, giới hạn của mình, khả năng của mình cũng như những gì mình phải làm, có thể làm, không thể làm và không nên làm, trong đó có những gì liên hệ tới tự do và dân chủ.

Kỳ tới: Loại bỏ những gì?

NHẬT KÝ

LÊ BI

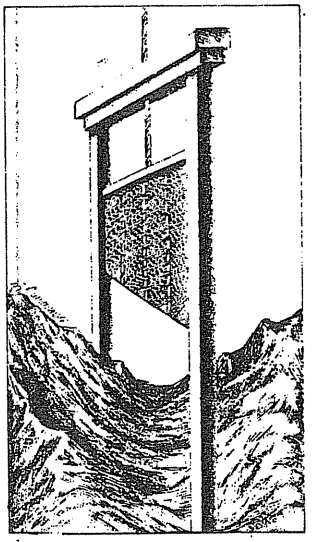

1.

19 tháng 8-1991

Vừa lùi mấy bước
những kẻ đang sống bỗng phát sợ làm người
đồn hết Lênin lên phiá trước
loáng thoáng những bóng ma hời
núp trong những chiếc xe tăng
đêm nay bao nhiêu thành phố chưa kịp ngủ
đã căng phồng dưới ánh trăng
đêm nay bao nhiêu con đường Mạc Tư Khoa nổi gân xanh
đã phải quay tròn bấy nhiêu câu hỏi
theo bản tin bị đánh thuốc mê
tưởng như có thể đánh thức cả thế giới.

Tôi nhớ cái trán của Gorbachev có một vết bớt
như một dấu ấn khó quên
thế kỷ này đã thúc thủ
những thiên đường đường chưa tới đã cũ mèn
chẳng mấy ai tin
giữa những đại lục không còn màn che
giữa tất cả đại dương đã không còn giới hạn
giữa những đôi mắt nhiều chiều
đang làm loang lổ nốt từng tháng từng năm còn lại
khi mỗi chúng ta đều có thể tự thành phán quan
phần đường đã qua và phần đường sắp tới.

Tôi nhớ nét mặt nhăn nhúm của Đặng Tiểu Bình
dở người dở đá
chẳng có gì dính dáng đến hôm nay
mà vẫn phải cuộn mình
để canh giữ Thiên An Môn
giọt máu xưa như móc ngoặt
nằm phục với những tên lính gác cuối cùng
chực viết thành bài học khác.

Tôi nhớ những giọt nước mắt
giữa một thế giới vẫn chưa định hình
tiếng chuông đổ liên hồi trên bức tường Bá Linh
ùn ùn từ lòng đất
đã làm thiên đường chuyển mình
đánh rơi biết bao sự thật.

Tôi sẽ thức
lịch sử chắc gì phải lập lại hai lần
giữa một thời đại đang kiệt sức
trăng xa đến rất gần
canh gác ngoài cửa sổ
như những bản tin đều khó thở
chiếu thẳng vào những bóng ma.

Tôi sẽ thức như một công dân thế giới
không biết làm gì mà vẫn đầy vội vã
không chỗ đứng cho cả một giấc mơ
nước Nga vẫn còn quá nhiều khoảng trống bất ngờ
trước mùa băng rã.

Tôi sẽ thức với tiếng sóng biển ở Crimea
có phải căn bệnh mùa hè của Khrushchev vừa tái phát
vết thương dưới căn hầm
len lỏi mấy mươi năm
những khuôn mặt mới trồi lên khơi lại
họ vẫn còn lạ lẫm
vừa bước ra đã hao hao giống Brezhnev
ngay cả những cái tên cũng mất bình thường
khó đọc đến xanh mét.

Tôi sẽ thức hàng trăm dặm miền đông nước Mỹ
cơn bão Bob cũng trở thành dấu chấm than khiêm tốn
không kịp xua đám sương mù
giữa bóng đêm tháng tám của nước Nga
tôi cũng nhớ cơn bão Hugo
đã thành mưa nối liền hai nước Đức
giọt mưa thành món nợ
chưa kịp hoá niềm vui
đã co rúm trong nỗi sợ.

Tôi nhìn kỹ Mạc Tư Khoa như nhìn vào canh bạc
thời đại này đã cạn phần hùn
di sản mà Lênin để lại
đã khô cứng như xác ướp Lenin
tôi đặt ván bài tương lai vào hết một bản tin
đang quay liên tục
mà cầu nó không bao giờ có thật
ôi những giấc mơ trong trái tim nước Nga
chậm chạp lên bàn giải phẫu.

CHUYẾN VỀ BUỒN THẢM

MAI THẢO

Tên tôi là Trịnh Phối Phối. Cái tên đặc Tàu này của một người gái Việt gốc Hoa và ra đời ở Chợ Lớn, mãi sau này, qua Luận nói, tôi mới biết là một trùng hợp tình cờ với tên một cô đào điện ảnh Trung Quốc nổi danh vì những cuốn phim chưởng thực hiện ở Hong Kong. Cha tôi sinh quán ở Quảng Đông. Tha phương từ thiếu thời. Tới khi trôi dạt tới vùng đảo Hải Nam thì trở thành một chủ thuyền Trà Cổ, bằng con thuyền mưu sinh trên sóng nước ấy ông đã đi tuốt luốt vào tận miền Nam, trong đợt di cư một triệu người vượt qua vĩ tuyến 17, khi cộng quân Việt Nam đã chiếm được nửa phần đất đai miền Bắc. Miền Nam làm ăn dễ dàng hơn miền Bắc, cha tôi mau chóng trở thành một "xì thẩu" giầu có, ông bỏ thuyền lên bộ, thành lập một công ty lúa gạo lớn, với kho hàng chính là một dẫy nhà ở đường Tổng Đốc Phương. Và kết hôn sau đó với một bạn hàng là mẹ tôi bây giờ, mẹ tôi người Cần Thơ, từ ngày lấy cha tôi, bà học nói tiếng Tàu, và giúp cha tôi rất đắc lực trong việc thu mua lúa gạo mỗi mùa ở miền Tây, nơi bà có nhiều bà con họ hàng thân thuộc. Hai năm sau cuộc hôn nhân, tôi ra đời. Làm chị lớn của năm đứa em ra đời những năm sau đó. Và bây giờ, tôi đã 27 tuổi, sau cuộc vượt biển với gia đình ở Châu Đốc, được một tầu Canada vớt, và định cư ở khu phố Tầu thuộc thành phố Montreal đã vừa đúng mười năm.

Thiếu thời của tôi, một đứa con gái mình hương lớn lên giữa một Chợ Lớn đang hồi phồn thịnh, một Chợ Lớn ở trong tay những người Tầu làm chủ hầu hết những công ty và những xí nghiệp lớn như cha tôi, chắc sẽ mãi mãi phẳng lặng và không có gì đáng nói. Nếu miền Nam không thình lình bị mất nốt vào tay Cộng

sản, với sự xuất hiện trên đường Tổng Đốc Phương, những người bộ đội vào từ miền Bắc với những bộ đồng phục nhăn nhúm, khắc khổ và đầy đe dọa của họ. Tình thế mới với cuộc đổi đời tan hoang khiến cha tôi hết sức lo lắng. Ông thở dài luôn miệng. Luôn miệng nói với mẹ tôi: "Người Việt ngoài Sài Gòn điêu đứng, thật sự rồi. Hoa kiều và vùng Chợ Lớn này cũng không được để yên đâu." Sau khi tham khảo với mấy bang chủ Triều Châu, Phúc Kiến, đều là bạn thân, cha tôi tìm cách cất dấu đi một phần tài sản, trước hết bằng cách phân tán đi số lượng hàng hoá chất núi trong mấy kho hàng, đem gửi gắm ở nhiều gia đình quen. Rồi ông hạ bảng công ty, niêm yết ở văn phòng chính là mọi dịch vụ thương mại đều nhất loạt đình chỉ. Sau, tới trụ sở phường, nói có mấy kho hàng bỏ trống xin cống hiến hết cho cách mạng để cách mạng toàn quyền sử dụng.

Thức thời và tiên liệu đến thế mà cha tôi cũng không được yên thân. Hết công an, quân quản rồi những cán bộ kinh tế vào từ miền Bắc thay nhau đòi cha tôi tới trình diện chúng. Để chúng vặn hỏi, đe dọa, bắt kê khai hết của chìm của nổi, và nói cha tôi sẽ phải nộp một khoản tiền thuế hàng trăm triệu cho nhà nước cách mạng về những tích trữ đầu cơ lũng đoạn thị trường chống chất đã nhiều năm. Cho tới một hôm cha tôi mời được một cán bộ Hà Nội cao cấp tới nhà đãi cơm. Người cán bộ này nói thẳng cho cha tôi biết là giới tài phiệt mại bản người Tầu trong toàn vùng Chợ Lớn là cái đích triệt hạ chính yếu của cách mạng. Cho tới khi nào Chợ Lớn không còn là Chợ Lớn nữa. Thật là một tình trạng tuyệt vọng. Vì họ nói và họ đã làm. Với những vụ bắt bớ, kiểm kê tài sản và khám xét thường xuyên.

Hết đất sống rồi, cha tôi nói, phải tìm đường đi thôi. Mẹ tôi hỏi đi đâu, thì cha tôi trả lời chưa biết, có thể tới Hong Kong, hoặc Tân Gia Ba hoặc Thái Lan gì đó. Kế hoạch tìm đường vượt biển được đặt ra, với những chuyến đi của mẹ tôi về miền Tây thăm dò đường đất, cùng với nhu cầu phải học tiếng Anh của chị em chúng tôi để sử dụng sau này. Vì theo cha tôi, khắp thế giới đều nói tiếng Anh và chúng tôi phải biết nói tiếng Anh.

Trong trường hợp này tôi gặp Luận, qua sự giới thiệu Luận với gia đình chúng tôi của một người bạn cha tôi ở Sài Gòn. Và Luận trở thành thầy giáo dạy tiếng Anh cho chúng tôi, mỗi buổi sáng và mỗi ngày hai tiếng.

So với những chàng trai Trung Hoa cùng một lứa tuổi Luận rất đẹp trai. Như một tài tử điện ảnh vậy. Mái tóc cắt ngắn, khoẻ mạnh, vầng trán cao, ánh mắt thông minh và tiếng cười truyền nhiễm. Là sỹ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà, cấp đại úy, Luận đã sang Mỹ du học, và nhờ nói và viết tiếng Anh rất giỏi, được dạy trường sinh ngữ quân đội cho tới ngày sụp đổ miền Nam. Sau đó phải đi học tập cải tạo ba năm mới được trả tự do, khi trở về bố mẹ già đều đã mất, anh em và những người thân đã sang Mỹ hết, chỉ còn lại một người em gái, vì xung khắc với gia đình nên không chịu cùng đi. Chưa được hộ khẩu trở lại, Luận phải tá túc ở nhà người em gái, theo Luận nói, cũng chỉ là tạm thời, vì hai anh em cũng xung khắc, gây gổ với nhau luôn.

Mỗi buổi sáng, Luận dùng xe máy, từ nhà người em ở Phú Nhuận vào Chợ Lớn. Uống tách cà phê tôi pha cho chàng rồi dạy chị em tôi viết và nói tiếng Anh. Thời gian dạy học kéo dài nhiều tháng, vì mẹ tôi về miền Tây đã cả chục lần mà vẫn không tìm được đường dây vượt biển. Cho tới khi tôi đã nói được những câu tiếng Anh thông thường, cha tôi giữ Luận lại ăn cơm trưa sau mỗi buổi dạy, đem cả chuyện tính đường vượt biển ra nói và hỏi ý kiến chàng nữa, thì với gia đình tôi, Luận đã trở thành một người thân.

Sự thân thiết ấy đưa tới nẩy sinh sau từng buổi học, chúng tôi ngồi cạnh nhau, giữa tôi và Luận một tình cảm rất êm đềm và rất ngọt ngào. Nói giữa chúng tôi không đúng hẳn vì chàng không một lần nắm tay, một lần tỏ tình, nhưng với tôi thì hình như đó là một trạng thái thầm kín của tình yêu, tôi cảm thấy mơ hồ như vậy, những chủ nhật nghỉ học chàng không vào Chợ Lớn, tôi thấy bâng khuâng, tôi thấy nhớ nhớ, chỉ mong cho mau tới buổi sáng thứ hai và bắt gặp mình trang điểm và làm đẹp trước khi gặp Luận, ngày trước tôi là một đứa con gái mộc mạc và không son phấn bao giờ. Rồi tôi cũng có được một số bằng chứng rằng Luận cũng có một thứ tình cảm nào đó với tôi. Qua những buổi học bỗng dưng mất hẳn tự nhiên. Qua những lần chàng rủ tôi buổi chiều ra một hàng quán nào đó ở Sài Gòn, lấy cớ là để tôi có thêm dịp nói chuyện với chàng bằng tiếng Anh cho mau giỏi hơn. Còn có một lần chàng đưa tôi về nhà chàng ở một chung cư vùng Phú Nhuận nữa và giới thiệu tôi với người em gái, cô ta đã đáp lại những lời chào hỏi của tôi một cách khô khan và lạnh nhạt.

Những buổi học kéo dài giữa một Chợ Lớn buồn thảm trong đổi đời, phần lớn những cửa tiệm của người Tầu đã phải hạ bảng, đóng cửa, tới khi mẹ tôi, từ một chuyến đi xuống miền Tây trở về, mừng rỡ cho cha tôi biết là đã tìm được một đường giây vượt biển ở Châu Đốc, chủ tầu, cũng là một người Trung Hoa đã nhận tiền

đặt cọc và chỉ dẫn cho địa điểm chờ đợi ở một khúc biển Châu Đốc, với ngày giờ ra khơi là hai tuần lễ nữa. Cha tôi liền nói ngay với Luận:

"Anh dậy cho các em tới hết tuần này rồi ngưng cho."

Luận ngạc nhiên:

"Sao vậy?"

Cha tôi không che giấu:

"Trong hai tuần lễ nữa, vợ chồng con cái chúng tôi sẽ vất bỏ lại hết để xuống Châu Đốc vượt biển, vì đã có người chủ tầu nhận tiền và thuận cho đi."

Phản ứng của Luận là im lặng, một im lặng đăm chiêu. Chàng không ngạc nhiên vì biết cha tôi đang bị chính thể mới khó dễ đủ điều và cái ý định vượt thoát đã có từ lâu.

Ngày hôm sau, sau buổi học và ở bữa ăn trưa với gia đình tôi, Luận đặt vấn đề cha mẹ tôi cho chàng được vượt biển cùng. Cha tôi đưa mắt nhìn mẹ tôi và mẹ tôi lắc đầu, trả lời Luật:

"Rất tiếc, anh Luận à! Thật tình là chúng tôi rất tiếc vì rất quý mến anh như anh đã thấy. Nhưng gia đình tôi bảy người cả thảy và chủ tầu chỉ nhận cho đúng bảy người được xuống tầu thôi, tuyệt đối không được thêm ai. Tôi nói có một bà cô ruột sống một mình ở Cần Thơ muốn mang theo nhưng bị từ chối ngay. Thành ra rất tiếc. Chứ nếu đưa được anh đi cùng thì chúng tôi sẵn sàng liền, anh không có vàng trả cho chủ tầu, tôi còn trả dùm cho anh được nữa."

Luận biết mẹ tôi rất thành thực nên không nài nỉ nữa. Chỉ rất buồn. Và tôi cũng vậy, rất buồn trước ngày sắp phải xa cách chàng mãi mãi. Hai tuần lễ sau cùng, chiều nào tôi cũng tới chỗ hẹn hò với Luận ở ngoài Sài Gòn. Chàng nắm chặt lấy tay tôi, tỏ tình với tôi, nói yêu tôi và muốn lấy tôi làm vợ. Tôi nghe rồi bật khóc:

"Nhưng em vượt biển đến nơi rồi, còn làm gì được nữa?"

"Phối Phối cứ nhận lời cầu hôn của anh đi đã."

Tôi lại khóc và gật đầu lia lịa:

"Vâng, em nhận, em nhận. Nhưng quyền định đoạt là ở cha mẹ em."

"Được, để anh về sẽ thưa chuyện ngay với cha mẹ."

Thì ra không cùng vượt biển với gia đình tôi được, Luận đã tìm một cách khác để rời khỏi Việt Nam, cách này không mới lạ gì, đã có rất nhiều người dùng, ngay từ sau tháng Tư, 1975. Tới buổi học cuối cùng, Luận từ chối bữa cơm trưa, chỉ xin được nói chuyện riêng với cha mẹ tôi ít phút. Bằng một giọng thành khẩn chàng nói chàng yêu tôi, tình yêu thành thật của chàng đã được tôi đáp lại, và xin cha mẹ tôi, không cần phải tổ chức tiệc cưới, chỉ cần ưng thuận cho tôi với chàng ra quận làm giấy giá thú, trước ngày gia đình tôi vượt biển. Mẹ tôi, chưa hiểu:

"Như thế để làm gì? Để anh giữ Phối Phối ở lại với anh thì không được đâu."

Luận nghiêm trang và chuyển xưng hô từ tôi xuống con:

"Con đâu dám đòi giữ em Phối ở lại. Chỉ khi nào nhà ta vượt biển và đã tới định cư ở một quốc gia đệ tam nào đó, như nước Mỹ, nước Pháp, em Phối làm giấy tờ bảo lãnh cho con đi, qua ưu tiên bảo lãnh số một là người vợ bảo lãnh cho người chồng."

Luận giải thích thêm:

"Con có mấy người anh đã đi. Nhưng không biết họ ở đâu để nhờ bảo lãnh. Vả lại, anh em bảo lãnh cho nhau không nằm trong ưu tiên hàng đầu, rất khó được và không biết tới bao giờ."

Cha mẹ tôi kêu liền tôi tới. Hỏi có phải vậy không, có phải tôi đã hứa hôn với Luận rồi không. Tôi ứa nước mắt gật đầu. Và sau đó, tôi mới biết cha mẹ tôi chưa chắc đã ưng chịu Luận nhưng đã thương yêu tôi không biết chừng nào. Khi đó, chế độ mới đã hiện nguyên hình sự thối nát khắp cùng và công khai của nó, từ địa phương tới trung ương, từ cấp trên đến cấp dưới. Nhất là ở Chợ Lớn, cái nạn ăn tiền hối lộ nhắm mắt ký bừa bất kể là một thứ giấy tờ nào đã trở thành một chuyện đương nhiên. Với một khoản tiền cha tôi đút lót cho cán bộ, cùng với hai người làm chứng, cái giấy hôn thú có chữ ký và đóng dấu đàng hoàng, chỉ một lát đã làm xong, một bản giao cho tôi, một bản giao cho Luận. Đám cưới kỳ cục. Chẳng có xe hoa chẳng có nhẫn cưới gì hết. Nhưng cầm lấy tờ hôn thú, tôi cũng vô cùng xúc động đến nước mắt dàn dụa. Và chưa ăn nằm với nhau một ngày nào nhưng đã coi Luận trọn vẹn như người bạn trăm năm của mình. Tôi nắm lấy tay chàng. Nói sẽ đợi chờ chàng. Nói tới được một quốc gia đệ tam nào, việc làm đầu tiên của tôi sẽ là dùng tờ giá thú, làm ngay giấy tờ bảo lãnh cho chàng, để chàng tới được với tôi, cùng nhau chung sống. Rồi ngày lên đường tới, tôi đi theo cha mẹ và bầy em nhỏ xuống Châu Đốc.

Chuyến vượt biển tốn kém. Mỗi đầu người mười lăm lượng vàng. Khiến tới quê người cha mẹ tôi hầu như hai bàn tay trắng và với tôi thì thành phố Montreal và đời sống ở Canada đã đem lại ngay cho hai bất ngờ lớn. Tôi phải đi làm ngay, một việc làm tồi tệ, đồng lương rất thấp, ở trong một xưởng may, với mười tiếng đồng hồ lao động một ngày, ra khỏi nhà từ sáng sớm đến chiều tối mới về. Lại gặp ngay mùa đông, mùa đông dài lê thê và rét lạnh ghê gớm của Canada, với những trận mưa tuyết liên miên không dứt. Đã là khá cực nhọc cho tôi, một đứa con gái Chợ Lớn nhà giầu ra đời trong một khí hậu bốn mùa ấm áp và ăn trắng mặc trơn từ thuở nhỏ. Nhưng tôi bình tĩnh đội tuyết đi làm trong cái tinh

thần Trung Hoa cha tôi thường nói như một niềm kiêu hãnh là người Trung Hoa sống trong bất cứ một hoàn cảnh bần hàn nào cũng không bao giờ thở than.

Bất ngờ thứ hai của tôi đã không làm được ngay thủ tục bảo lãnh cho Luận như đã tưởng. Mà phải chờ đủ một năm, sau khi đã được công nhận là thường trú ở Canada. Tôi viết cho Luận hai lá thư. Thư đầu, nói tôi đã tới Montreal và cho chàng địa chỉ. Thư sau, cho chàng biết là sự bảo lãnh cho chàng gặp phải chậm trễ, lý do tại sao. Cũng cho Luận biết thêm là tôi đã phải đi làm để giúp đỡ gia đình, mọi chuyện trong nhà gần như bố mẹ đã giao phó hết cho tôi, do đó tôi không thể mỗi ngày viết về một lá thư như chàng dặn.

Lá thư đầu của Luận làm tôi buồn tủi. Không có một lời an ủi tôi phải khổ cực trên quê người, chàng chỉ dặn tôi, với những lời lẽ hết sức khó chịu là không được đua đòi ăn chơi. Chàng không tin tôi sao? Không thấy tôi những sáng sớm lội bộ trên biển tuyết ra trạm xe bus, buổi chiều cũng vậy? Ăn chơi cái gì mới được chứ! Về chuyện phải chờ một năm nữa mới tiến hành thủ tục bảo lãnh cho chàng được thì Luận tỏ ý rất bực bội. Hết chê tôi cù lần lại trách tôi lơ là với một việc đối với chàng tối ư quan trọng và đợi chờ từng phút từng giây. Toàn những lời trách móc, không một lời yêu thương. Thật là một khổ tâm ghê gớm. Tôi đọc thư, khóc và giấu biến thư đi, không dám cho cha mẹ tôi hay. Thư Luận còn bắt buộc tôi nhiều điều nữa, tối thậm vô lý. Như cấm tôi không được son phấn. Như cấm tôi không được để cho đàn ông làm quen. Làm như tôi đã thực thụ là một con vợ hèn mọn của một người chồng là một ông trời vậy. Ở một thư khác, sau khi đã tìm ra địa chỉ của người anh ở New York, Luận "ra lệnh" cho tôi phải tới trình diện anh chàng ngay. Và tôi đã phải xin nghỉ việc hai ngày để đi New York.

Điều bất ngờ, lần này là một bất ngờ sung sướng. Trước đứa con gái xa lạ và mang hai giòng máu Việt Hoa chưa từng gặp, Tuyến, người lớn của Luận và bà vợ đã có với tôi một thái độ rất thân tình và niềm nở. Đón tôi vào nhà, và sau khi nghe tôi trình bầy, gọi ngay tôi bằng em, giữ ở cùng không cho đi mướn phòng khách sạn. Làm cơm đãi tôi. Cho tôi đi ăn cơm tiệm ở Chinatown New York nữa.

Một lúc nói chuyện, anh Tuyến cười, giơ một ngón tay:

"Với anh chị không có vấn đề gì. Từ bây giờ đã coi Phối Phối như anh em một nhà rồi. Nhưng sống với Luận, rồi Phối Phối sẽ thấy, không dễ dàng chút nào đâu nhé!"

Tôi ngạc nhiên:

"Sao vậy, thưa anh?"

"Tính nết Luận khó khăn phức tạp lắm vậy thôi. Và ngay từ nhỏ. Ích kỷ một cây nữa đấy, chỉ biết tới mình."

Tôi từ biệt anh chị Tuyến trở về Canada sau khi anh chị hứa nếu có dịp đi Montreal, sẽ ghé thăm gia đình tôi "cho hai gia đình quen biết nhau." Dọc đường, tôi nghĩ lại nhận xét của anh Tuyến về Luận có phần nào khá đúng. Luận chỉ nghĩ đến mình thật. Chỉ có một chú tâm duy nhất là những giấy tờ bảo lãnh tôi phải hoàn tất cho chàng, trong một thời gian kỷ lục để chàng có thể ra đi. Chứ với tôi, không một quan tâm, một săn sóc.

Hơn một năm trôi qua. Tôi được công nhận là người tỵ nạn thường trú và khởi sự làm bảo lãnh cho Luận. Giấy tờ thật là phiền phức. Phải được chứng thực hết, cái nộp sang Bangkok, cái gửi về cho Luận ở Sài Gòn. Không may năm đó đúng vào năm các quốc gia đệ tam, trong đó có Canada, tạm ngưng lại hết mọi đợt tiếp nhận những người bên nhà được bảo lãnh vào đất nước họ. Lý do: phong trào bảo lãnh bành trướng quá, đâu đâu cũng bảo lãnh và sự tiếp nhận đã bị ứ đọng lại. Cha mẹ tôi coi báo, biết rõ sự thể này. Để thấy cái việc tôi đợi chờ Luận là viển vông và không thể kéo dài được nữa.

Mẹ tôi:

"Con phải tính lại tương lai đời con đi. Năm nay con trên ba mươi rồi. Chờ một người cựu tù nhân cải tạo chưa được có lại hộ khẩu, chờ đến bao giờ."

Tôi nghẹn ngào nói không muốn bội ước với một lời cam kết thiêng liêng nhưng mẹ tôi gạt đi, nói đời người phải tùy thuộc vào hoàn cảnh mới. Cha tôi thực tế hơn, và đánh vào cái tinh thần trách nhiệm nơi người chị lớn của một bầy em nhỏ ở tôi.

"Cha mẹ già yếu, sắp theo nhau về trời rồi. Con phải mau mau lập gia đình cho có chỗ nương tựa lâu dài, để còn giải quyết cho các em con trong việc học hành của chúng chứ!"

Sự khổ tâm ở tôi không bờ không bến. Tình yêu tôi dành cho Luận trước sau nguyên vẹn. Như bát nước đầy. Chỉ còn biết cách kéo dài một tình trạng không thể vĩnh viễn kéo dài và chờ Luận sang. Nhưng cha mẹ tôi thì chống đối rõ ràng với sự kéo dài này và đã tìm xong cho tôi một người chồng khác. Đó là Đặng Tiểu Phùng. Phùng bằng tuổi tôi, con trai lớn của một thương gia Trung Hoa có hai, ba siêu thị lớn ở Montreal, mà cha tôi đã kết giao được khi vị thương gia triệu phú với người biết nhau cùng một nguyên quán là tỉnh Quảng Đông, và như nhau cùng tha phương từ rất sớm. Dưới mắt cha mẹ tôi, Đặng Tiểu Phùng là một chàng rể lý tưởng. Con nhà giầu, tướng mạo sáng sủa, lại rất đứng đắn không chơi bời gì, chỉ chuyên cần trông coi mấy cái siêu thị cho cha.

Chừng như hai ông già đã gả bán cho nhau, vì vị thương gia đến chơi nhà nhiều lần rồi đưa con trai lớn tới. Chừng như hai phía đều muốn đi tới hôn nhân ngay. Vì cha mẹ tôi mỗi ngày một thúc dục. Cho tới một ngày sự thúc dục trở thành quyết liệt, như một hạ lệnh không còn được phép khất lần và cưỡng chống, thì tôi oà khóc, nói cái kế hoãn binh cuối cùng:

"Phải cho con trở về Sài Gòn trước đi. Gặp lại anh Luận trước đã."

Cha mẹ tôi cùng kinh ngạc:

"Để làm gì?"

Tôi vừa khóc vừa nói:

"Để xin anh ấy hủy bỏ cho con lời hứa hôn, nếu anh ấy bằng lòng."

"Thì viết một lá thư là xong."

Tôi quyết liệt lắc đầu:

"Không. Con phải được gặp. Nếu cha mẹ ngăn cấm không cho con trở về Sài Gòn, có giết chết con cũng không chịu lấy một người đàn ông nào hết."

Lần duy nhất trong đời tôi dám đương đầu, dám cưỡng chống lại bố mẹ mình như thế. Nhưng thái độ quyết liệt của tôi lại có hiệu quả. Cha mẹ tôi chán ngán, chịu thua đứa con gái bướng bỉnh. Và sau khi bắt tôi thề độc chỉ được ở Sài Gòn nhiều nhất là một tuần rồi phải trở về Canada, đành cho tôi trở lại Việt Nam.

Chuyến trở về đầy bồn chồn và hoang mang. Tôi chưa xa nhà một mình bao giờ. Những cảnh tượng nhìn thấy sau khi máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất lại toàn là những cảnh tượng thê thảm. Những dấu vết tan hoang và đói khổ cùng khắp. Nơi những bầy người quần áo nhớp nhúa, chạy theo tôi từ phi trường, thì thầm hỏi tôi có gì để đổi chác và mua bán hay không. Nơi mấy mụ nhân viên Quan Thuế thô lỗ và dữ dằn, với cái va-ly quần áo và bọc quà tôi

Bài thơ cuối cùng của Hồ Dzếnh

Nhà thơ Hồ Dzếnh (tên phiên âm theo giọng Quảng Đông từ chữ Hà Anh), tên thật của nhà thơ là Hà Triệu Anh, sinh năm 1916. Cha là Hà Kiến Huân di cư từ Quảng Đông, Trung Quốc sang Việt Nam vào những năm cuối cùng của thế kỷ thứ 19. Mẹ là một thiếu nữ Việt Nam chở đò ngang trên sông Ghép Thanh Hoà tên Đặng Thị Văn.

Qua một lá thư gửi nhà thơ Trần Mộng Tú, từ Nữ Sĩ Nguyễn Thị Hồng Nhật là vợ của nhà thơ Hồ Dzếnh: báo tin nhà thơ Hồ Dzếnh vừa từ trần tại Hà Nội, Việt Nam vào ngày 13 tháng Tám năm 1991, hưởng thọ 76 tuổi. Kèm theo với tin buồn này là một bài thơ cuối cùng của nhà thơ quá cố Hồ Dzếnh.

Hoa mẫu đơn

Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ
Đôi ta trinh tiết đợi chờ lấy nhau
Ca dao

Em ạ, quê ta tháp giáo đường
Sáng chiều vấn vọng những hồi chuông
Ai đi xem lễ tôi đi với
Gió dạo lời kinh toả vấn vương

Con gái Nhà Chung xinh đẹp lạ
Đẹp hơn con gái phố phường bên
Ngày ngày hai buổi xưa đi học
Mượn lối vườn hoa để gặp em

Tôi nhớ từng thanh đá lát thềm
Từng hàng ngói nhỏ mái nhà êm
Cây doi đứng cạnh hòn non bộ
Tỏa mát đường đi gạch lá nem

Ôi vật vô tri cũng có hồn
Những ngày nắng mới những hoàng hôn
Tình yêu sau trước đều như vậy
Những thoáng vui xen những nét buồn

Chủ Nhật tự nhiên thành buổi hẹn
Gió bay tà áo trắng như thơ
Mẫu đơn nở giữa hai lời nguyện
Phảng phất còn thơm đến tận giờ...

Đêm Giáng Sinh này em ở đâu
Nghe chuông có nhớ thuở ban đầu
Ước chi sống lại thời xưa nhỉ
Để trẻ ra và để hẹn nhau.

HỒ DZẾNH

mang theo bị lục tung ra, khám xét từng ly từng tý. Muốn thấy lại cái bộ mặt bây giờ của đời sống Sài Gòn Chợ Lớn, tôi thuê một chiếc cyclo, nói cho đi một vòng những phố xá Sài Gòn trước khi vào Chợ Lớn. Đã mười lăm năm. Và cuộc đổi đời đã đem tới cho Sài Gòn một đổi thay vừa xấu xa vừa tiều tụy. Những khu phố xá ngày trước khang trang và sầm uất biết bao bây giờ chỉ còn là những bãi người hỗn độn và những chợ trời bán đủ thứ thượng vàng hạ cám tràn lan trên những hè đường ngập ngụa rác rưởi. Ngã tư nào cũng những bầy trẻ con ăn mày rách rưới, những người hành khất tàn tật ngồi trên xe lăn hay nằm ngủ ở những chân thang.

Thêm cái tệ nạn móc túi, cướp giật nữa. Quãng quãng lại những tiếng la thét chửi rủa của những người bị cướp chạy đuổi theo những thằng du đãng tẩu thoát vào các ngõ hẻm. Tôi cũng suýt là nạn nhân của chúng khi chiếc cyclo chạy ngang qua cửa chợ Bến Thành. Một thằng du đãng cởi trần thình lình nhẩy đại lên xe, toan cướp giật cái va-ly của tôi. May mà tôi giữ được và đạp được nó té văng đi.

Vào tới Chợ Lớn. Cũng một cảnh tượng. Cũng giống Sài Gòn. Chỉ có phần hoang vắng hơn, với hàng dẫy cửa tiệm đóng cửa, phần lớn những người Trung Hoa chắc đã vượt biển trở về Hong Kong, Đài Loan. Trái tim tôi đập mạnh khi chiếc cyclo lăn bánh trên đường Tổng Đốc Phương, tôi bảo ngừng xe bước xuống và từ hè đường đối diện, nhìn sang ngôi nhà hai tầng đồ sộ ở đó tôi đã ra đời, đã lớn lên, và đã được sống những năm tháng hồn nhiên tươi sáng nhất của đời mình. Bây giờ thì ngôi nhà bị tịch thu đã biến thành một cửa hàng quốc doanh với những bao tải, những cần xế ngổn ngang trên mặt đất. Tôi buồn bã nghĩ thầm: tôi đã trở về Chợ Lớn, nhưng Chợ Lớn không còn là của tôi, nó không còn là của ai nữa.

Sau cùng, tôi bảo cyclo đưa tới nhà một người chú ở đường Khổng Tử. Ông chú mừng rỡ trước sự trở về không báo trước. Càng mừng rỡ hơn khi tôi mở bịch quà, biếu phần quà đã dành sẵn cho chú, chú tính ngay ra thành tiền, nói sẽ sống ung dung được mấy tháng. Đêm xuống. Chuyến đi vừa làm cho thần kinh căng thẳng vừa làm cho mỏi mệt, tôi xin được đi nằm và ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Buổi sáng hôm sau thức dậy, tôi nghĩ đến chuyện ra Phú Nhuận, đến nhà Luận, gặp lại chàng. Vừa nôn nóng muốn gặp lại, vừa ngập ngừng và phân vân vô tả. Khi nhớ đến mấy lá thư Luận, không một câu nói dịu dàng, không một dòng chữ nhớ thương. Chỉ những gay gắt, những nóng nẩy, những bực bội. Chỉ những trách cứ, chỉ những cấm đoán. Chàng có yêu thương tôi thật tình hay không? Hay tờ giấy giá thú chỉ là một cần thiết để tôi bảo lãnh cho chàng rời khỏi Việt Nam. Chẳng lẽ nào như thế, tôi không chịu tin chàng chỉ lợi dụng sự khờ dại của tôi, chứ không yêu thương, không thật tình gì hết. Tôi phải tìm gặp Luận, bằng bất cứ giá nào. Tôi trở về Việt Nam, đòi trở về bằng được, mục đích duy nhất chẳng phải để gặp lại chàng cho thỏa lòng thương nhớ hay sao?

Hôm sau, tôi lại mướn một chiếc cyclo, thuê giờ và bảo chở lên vùng Phú Nhuận.

Lúc đó là giữa trưa. Tôi bảo cyclo chờ ở ngoài đường lớn rồi xách phần quà mua cho Luận, đi bộ vào khu chung cư. Nhớ lần Luận đưa tôi về nhà giới thiệu với người em gái, chung cư khá khang trang. Những lối đi quét dọn sạch sẽ. Căn nhà nào cũng có chậu cây, bụi hoa ở phía trước và căn nào cũng mở rộng cửa với những tiếng nói cười vui vẻ ở bên trong. Bây giờ khác. Cuộc đổi đời bi thảm cũng đã đến với khu chung cư Phú Nhuận. Lối đi vào đầy ngập rác rưởi như không được quét dọn đã nhiều ngày. Một vài con chó gầy guộc lẩn quẩn bên những đống rác. Cỏ hoang um tùm khắp bốn phía. Và những căn nhà, thảy đều một vẻ tiều tụy vô cùng như nhau thì đều im ỉm đóng kín. Như chúng chứa dấu những đời sống thật u buồn và thật câm lặng ở bên trong. Như chúng là những nhà mồ lạnh buốt. Căn nhà Luận ở tầng dưới, cuối dẫy. Tôi bước chậm, hoang mang với cái ý nghĩ giây phút gặp lại Luận sẽ như thế nào. Tôi có giữ được bình tĩnh hay tôi sẽ bật khóc vì xúc động? Còn Luận? Sau giây phút ngạc nhiên vì bất ngờ, chàng sẽ la lên vui mừng, kêu lớn tên tôi, ôm chặt lấy tôi, hôn tôi? Còn người em gái của Luận nữa. Nhớ lần gặp trước, cô ta khô khan, lạnh lùng, rõ ra là một người đàn bà khắc nghiệt.

Tới trước căn nhà, bước lên thềm, tôi vừa toan đưa tay lên gõ cửa thì ngừng khựng lại. Bên trong có hai người đang nói lớn với nhau, nhưng một cuộc đấu khẩu hẳn học với tên tôi được nhiều lần nhắc tới. Đó là Luận và cô em gái. Họ đang gây chuyện với nhau. Người em gái, giọng giận dữ:

"Tiền góp của anh đây? Cuối tháng rồi sao anh không đưa cứ phải để hỏi?"

Luận:

"Chưa có. Con Phối Phối chưa gửi về."

"Tại sao nó chưa gởi về. Anh bảo nó thương anh lắm mà!"

Luận:

"Nó nói đang đi làm ở một hãng may, việc làm rất khổ cực và tiền lương rất thấp, phải đưa hết về cho bố mẹ nó. Nên không thể gửi đều hàng tháng."

Điều Luận nói là sự thật. Quả là tôi không có tiền hàng

tháng gửi về cho chàng. Nhưng cái giọng điệu khinh rẻ khi chàng nhắc tới tôi làm tôi lạnh người, trái tim đau nhói. Không bao giờ người ta nói về một người tình, hơn nữa, về một người vợ tương lai bằng một giọng điệu khinh thường như thế. Chắc hai người đang ngồi với nhau ở gần cửa sổ. Họ nói gì tôi đều nghe thấy hết. Người em gái:

"Gạo hết, cái gì cũng hết rồi, làm sao đây?"

Luận:

"Thì cô bán tạm một cái nhẫn đi. Khi nào có tiền con nhỏ gửi về tôi đưa hết cho cô."

Người em gái, cười khẩy:

"Hừ, không bao giờ. Còn chút nữ trang tôi phải giữ để thủ thân cho tôi chứ! Này, tháng trước anh đã không đưa rồi, tháng này không được nữa. Tôi hẹn cho anh tới đúng cuối tháng, anh làm sao thì làm. Nếu không anh phải ra khỏi nhà này."

"Cô đừng dọa tôi."

Người em gái lại cười khẩu một tiếng, giọng nói rất đểu cáng:

"Tôi không dọa anh đâu. Tới đúng cuối tháng mà anh không có tiền, tôi sẽ ra ngay phường khóm nói không bằng lòng chứa chấp nữa một người đã bị thu hồi hộ khẩu như anh và anh sẽ bị tống xuất về vùng kinh tế mới ngay."

Sự đe dọa chắc vô cùng ghê gớm, vì Luận phải năn nỉ ngay và cái tên tôi lại được nhắc tới.

"Chắc vài tuần nữa sẽ có tiền của con Phối Phối. Mà không thì tôi cũng sắp được đi rồi. Sang tới Canada, tôi sẽ gửi về ngay một số tiền lớn cho cô."

Người em gái hừ một tiếng và lại cười khẩy:

"Anh chỉ đánh lừa được đứa con gái Tầu ngu đần khờ dại ấy chứ làm sao đánh lừa nổi tôi. Tôi đã biết rõ quá cái thằng đàn ông ích kỷ ở anh, đi được rồi là quên hết anh em, quên ngay lập tức."

Cha tôi thường dậy chị em

Trăng Tháng Tám

TRẦN MỘNG TÚ

Năm ngoái mẹ chưa mất
Trăng sáng ba gian nhà
Năm nay không còn mẹ
Trăng tan thành lệ sa.

Trăng khóc loang chăn mẹ
Tấm chăn tuột chỉ rồi
Con cầm kim khâu lại
Lòng như chỉ rối bời.

Chiếc áo con đang mặc
Đứt mất một cái khuy
Giá mà còn có mẹ
-- "Mẹ khâu hộ con đi!"

Tháng Tám con vào chợ
Thấy bánh chẳng dám nhìn
Những chiếc bánh ngon ngọt
Làm đắng lòng con thêm

Mẹ thích ăn bánh nướng
Uống nước trà mạn sen
Bây giờ không có mẹ
Bộ đồ trà bỏ quên.

Mẹ hay mặc áo gấm
Đi đôi hài mũi cong
Hai tay mẹ đeo xuyến
Tóc mẹ trắng như bông.

Mẹ giờ không còn nữa
Áo gấm nhầu trong ngăn
Hai chiếc giầy úp mặt
Khóc nhớ đôi bàn chân.

Trời ơi! Trăng tháng Tám
Đang vỡ giữa hồn tôi
Xin rằm đừng tròn nữa
Mẹ tôi đã mất rồi!

Rằm tháng 8/91
TRẦN MỘNG TÚ

tôi phải thương yêu đùm bọc nhau trong bất cứ hoàn cảnh nào, ở xa hay ở gần, kể cả trong những lúc cùng túng, vì theo người, trong sự khốn cùng, người ta thường không còn một tình cảm tốt đẹp nào với nhau nữa. Cha tôi đã nói thật đúng về một sự thật tàn nhẫn. Như sự thật ấy đang được chứng minh với cuộc đấu khẩu hèn hạ giữa hai người anh em ruột trong căn nhà đóng kín.

Một lát. Người em gái, giọng riễu cợt:

"Còn cái cuộc tình lâm ly giữa anh và con tầu lai Chợ Lớn đi tới đâu rồi."

Đến lượt Luận cười, tiếng cười vừa đắc chí vừa đểu cáng hệt như tiếng cười người em:

"Tôi đã nói rõ cho cô nhiều lần rồi mà. Vở kịch tôi chia nó ra làm ba phần. Phần đầu là cái giấy giá thú, xong rồi. Phần giữa là tôi sẽ được đi với giấy tờ bảo lãnh của con Phối Phối chắc cũng gần xong. Phần ba, khi tới Montreal, tôi sẽ lấy hết dấu vốn của nó, gửi về cho cô một phần, rồi sẽ đá văng nó ra khỏi đời tôi để sang New York với anh chị Tuyến."

Chẳng hiểu tại sao tôi không quỵ xuống, không ngất đi mà đi được ra ngoài đường lớn. Sự đớn đau bàng hoàng tới cực điểm của nó đã chuyển thành một trạng thái tê liệt và lạnh buốt toàn thân. Hai mắt mở lớn mà không còn nhìn thấy gì, tôi bước đi như người mất hồn trên bờ cỏ. Tiếng người đạp xe cyclo: "Xe đây mà cô." Làm tôi hồi tỉnh lại. Đứng lặng một hồi, nhắm nghiền mắt lại, thở ra một hơi dài. Rồi đi lại chỗ đậu cyclo. Nhìn cái gói quà mua cho Luận còn cầm trong tay, tôi đưa nó cho người phu xích lô trẻ tuổi:

"Món quà mua cho một người ở trong chung cư kia, nhưng hắn chết rồi mà tôi không biết. Cho anh đấy."

Người phu cyclo vội vã đón lấy cái túi ny -lông, mở ra coi, thấy toàn là những đồ ngoại quốc đắt tiền, mừng hú:

"Cô cho tôi thật không?"

"Thật," tôi nói và bước lên cyclo.

Bỏ chuyến về thăm bà con bên họ ngoại ở Cần Thơ như mẹ tôi dặn, cảm thấy không còn lý do nào để ở lại Chợ Lớn nữa, dù chỉ một ngày, tôi giao cho người chú những gói quà cha tôi biếu mấy người bạn của ông, nhờ chuyển dùm, rồi tôi ra ngay phi trường Tân Sơn Nhất. Vẫn bằng chiếc cyclo của người trẻ tuổi tôi cho quà, anh ta cám ơn tôi bằng cuốc xe không lấy tiền, còn tươi cười chúc tôi mấy chữ "thượng lộ bình an." Người ta bảo ở Sài Gon khốn cùng bây giờ, có tiền mua tiên cũng được, nhất là tiền lại là những tờ Mỹ kim mầu xanh. Điều này thật đúng. Với sự thối nát cùng khắp. Tôi chỉ hứa sẽ biếu hai mươi Mỹ kim là một nhân viên phi trường thu xếp với một nhân viên phụ trách về các chuyến bay đã gài tôi được vào chuyến bay sớm nhất đi Montreal, ghé Bangkok, cất cánh vào đúng nửa đêm.

Chuyến về Việt Nam vỏn vẹn có 48 tiếng đồng hồ. Khiến bố mẹ tôi kinh ngạc nhưng cũng không vặn hỏi tại sao. Chỉ hỏi ngay câu muốn hỏi: "Đã từ hôn xong với nó chưa?" Và tôi đáp vắn tắt một tiếng: "Đã." trước sự mừng rỡ vô tả của hai người.

Hai tháng sau tôi lên xe hoa về với Đặng Tiểu Phùng. Đám cưới rất lớn. Người ta chỉ không hiểu sao cô dâu có một vẻ mặt buồn rầu và khép kín quá, chẳng có một thoáng vui tươi nào hết. Sau cuộc hôn nhân, tôi thôi làm ở xưởng may để cùng với Đặng Tiểu Phùng trông coi mấy cái siêu thị của bố chồng. Công việc được giao phó rất nhẹ nhàng. Đó là tiếp đón, trò chuyện với những khách hàng ngoại quốc, phần lớn là du khách Mỹ, và làm thông dịch cho những nhân viên siêu thị không biết nói tiếng Anh. Đôi lần, khi được một khách hàng khen tôi nói tiếng Anh giỏi, tôi lại nhớ đến người đã dậy tôi tiếng Anh ngày nào giữa một Chợ Lớn tan hoang trong đổi đời. Người ấy chắc không thể ngờ còn dậy thêm cho tôi biết là hạnh phúc và tình yêu không bao giờ có được bằng sự giả dối, dù tinh vi khéo léo tới đâu. Cũng không bao giờ có được bằng một tờ giấy giá thú, vì được đút lót tiền bạc, được làm một buổi trưa kia ở một phường khóm Chợ Lớn, chưa đầy nửa tiếng đồng hồ đã xong.

MAI THẢO

Thư viện

NGUYỄN VĂN NGỌC

Những cuốn sách im lặng
Những bức tranh im lặng
Không, chúng đang chuyện trò
Giữa chúng ta im lặng.

Công viên

Công viên sẽ có thể
Không có những tượng đá
Nhưng công viên không thể
Thiếu những băng ghế đá.

chim soải cánh
rớt tiếng về nam hải

du tử lê

* *và diệu lê, trần duy đức, thanh liêm.*

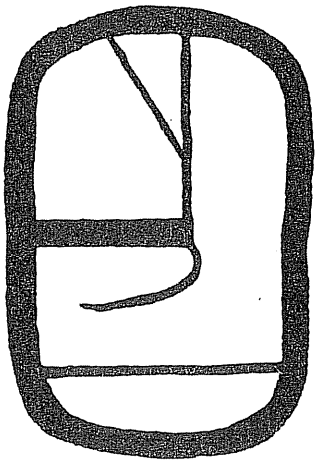

tim viện cớ dời cho toàn mặt nạ
nên trái sầu chín mọng lúc dương xanh
tình lửa ngọn nghìn sau thôi cháy đỏ
củi than nay chỉ dợi phút tro tàn

mắt viện cớ linh hồn quên mở cửa
nắng mưa mưng trên từng dậm gai sưng
rừng thở miết nối tàn phai dá thú
cây chia tay cho lá mục lên đường

tóc viện cớ khoảng trời xanh dá khuất
tựa chiều hôm thiếu mụn khói quê nhà
năm mươi tuổi hốt ngộ rằng mất mát
bống làm nên bao sợi bạc quanh đầu

vai viện cớ gánh đời kia quá nặng
chân đi xa chưa bước khỏi bóng mình
chim soải cánh rớt tiếng về Nam Hải
núi phân thân. Từng ngọn. Đứng. Im lìm.

dăm mộ bia
rải rác mấy chân trời

những đứa trẻ khát khao thời sẽ lớn
sao tuổi già chẳng dợi cúng qua thôi
và sự chết không chờ nhưng vẫn đến
dăm mộ bia rải rác mấy chân trời.

du tử lê
8-91

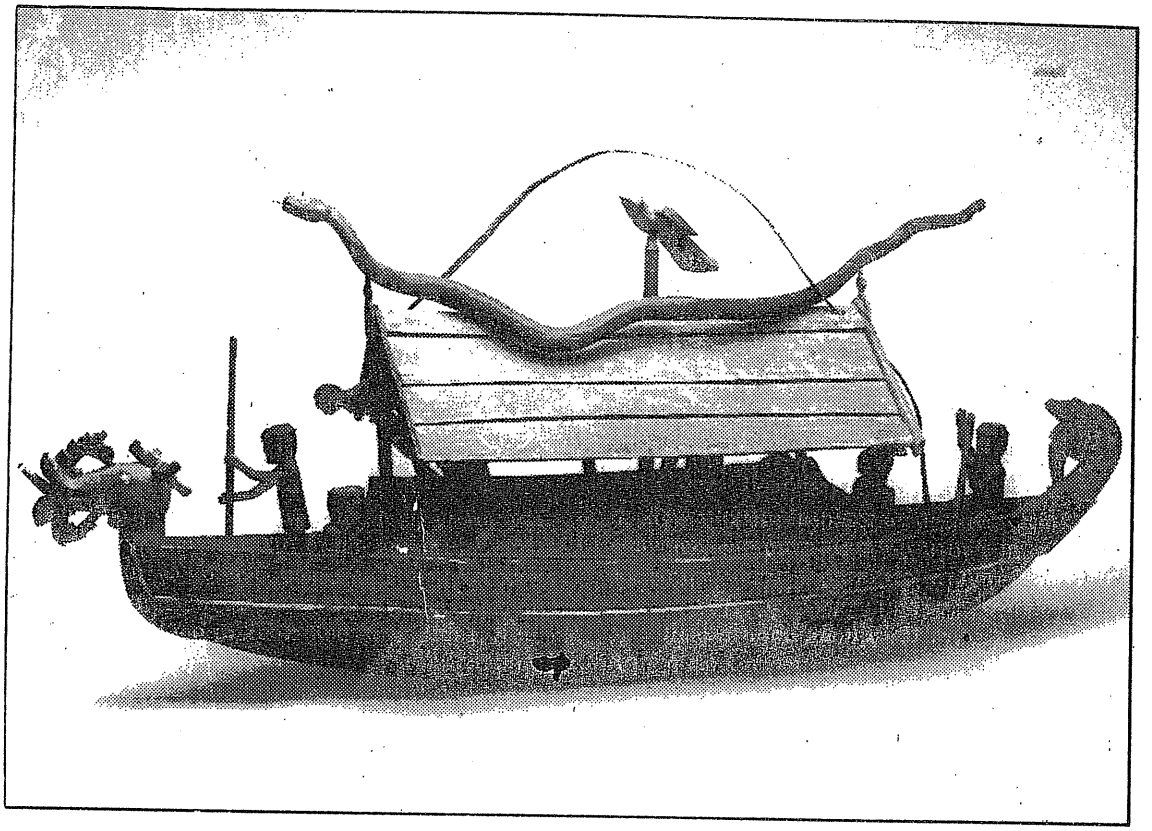

SAN DIEGO TRIỂN LÃM NGHỆ THUẬT VÀ ĐỒ CỔ NAM DƯƠNG

Hai bảo tàng viện ở San Diego triển lãm nghệ thuật và đồ cổ Nam Dương, trong chương trình Đại Hội Nam Dương vốn bắt đầu ở Hoa Thịnh Đốn từ năm ngoái. Museum of Man triển lãm "Hornbills and the Sacred Dragon: Tribal Art of Indonesia," và Modern Indonesian Art: Three Generation of Tradition and Change 1945-1990," và bảo tàng viện quốc tế Mingei triển lãm "The Other Face: Balinese Dance Masks and Related Arts of Indonesia." Trong hình, "Thuyền Linh Hồn" là một tác phẩm điêu khắc mô tả sự chuyên chở linh hồn từ dương gian sang cõi chết. Bên trái là một trong những mặt nạ Nam Dương trong triển lãm tại một bảo tàng viện ở San Diego, California.

KHI Ở S. VỀ C.

TRẦN DIỆU HẰNG

C.

Trước mặt tôi là chiếc *x-terminal* IBM tân kỳ, bên cạnh nó là ly cà phê, bên cạnh ly cà phê là chiếc bánh ngọt phết phó mát và đường. Chung quanh tôi là những chiếc *terminals* tân kỳ khác, những ly cà phê, những chiếc bánh ngọt và những người bạn đồng sở. Quá nửa buổi sáng đã trôi qua, buổi sáng đầu tiên của một khóa huấn luyện cấp tốc sẽ kéo dài một tuần. Giảng viên là một người đàn ông trẻ tuổi, phong thái đầy vẻ tự tin.

"*A pointer is a variable, which is a memory location that contains the address of another memory location. Pointer is a memory location which points to another memory location, and in C, arrays are nothing but pointers, the most useful feature of C is the implementation of pointers...*

OK. Why don't we take a break for fifteen minutes and come back here let's say about... ten twenty..." *(1)*

Memory location. Một mạch điện. Một chỗ trong trí tưởng. Một nơi chốn trong cuộc đời. Bốn mươi tám tiếng đồng hồ trước là ngôn ngữ của người di dân. Bốn mươi tám tiếng đồng hồ sau là ngôn ngữ của những mạch điện. Những mảnh nhỏ, ráp lại thành đời sống của tôi hay của một ai khác? Đứng ở hành lang của tầng lầu thứ hai này tầm mắt của tôi bị choáng ngợp bởi những ngọn đồi, trên đó, mùa xuân trải một tấm thảm kết bằng những bông hoa dại mầu vàng thắm. Thỉnh thoảng, nổi bật giữa mầu xanh lơ của nền trời và mầu vàng sáng trưng của đồi đất, là những chiếc cần kéo gật gù của mấy giếng dầu áng chừng đã hơn ba mươi tuổi.

C.C.B.B.

Buổi tối ngày thứ Năm, khi kéo chăn đắp cho C.C. và B.B., tôi nói, "Mẹ sẽ phải đi xa hai ngày, các con ở nhà với bác phải ngoan nhé."

Tụi nó giẫy lên như hai con giun nhỏ,

"Ơ, mẹ đi đâu?" B.B. hỏi.

"Con muốn đi với mẹ", C.C. nói.

"Không được con à. Chỗ mẹ tới toàn là người lớn, có lẽ con không thích đâu."

"*Party* hả mẹ?"

"Không. *Conference.*"

"*Conference* là gì?"

"Là... thảo luận. Một số người gặp nhau để bàn về một điều gì đó."

"Bàn là gì?"

"Là nói chuyện."

"Chuyện gì?"

"Chuyện... những bà mẹ nuôi con, chuyện... những người dân di cư, chuyện của những người... giống như con một mai khi con khôn lớn."

"Thôi. Con muốn mẹ. Con muốn mẹ ở nhà với con."

"Đừng hự hự như vậy. B.B. nhỏ hơn con mà nó có nhõng nhẽo như thế đâu."

"Tại sao mẹ phải đi?"

"Mẹ không phải đi. Nhưng có lẽ mẹ cũng cần đi, cũng nên đi. Thôi đừng hỏi nữa. Ngủ đi nhé."

"Hự hự. Con không muốn. Hai ngày... *too long.*"

"B. muốn đi với bố."

"Ừ. Mẹ sẽ gọi bố đón con đi."

"C. không muốn bố. C. muốn mẹ."

"Ở, mẹ biết. Nhưng thỉnh thoảng, mẹ cũng có chút việc riêng phải làm, giống như lúc con sang chơi với Mi, hay là Heather, mẹ đâu có đòi đi theo con?"

"Hự hự. Nhưng mà mẹ to hơn con."

"Lớn hơn con. Không phải to hơn con. Thôi ngủ đi. Ngoan rồi mẹ may cho con bộ đồ cao bồi để con mặc trong ngày *Western* ở trường, nhé."

"Mẹ nhớ ngày *seventeen*..." (2)

"Nhớ rồi. Mẹ sẽ may cho con một cái áo khoác cộc tay mầu xanh đậm có tua trắng hình chữ V trước ngực và sau lưng, trên ngực và gần vai của con, mẹ sẽ điểm thêm mấy viên ngọc giả đủ mầu xanh đỏ tím vàng. Con sẽ mặc với một chiếc áo thun mỏng mầu hồng nhạt có đính ngôi sao trước ngực và một cái váy hai tầng cùng mầu xanh đậm. Con sẽ đi đôi ủng cao cổ mầu hồng. Trông con sẽ giống hệt một cô cao bồi nhỏ xíu đến từ Texas. Chịu không? Chịu rồi há. Thôi ngủ đi con. Xem B.B. kìa, nó nhắm mắt rồi đó. Ngủ đi. Mẹ hát cho nghe... *Đến nay thu tàn, phương xa kìa chiếc én bay về. Khuất trong non ngàn ta đâu còn nhìn thấy bóng quê...*"

S.B.

* Jasmine, Hoa Nhài và Ng. Bharati Mukherjee đứng đằng sau một bục gỗ, bà đang nói và nhiều người đang lắng nghe nhưng đôi mắt tôi lại dõi theo bóng dáng nhỏ nhắn của Jasmine (3) đang thấp thoáng đằng sau những lùm cây mướt xanh ngoài khung cửa sổ thật lớn của phòng họp. Jasmine mười bẩy tuổi trang phục Ấn độ cổ truyền mầu trắng. Người - con - gái - thiếu - nữ - đàn - bà - góa - phụ Jasmine mang một dấu ấn hình giọt mực trên trán. Jasmine chạy quanh khu vườn. Nàng cực kỳ sợ hãi. Nàng cực kỳ phẫn nộ. Coi nàng rất bơ vơ. Tôi thấy mắt nàng đầy lệ. Tôi thấy môi nàng thoáng một nụ cười diễu cợt đớn đau. Jasmine ngồi với một đám đông ở phi trường. Chờ đợi. Họ chờ những chuyến bay trễ muộn, những thời khóa biểu bị gạch bỏ. Phi trường Tân Sơn Nhất. Hành lý ngổn ngang. Những khuôn mặt thất thần. Tiếng động cơ nào đó gầm rú xé rách không gian. Đất trời rúng động, vỡ đôi thành hai thế giới. Bên này và bên kia. Cũ và mới. Trước mặt và sau lưng. Không phải *Jasmine*. Nguyễn Thị Hoa Nhài. Dấu mực bay đi. Những chuyến phi cơ cất cánh. Hoa Nhài - Jasmine chạy quanh những khu vườn, giọt lệ và tiếng cười như những đốm sáng chập chờn trong vùng biển của tiếng động và nhịp sống mới. Một đứa con trai tóc đen mắt đen trông giống hệt bất cứ đứa con trai nào lang thang trên vỉa hè Saigon đến bên Jasmine mỉm cười. *Du* (4) cầm trên tay một tấm board chi chít những mạch điện. Những memory location...

Có tiếng vỗ tay cho một nhà văn của Mỹ quốc. Hoa Nhài tâm tình với Jasmine trên băng ghế mầu trắng đặt giữa khu vườn. Du đứng dựa lưng vào một gốc cây gần đó cắm đầu ráp nối những mạch điện.

Có tiếng ngâm thơ của Ng. vọng sang từ khu vườn kế bên. "*Tôi không ở bên này và cũng không ở bên kia. Từ một chốn có tên tôi tới một nơi không tên gọi. Một chốn ở nơi không ở đâu.* Tôi đặt hành lý xuống, bắt đầu cuốc đất và cất tiếng hát. Lời ca sẽ vang rền trên những ngọn cây khâu vá lại những mảnh của một thân xác đã rã rời. Tôi gọi tên ngôn ngữ tôi: linh hồn của tình yêu và sự sống, tiếng nói từ chốn không tên, bàn tay tìm nối vòng tay đã đứt..."

Người viết trên đường trốn tránh bạo lực cất tiếng phát biểu, "Văn chương của thế kỷ hiện đại là tiếng nói của những người di dân..." (5)

Hãy thêm, tiếng nói từ những chốn "không - ở - đâu", những nơi "không - thuộc - về", ngôn ngữ không cảnh thổ lặng lẽ vươn mình đứng cùng thế giới.

*** Chuyện kể**

Trong câu chuyện này, người kể là kẻ mới làm quen với ngôn ngữ Y nhưng người nghe là những bậc thầy chuyên dậy kẻ khác sử dụng thứ ngôn ngữ ấy tạo thành điều gọi là văn chương. Diễn giả, khi viết truyện đã sử dụng ngôn ngữ X, nhưng khi kể về việc viết lại phải dùng ngôn ngữ Y vì người nghe chỉ có thể hiểu ngôn ngữ Y. Nhân vật số ít, kẻ đã tự ôm lãnh trách nhiệm viết truyện và kể chuyện, là người trả lời. Nhân vật số đông sử dụng ngôn ngữ Y là những kẻ đặt câu hỏi.

H: Tại sao người kể chuyện sống ở miền đất sử dụng ngôn ngữ Y nhưng lại chọn ngôn ngữ X để viết?

Đ: Tôi không chọn X. X chọn tôi. Một cách nói khác, tôi sinh ra với X, sống với X, và chết với X. X chính là linh hồn, mọi thứ ngôn ngữ khác đều là tay, chân, mắt, mũi, miệng. Một người có thể thay đổi thân xác, nhưng không thể thay đổi linh hồn. Tôi là tôi. Tôi là X. X là tôi. Tôi có thể thay đổi thân thể, như một người đàn bà có thể quyết định đầu tư hết vốn liếng vào việc trau chuốt sắc đẹp của mình, nhưng tôi hoặc đã không làm, hoặc đã không đủ vốn liếng để làm cuộc đầu tư đó.

Lý do thứ hai: X cần tôi. Y không cần tôi. X không phải chỉ cần tôi như một người sử dụng ngôn ngữ ấy trong việc mua bán, trao đổi, chuyện văn nắng mưa. X cần tôi tìm cách thế để biến X thành một ngôn từ, một giòng X mới tinh chuyên chở thương yêu, không phải X gầm gừ với nắm tay đe dọa bằng bạo lực, X cần tôi góp sức để gom lại những nhánh củi đã trôi băng theo giòng nước xiết, X cần tôi để hàn gắn vết thương. Một ngôn từ để nối lại một dân tộc.

Và rồi ai cũng biết rằng Carlos Fuentes dậy ở đại học

Havard nhưng vẫn viết bằng tiếng Spanish.

H: Nhưng làm thế nào chúng tôi có thể lắng nghe một thứ ngôn ngữ mà chúng tôi không hiểu? Sự chọn lựa của bạn là một thứ chọn lựa tự trói mình, hoặc bạn là một kẻ yếu đuối cần được nâng đỡ?

Đ: Trong thế giới hậu hiện đại của văn chương, có nhiều cách để giải thích một sự việc. Mỗi người tự chọn lựa cách của mình. Sự chọn lựa này không có nghĩa sẽ triệt hủy sự chọn lựa khác. Tôi có thể là một kẻ yếu đuối phải đứng trong hàng ngũ thiểu số, tôi cũng có thể là kẻ quá mạnh mẽ để làm được quyết định đứng trong hàng ngũ ấy. Dù một trong hai hoặc cả hai điều đó đều đúng, sự chọn lựa của tôi cũng chỉ đưa tới một con đường chông gai hơn con đường đi vốn đã chông gai, nhưng không có nghĩa là một ngõ cụt. Thế giới xoay mòng, người ta bắt buộc phải lại gần nhau hơn, bằng chứng là cuộc họp mặt hôm nay.

H: Đó là những lý do tâm linh, nhưng đứng trên phương diện vị trí, bạn ở đâu? Bạn là một phần của chúng tôi, tập thể sống trên miền đất Y, hay bạn đại diện cho miền đất nào khác ngoài kia? Bạn là ai, bài viết của bạn ở đâu?

Đ: Chúng tôi là một phần của các bạn, cư ngụ ở một nơi thuộc về một chốn không ở đâu. Chúng tôi là những linh hồn chết oan không đầu thai nhưng những phần tử vẫn tụ lại thành một hiện hữu. Chúng tôi là một chữ đã bị xóa bỏ nhưng vẫn hiên ngang ở lại với cái gạch xóa nằm vắt ngang mình. Chúng tôi hiện diện bằng ngôn từ của những kẻ đối diện với sự sống cùng lúc với nỗi chết, dựa lưng trên bờ thành cũ mở mắt nhìn thế giới mới chòng chành trước mặt. Thế hệ chúng tôi bắt đầu cùng lúc với chấm dứt. Đừng định nghĩa chúng tôi là ai. Đừng đặt chúng tôi vào biên giới quốc gia chủng tộc. Hãy chấp nhận chúng tôi như một

Bầy hạc rong chơi

THÁI TÚ HẠP

Em lớn lên cùng trúc đào
cùng ngọc lan
cùng hoa sứ trắng
bầy sẻ sớm mai rộn rã dưới mái chùa
nắng xế trưa, con ong đi tìm mật
trong trí nhớ thực thà
thả trôi từng yêu dấu

Em vẫn nguyên vẹn hình hài
trái tim thời mộng mị
cất dấu trong hồn những kỷ niệm ấu thơ
trang sách ước cùng đoá hoa hồng dại
giữa thành phố cổ tích rêu xanh
mái ngói âm dương hò hẹn
em vẫn hiền hoà
như dáng núi hình sông
tóc thổi bay thơm giàn hoa thiên lý
con bướm vàng ve vẫn tình si

bây giờ thôi đã hết
bầy hạc rong chơi phù ảo ngàn xa
cành trúc đào vẫn đong đưa trong gió
cánh hoa ngọc lan vẫn thơm ngát hương nồng
hoa sứ trắng nở rộ trong sân chùa tịnh vắng
em đã bỏ đi
như giọt lệ
như con sông đã cạn khô
huyết bầm trong trí nhớ

bây giờ thôi đã xa
mùa hạ sóng biển rì rào
dáng hình em mù khơi thăm thẳm
sông núi một đời oan nghiệt khổ đau
vừng trăng chết đuối
trong hồn nhau
cội nguồn tai ương tiền kiếp
cho nhau một lần
phiền muộn cả trăm năm

trong căn nhà cư ngụ
ở khu phố lưu vong
ta đã chặt đứt tháng ngày huyễn hoặc
làm người tình phản trắc thủy chung
ta thực sự bỏ quên bàn tay nhỏ máu
toa tàu trong hiên vắng
âm vang từ vực thẳm buồn tênh
từ trong cõi tiềm thức hoang vu
trong từng sát na u muội
ta không nhìn ra ta
trong gương đời lạ lẫm
như người hành khất già
đánh mất quê hương.

Tháng Tư 1991

tiếng nói, một ngôn từ, một sự có mặt. Miền đất này đã biến chuyển, đang biến chuyển, và còn biến chuyển. Người ta có thể tái định nghĩa dòng chính vì chính dòng chính đang biến đổi nơi đây, nơi khác, thế giới. Chúng tôi cũng là dòng chính, ở trong dòng chính hoặc dòng chính cũng là chúng tôi.

H: Khi tôi đề cập đến một số tác phẩm ở ngoài nền văn học dòng chính, nhiều học trò của tôi gốc người Đông Dương đã cho rằng họ bị đối xử phân biệt, không công bằng. Họ muốn học những tác phẩm của nền văn minh da trắng. Bạn nghĩ sao về việc này?

Đ: Tôi nghĩ có thể đó là thái độ của những kẻ không nhận diện được chính mình. Đứng trên phương diện tâm lý học, xã hội học, thái độ ấy có thể đưa nhiều cá nhân vào con đường chống phá lại xã hội. Đó cũng là lý do tại sao tôi tin vào cố gắng tạo lập một vị trí riêng của chúng tôi. Một thế đứng cách biệt mà vẫn hòa hợp. Một vị trí trông chờ ở khả năng dung chứa của tập thể đa số. Khả năng ấy đặc biệt có ở người nữ, thể hiện bằng sự cưu mang một kẻ khác trong chính bà ta. Thời đại của nữ quyền. Những vai trò mâu thuẫn của một bà mẹ.

H: Trong chuyện kể của bạn, có phải cuối cùng, nhân vật mẹ đã giải quyết được sự mâu thuẫn giữa vai trò này và niềm ham muốn viết văn trong bà ta?

Đ: Đúng ra, sự mâu thuẫn đó không được giải quyết, vì nó chỉ là một vấn đề hiện hữu trên bề mặt của sự việc, tìm về tận cùng nguyên lý, sự mâu thuẫn ấy tan biến vì lẽ con cái cũng là văn chương. Chúng là hai sự thể, hai hướng đi ở những quãng nào đó của đời sống, đến quãng khác chúng nhập một, là một. Con cái chính là văn chương tôi.

H: Bạn có đề cập đến nữ quyền, đến sự tạo dựng ngôn từ với một mục đích nào đó, vậy bạn có cảm thấy ham muốn quyền lực?

Đ: (Ô, Michel Foucault ư! Chị là một người đến từ Paris, thảo nào!) Không. Không bao giờ. Ngược lại. Tôi tối kỵ quyền lực. Điều duy nhất đứng đằng sau ngôn từ của tôi là yêu cầu được chấp nhận và được lắng nghe bằng niềm thông cảm và rung động của trái tim. Đối với tôi, quyền lực là một sự sai lầm. Nó không bao giờ là một cần thiết.

H: Nếu các bạn được lắng nghe, vị trí của các bạn được nhìn nhận, bạn có âu lo về sự ngắn hạn của nó, do chính ở định nghĩa khởi đầu của ngôn từ của bạn?

Đ: Tôi đã nói, thế hệ của chúng tôi bắt đầu cùng lúc với chấm dứt.

(Đến đây, Lịch Sử, một người ở ngôi thứ ba không có mặt trong cuộc đối thoại nhưng luôn theo dõi tất cả những câu hỏi đáp trên màn ảnh truyền hình lập tức gửi lời phát biểu của anh ta tới phòng họp. Giọng anh trầm hùng phát ra từ bộ phận phóng thanh gắn ở một góc tường,

"Sự ngắn hoặc dài hạn không cần thiết đối với Lịch Sử. Công việc của tôi là ghi chép tất cả, và giá trị của công việc ấy là sự trung thực và đầy đủ."

Đám đông không nói gì thêm về điều này).

H: Bạn có vui lòng làm một chuyến lên trường đại học ABC để nói chuyện với những sinh viên của tôi?

Đ: Có chứ. Tôi là một bà mẹ làm việc không biết mệt nhưng cũng là một người nông phu cần cù trong lãnh vực văn chương.

*** Kịch trong kịch**

Trên bục gỗ, năm người con gái thanh tân và một chàng trai trẻ giới thiệu phần diễn đọc lý thuyết về thân xác: *Dục tính, Sự dối trá và Chính trị trong tiến trình biến đổi văn hóa của những người Mỹ gốc Á Châu.*

Những diễn viên tự giới thiệu mình,

"Tên tôi là Cực lạnh..."

"Tên tôi là Mặt Trời..."

"Tên tôi là Phi Đảo..."

"Tên tôi là Trung Hoa..."

"Tên tôi là Thái Lan..."

"Tôi là kẻ đến từ một nơi không - ở - đâu..."

Người con gái ngồi gần tôi nhất có đôi mắt một mí coi thật ngộ. Cô mặc chiếc áo đầm mầu cánh sen có điểm những vệt đen trông giống như những vết cọ sơn. Tóc cô uốn quăn lọn nhỏ rức buông xõa xuống quá vai. Khi đọc, cô hơi cười, đôi môi tô son hồng nhạt cong lên nũng nịu. Và chiếc cằm của cô, ồ, chiếc cằm quen thuộc làm sao!

Những lời diễn đọc lập tức kéo được sự chú ý của đám khán thính giả bên dưới. Từng tràng cười ngắn rộ lên hưởng ứng. Mặt người con gái áo mầu cánh sen bắt đầu thay đổi trong lúc những diễn viên khác mờ dần như những bóng ảnh rút êm vào không gian. Những hàng ghế đằng sau tôi biến mất, những bức tường vụt mọc lên thâu nhỏ căn phòng thênh thang lại, chỉ còn chứa riêng tôi và C.C., người con gái áo mầu cánh sen.

...

Mặt C.C. cau có, đầy nét bực bội.

"Mommy, I don't want you to sneak on me like that. Why did you have to go through my things while I were not in my room? I have nothing to hide from you. Can I have some privacy here?" (6)

"Con hãy nói với mẹ bằng tiếng Việt."

"Mommy, would you please answer my question." (7)

"Mẹ là mẹ của con. Mẹ có quyền lo lắng cho con. Mẹ phải bảo vệ con..."

"From what, mommy?" (8)

"Nếu con sa ngã, mẹ phải kịp thời ngăn cản. Mẹ không muốn con chơi với Johnny, nó là một thằng nhỏ hoang đàng. Mẹ... nhận rằng mẹ không nên lục soát thư từ của con, nhưng con nên hiểu, mẹ làm thế cũng chỉ vì thương con. Mẹ, không muốn con khổ. Con..."

Con rắn nhỏ trong vườn địa đàng

CAO ĐÔNG KHÁNH

Em có cái đầu ở trên ngọn cây và hàng muôn vàn tiếng nói thống trách và tấm thân em như con hổ mang lượn múa dưới tiếng kèn của người xà thủ động vọng. Em có bàn tay hẻo lánh và im lặng như cơn trăn chờ mồi mà mỗi ngón tay, những ngón tay, như đám mây che khuất khu rừng sầm uất của anh. Em có đầu lưỡi như con rắn trung và hàm răng thật là ngoài sức tưởng tượng, những chiếc răng nanh bén nhọn chứa đầy nọc độc. Và em có cuộc đời như hoa trinh nữ, có cuộc đời như con cuốn chiếu, có cuộc đời như con sư tử, có cuộc đời như rồng ở trên mây.

Em có một lần ở trên vườn địa đàng, một lần cắn trái cấm, một lần nhìn lại tấm thân rồi tự đó e lệ thẹn thùng về sự mỹ miều của sự tự nhiên nên truân chuyên trắc trở tự đó. Từ đó... ai cũng đi tìm bí mật của sự thật, không ai tin ở sự thật, ai cũng tạo huyền thoại cho sự thật, vẽ rắn thành rồng, vẽ sư tử thành kỳ lân, vẽ ó thành loan phụng: Ai cũng mộng thành chim hồng chim hộc vũ lộng đất trời, ai cũng bày mưu lập kế để tung hoành ngang dọc, ai cũng nhân danh đám đông để cấp pháp số phận, ai cũng đóng vai thượng đế để trình diễn hạnh phúc. Ai cũng từ đó khởi đi, còn lại một mình em quanh quẩn ở đời như rắn ở bọng cây.

Có con rắn nhỏ mỹ miều trong góc còn sót lại của vườn địa đàng, im ẩn và cô đơn nhớ lại lúc khởi đầu. Khởi đầu, với dấu răng ranh mảnh và ngây thơ của nàng Eva trên trái cấm dỗ, tự cổ chí kim trở thành ra vàng thau lẫn lộn; khởi đầu, bằng lý tưởng, khởi đầu làm thủ lãnh, "chúng nó giết người như dọn rừng hoang".

Có con rắn nhỏ lim dim dưới gốc táo tiên nhiệm của thời kỳ khai thiên có miếng đất đầu thai của địa cầu ở trung tâm điểm của vạn vật mà không ai thèm để ý, có uyên ủy của tự do trong mạch máu, có công chính trong ngôn ngữ mà chẳng có ai chọn lựa nên chàng Adam thao thức ngàn năm, dò dẫm tìm về nơi phát xuất để xây dựng lại địa đàng; trước tình mộng cảnh, nhớ lại người xử nữ đời xưa tinh khiết như chồi hoa bạch ngọc của cây tôn giáo. Nơi nhàn cư bị kẻ lạ xâm nhập, có con rắn nhỏ hiền lương lẩn tránh cuồng cuồng; trong cơn sợ hãi kinh hoàng nó mổ vào gót chân hồi hộp của kẻ chung tình; nó cắn chết hình tượng ân nhân đầu tiên của con người thượng đế.

"Thôi được rồi. Mẹ à. Con xin lỗi mẹ. Hồi nãy con giận quá... Mẹ đừng khóc nữa. Mẹ ngồi xuống đây đi."

"C.C... Lâu nay, con không còn nói với mẹ những điều con nghĩ nữa. Càng ngày, mẹ con mình càng xa nhau. Mẹ càng muốn đến gần con, khoảng cách càng xa. Mẹ lo sợ từng ngày. Mẹ sợ cái xã hội quá phức tạp, quá nhiều sự chọn lựa và quá nhiều áp lực ngoài kia sẽ lấy mất các con của mẹ. Mẹ sợ ma túy, mẹ sợ những tiếng nhạc điên cuồng, mẹ sợ những đám thanh thiếu niên bỏ học lang thang ngoài đường phố, mẹ sợ các con kém sút thiệt thòi. Con có hiểu không? Mẹ luôn luôn muốn các con phải được ngẩng đầu lên kiêu hãnh dưới ánh mặt trời."

"Mẹ. Con vẫn học mà. *You saw my grade report* (9). Con

biết mẹ thương con. Nhưng mẹ không nên muốn con sống y theo cái gì mẹ nghĩ là đúng. Johnny chỉ là một đứa bạn của con thôi. Nó ăn mặc hơi khác bình thường nhưng nó rất thông minh và hiền. Mẹ à. Lâu nay con không nói với mẹ vì con nghĩ mẹ không chịu hiểu. Bây giờ con biết thêm một điều khác, mẹ sợ. Nhưng không có gì để sợ hãi và lo lắng cả. Có một thứ giá trị nhất mẹ đã cho chúng con, đó là tình yêu của mẹ. *The rest you should leave to us. Let us discover the world our way.*" (10).

"Nhưng nếu trên con đường tìm kiếm đó, con sai lầm và phải chịu khổ đau?"

"Thì cũng không sao cả. Ngày còn trẻ, mẹ có đau khổ không? Sao mẹ vẫn sống và vẫn nuôi được con? Những khó khăn mà thế hệ mẹ phải qua vẫn là những kinh nghiệm quý hóa, nhưng ở thời của con, mọi việc sẽ khác."

"Khác trong nghĩa nào?"

"Chúng con sẽ không chạy trốn thực tại, cũng không kình chống nó, nhưng sẽ cùng nhau thay đổi nó, vì chúng con đã có đủ sức mạnh, ý chí và tự hiểu mình. *Mommy, you'll see, someday, we will be able to reshape thiw world...*" (11)

...

Những bức tường lùi ra xa, căn phòng trở về kích thước rộng lớn cũ. Những hàng ghế đầy khán giả lại xuất hiện bên trái bên phải và đằng sau tôi. Đám diễn viên sáu người vẫn ngồi nguyên vị trí cũ, năm cô gái và chàng trai cùng cất tiếng đọc. "*We have sufferred so much to surrender.*" (12)

Có tiếng vỗ tay nồng nhiệt của đám đông. Ngoài khung cửa sổ, những hàng cây rung tít trong nắng và gió buổi chiều.

*** Khi ở S về B.**

Giữa đường từ S về B tôi gặp Neil. Nụ cười của chị, thật hiền hòa. Chị nắm tay tôi, giọng đầy chân tình,

"Tôi tìm cô mãi bây giờ mới được gặp. Tôi rất xúc động về những điều cô nói. Hãy đi với tôi về Bombay chơi một lát. Chúng ta chuyện vãn tâm tình."

Tôi gật đầu theo chị ngay không một giây ngần ngại.

...

Chúng tôi đi bộ không biết mỏi. Neil chỉ tôi chỗ này là nơi chị thường dẫn các con đi dạo, kia là khuôn viên trường đại học mà sau giờ giảng dậy chị thường đến đó ngồi trầm ngâm nghĩ ngợi tới đoạn tiếp của cốn tiểu thuyết viết dở dang.

Chúng tôi nói chuyện không biết chán. Dường như người này chỉ chờ kẻ kia ngưng một giây là sẽ tiếp lời. Chị bảo,

"Không hiểu sao, trái tim tôi tràn dâng một nỗi thương cảm khi nghe cô nói về chốn không - ở - đâu mà cô đã chọn. Hãy viết về chốn ấy và cho tôi đọc để cùng chia sẻ với cô. Hãy coi tôi là bạn hữu. Con đường chúng ta đi còn đầy chông gai, nhưng cô thấy không, những bông hồng thỉnh thoảng vẫn nở rực rỡ nhắc nhở ta rằng bốn mùa trời đất vẫn luân lưu. Cát ven bờ sông Hằng vô tận và đau khổ còn có một vai trò hiển hách là làm cho chúng ta cảm thấy được hạnh phúc."

Tôi dừng lại, nắm tay và nhìn trong mắt chị,

"Vâng, hạnh phúc phút này là nhìn thấy nét tuyệt vời trong trái tim rộng lớn của người nghệ sĩ. Cám ơn chị. Chúng ta là bạn hữu, là chị em, dẫu có cách ngoài muôn dặm."

C ---- C.C.B.B. ---- S.B. ----

Khi tôi trở lại phòng họp mọi người đã lại đang bận rộn với bài tập mới. Giảng viên mỉm cười trao tôi một bản. Hai tờ giấy kín đặc chữ, tận cùng bằng một dấu hỏi: pointer C chỉ tới mạch điện nào?

Khi tôi bước chân vào nhà C.C.B.B. hò reo vang lừng, "Mẹ. Mẹ."

Khi tôi rời S.B. đem theo nụ cười của

LimDeidreNeilimaMitsuyeFrankLeBlondeNera.

C. Mạch điện. Đời sống. Hóa đơn. Thực phẩm. Xe cộ. Nơi tạm trú.

C.C.B.B. Mái nhà. Quê hương. Tình yêu. Lao động. Bổn phận. Âu lo. Văn chương. Thất bại. Tựu thành. Ước mơ. Hạnh phúc.

S.B. Thành phố. Bờ biển. Viếng thăm. Bạn hữu. Niềm vui. Suy tưởng.

Những nụ cười từ những mảnh rời nối lại thành tân thế giới. Pointer C chỉ về chốn Jasmine tới, chốn Ng. tìm, chốn Du khám phá. Pointer chỉ tới ngày mai của tân thế giới tạo thành bởi tư tưởng tinh khôi.

TRẦN DIỆU HẰNG

(1) C là tên của một ngôn ngữ mới trong ngành điện toán được bắt đầu nghiên cứu năm 1969 và trở nên rất phổ thông vào khoảng 1988.

Sau khi giảng bài, giảng viên cho học sinh nghỉ giải lao 15 phút.

(2) 17.

(3) Jasmine, nhân vật chính trong tiểu thuyết "Jasmine" của Bharati Mukherjee.

(4) Du, nhân vật trong "Jasmine" của Bharati Mukherjee.

(5) Phát biểu của Salman Rushdie, tác giả "Satanic Verses".

(6) Con không muốn mẹ theo dõi kiểm soát con như vậy. Tại sao mẹ lục lọi đồ đạc của con lúc con vắng mặt? Con không có gì phải dấu diếm mẹ cả. Con có quyền được có một chút riêng tư trong nhà này không chú?

(7) Mẹ làm ơn trả lời câu hỏi của con.

(8) Bảo vệ con chống lại cái gì?

(9) Mẹ thấy học bạ của con mà.

(10) Phần còn lại mẹ hãy để mặc chúng con. Để chúng con tự mình khám phá thế giới.

(11) Mẹ sẽ thấy, một ngày nào đó, chúng ta sẽ có thể thay đổi cả thế giới này.

(12) Chúng ta đã chịu đựng quá nhiều để phải đầu hàng.

THƯ HOA THỊNH ĐỐN

TÁC GIẢ TIẾNG THU KHÔNG CÒN NỮA

BÙI BẢO TRÚC

Hoa Thịnh Đốn ngày 13 tháng 9 1991

Bạn ta,

Nhìn bức hình đăng trên góc trang 4 của tờ Nhân Dân số đề ngày 15 tháng Tám, nếu không có bài viết về ông đi kèm bên cạnh, có lẽ tôi không thể nào nhận ra ông. Tôi chỉ biết ông qua bức hình ông tặng Vũ Ngọc Phan để in trong bộ *Nhà Văn Hiện Đại,* và bức hình mà Hoài Thanh - Hoài Chân dùng trong cuốn *Thi Nhân Việt Nam.* Dĩ nhiên những bức hình này cách nhau một nửa thế kỷ, sự khác nhau chắc phải có. Nhưng tôi không thể tưởng tượng ông có thể tàn tạ đến như thế. Trong bức hình cũ, ông ngồi hai tay khoanh lại trước ngực, mặc một bộ *veste* cắt rất khéo. Hai chiếc ve rộng, chạy ra đến tận vai. Bên trong, ông mặc một chiếc sơ mi cổ nhọn, thắt chiếc *cà vạt* to bản có những hình *ca rô* lớn. Ông có đôi mắt đẹp, đôi mắt ấy ngó lên phía góc phải của bức ảnh. Ông có một mái tóc dầy. Một chút đèn ở *studio* làm sáng lên một mảng tóc, nếu không, mái tóc của ông đã lẫn vào chiếc phông đen ở đằng sau. Bức hình trong *Nhà Văn Hiện Đại* và *Thi Nhân Việt Nam* chụp lúc ông chưa đến 30 tuổi. Bức hình trên báo Nhân Dân phải được chụp sau đó nửa thế kỷ. Mái tóc đen đã rụng gần hết. Hai gò má nhô cao, rồi hóp lại ở phía hàm. Ánh sáng ở đỉnh đầu rọi xuống làm thành hai bóng đen ở mắt. Đôi mắt đẹp không thấy rõ. Ông giống hình vua Ramsès đệ Nhị đào lên được từ một kim tự tháp Ai Cập. Bức ảnh đen trắng càng làm khuôn mặt ông khô quắt lại hệt như cái xác ướp của ông vua Ai Cập.

Ông là Lưu Trọng Lư. Bài báo là của Tế Hanh viết về người bạn thơ vừa qua đời.

Lưu Trọng Lư mất ở Hà Nội cách đây hơn một tháng: ngày 10 tháng Tám. Như thế, ông mất trước sinh nhật thứ 80 có 8 ngày.

Tế Hanh dùng nhận định của Vũ Ngọc Phan cũng như của Hoài Thanh và Hoài Chân để nói về thơ của họ Lưu, chỉ thêm vào chi tiết là "*trước cách mạng.*"

Tế Hanh viết: "*Trước cách mạng, tư tưởng chính của thơ Lưu Trọng Lư có thể gói gọn trong hai chữ* tình *và* mộng." Đó cũng là câu mở đầu mà nhà phê bình họ Vũ dùng để nói về Lưu Trọng Lư: "*Có thể tóm tắt tất cả những ý trong thơ của Lưu Trọng Lư vào hai chữ* tình *và* mộng."

Đó là thời của *Tiếng Thu,* đó là Lưu Trọng Lư của *Thơ Sầu Rụng,* của *Nắng Mới,* của *Một Mùa Đông,* của *Thú Đau Thương,* của trước ngày họ Lưu ra Khu Tư làm chi hội trưởng Văn nghệ Liên khu tư và giữ chức chủ bút cho tờ *Thép Mới.* Ở Khu Tư, Lưu Trọng Lư, theo Tế Hanh cho biết, đã khởi sự lột xác. Ông vẫn say mê với *tình* và *mộng* nhưng quan niệm về tình và mộng của ông đã có những đổi thay. Tế Hanh nói thi hứng của ông bắt đầu gắn bó với đời sống. Và vẫn theo Tế Hanh, Lưu Trọng Lư tìm được con đường để đi từ đời mộng để tiến vào đời thực, từ hoa phù dung, họ Lưu quay sang nói chuyện hoa cà, hoa cải, những chuyện gắn liền với đời sống sản xuất và kháng chiến...

Và do đó, sau khi bỏ thành đi theo kháng chiến, con người thơ mộng lãng mạn của họ Lưu cũng chết theo.

Lưu Trọng Lư làm thơ viết văn ca ngợi họ Hồ. Ông hết *thổn thức, rạo rực* với mùa thu. Ông không còn *lặng buồn... nhìn thôi mà chẳng nói.* Ông thét to. Ông hét lớn. Ông tung hô thật cao khi nói về một người đàn ông lạ hoắc ở Bình Nhưỡng:

... tay dong tay, thét nổ mặt trời
Lời cất vọng tung cao: Kim Chủ Tịch...

Ông sợ phải đi những bước sau tác giả của *Bài Ca Tháng Mười,* trong đó Tố Hữu đã vồ lấy cả ông Mao lẫn ông Xít để ca ngợi:

... còn hẹn với anh Hồng Quân yêu quí:
- Giết, giết nữa, bàn tay không chút nghỉ,
Cho ruộng đồng, lúa tốt, thuế mau xong,
Cho đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng
Thờ Mao Chủ Tịch, thờ Xít Ta Lin bất diệt...

Và ông kiếm ra được ông Cao Ly Kim Nhật Thành để tung hô.

Chắc ông phải làm nhiều bài thơ như thế.

Nhưng trong bài viết của Tế Hanh, những dòng thơ của Lưu Trọng Lư được trích dẫn, lại không có một câu nào viết về họ Hồ, về họ Kim, và về ho Mao.

Tế Hanh trích bốn câu trong bài *Nắng Mới:*

Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời
Lúc Người còn sống, tôi lên mười
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội
Áo đỏ Người đưa trước dậu phơi...

Bài *Thơ Sầu Rụng* được dẫn hai câu:

Vầng trăng từ độ lên ngôi
Năm năm bến cũ em ngồi quay tơ...

Bài *Một Mùa Đông* với bốn câu:

Yêu hết một mùa đông
Không một lần đã nói
Nhìn nhau buồn vời vợi
Có nói cũng không cùng...

Bài *Còn Chi Nữa* được dẫn hai câu:

Còn đâu ánh trăng vàng
Mơ trên làn tóc rối?

Viết về một nhà thơ quá nửa đời người đi theo cách mạng và Cộng sản, mà Tế Hanh không tìm được một câu nào đáng trích dẫn. Rốt cuộc vẫn phải lôi những dòng thơ mà Lưu Trọng Lư viết từ lúc trước khi ra khu, trước khi *lột người* như Xuân Diệu kể:

... Chúng con thề nguyền một lời
Quyết tâm thành khẩn... lột người từ đây...

Tôi biết Lưu Trọng Lư đau lắm. Ông quanh quẩn với *tình* và *mộng* từ Huế ra tới Hà Nội. Ông nổi tiếng nhờ những bài thơ đó. Rồi ông phải khai tử chúng, như Hoàng Cầm có lần đã phải lấy sợi dây treo cổ tác phẩm của mình, để viết xuống những câu thơ mà không ai còn muốn nhắc đến nữa.

Tưởng tượng họ Lưu vào Sài gòn sau năm 1975. Tưởng tượng ông ta mượn được cái máy *cassette,* tưởng tượng ông về phòng, đóng kín cửa lại, đặt cuộn băng *cassette* vào máy, bấm một cái nút... Ông nghe Duy Trác hát *Tiếng Thu,* nghe Thái Thanh hát *Hoa Rụng Ven Sông, Vần Thơ Sầu Rụng, Thú Đau Thương* mà tên "*nhạc sĩ Ngụy phản động Phạm Duy*" đã phổ thành nhạc, hay *Mắt Buồn* bằng nhạc của Phạm Đình Chương... Tôi nghĩ ông phải khóc. Tác phẩm của ông trong lúc chính ông khai tử chúng, thì ở cái vùng đất mà người ta vẫn nói với ông là "*nô lệ ngoại bang*" ấy, những tên nhạc sĩ mà người ta bảo ông là "*bọn phản động, nô dịch*" ấy, chúng đã nâng niu tác phẩm của ông, chúng đã hát những dòng thơ ông viết xuống từ hàng chục năm trước...

Ông có khóc thì cũng phải mà thôi.

Tế Hanh viết lần cuối về ông, đã tế nhị không trích những câu thơ mà ông đã phải viết bằng đơn đặt hàng của chế độ. Tế Hanh muốn Lưu Trọng Lư được nhớ đến bằng những dòng thơ *tình* và *mộng. Tế Hanh muốn bạn ông được nhắc nhở mãi bằng con người của thời tiền cách mạng, của lúc chưa lột người.*

Lưu Trọng Lư, nếu được nhớ tới sau này, phải là họ Lưu của những năm:

... trong khi Bác đi tìm đường cứu nước
Thì chúng tôi giam mình trong bốn bức tường cao
Trau chuốt những lời hay ý lạ
Giết tuổi xanh bằng những nỗi bơ vơ...
(thơ Chế Lan Viên)

Không, chính những nỗi bơ vơ đó mới làm thành con người thơ họ Lưu.

Và khi ông không chịu *giết tuổi xanh bằng những nỗi bơ vơ,* thì con người thơ của ông đã bị cách mạng quay lại giết bằng cái thứ thơ mà ngay Tế Hanh cũng không muốn nhắc tới nữa.

Ở cuối bài, Tế Hanh kể một chi tiết về tình bạn của ông với họ Lưu. Ông viết rằng Lưu Trọng Lư tặng ông một cây gậy để dò đường, vì thị giác của Tế Hanh đã rất yếu. Hay là họ Lưu muốn giúp cho tác giả tập thơ *Nghẹn Ngào* tìm ra một lối đi cho bớt *ngơ ngẩn nhớ muôn phương* như đã có lần Trần Tế Hanh đã viết trong bài *Vu Vơ?*

Tôi thấy tôi thương những chiếc tầu
Ngàn đời không đủ sức đi mau
Có chi vướng víu trong hơi máy
Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau...

Tác giả *Tiếng Thu* sau khi chết có được trở về với rừng thu có lá rơi xào xạc không hay cũng lại ra nằm chung với Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Huy Tưởng trong cái nghĩa trang tồi tàn bình dân ở ngoại thành Hà Nội mà bạn đã thấy trong cuốn phim *Chuyện Tử Tế* của Trần Văn Thủy? Vậy thì thảm quá. (ty)

BBT

TÌM ĐỌC

Thư Hoa Thịnh Đốn

của

BÙI BẢO TRÚC

Nhà Xuất Bản
Người Việt
phát hành nay mai

Thêm một góp ý về "cái ghetto"

KHI NGƯỜI TA KHÔNG THỞ ĐƯỢC NỮA NÊN PHẢI ÔM LẤY NGỰC GIẢI THÍCH...

BÙI BÍCH HÀ

Chính thức đưa ra nhận định về một vấn đề văn học là việc làm của những nhà phê bình văn học có thẩm quyền. Một độc giả hay một người cầm bút bình thường cũng có những nhận định về cùng vấn đề ấy, riêng cho họ trong dòng suy nghĩ riêng, không viết thành văn bản để phổ biến trên qui mô rộng rãi, không coi là nhận định tiêu biểu cho một khuynh hướng hay một thời kỳ văn học. Nếu được hỏi, trong vòng bạn hữu thân quen, nhận định riêng ấy được trao đổi như những cảm nghĩ hoàn toàn cá nhân, phát sinh từ sự hiểu biết và kinh nghiệm thô sơ của một cá nhân, ở vị thế của họ, trong các sinh hoạt xã hội họ có dự phần (mà sinh hoạt văn học là một).

Trong môi trường sống rộng lớn của nước Mỹ, mỗi người Việt Nam có những đáp ứng và thích nghi riêng để tồn tại và phát triển, không ai giống ai. Đứng ở vị thế này nhìn qua vị thế kia, suy đoán rồi kết luận, việc làm ấy hoàn toàn có tính chủ quan và rất phiến diện. Cho nên, theo thiển ý, công việc tổng kết cả một thời kỳ văn học lưu vong của người Việt hải ngoại, với mọi thăng trầm và sắc thái của nó, sẽ thuộc thẩm quyền các nhà viết văn học sử tương lai. Ngay bây giờ, mọi người chỉ làm cái việc đưa ra những đóng góp nhỏ, những nhận định của riêng cá nhân họ nhìn xuyên qua cảm tính, suy nghĩ, ngay cả sự thúc bách của hoàn cảnh họ sống, niềm tin họ theo đuổi hay ý đồ họ muốn áp đặt. Vì vậy, thái độ phải chăng nhất khi tiếp đón mọi quan điểm phê bình văn học hiện nay là sự khách quan ghi nhận, như một thứ trăm hoa đua nở.

Chẳng phải vì có người tán tụng Trần Vũ là Kafka mà chị Thụy Khuê không nói điều ngược lại. Chẳng phải vì anh Nguyễn Mộng Giác đặt vấn đề trì trệ trong sinh hoạt viết lách hải ngoại mà anh Vũ Huy Quang không kêu lên một cách chân thành "sao lại cho là có sự trì trệ khi mà mọi người vẫn viết, vẫn đọc, sách báo vẫn gia tăng số in ấn hàng ngày?" Chẳng phải, vì chị Thụy Khuê viết "cuộc sống ở nước ngoài đa dạng, phong phú nhưng chúng ta viết là để quên nó đi. Viết, ở hải ngoại, là để phủ nhận đời sống hàng ngày" mà chúng ta không có một Mai Kim Ngọc chủ trương rằng "chính cuộc sống hàng ngày là chất liệu của ngòi bút" (tác phẩm của ông phản chiếu điều ông nói). Chẳng phải vì búa rìu dư luận là hậu quả của một thứ ghetto mà anh Nhật Tiến không tự làm chói lòa nơi anh điều mà giáo sư Dương Đức Như gọi là sự lương thiện trí thức và lòng quả cảm của một người cầm bút nhận trách nhiệm về các suy nghĩ viết ra...

Kiểu lập luận lỗ mỗ, thiếu rốt ráo, thiếu cùng khắp, lấy từ một vài trường hợp riêng lẻ phóng qua cái lăng kính thiên kiến để làm lớn nó lên thành cái chung, e rằng sẽ không tránh khỏi chủ quan, sai sót và đưa đến ngộ nhận.

Là một người đàn bà, tôi thường cảm thấy đời sống hình thành bên ngoài mọi lý luận. Cụ Nguyễn Du đã viết những câu thơ tuyệt tác trước khi có những nhà phê bình mổ xẻ tác phẩm của cụ để chứng minh đó là một tuyệt phẩm. Cho nên, nhiều khi lý luận chỉ là để phô diễn khả năng thưởng thức của một người, không nhất thiết là chân lý, càng không làm ra chân lý.

Bàn về nguyên nhân tình hình trì trệ của văn học hải ngoại mấy năm gần đây, chị Thụy Khuê lược dẫn hai ý của anh Nguyễn Mộng Giác (Văn học số Xuân Tân Mùi) như sau:

1/ Gặp sự thử thách của các tác phẩm trong nước gửi ra, những nhà văn ngoài nước cảm thấy sự yếu kém của mình (bản thân tôi đọc kỹ bài viết của anh N.M.G., không thấy lời nào, câu nào của anh diễn tả ý này) trước những tác phẩm hiện thực, phản ảnh xã hội một cách trung thành của những nhà văn trong nước.

2/ Người viết ngoài nước, thay vì mở rộng tầm nhìn, tận hưởng quyền tự do, được nghe những bài bình luận từ nhiều quan điểm khác nhau, được sống trong một môi trường có nhiều ưu thế hơn người viết trong nước, lại tự tạo cho mình một thứ ghetto, đến nỗi quanh những cuộc tranh luận hẹp hòi, những hành động chụp mũ, thô bạo... người ta thấy bộc lộ những quan điểm hẹp hòi, thô thiển hơn cả thời Việt Nam Cộng Hòa trước 75. Từ đó đưa ra những tự ti hoặc tự tôn quá đáng... thu hẹp tầm nhìn của mình.

Mở đầu phần lập luận của anh ở trang 5 Văn học Xuân Tân Mùi, Nguyễn Mộng Giác viết rõ "*Theo tôi...*" Do đó, người đọc lắng nghe những điều anh nói như những cảm xúc và suy nghĩ của riêng anh, chắc chắn đã được thể nghiệm và đã lọc qua những kinh nghiệm sống mà bản thân anh trải qua. Chỉ là sự chan hòa, trao đổi, bộc bạch, trên đường tìm kiếm một đáp số cho những bức xúc của một người cầm bút đứng ở cái vị thế đặc biệt của chính mình. Người đọc ghi nhận, có thể đồng ý hay không đồng ý, không trên căn bản tranh cãi suông mà trên những cảm xúc cũng có thật của họ nhưng lại không nhất thiết phải giống anh N.M.G.

Nhận định "*các nhà văn ngoài nước cảm thấy sự yếu kém của mình*" so với các tác giả trong nước là một phê phán khiến tôi ngạc nhiên vì tính cách hàm hồ, thiếu thận trọng, xưa nay chưa từng thấy trong lãnh vực phê bình văn học chính thống ở bất cứ một giai đoạn văn học sử nào. Ngòi bút phê bình có thể mổ xẻ, phân tích, cân nhắc sức nặng, nhẹ của một đề tài nghệ thuật và kỹ thuật khai triển đề tài ấy và thậm chí tác dụng của nó trên môi trường đón nhận nó, không ai có thể kết luận Tản Đà hay hơn Tú Xương hoặc Huy Cận không bằng Xuân Diệu.

Vào thời điểm này, các nhà văn trong nước có lợi thế ở chỗ họ đang trực tiếp sống cái thảm kịch to lớn của dân tộc. Những điều họ viết ra đánh động lập tức vào lương tâm thế giới, đáp ứng với xu thế đòi hỏi công bằng và tự do đang cuồn cuộn khắp năm châu như một biểu lộ hoàn chỉnh của nền văn minh nhân loại. Dương Thu Hương được Unesco chọn là nhà văn biểu tượng của Tự Do, dù muốn dù không, vai trò và giá trị của chị gắn liền với sân khấu chính trị hơn là văn học sử. Trên mặt trận đánh phá bạo lực, chị là một chiến sĩ văn hóa can trường. Ánh sáng những ngọn pháo bông và tiếng thanh la não bạt mừng chị (của những thế lực nhờ chị mà vinh danh) đã khoác lên chị vẻ đẹp thần thoại. Vấn đề là khi ánh sáng những ngọn pháo bông và tiếng thanh la não bạt ấy lặng chìm, khi sân khấu buông màn, khi chị trút bỏ xiêm y chiến sĩ của một giai đoạn thời sự, lúc ấy văn học sử muốn dành lại chị, chắc hẳn sẽ phải dùng một cách đánh giá khác.

Mỗi người một việc, một hoàn cảnh. Nỗ lực nào cũng đáng quí, đáng được trân trọng. Trong sáng tạo, không có tỵ hiềm, hơn thua, mặc cảm. Ngay cả cái bóng ma mà anh Nguyễn Mộng Giác gọi là ghetto và chị Thụy Khuê đòi đập vỡ nó nơi những người cầm bút hải ngoại, thật ra, nó là sản phẩm của lý luận, là một thứ giới hạn cho những ai cảm nhận nó trước tiên nơi chính mình. Không có sự phản chiếu và đồng vọng nơi mỗi người, lấy gì để nhận thức cái ghetto ấy? Chính là khi những bước chân lên đường va vấp, trắc trở, ngập ngừng, mà người ta nhìn quẩn quanh để tìm cách giải thích, tìm cát trong giày và nhìn thấy sỏi đá trên đường.

Là một người yêu mến văn chương, bản thân tôi có lúc chờn chợ trước cái hào nhoáng của chữ nghĩa, tựa như son phấn trên khuôn mặt người phụ nữ. Nếu không có sức sống thực sự, thâm trầm, trong đôi mắt và trên đôi môi, vẻ đẹp của son phấn sau cái nhìn choáng ngợp một giây đồng hồ đầu tiên, sẽ hiện nguyên vẹn sự hời hợt giả tạo của nó. Cũng y như người đàn bà dùng son phấn để che đậy hoặc sửa chữa khuyết điểm trên khuôn mặt mình, chữ nghĩa được dùng để che đậy vết thương của người cầm bút. Vì thể diện, vì sĩ khí, vì tác dụng chính trị, vì cả ngàn lý do khác nữa, có những sự thật được

bưng bít, được dấu quanh, được nói vòng vo, người ta quên rằng ở ngưỡng cửa thế kỷ 21, khả năng nhận thức của loài người (nói chung) đã đi đến tận cùng sự vi tế và uyển áo, thực tế có sức thuyết phục là một thực tế lột trần ra chứ không phải được đánh bóng hay ngụy trang. Thẳng thắn chấp nhận thực tế và khả năng để giải quyết mọi vấn đề trong thực tế ấy là mấu chốt sức mạnh tiến bộ, kỳ dư là ảo vọng, ngụy tín, ngụy ngôn, ngụy ngữ, ngụy lý.

Thực tế là những tài năng âm nhạc cỡ lớn như Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Cung Tiến, những nhà văn, nhà thơ một thời Việt Nam lẫy lừng như Mai Thảo, Võ Phiến, Nguyên Sa, Túy Hồng, Hoàng Anh Tuấn.v.v... bứt ra khỏi sức mạnh hùng vĩ của dân tộc và quê hương, xem chừng quí vị ấy giống như Samson mất bộ tóc quí.

Thực tế là chúng ta không sai lầm khi từ khước chế độ Cộng Sản nhưng có lẽ chúng ta sai lầm trong cách thế phủ nhận và chống đối nó (bỏ chạy, tìm nơi dung thân, biện bạch để rửa mặt cho nhau...)

Thực tế là đời sống nước Mỹ, với mọi ràng buộc đã trở thành định chế, làm tiêu hao nốt phần sinh lực còn lại bên trong những con người Việt Nam di tản buồn hàng ngày phải vật lộn với sinh kế để tồn tại, chịu đựng những ngoại lực làm thay đổi cả bản chất mình. Cái tâm lý ăn xổi ở thì, cái trống trơn của mất mát, bất lực, cái buồn vui chỉ cảm nhận từ bao tử ra đến cửa miệng, làm sao có thể là nguồn cội sáng tạo? Cái môi trường nước ngoài thuận lợi mà anh Nguyễn Mộng Giác và chị Thụy Khuê nói tới, trong đó, các nhà văn được nghe, được thấy, được đọc, được viết, được sống, đối với riêng tôi, chỉ là cái hạnh phúc chua chát của người chết khát trên bờ giếng. Đi bên lề sự vĩ đại của nước Mỹ và bên lề thân phận lầm than của quê hương, là một thứ chân không đến đất, cật không đến trời, những người viết như tôi lấy đâu ra lửa thắp sáng đời mình và chuyển lửa cho người?

Có những sự thực nói ra khiến người trong cuộc hổ thẹn, như trường hợp tôi. Cái sự thực mà anh bạn văn Vũ Huy Quang, mỗi lần gọi điện thoại hỏi thăm, đều không tiếc lời sỉ vả "chị bận gì? Bận đi làm overtime, bận đi mua áo, mua xe, đưa con vào Đại học, phải không?"

Cũng có những sự thực mà người chứng kiến phải ngậm ngùi chia xẻ, như một lần nói chuyện với Vũ Quỳnh Hương qua điện thoại, hỏi "sao lâu lắm không thấy truyện của Hương?", chị cười ngập ngừng "dạo này em không có thì giờ viết, em vừa đi làm, vừa đi học. Phải học cho xong đã". Như một buổi chiều đến nhà Trần Diệu Hằng sau giờ làm việc, thấy chị tất tả giữa đứa con trong phòng tắm, đứa con ngoài sân sau với bà mẹ già đang gọi giật chị từng hồi vì một việc cần thiết. Hỏi chị viết vào lúc nào, chị trả lời "phần nhiều ở sở. Ở nhà, phải chờ đến khi trẻ con đã ngủ, có hôm em cũng mệt quá, không ngồi dậy nổi nữa." Như những lần trò truyện với Túy Hồng, biết chị thường xuyên phải làm hai jobs mới đủ lo cho các con, chín giờ đêm chưa về tới căn nhà chị rời đi từ lúc sáng sớm. Như một lần tình cờ gặp Dương Như Nguyện, hỏi cô "Viết được đều không?", cô bâng khuâng trả lời "Cháu tính đến năm 36 tuổi, ổn định nghề nghiệp xong mới thực sự cầm bút. Nghề của cháu, lúc đầu không chăm chút đủ thì không đứng vững được, đồng nghiệp họ coi thường..." Chúng ta vẫn hy vọng cái tuổi 36 của nhiều Dương Như Nguyện khác nữa nhưng biết đâu, sau thời kỳ ổn định nghề nghiệp, những cô Dương Như Nguyện này lại không cảm thấy bị thúc bách vì một thời kỳ phát triển nghề nghiệp tiếp theo trong xã hội nước Mỹ? Ai cũng biết không có tác phẩm lớn khi không có sự dấn thân. Người ta bỏ chạy trước gông cùm cộng sản, người ta đầu hàng trước gông cùm tư bản. Bỏ chạy và đầu hàng thì làm sao lớn được?

Trong một lần trò chuyện khác, một người bạn ngoài giới nói với tôi rằng "Có định kiến quan niệm người nghệ sĩ la đà như bướm lượn, vui đâu chầu đấy. Thật ra, người nghệ sĩ chân chính rất gay gắt trong chọn lựa, nếu không, họ không bao giờ đạt đến tinh hoa trong sáng tạo". Người bạn ấy nói đúng, chỉ tiếc rằng giữa dòng sinh hoạt cuồng lưu của nước Mỹ, thái độ lựa chọn trong văn chương cũng ngang ngửa với hành vi tử đạo, cho nên, biết đâu nó chẳng là một trong nhiều nguyên nhân đưa đến tình trạng mà anh Nguyễn Mộng Giác gọi là sự trì trệ trong văn học hải ngoại?

Dẫu sao, dấu hiệu tích cực cho phép mọi người lạc quan tin tưởng vào hành trình văn học Việt Nam (cả trong lẫn ngoài nước) vẫn là một số người viết trẻ tiếp tục viết rất hăng hoặc xuất hiện thêm trên các tạp chí và nhật báo. Những người viết này, không lý luận, không băn khoăn, không đặt vấn đề. Họ thể hiện văn chương như một cung cách sống. Tôi yêu mến sức mạnh và sự hồn nhiên trong hơi thở ấy hơn là khi người ta không thở được nữa nên phải ôm lấy ngực giải thích lòng vòng.

Giữa cái cũ đang già nua, tàn lụi dần và cái mới đang ươm mầm, có lẽ cũng phải có một khoảng thời gian mông lung chờ đợi trước khi nhìn thấy màu xanh của lộc non trở thành rừng lớn.

BÙI BÍCH HÀ

Âm nhạc và tôi

NGUYÊN SA

CHƯƠNG HAI

MỘNG DƯỚI HOA

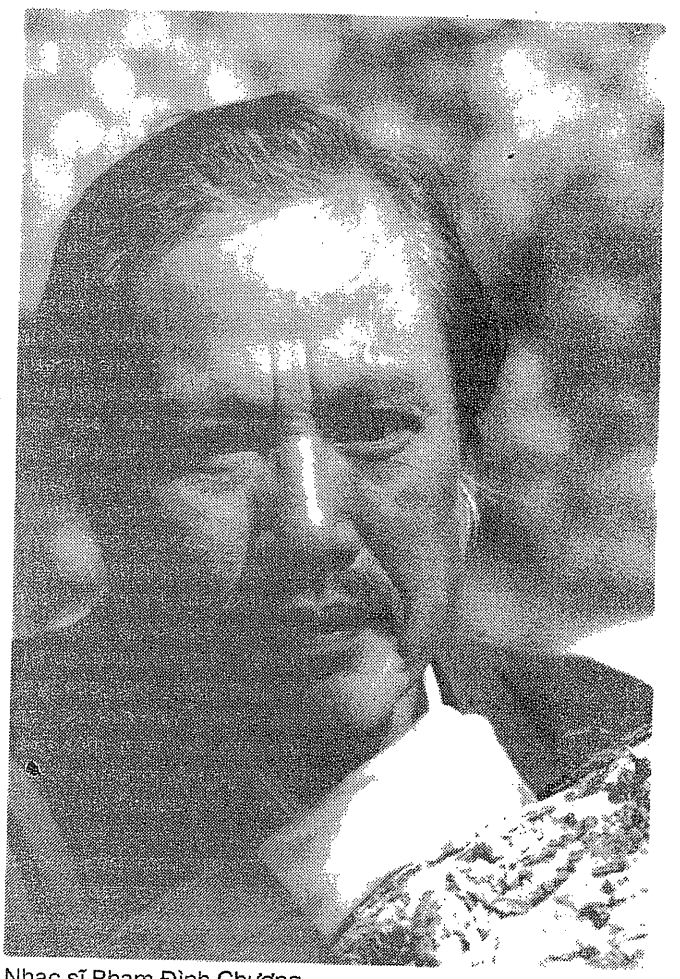

Nhạc sĩ Phạm Đình Chương

Tôi có một người bạn thích bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây* của Hoài Bắc Phạm Đình Chương cực kỳ mạnh mẽ. Một cách khác thường. Tôi muốn nói anh yêu bài thơ Quang Dũng, Phạm Đình Chương phổ nhạc đó. Hơn thế nữa, người bạn tôi mê bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây*. Anh mua cuốn băng có bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây* mang ra sang lại, chỉ sang bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây*, sang nhiều lần, kín luôn mặt A của cuốn băng, rồi lật qua mặt B, ghi vào mặt nhựa, cùng khắp, *Đôi Mắt Người Sơn Tây*. Bạn tôi sử dụng băng C 90, loại Maxell metal, anh nói anh phải nghe cuốn này không dưới sáu tiếng một ngày, phải băng metal mới chịu thấu. Bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây* dài trên dưới 5 phút, bạn tôi ghi vào băng mỗi mặt được tám *Đôi Mắt*. Khoảng cách mỗi bài chừng ba chục giây. Bạn tôi làm nghề bán bảo hiểm, anh di chuyển trên xe nhiều hơn ngồi ở văn phòng, anh không phải là giới âm nhạc chuyên nghiệp, nhưng anh là thành phần thưởng ngoạn sành điệu, anh sang một cuốn toàn *Đôi Mắt Người Sơn Tây* biết sử dụng *mute* mỗi khi vô ra đầu và cuối bài, có dùng máy lọc âm để loại bỏ tiếng ồn và tiếng ù khi sang băng và anh cũng không quên giữ đúng tiêu chuẩn chuyên nghiệp khoảng cách của mỗi bài ba chục giây. Bạn tôi có lý do để thích bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây*. Quê anh ở Sơn Tây. Anh hãnh diện về thơ Tản Đà, thơ Quang Dũng. Anh hào hứng mỗi khi nhắc tới những tác phẩm của Chu Tử như "Yêu", "Sống". Anh lấy tinh thần "trừ gian diệt bạo", "thế thiên hành đạo" mà chủ nhiệm tờ Sống cổ võ suốt một thời gian dài làm phương châm xử thế. Tôi được đi xe với bạn tôi một lần, lượt đi tôi được nghe trọn vẹn hai mặt *Đôi Mắt Người Sơn Tây*, lượt về đường bớt kẹt xe, bạn tôi cũng lái mau hơn, qua khỏi mặt A, tám Đôi Mắt, sang mặt B, thêm hai Đôi Mắt nữa chúng tôi về đến quận Cam. Bạn tôi hỏi có biết Hoài Bắc người Sơn Tây không? Tôi trả lời tôi biết. Tôi không nói

cho bạn tôi hay tôi hiểu anh có lý do để thích đến say mê tác phẩm này của Hoài Bắc Phạm Đình Chương. Tôi cũng không nói cho bạn tôi hay là tôi không phải là "người Sơn Tây", nhưng tôi cũng rất yêu mến *Đôi Mắt Người Sơn Tây*.

Tác phẩm của Từ Công Phụng, phần thuần túy Từ Công Phụng, phần "nhạc và lời Từ Công Phụng" đông đảo hơn và được biết đến nhiều hơn phần thơ phổ nhạc của anh. "*Bây giờ tháng mấy*" được giới thưởng ngoạn biết đến nhiều hơn thơ phổ nhạc tuyệt vời "*Trên Ngọn Tình Sầu*". "*Bây giờ tháng mấy*" năm 1968 là bài "top hit". Chỗ nào, trong tiệm hớt tóc, chỗ tiệm may, trong văn phòng, nơi tư gia, người ta hân hoan khi mở máy phát thanh bắt gặp bài ca thời trang được chờ đón. Nhiều người hát theo. Nhiều người đổi lời ca "bây giờ tháng mấy" thành ra "bây giờ mấy tháng... rồi hỡi em?" như trêu chọc, đùa giỡn với những lời nói quen thuộc thân thương. Trong vũ đình trường Thủ Đức, trên đồi mười tám di hành dã trại, khi đi thì Lục Quân hành khúc ăn trùm, nhưng dừng quân, nghỉ mệt từ một gốc cây, từ một tảng đá, từ một thảm cỏ lần nào cũng có "bây giờ tháng mấy rồi hỡi em" được cất lên, và lần nào cũng vậy, một "bây giờ tháng mấy" cất lên thì có ba bốn "Bây giờ chín tháng rồi đó anh!..." vang vọng trả lại. Tác phẩm của Hoài Bắc Phạm Đình Chương, theo tôi, thì cân bằng. Phần tác phẩm thuần túy Phạm Đình Chương, phần "nhạc và lời Phạm Đình Chương" cũng lớn lao như phần tác phẩm thơ phổ nhạc của anh. Kịch sĩ kiêm đạo diễn Nguyễn Long cho hay ngày anh tổ chức Đại nhạc Hội đầu tiên mừng Ngày Giải Phóng Việt Nam tại Sàigòn anh sẽ yêu cầu các nghệ sĩ trình diễn mở đầu ngày hội lớn này bằng bà *Hội Trùng Dương* của Phạm Đình Chương. Nhiều người thích *Hò Leo Núi*. Cưỡi ngựa, chạy bộ, đạp xe, phóng xe máy dầu, lái xe hơi hồi đó, lúc nào cũng có hơn một người vừa di động vừa hát "Ngựa phi... ngựa phi... đường xa..." Tôi không biết những phi công khi lái máy bay có hát bài "ngựa phi, ngựa phi đường xa" này không, nhưng tôi biết rõ rằng những ngày phóng xe gắn máy nhãn hiệu Capri sơn hai mầu trắng đỏ từ trường Chu Văn An về nhà khu Sáu Lèo, chợ Thái Bình, tôi dọt đi xong tôi sang số là tôi bắt đầu "ngựa phi ngựa phi đường xa..." Thời đó Chu Văn An có cụ Nguyễn Ngọc Cư, có linh mục Trần Thanh Khiết, cụ Nguyễn Khắc Kham, bên Triết, ở đó từ trước, tôi vô được hơn một năm thì có thêm Nguyễn Văn Trung. Tôi bắt đầu ở Chu Văn An đầu năm năm sáu, khoảng giữa năm năm bẩy, Nguyễn Văn Trung từ Bỉ quốc về. Một lần tan lớp tôi chở Nguyễn Văn Trung đến chơi Sáng Tạo, tôi phóng xe có *Đường Trường Xa* nhạc đệm, Trung hỏi tôi "cậu ca bài gì hay nhỉ". Tôi hát to lên tranh đua với tiếng gió và tiếng động cơ cho bạn tôi nghe rõ. Trên đường về khi tôi trở lại với "trên con đường cát trắng trắng xóa" tôi nghe thấy tiếng vang vọng. Bạn tôi đã bắt kịp mau chóng lời ca và nhạc điệu "cát trắng trắng xóa". Anh em Hướng đạo sinh nhiều người thích bài Hò Leo Núi. Các nghệ sĩ như Thái Thanh, Lệ Thu, giới văn nghệ như Bùi Bảo Trúc, Nguyễn Xuân Hoàng, thích bài *Nửa Hồn Thương Đau*, giới quân nhân hào hoa như tướng Nguyễn Cao Kỳ cũng mê bài ca chất ngất cảm xúc này. Nhưng cả nước, quân nhân hay dân chính, thầy giáo hay học trò, văn nghệ hay con nhà võ, tóm lại sĩ nông công thương binh đều thích, đều yêu mến *Ly Rượu Mừng*. Một người bạn tôi ghi nhận *Ly Rượu Mừng* là bài ca được nhiều người biết nhất nước sau bài quốc ca. Anh muốn nói *Ly Rượu Mừng* được nhiều người người nghe hát, được nhiều người cùng cất tiếng hát, được nhiều người đơn ca và đồng ca nhất, sau bài quốc ca. Tôi thấy nhận xét của bạn tôi không sai. Năm nào cũng vậy, ở chỗ nào cũng vậy. Tết đến người ta không rủ nhau mà cùng cất tiếng ca lên *Ly Rượu Mừng*. Một người lên sân khấu ca là có bốn năm người hân hoan bước lên góp giọng chúc cho bác nông phu, chúc cho người công nhân, rồi có bao nhiêu nghệ sĩ hiện diện bước ra sân khấu hết, khán giả phía dưới nhiều người không ngần ngại lên sân khấu thêm, chúc cho muôn người, những người còn ngồi lại phía dưới ngả nghiêng hay đưa tay theo điệu luân vũ chúc ấm no, chúc đoàn tụ, chúc tình yêu, chúc hạnh phúc.

Ly Rượu Mừng, cũng như Hò Leo Núi, Hội Trùng Dương, Ngựa Phi Đường Xa là phần tác phẩm "Nhạc và lời Phạm Đình Chương."

*

Hoài Bắc Phạm Đình Chương là một người hiền hòa. Một nhạc sĩ hiền hòa. Hơn thế, anh là sự hiền hòa. Các bạn khác có thể sử dụng những danh từ "sự rộng lượng", "tình yêu", "tình bằng hữu", khi nói về Hoài Bắc. Tôi thì tôi dùng danh từ "sự hiền hòa". Với tôi, danh từ chung "sự hiền hòa" và danh từ riêng Hoài Bắc Phạm Đình Chương có chung một nghĩa. Là hai tiếng đồng nghĩa. Tôi vẫn thấy có những danh từ riêng gần gụi và chung chạ. Như tên sông, tên biển, tên đường, tên làng, tên phố, tên thành phố cũ, tên trường học thuở xa xưa, tên những anh hùng, đã trở thành phố thành đường, những danh từ riêng đó đã trở thành phần đời, thành thịt da, thành sự sống, thành hơi thở của chung. Tôi cũng thích "sự hiền hòa" vì đó chính là danh từ được chính Hoài Bắc sử dụng. Tôi gặp Hoài Bắc một

buổi tối, chúng tôi ăn mì xào ở tiệm Maxim's của Trần Quang Thái, trên đường Bolsa, trong khu hồi đó được mệnh danh là khu nhà "vàng đỏ", nhà sơn màu vàng, ngói màu đỏ. Hoài Bắc đi từ trên Los Angeles xuống. Trong buổi họp mặt này, Hoài Bắc nói với tôi:

"Tôi muốn nói với cậu một điều, cậu cứ nhớ mỗi khi chọn lựa một quyết định. Là người của âm nhạc cũng như âm nhạc hiền hòa lắm. Sân chơi này hiền hòa lắm. Chỉ là sự hiền hòa mà thôi..."

Chính sự hiền hòa đó đã đưa Hoài Bắc vào âm nhạc, vào tình yêu, vào cuộc đời, sự hiền hòa đưa Hoài Bắc nhập hội Trùng Dương, làm anh bốc lên trên những vó ngựa phi trên đường xa, nâng bàn tay anh lên chúc cho muôn người hạnh phúc. Hiền hòa của Hoài Bắc là một bầu trời, là một biển lớn trong đó có đủ thứ, có sự chân thành, có cảm xúc, có hứng khởi. Sự hiền hòa đó có đôi chân khổng lồ bước qua dễ dàng những ganh ghét, những tỵ hiềm, những nhỏ bé, làm mở lớn ra, làm bay vút lên cảm xúc sáng tạo có bằng hữu đồng hành là tình yêu, tình bạn và sự chân thành. Tôi không biết sự hiền hòa là nhạc đệm cho bài trường ca Hoài Bắc hay đó chính là đoạn crescendo của bản đại hòa tấu Phạm Đình Chương. Với sự hiền hòa nhập một đó, Hoài Bắc Phạm Đình Chương đi vào thế giới thi ca. Anh hát lên với thơ Quang Dũng, thơ Đinh Hùng, thơ Trần Dạ Từ, thơ Thanh Tâm Tuyền, thơ Hoàng Ngọc Ẩn, thơ Du Tử Lê, thơ Thái Tú Hạp... Sự hiền hòa của Hoài Bắc không có biên giới. Tình yêu của anh không có biên giới. Bài thơ nào anh thấy hay, làm cho anh cảm xúc, anh yêu mến là anh sáng tạo. Hoài Bắc Phạm Đình Chương là nhạc sĩ phổ nhạc thơ của nhiều thi sĩ thời danh của những thập niên chạy dài từ năm mươi đến chín mươi nhất. Có những nhạc sĩ phổ nhạc những bài thơ thuộc về một thời đại khác. Hoài Bắc Phạm Đình Chương phổ nhạc những bài thơ cùng thời với anh. Có những nhạc sĩ phổ nhạc thơ chỉ của một người. Trịnh Công Sơn chỉ phổ nhạc một bài thơ của Trịnh Cung. Hoài Bắc Phạm Đình Chương mang lại tình yêu này cho những bài thơ của đông đảo thi sĩ thời đại anh.

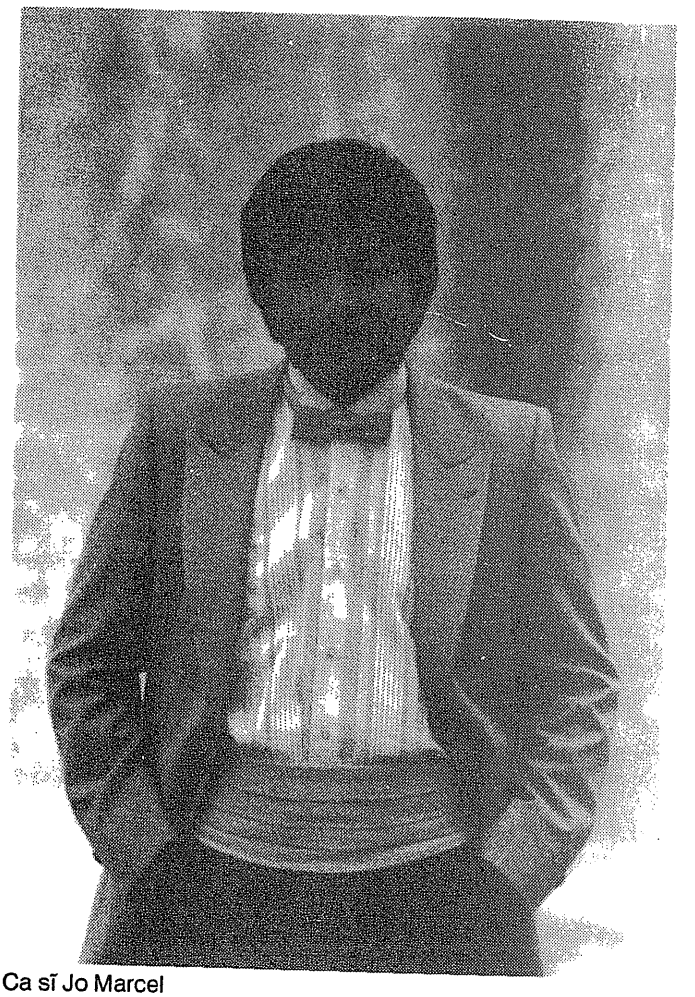

Ca sĩ Jo Marcel

Hẳn nhiên Hoài Bắc không muốn điều đó, nhưng điều đó đã xảy ra. Anh không muốn như thế, nhưng cuộc đời phải như thế. *Mộng Dưới Hoa* mau chóng hiện ra, và vượt thời gian hiện ra, là cô Hoa Hậu của vườn hoa nhan sắc. Tác phẩm của Hoài Bắc được Phạm Thành, con trai lớn của nhạc sĩ, in toàn bộ vào một cuốn, thực hiện xong một vài tháng trước khi Hoài Bắc từ trần cũng được đặt tên rất đúng là *Mộng Dưới Hoa*. Nhất định sẽ có những người thưởng ngoạn thích *Người Đi Qua Đời Tôi* hơn *Mộng Dưới Hoa*. Anh bạn bán bảo hiểm của tôi vẫn chỉ có một mối tình mang tên *Đôi Mắt Người Sơn Tây*. Nhưng bài thơ phổ nhạc của Hoài Bắc gây ra xúc động cực lớn, bài thơ phổ nhạc của anh được nhiều người thích thú nhất, chính là *Mộng Dưới Hoa*, thơ Đinh Hùng, nhạc Phạm Đình Chương. Tôi ở trong số khán giả của Hoài Bắc yêu mến vô cùng *Mộng Dưới Hoa*. Trong *Mộng Dưới Hoa*, Hoài Bắc chọn đúng bài và đúng đoạn. Một thi sĩ có nhiều bài thơ tiêu biểu, nhạc sĩ chọn thơ để phổ nhạc, muốn chọn bài nào tùy ý là đương nhiên, nhưng chọn đúng bài tiêu biểu nhất thì đó là một

hạnh phúc. Phạm Duy chọn *Ngậm Ngùi* của Huy Cận, Lê Thương chọn *Tiếng Thu* của Lưu Trọng Lư, Dương Thiệu Tước chọn *Chiều* của Hồ Dzếnh. Đó là những hạnh phúc. Phạm Đình Chương mở ra cánh cửa lớn của khu vườn hạnh phúc có tên là *Mộng Dưới Hoa*. Có những bằng hữu có thể nêu lên ý kiến những bài thơ tình dành cho kỳ nữ, những tác phẩm có vẻ đẹp yêu ma mới Đinh Hùng. Đúng rồi, trước sau vẫn có hai Đinh Hùng. Đinh Hùng công tử Hà Nội, tình yêu học trò và Đinh Hùng của tình yêu thần kỳ, của thú đau thương, danh từ hôm nay gọi là "nô lệ ái tình", các nhà tâm lý học dùng chữ "sadomasochisme". Có thể mai sau có những nhạc sĩ của một thời đại khác sẽ phổ nhạc những bài thơ của Đinh Hùng, những bài thơ của một tình yêu thờ phượng. Nhưng vào thời đại đó, vào những năm năm mươi cuối, đầu sáu mươi, chọn lựa *Mộng Dưới Hoa* phản ảnh được Phạm Đình Chương, phản ảnh được Đinh Hùng, và phản ảnh được tâm hồn của những chàng trai yêu từ lúc chưa gặp, khi đã gặp người thiếu nữ "đẹp như trăng" thì tình yêu "không nói năng" ngự trị. Vả chăng, trong *Mộng Dưới Hoa* đã có Đinh Hùng của tiền kiếp.

"Chưa gặp em tôi đã biết rằng
Có người thiếu nữ đẹp như trăng
Tóc xanh là bóng dừa hoang dại
Đang đứng nhìn tôi không nói năng..."

Đinh Hùng trong thơ là một đại cao thủ. Những đường gươm anh tung ra lấp loáng kiếm quang có chất thép quý tôi luyện ngàn năm, có khổ công hấp thụ được cả linh hồn của núi non và trái tim của sông biển. Chỉ cách sử dụng vần thôi, thơ Đinh Hùng một mình là một giấy trường sơn mỗi ngọn cao là một vần có tên chung là tử vận. Vần "trăng" của đoạn thơ bẩy chữ này và vần "kỳ", *em đến như mây chẳng hẹn kỳ, mây ngàn gió núi động bay đi"*, là những vần khó, người nội lực kém sẽ thất vận, người nội lực cao hơn nhưng tập luyện chưa tới không thất vận cũng chỉ mang lại được những câu thơ đúng vần điệu nhưng khô cứng. Hai nhà thơ sử dụng vần "trăng" làm cho tôi thích thú nhất trong đó có Đinh Hùng với bốn câu "Chưa gặp em tôi đã biết rằng, có người thiếu nữ đẹp như trăng..." Người thứ nhì là Huyền Kiêu:

"Ngồi suốt đêm trường chẳng nói năng
Ngậm ngùi chén rượu ánh vừng trăng
Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ
Có giống như mình lưu luyến chăng?"

Hoài Bắc Phạm Đình Chương đã chọn đúng tác phẩm tiêu biểu của Đinh Hùng, khi chọn *Mộng Dưới Hoa* để phổ nhạc, anh cũng chọn đúng những đoạn thơ sáng nhất của *Mộng Dưới Hoa* để hình thành tác phẩm thơ - nhạc. Sự tình cờ đã mang lại cho Hoài Bắc Jo Marcel.

Jean Paul Sartre, thời kỳ *Le Diable et le Bon Dieu* đã đưa ra nhận xét tác phẩm kịch không phải là tác phẩm của một mình kịch tác gia. Tác phẩm "kịch viết" đúng là tác phẩm của người soạn kịch. Nhưng tác phẩm "kịch diễn", kịch viết được đưa lên sân khấu, là tác phẩm chung của kịch tác gia, của đạo diễn, của kịch sĩ, của anh em phụ trách âm thanh và ánh sáng. Động từ "sáng tạo" được dùng chung cho cả việc làm của người sáng tạo bằng trí óc lẫn người sáng tạo bằng trình diễn, trong đó có cả thể xác và tâm hồn. Sartre không thích đi đến những sinh hoạt đông người mang nặng sắc thái tiểu tư sản. Nói chung, những người của sáng tạo không thích những trò chơi trưởng giả học làm sang. Sartre còn đi xa hơn nữa, từ chối lãnh giải thưởng Nobel văn chương. Nhưng bao giờ nhà văn triết học cũng có mặt trong những buổi tập dượt trình diễn những vở kịch của ông, trong đó có *Le Diable et le Bon Dieu*. Giọng ca trình bày bài hát lần đầu tiên có một vị trí thật quan trọng trong cuộc đời của tác phẩm âm nhạc. Tên tuổi của Juliette Greco gắn liền với *Les Feuilles Mortes*. Nói tới *"J'ai deux amours"* là người ta nghĩ tới Tino Rossi. *"Love me tender"* của Elvis Presley. *"Saturday Night Fever"* của The Beattles. *San Francisco* gắn liền với Bee Gee. Louis Armstrong là *A Marvelous life*. Giọng ca thần thoại của Nat King Cole mang *Unforgettable* vào thần thoại.

Đến nỗi, có nhiều trường hợp, giọng ca với sự trợ lực của ánh đèn sân khấu, với sự đồng lõa của trí nhớ có khả năng rất giới hạn của chúng ta, làm mờ đi cả nhà soạn nhạc, trong trường hợp là người làm cả nhạc và lời, làm mờ đi cả nhà soạn nhạc và nhà thơ, trong trường hợp thơ phổ nhạc.

Tôi nhớ *Barbara* do Juliette Greco trình bầy lần đầu, hình ảnh của Juliette với tôi, qua Barbara còn gần gũi hơn qua *Les Feuilles Mortes*, tôi cũng nhớ *Barbara* cũng như *Les Enfants Qui S'aiment* là những bài thơ lừng danh của Jacques Prevert, phổ nhạc. Tôi không nhớ tên nhạc sĩ đã mang lại cho chúng ta những bài nhạc tuyệt vời đó. Ngay trong những ngày tháng này, những người yêu nhạc đều biết Mara Careh bay lên hàng đầu với *Love takes Time*, năm ngoái S. O'Connor làm dư luận chấn động với chiếc đầu không một sợi tóc của nàng và bài ca day dứt kinh khủng *Nothing Compared to You*, năm kia Madonna làm dư luận bốc cháy với những cây thánh giá bốc cháy trong *Like a Prayer*, người ca sĩ đưa tay dắt tượng Chúa da đen trở về địa cầu đầy đọa trong tội tổ tông. Những

người rất quan tâm đến âm nhạc hôm nay biết dễ dàng Maria Careh tự soạn lấy những ca khúc của nàng, bài hát đã đưa O'Connor lên tuyệt đỉnh là một bài hát của Prince. Madonna có một nhạc sĩ riêng soạn những ca khúc cho nàng.

Nhưng với số đông, hào quang của những nghệ sĩ trình diễn làm mờ đi tất cả những quan trọng khác. Truyền thông âm nhạc Việt Nam, người trình bầy lần đầu ca khúc cũng có một vị trí đặc biệt trong cuộc đời của tác phẩm nghệ thuật này. Duy Trác là ca sĩ trình bầy lần đầu tiên *Áo Lụa Hà Đông*. Thái Thanh ca *Tuổi Mười Ba, Paris Có Gì Lạ Không Em* trước nhất. Khánh Ly mang lại cho chúng ta cả *Diễm Xưa* lẫn *Cát Bụi Tình Xa*, cả *Ru Em Từng Ngón Xuân Nồng* lẫn *Huế Sài Gòn Hà Nội*. Về sau có nhiều người hát nhạc Phạm Duy, nhạc Ngô Thụy Miên, nhạc Trịnh Công Sơn thật hay.

Kim Anh, Vũ Khanh, Ngọc Lan đã hát *Áo Lụa Hà Đông*. Nhưng nói đến *Áo Lụa Hà Đông* là người ta nói đến Duy Trác. Khánh Hà, theo một số người ca "*Cát Bụi Tình Xa*" nhập một hay hơn Khánh Ly ca hai bài *Cát Bụi* và *Tình Xa*, hòa âm cũng quy mô hơn, Khánh Hà sử dụng kỹ thuật hát bè kỹ càng. Ngọc Lan ca *Ru Em Từng Ngón Xuân Nồng* làm nhức nhối. Hải Lý hát *Tình Nhớ* thật mênh mông, trùng điệp cảm xúc. Như Mai ca *Biết Đâu Nguồn Cội* làm dấy lên cả một phong trào ca *Biết Đâu Nguồn Cội*, mà Khánh Ly chưa bao giờ làm được. Nhưng nói đến những ca khúc của Trịnh Công Sơn là người ta nghĩ đến Khánh Ly. Bởi vì, sáng tạo ra những bài tình ca mang tên Trịnh Công Sơn chỉ có Trịnh Công Sơn. Và người ca sĩ trình bầy Trịnh Công Sơn lần đầu Khánh Ly.

Trường hợp *Mộng Dưới Hoa* của Hoài Bắc Phạm Đình Chương, Jo Marcel là ca sĩ trình bầy ca khúc này lần đầu trong đĩa hát. Thời điểm đó, trên đài phát thanh có những nghệ sĩ cũng mang lại cho chúng ta *Mộng Dưới Hoa*. Có cả những tên tuổi lừng lẫy như Anh Ngọc. Có cả những buổi Tao Đàn thi nhạc giao duyên. Nhưng Jo Marcel người đầu tiên đã mang *Mộng Dưới Hoa* vào đĩa, mang *Mộng Dưới Hoa* đi cùng khắp, từ phòng trà Caravelle đến những căn cứ Mỹ rải rác trên khắp nước.

Năm 1966, *Mộng Dưới Hoa* được thu vào đĩa hát. Đó là bài hát Việt Nam được đưa vào đĩa hát thâu thanh và sản xuất hoàn toàn ở ngoại quốc. Năm 1970 tại Hội Chợ Hoàn Vũ khai diễn tại Osaka tôi được nghe *Diễm Xưa* của Trịnh Công Sơn, Khánh Ly ca vang lên trong những gian hàng của Osaka. Trước đó, trên đường đi từ Đài Bắc đi Đài Nam cùng với Nguyễn Thị Hoàng, Phạm Việt Tuyền, Võ Phiến, Trần Dạ Từ... tôi nghe thấy *Nắng Chiều* bằng tiếng Trung Hoa trên chuyến xe lửa. Gần đây tôi được nghe *Sài Gòn Đẹp Lắm* một ban nhạc ngoại quốc chơi disco. Nhưng trước đó, trước năm 1970, trước Tết Mậu Thân, từ năm 1966, *Mộng Dưới Hoa* đã được thu vào đĩa hát ở bên Nhật. Đĩa hát có hai mặt, mỗi mặt chỉ có một bài, mặt A là *Mộng Dưới Hoa*, mặt B là một ca khúc Pháp là bản *Et Maintenant*. Tên của đĩa hát Việt Nam đầu tiên thực hiện ở ngoại quốc mang tên là "*11 giờ 30*". Đĩa do Jo Marcel thực hiện, anh yêu cầu hãng đĩa Nhật bản gửi về Sài gòn cho anh 5 ngàn đĩa. Hãng Nhật thi hành, gửi về cho Jo 5 ngàn đĩa, quan thuế Tân Sơn Nhất chia ba ngàn, chỉ trả lại cho Jo Marcel hai ngàn. Đĩa *11 giờ 30* không bán, Jo Marcel chỉ tặng khách hàng. Một phân số đáng kể những khách hàng được tặng "*11 giờ 30*" trong đó có *Mộng Dưới Hoa* là ngoại quốc, những người ngoại quốc nghe nhạc của ban nhạc Pháp Henry Morgan ở Caravelle và những quân nhân Mỹ nghe nhạc của nhóm nhạc trẻ với những tên tuổi sáng chói Tiến Chỉnh, Đức Huy, Billy Shane, Jo Marcel của ban nhạc trẻ Spotlights.

Trong phim 11 giờ 30 tài tử Đoàn Châu Mậu, đạo diễn Lê Hoàng Hoa, ban nhạc The Spotlights, có Jo Marcel xuất hiện trình bầy *Mộng Dưới Hoa*. Bìa của đĩa hát 11 giờ 30 cũng do chính Trung tâm Điện ảnh Việt Nam trình bầy có đầy đủ tên tài tử, đạo diễn, ca sĩ, ban nhạc và một vài hình ảnh trích từ cuốn phim. Bài *Mộng Dưới Hoa* trong phim cũng như những bài *Mộng Dưới Hoa* ban nhạc Pháp Henry Morgan chơi hàng đêm do Đức Huy, nhạc sĩ tài ba, về sau mang lại cho chúng ta những *Yêu Em Dài Lâu, Bay Đi Cánh Chim Biển*... lãnh phần hòa âm. Hòa âm của Đức Huy quá hay, rất trẻ rất lãng mạn, rất thích hợp với thơ Đinh Hùng và nhạc Phạm Đình Chương được ban nhạc trẻ The Spotlights trình bầy ở khắp các căn cứ Mỹ. Những người quân nhân Mỹ chiến đấu ở Việt Nam thời gian đó nhiều người đến với âm nhạc Việt Nam qua *Mộng Dưới Hoa*. Ban The Spotlights chơi nhạc trẻ, phần lớn những bài trình diễn là nhạc ngoại quốc. *Mộng Dưới Hoa* là một trong số rất ít những bài nhạc Việt Nam được mang ra chơi. Đó là bài duy nhất được chơi thường xuyên. The Spotlights xuất hiện là Jo Marcel tiến ra tiền trường sân khấu với *Mộng Dưới Hoa*. Có nhiều nguyên nhân cắt nghĩa sự kiện *Mộng Dưới Hoa* một bài hát loại thơ phổ nhạc thuần túy Việt Nam trở thành bài hát tượng trưng cho một ban nhạc trẻ chơi toàn nhạc ngoại quốc cũng như đóng vai bài tủ của một ban nhạc Pháp Henry Morgan. Có người gọi đó là cái duyên giữa Jo Marcel và Hoài Bắc Phạm Đình Chương. Có một nguyên nhân thuần túy âm nhạc. *Mộng Dưới Hoa* là tác phẩm làm theo thể điệu Slow Rock, rất được ưa chuộng trong thời điểm đó bởi giới trẻ. Những bài nhạc ngoại quốc thịnh hành thời điểm đó ở Việt Nam có nhiều bài thể điệu Slow Rock. Như "*Only You*".

Mưa Cuối Mùa

KIỆT TẤN

Tặng Phạm Đình Chương

Mưa cuối mùa mùa mưa cuối, cuối mùa mưa
mưa cưới mùa mùa cưới mưa
nói làm sao đây hở Chương khi giọt rượu
đã ngủ gục trên môi khi ánh sáng
không còn là ánh sáng khi tiếng ca không
còn là tiếng ca đêm đêm nhìn mặt
micro nhổ ra từng mảng phổi
khi đó người con gái lui vào bóng tối ném
nụ cười cùng mồ hôi xuống sàn gỗ
"tu gagneras ton pain à la sueur de
ton front".
tiếng vỗ tay đì đẹt, đừng ngó nữa
nghe Chương, chúng ta chỉ còn lại
chiếc lưỡi tê cứng này với cơn mưa
cưới mùa xin lỗi cơn mưa muối cười
xin lỗi cơn mưa cuối mùa cơn mua múa cười
xin lỗi xin lỗi
mưa cuối mùa mưa cuối mùa
đêm đó băng qua hẻm khuya dầm mưa
và gian nhà tối anh chợt nghĩ nếu
tình yêu không có trong cuộc đời này
thì khốn nạn biết mấy!
đêm đêm anh sẽ chỉ còn là con hình
nộm nổi trôi từ căn nhà đến bực hát
từ bực hát đến căn nhà, anh thẳng thốt!
mỗi cột đèn mỗi bức vách mỗi cánh
cửa mỗi ổ khóa là cơn nguyền rủa không nguôi.

Vào một buổi trưa nắng nứt rạn anh nằm
một mình thoảng nghe giọng cười suối
mát chảy ngoài ngỏ anh chợt
nhớ bàn tay nào bối rối đôi mắt nào
thơm ngoan những hồi hộp bé con
những lời không dám nói, hơi
thở chưa dám gần, bấn loạn
chưa kịp đưa
anh biết rằng tuổi trẻ của
mình từ bao giờ đã hết
Chương ơi! thôi đã hết.

Saigon 1965

Như "*Put Your Head On My Shoulder*".

Khi Jo Marcel sang Mỹ đi ca ở Hawaii được Ngọc Mỹ đi khỏi nước từ trước tặng lại cho một đĩa 11 giờ 30. Năm 1983, khi thực hiện băng nhạc Áo Lụa Hà Đông, những nhà thực hiện cuốn băng này cũng mời cho bằng được Jo Marcel ca bài *Mộng Dưới Hoa*.

Nguyễn Long rất yêu mến Phạm Đình Chương cho hay Long đã đánh xì với Hoài Bắc Phạm Đình Chương trên một ngàn đêm. Tôi không có hạnh phúc đó. Tôi cũng không có cơ may gặp Phạm Đình Chương một ngàn lần. Tôi chỉ gặp anh khoảng vài chục lần. Nhiều lắm là một trăm. Tôi không nhớ rõ vì phần lớn những lần gặp Hoài Bắc đều diễn ra ban đêm, tôi bị lôi kéo ra khỏi giấc ngủ một cách đột ngột. Nhà tôi thời gian cuối thập niên năm mươi đó ở đường Tôn Thất Đạm, ngay trước cửa bến đậu xích lô và khu vực phở đêm. Phở đêm Tôn Thất Đạm hồi đó nghiêng ngửa với phở đêm Hiền Vương. Đêm nào Mai Thảo và Hoài Bắc và mấy người bạn cũng về đó ăn lúc tan vũ trường. Mai Thảo đi với thiếu nữ tên Cúc, Hoài Bắc đi với thiếu nữ tên Mỹ. Nhiều đêm, khi cùng bạn bè ăn phở, Mai Thảo cùng với Hoài Bắc uống vô. Uống chắc hẳn đã từ trước, từ lúc thành phố lên đèn. Hoài Bắc rượu vô thật hiền hòa. Anh ngẩng đầu lên ngơ ngác như con chim ngạc nhiên trước mỗi cảnh, mỗi ngọn, mỗi lá, mỗi hoa. Anh nhìn thấy bốn phía thảo mộc hiền hòa. Mai Thảo say náo nhiệt hơn. Trên hè đường Tôn Thất Đạm, Mai Thảo thương mến Nguyên Sa nhắc nhở Nguyên Sa xuống chơi với bạn bè. Tôi thường đi ngủ trước 11 giờ. Đi dậy lớp tối về tới nhà ngày thì 9 rưỡi, trễ là 10 rưỡi nếu như tối có ba tiếng dậy học. Tôi không thể thức trễ tràng hơn vì sáng hôm sau phải đến lớp trước bẩy giờ ba mươi, giờ vô học, dù Chu Văn An hay Văn Lang, Nguyễn Bá Tòng hay Nguyễn Văn Khuê. Mai Thảo nhiều đêm cất tiếng gọi "Nguyên Sa", "Nguyên Sa dậy đi", "Nguyên Sa xuống đây". Tôi vốn dễ ngủ và ngủ là ngủ say. Nhưng Mai Thảo đêm nào đã cất công là gọi được tôi xuống. Khi nhận ra tiếng gọi, trở về với ý thức, tôi biết rằng không nên chần chừ. Phải xuống. Mai Thảo có thể gọi hàng giờ. Lần nào tôi cũng hơi phiền khi thức dậy, hơi ngại sáng mai không tỉnh táo khi vào lớp học, nhưng lần nào tôi cũng rất thích thú khi đã ngồi vào bàn với Hoài Bắc, với Mai Thảo.

Nguyễn Long kể chuyện trong hơn một ngàn đêm đánh xì với Hoài Bắc Phạm Đình Chương có ba đêm làm Long nhớ nhất. Lần thứ ba được Nguyễn Long mô tả:

"Lần thứ Ba là ngày 28 tháng Giêng, 1969, tại nhà anh Vũ Đức Duy. Đêm đó có anh Duy, anh Hoài Bắc, Đại Tá Luông là em rể anh Duy, Đại tá Triều và tôi. Canh bạc khởi sự từ 8 giờ tối, chúng tôi dự trù tới 9 giờ sáng ngày 29 thì ngưng, tôi có hẹn đưa Nga và các con lên ông Ngoại, nhưng gần tới 9 giờ sáng, cả 5 người đề nghị kéo dài tới 12 giờ trưa... Lúc đó khoảng gần 10 giờ sáng, bài vừa làm xong, mỗi người đã kéo hai quân thì Nga, vợ tôi, từ dưới nhà đi lên trên lầu (lần đầu tiên Nga đi tìm tôi nơi đánh bài), tôi vội vàng quay qua hỏi Nga:

Long: Nga... Nga đi đâu vậy?

Nga: Nhà bị cháy hết rồi (tôi tưởng Nga giận tôi vì tại sao không về, tôi bao giờ cũng đúng hẹn, đây là lần đầu vì tôi đương là kẻ thắng, bỏ về không được, tôi hỏi Nga tiếp).

Long: Các con có sao không?

Nga: Không, em dẫn qua bên chị Hòa Pharmacy rồi.

Long: Song ván này anh về ngay...

Ván đó anh Hoài Bắc đi tiền vì có mặt Xì, bài của tôi mặt Cẩu đáy Xì, vì thắng quá nhiều nên tôi theo, mọi người cũng theo. Tới cây thứ 5, anh Hoài Bắc về đôi Tây mặt, bài tôi là đôi Cẩu mặt, Tây chết một con và Cẩu chưa có con nào, anh Hoài Bắc đi thêm 900 đồng, cây thứ tư anh đã đi 350 đồng, hai nhà bỏ tới tôi là tay thứ 3 tôi theo 900 đồng, và đánh lại 3.200

Những quân nhân Mỹ chiến đấu ở Việt Nam nhiều người đã đến với âm nhạc Việt Nam qua Mộng Dưới Hoa...

Có nhiều nguyên nhân cắt nghĩa sự kiện Mộng Dưới Hoa,... nhưng có một nguyên nhân thuần túy âm nhạc: Mộng Dưới Hoa là tác phẩm làm theo thể điệu Slow Rock rất được ưa chuộng trong thời điểm đó bởi giới trẻ.

NGUYÊN SA

đồng... nhà kế tôi bỏ... tới anh Hoài Bắc, anh chép miệng, gật gù...

Hoài Bắc: Nè, đánh thật không đấy?

Ng. Long: Tiền đã để vào làng rồi... làm sao không thật.

Hoài Bắc: (Lật đáy quân Xì lên và nói) Cháy nhà rồi, cho rút tiền về đó, đây hai đôi lớn,

mộng dưới hoa

Thơ Đinh Hùng
Phần Dương Cầm Nghiêm Phú Phi

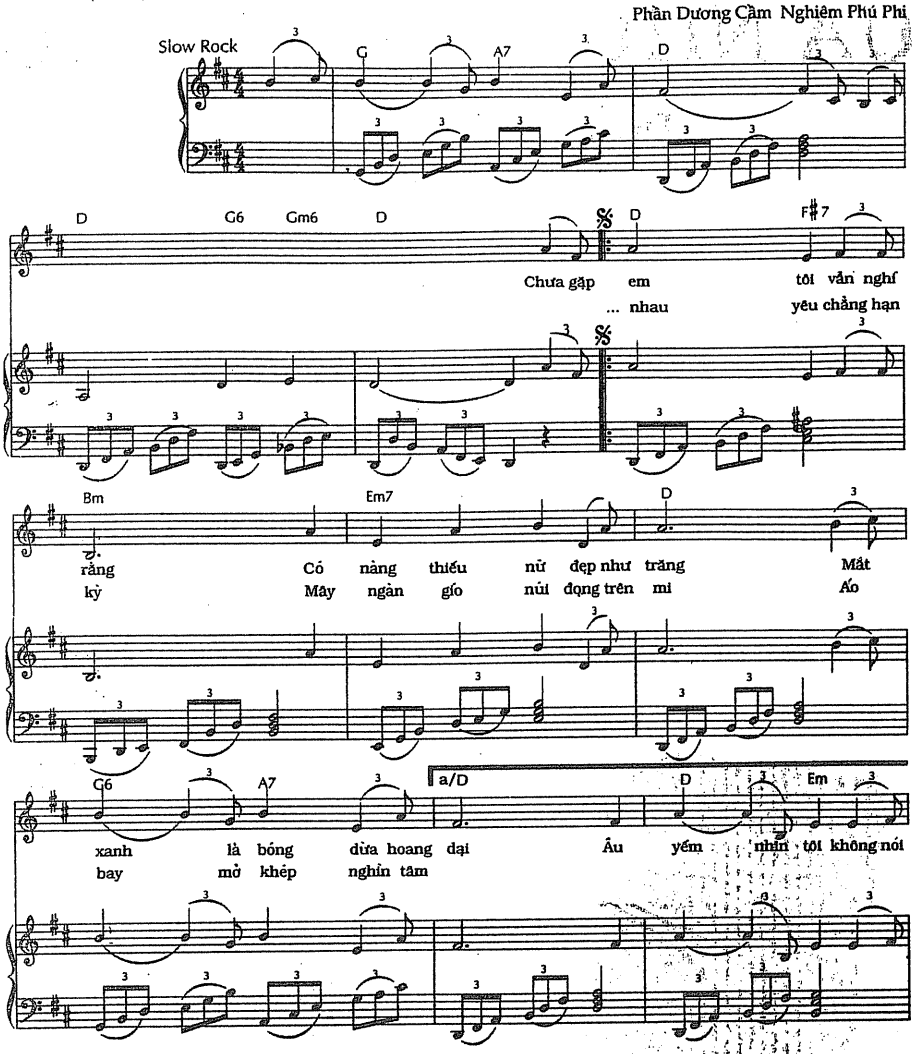

bài phải bắt, thua thì thôi.

Ng. Long: Cho em rút tiền về rồi đánh lại được không?

Hoài Bắc: Được.

(Tôi lấy 3,200 ra và đếm lại 3,100 rồi ném tiền vào tiền làng).

Ng. Long: Lấy lại 100 đổ xăng... đánh 3,100 cho đẹp...

Hoài Bắc: Á... cái cậu này ngang nhỉ... đã cháy nhà lại còn dám tháu.

Ng. Long: Anh bỏ vào 3,100, anh lấy bài lên, nặn thật kỹ thì biết ngay là tháu hay thật... (Số tiền còn lại tôi đã cất vào túi, vì đây là cây bài cuối...).

Hoài Bắc: (suy nghĩ một lát) Thôi, cậu đã đánh kỹ lại cháy nhà, làm sao mà tháu... Cấu sáng quá... Thôi bỏ... (trong lúc tôi vơ tiền đút đại vào túi quần, anh Vũ Đức Duy làm bài. Anh Hoài Bắc lật bài tôi lên thấy đáy là quân Xì...). Á, cậu này ghê nhỉ, đáy Xì mà dám tháu tôi nghe... (Tôi cười, chào mọi người và dẫn Nga về). (1)

Tôi thì tôi nghĩ khác. Tôi nghĩ rằng ván bài này Hoài Bắc biết Long tháu. Hoài Bắc hiền hòa, anh đã để cho Long lấy tiền ra rồi bỏ tiền vô. Hoài Bắc biết là Long tháu. Nhưng anh vẫn bỏ. Như anh đã bỏ nhiều ván bạc đời. Từ ngày Hoài Bắc Phạm Đình Chương đi vào *Mộng Dưới Hoa*.

(1) Trích Nguyễn Long - Kỷ niệm cùng anh Hoài Bắc, Kịch Ảnh số 169.

CHỮ QUỐC NGỮ QUA NHỮNG BIẾN DÂU

ĐOÀN XUÂN KIÊN

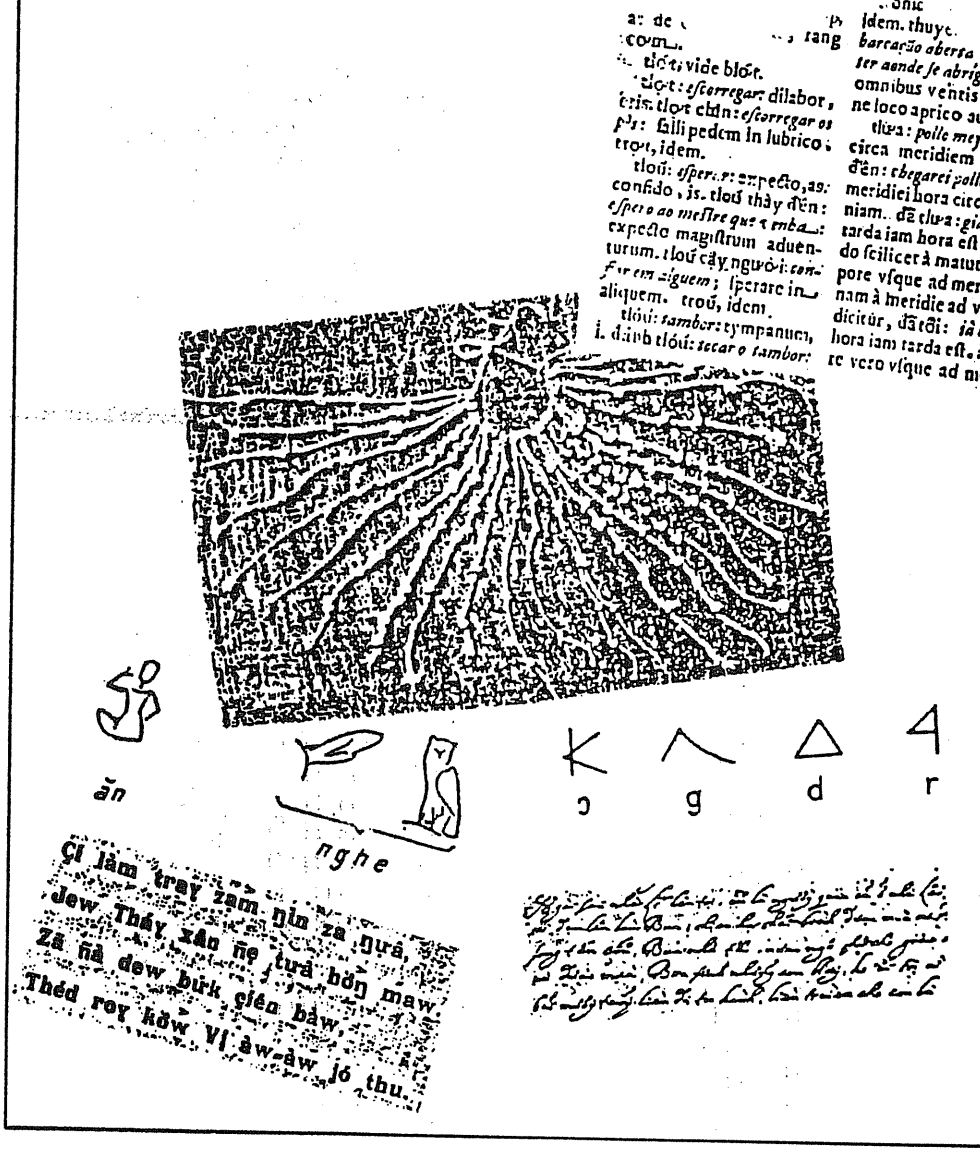

Chữ viết ra đời rất muộn màng so với tiếng nói của một dân tộc. Con người đã truyền thông với nhau bằng tiếng nói từ khi họ kết tập với nhau thành những tập đoàn chung sống. Nhưng chỉ là từ khi một thứ tiếng nói đã được sử dụng thật thuần thục, sản sinh ra nhu cầu ghi lại những ý tưởng lời nói của mình, khi ấy, chữ viết mới thật sự ra đời. Thật ra, khó có thể nói là chữ viết đã ra đời "nhất thành bất biến" như chúng ta thấy ngày nay. Lịch sử chữ viết đã trải qua bao phen biến đổi, từ hình thức thắt nút dây như đã được ghi nhận trong một câu ở Kinh Dịch: "Thượng cổ kết thằng nhi trị..." đến xâu chuỗi vỏ sò có màu sắc khác nhau như người da đỏ Iroquois, đều là những hình thức kí hiệu để ghi lại ý tưởng người xưa muốn truyền đạt cho nhau, hoặc đơn giản là để ghi dấu lại cho nhớ. Những hình thức đó đều là những dạng mở đầu cho chữ viết do con người mò mẫm mà có được. Những hình thức chữ viết bằng *hiện vật* như vừa nói ở trên là những gì sơ khai nhất của chữ viết. Tiến lên một bước nữa là hình thức chữ viết bằng *hình vẽ* mà ta còn có thể thấy trong các văn bản cổ khắc trên đá của người cổ Ai Cập từ hơn 4000 năm trước, hoặc là những hình vẽ trên đồ vật bằng đất nung của người Sumer cũng khoảng thời kì hơn 3000 năm trước.

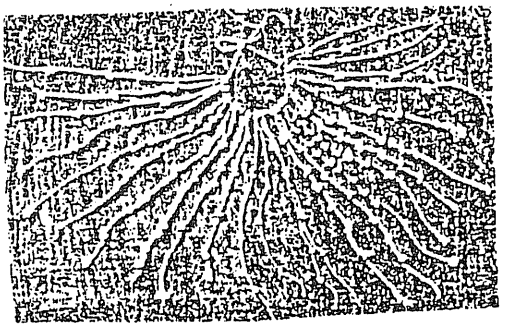

Chữ viết kết bằng dây của người Chăm (trong khu vực văn hóa Đông sơn)

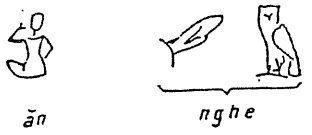

Chữ viết bằng hình vẽ của Cổ Ai cập

Hình thức chữ viết *biểu ý* như còn thấy ở một số chữ Hán đơn giản ban đầu vạch trên các mai rùa đã có thể gọi là một bước tiến của lịch sử chữ viết. Hình thức phát triển cao nhất của chữ viết là hình thức *ghi âm* mà dấu vết buổi ban đầu là bộ chữ viết của người Phenicie.

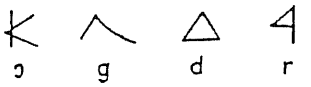

Chữ viết ghi âm của Phenicie

Chữ viết ra đời đã góp phần rất lớn vào việc phát triển ngôn ngữ con người, tạo ra một bước nhảy vọt quan trọng: ghi lại tiếng nói để lưu giữ hoặc truyền đạt trong không gian rộng hơn tầm hạn của tiếng nói. Nhưng giữa **tiếng nói** và **chữ viết**, không bao giờ có thể tách lìa hoặc thủ tiêu một yếu tố nào: không thể có chữ viết nếu không tồn tại một tiếng nói trước đó. Tương quan giữa tiếng nói và chữ viết như vậy là tương quan trước-sau, và chữ viết chỉ có thể xem là những **kí hiệu** như bao nhiêu hệ thống kí hiệu khác do con người chế tác để biểu đạt một thứ nội dung nào đó.

Chữ viết của tiếng Việt

Chữ viết của người Việt chúng ta ra đời từ bao giờ là một câu hỏi chưa dễ dàng có được câu trả lời rõ ràng. Chỉ biết rằng, trên các đồ vật bằng đá và bằng đồng của thời kì văn minh Đông sơn của dân tộc Lạc Việt, có những dấu hiệu cho phép ta đặt giả thuyết về dạng chữ viết cổ xưa của dân tộc, trước khi bị bọn xâm lược nhà Hán thủ tiêu, trong ý đồ đồng hóa dân Lạc Việt. Hệ thống chữ viết của người Việt nay đã qua nhiều phen thay đổi do những đẩy đưa của lịch sử. Khi bị Hán tộc thống trị hơn nghìn năm, người Lạc Việt đã trải qua một cuộc giao lưu văn hóa lớn, mà một trong số những thành tựu văn hóa mới chính là bộ chữ viết mới được thành hình: **chữ nôm**. Chữ nôm là một thể hiện ý chí sống còn của tinh thần dân tộc về mặt ngôn ngữ văn tự; dùng chính những nét viết của chữ Hán để ghi lại tiếng nói dân tộc, nhà nho Đại Việt đã dõng dạc nói lên ý chí của giống nòi, quyết đạp bằng những nghiệt ngã của số phận nô lệ để vươn lên độc lập. Những tấm bia cổ xưa từ đời các vua nhà Lí còn cho thấy những tên gọi các làng xóm hoặc tên người rất "nôm na", không thể không có nhu cầu ghi lại bằng một kiểu chữ viết riêng trong khi mà chữ viết xưa cũ đã tiêu trầm sau hơn nghìn năm ngoại thuộc.

Đến khi người Pháp sang xâm chiếm đất nước ta làm thuộc địa, việc làm đầu tiên của nhà đương cục là hủy bỏ vị thế của hệ thống

giáo dục bằng chữ hán, để thay thế bằng hệ thống chữ quốc ngữ, một hệ thống chữ viết mượn của bộ chữ cái tiếng Latin. Chữ quốc ngữ cũng như chữ nôm trước đó, chỉ là những hệ thống chữ viết vay mượn của kẻ mạnh để làm thành công cụ văn hóa dân tộc của một thời kì nô lệ, trong đó ý thức độc lập tự chủ đã bị trói chặt.

Dù là mượn nét viết của chữ Hán hay của bộ chữ cái Latin, các hệ thống chữ viết của ta đều có một điểm giống nhau, là: chữ nôm hay quốc ngữ đều là hệ thống chữ viết ghi âm, tức là dạng chữ viết ở mức phát triển cao nhất trong lịch sử chữ viết loài người. Nguyên tắc của loại chữ viết kí âm là "mỗi âm một kí hiệu", "nói sao viết vậy". Tiếng Việt thời Nguyễn Trãi có những phụ âm đôi -- mà hiện nay một số dân tộc thuộc chủng Indonésien trên cao nguyên miền Trung hãy còn nói -- như *bl, tl, kl,* thì chữ viết đã ghi lại trung thực những âm đó:

blăng -> trăng (ba 巴 + lăng 夌)

tlông -> trông (trung 中 + long 竜)

klâu -> lâu (cữu 久 + lâu 婁)

Cũng thế, khi chữ quốc ngữ được các nhà truyền đạo soạn ra vào đầu thế kỉ XVII, tiếng Việt còn một số cách phát âm mà nay không còn nữa, như trường hợp chữ trong Từ điển Việt-Bồ-La của A. De Rhodes (1651), đọc nửa như *[b] nửa như [v].* Một trường hợp khác: sự khác biệt giữa hai âm [gi] và [d] đã được xác định rõ ràng, và khi viết một từ như *giản dị* chẳng hạn, không thể tùy tiện như một số người bây giờ, dù rằng ngày nay người Bắc nói hai tiếng cùng có âm /z/, khi viết ra chữ thì đều là [d] thật đấy.

Chữ quốc ngữ

Tên gọi hệ thống chữ viết hiện nay đã được các nhà truyền giáo phương tây đặt ra từ thế kỉ XVII. Cách gọi này không chính xác, vì như đã nói, chữ nôm cũng là thứ chữ để ghi tiếng nói nước ta, có đâu chỉ hệ thống chữ viết Latin mới là của ta? (Quốc ngữ: tiếng nói của nước ta). Chẳng qua đó chỉ là thủ thuật vận động quần chúng của các vị thừa sai nhằm triệt hạ uy tín cũng như địa vị của chữ hán chữ nôm lúc bấy giờ (thế kỉ XVII).

Chữ quốc ngữ được chế tác từ năm nào, đến nay vẫn chưa rõ. Chỉ biết rằng, năm 1593 đã có một giáo sĩ Portugal là Diego Aduarte đến đất Quảng Nam và ở đây ba năm. Năm 1615, một giáo sĩ gốc Italy là Busomi đến cửa Hàn (Quảng Nam) giảng đạo mãi đến năm 1639. Và đầu năm 1625 thì giáo sĩ Alexandre de Rhodes đến Hội an giảng đạo. Vị thừa sai dòng Tên người Pháp này cùng vị giáo sĩ Italy khác là Cristoforo Borri đến đất Việt năm 1618 trước đó đều là những học giả, nhất là A. de Rhodes, chăm chỉ học tiếng Việt trong vòng mấy tháng là đã "giảng đạo cho người trong xứ bằng tiếng của họ được" (Charles Maybon, *Histoire moderne du pays d'Annam.* (1592-1820). Paris, 1920, p.30). Đấy là những yếu tố con người và hoàn cảnh cần cho sự ra đời một hệ thống chữ viết tiện lợi cho việc soạn sách truyền đạo.

Một số văn liệu hiện còn lưu trữ trong thư viện Vatican cho thấy rõ là chữ quốc ngữ đã manh nha từ những năm 1621, qua một vài tiếng Việt xuất hiện rải rác trong các bản tường trình hằng năm của Tỉnh Dòng Tên Nhật Bản do một linh mục Portugal tên là João Roiz soạn. Tiếng Việt được ghi trong những văn kiện tiếng Bồ này đều không có dấu giọng, và cách ghi âm chỉ tương đối:

Annam : An nam
Sinoa : Xứ Hoá (Huế)
Unsai : Ông Sãi
Cacham : Cả chăm
Ungue : Ông nghề
Ontrũ : Ông trùm

(Cf. Đỗ Quang Chính, *Lịch sử chữ quốc ngữ. 1620-1659.* Ra khơi, 1972. tr.24-25)

Ròng rã 30 năm liền, chữ quốc ngữ đã được hoàn chỉnh dần, đến khi A. de Rhodes xuất bản cuốn từ điển *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* (Rome, 1651) thì chữ quốc ngữ đã có dạng hoàn chỉnh, nhờ nó tập đại thành những thành công trước của những giáo sĩ thuộc nhiều giáo đoàn, nhiều gốc gác khác nhau: có người Ý, có người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, có người Pháp. Mỗi người sẽ dựa theo bản sắc tiếng nói của họ mà ghi âm tiếng Việt. Những ưu điểm và khuyết điểm của chữ quốc ngữ là tùy ở điểm này. Đây là một điều cần xét đến mỗi khi chúng ta muốn có ý kiến, hoặc là phê bình một kiểu ghi âm nào mà ta cho là "khác thường." Chữ viết là những bình đựng tiếng nói, vậy thì giá trị của những cái bình là ở chỗ nó có chuyên chở tiếng nói một cách rõ ràng chính xác hay không.

Một quyển lịch sử Việt Nam do Thầy giảng Bento Thiện soạn bằng chữ quốc ngữ năm 1659 đã chứng tỏ sự trưởng thành vượt bực của hệ thống chữ viết Latin trong việc ghi âm

tiếng Việt. Chữ viết đã triệt để theo qui tắc ghi âm, nghĩa là nói sao viết vậy, mỗi kí hiệu chỉ một âm thanh. Cách ghi âm của Bento Thiện cũng theo phương pháp trong từ điển A. de Rhodes, nghĩa là theo phương pháp phiên âm của người Portugal khi ghi âm ng thành /ũ/, phiên âm kiểu Italy khi viết gi, qu, phiên âm kiểu Pháp khi viết k trước e, ê, i và c trước các nguyên âm khác... Đó là một ưu điểm nếu nhìn về vẻ đa diện của chữ quốc ngữ về mặt cấu tạo.

Ngày nay, đọc lại sách của A. de Rhodes để đối chiếu với những sách ra đời sau này, sẽ nhận thấy những thay đổi về cách viết của chữ quốc ngữ.

Từ điển A. de Rhodes (1651) ghi *blời, tloũ*.

Từ điển *Dictionarium Anamitico Latinum* do Pigneau de Béhaine soạn (1773) đã không thấy những phụ âm đôi bl và tl nữa, cũng không còn phụ âm cuối ũ. Hai từ này đã viết như chúng ta ngày nay, nghĩa là *trời, trông*. Các từ điển *Dictionarium Anamitico-Latinum* của Taberd (Serampore, 1838) hay *Dictionnaire Annamite Francais* của J.M. Génibrel (Saigon, 1898), đã kiện toàn thêm những hình thức viết cho chữ quốc ngữ.

Mặc dù chữ quốc ngữ đã dần dần ổn định về cách ghi âm, vẫn có những thay đổi nhỏ nhặt có khi ý thức, có khi vô tình. Chữ quốc ngữ đã không bao giờ "nhất thành bất biến" cả.

Trên đường trưởng thành

Đến đầu thế kỉ XX, một học giả Pháp khi nhắc lại công trình của A. de Rhodes, không tiếc lời ca tụng: "Quyển từ vị ấy vẫn là nền tảng cho các công trình sau này mà chỉ thường là bổ túc cho nó, có khi cũng làm hỏng nó. Những người biết đi tìm những hiểu biết tinh tường về ngữ âm học ở sách, cùng là sự tài tình của cách phiên chuyển tiếng Việt mà đến nay đã có thể thách đố mọi sự công kích." (L.Finot, B.E.F.F.E.O, 1908, tr. 226). Lời tán tụng quả là đã đến mức tột đỉnh. Nhưng rồi cũng chính một học giả của Viện Bác cổ ấy, trong một bài khảo cứu về tiếng Mường ở Sơn Tây, nhân tiện đã nhận định về Từ điển A.de Rhodes như sau: "Phương pháp ấy (de Rhodes) thực thế chứa nhiều cái **bất thường** mà trong một công cuộc nghiên cứu ngôn ngữ như thế này sẽ có nguy hại là làm sai lạc kết quả nghiên cứu mà thôi. Vì vậy chúng tôi... phải loại bớt **những cái bất thường** và **kì quái** làm cho nó hợp lí." (A. Chéon, *Notes sur les Muong de la province de Son Tay. BEFFEO. t.V, 1905, p. 328).*

Quả là thế, từ khi ra đời đến nay, chữ quốc ngữ đã luôn luôn được tu chỉnh. Bộ mặt của chữ viết từ từ điển de Rhodes (thế kỉ XVII) đến

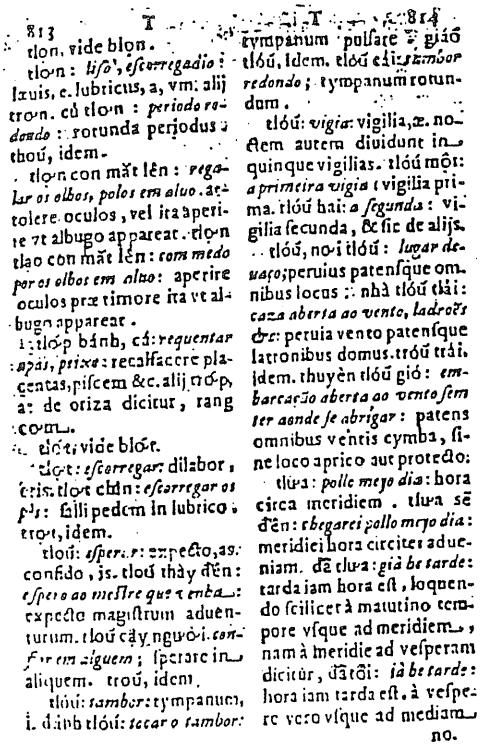

tlọn, vide blọn.
tlọn: *liso, escorregadio*: læuis, e. lubricus, a, vm: alij tron. cũ tlọn: *periodo redondo*: rotunda periodus: thoũ, idem.
tlọn con mắt lên: *regalar os olhos, polos em aluo*. attolere oculos, vel ita aperire vt albugo appareat. tlọn tlao con mắt lên: *com medo por os olhos em aluo*: aperire oculos præ timore ita vt albugo appareat.
tlớp bánh, cá: *requentar, aquai, peixe*: recalfacere placentas, piscem &c. alij tớp, at de oriza dicitur, rang com.
tlớt: vide blớt.
tlọt: *escorregar*: dilabor, eris. tlọt chân: *escorregar os pés*: fálli pedem in lubrico. trọt, idem.
tlọũ: *esperar*: expecto, as: confido, is. tlọũ thày đến: *espero ao mestre que venha*: expecto magistrum aduenturum. tlọũ cậy người: *confio em alguem*; sperare in aliquem. trọũ, idem.
tlóũ: *tambor*: tympanum, i. đánh tlóũ: *tocar o tambor*: tympanum pulsare. đánh tlóũ, idem. tlóũ cái: *tambor redondo*; tympanum rotundum.
tlóũ: *vigia*: vigilia, æ. noctem autem dividunt in quinque vigilias. tlóũ một: *a primeira vigia*: vigilia prima. tlóũ hai: *a segunda*: vigilia secunda, & sic de alijs.
tlóũ, nơi tlóũ: *lugar deuaso*; peruius patensque omnibus locus: nhà tlóũ thải: *caza aberta ao vento, ladrões dro*: peruia vento patensque latronibus domus. trọũ trải, idem. thuyền tlóũ gió: *embarcação aberta ao vento sem ter aonde se abrigar*: patens omnibus ventis cymba, sine loco aprico aut protecto.
tlưa: *polle meyo dia*: hora circa meridiem. tlưa sẽ đến: *chegarei pollo meyo dia*: meridiei hora circiter adueniam. đã tlưa: *già he tarde*: tarda iam hora est, loquendo scilicet à matutino tempore vsque ad meridiem, nam à meridie ad vesperam dicitur, đã tối: *já he tarde*: hora iam tarda est. à vespere vero vsque ad mediam no.

Một trang trong từ điển Việt-Bồ-La của Alexandre de Rhodes

từ điển của Pigneau de Béhaine (thế kỉ XVIII) đã khác biệt là chừng nào. Những khác biệt này có thể bắt nguồn từ chính tiếng nói thay đổi (như là hiện tượng đồng hóa *** vào b và v sau thế kỉ XVII, vì vậy không thấy có ở các từ điển sau de Rhodes) nhưng cũng có những trường hợp do sự sửa đổi khiến cho chữ viết mỗi ngày thêm hoàn chỉnh. Vả chăng, chứng cứ hiển nhiên là cho đến nay, có ít ra là năm bảy lượt hô hào **cải cách** chữ quốc ngữ.

Đề nghị sửa đổi chữ quốc ngữ năm 1902

Hội nghị Nghiên Cứu Viễn Đông 1902 tại Hà Nội có một Ủy Ban Cải Cách Chữ Quốc Ngữ do ông Chéon đứng đầu. Phúc trình của Ủy Ban đúc kết những ý kiến thảo luận trong ba ngày 6 tháng Mười Hai đến 8 tháng Mười Hai cho ta biết đại cương những đề nghị sửa đổi như sau:

(1) Phải triệt để tôn trọng nguyên tắc: mỗi chữ một giá trị kí âm thôi. Vì vậy, hoặc phải bỏ chữ g trong **gang** hay trong **gi** bởi lẽ rằng hai chữ cái ở đầu phát âm khác nhau; cũng thế, **cá** và **kẻ** phải cùng một cách viết chữ cái mở đầu;

(2) Về các âm chính (nguyên âm), hệ thống hiện nay là thỏa đáng, trừ dấu mũ ở trên **â** có

giá trị khác hẳn trong ô và ê, nên đề nghị thay chữ â bằng a' (có râu bên cạnh) thì hơn. "Ủy Ban cũng nghĩ rằng phải bỏ hẳn thói quen mà vài tác giả vẫn có, trái với phương pháp của de Rhodes, là thay y vào i trong vài trường hợp (kỹ, lý, mỹ) mà không có một lí do nào chứng minh cho được..."

(3) Về các âm phụ, Ủy Ban đề nghị thay một số chữ cái sau đây: c thay cho ch. (Chữ h dùng cho những trường hợp các âm thở, như th, kh). Nhất loạt thay k vào chỗ của c. Chữ d (bỏ gạch ngang) thay cho đ. Âm /d/ hiện nay sẽ thay bằng chữ z. Chữ g không mất tính cách âm họng dù là trước các nguyên âm e, ê, i, vậy thì không thể thêm h trong những trường hợp này. Thay chữ gi bằng j. Chữ q không khác gì k, vậy phải bỏ và thay bằng k...

Mặc dù được chuẩn y sau nhiều tranh luận gay gắt giữa hai phe chống đối nhau, Bản đề nghị sửa đổi của Ủy Ban đã được Viện Viễn Đông Bác Cổ thực hiện trên các trang in của Viện. Trong công chúng và nhà trường vẫn không hề biết gì.

Dự án cải tổ năm 1906

Đến năm 1906, vấn đề cải cách lại được đặt ra ở Hội nghị của Hội đồng Cải lương học chánh do ông Nordemann làm chủ tịch. Bản đề nghị của Hội đồng lần này bị công luận đả kích kịch liệt vì nhiều lí do bên ngoài học thuật. Về sau, L.M. Cadière có nhắc lại chuyện này như sau: "Xét về mặt khoa học cũng như về mặt thực hành và sư phạm, Dự án này thật là một cuộc thoái bộ." (Léopold Cadière, **Souvenirs d'un vieil annamitisant.** INDOCHINE, số 207, ngày 17.8.1944, tr.19).

Thế là Dự án cải tổ 1906 vĩnh viễn bị chôn vùi.

"QUỐC NGỮ MỚI" của Nguyễn Văn Vĩnh (1928)

Trên báo **Trung Bắc Tân Văn**, khoảng cuối năm 1928, nhà văn và cũng là nhà báo nổi tiếng thời bấy giờ, ông Nguyễn Văn Vĩnh, tung ra lối in chữ quốc ngữ mới, gọi là *Quôcj Ngưw Moeij*. Việc đề xướng kiểu chữ mới này không nhằm mục đích ngôn ngữ như những lần trước, mà chỉ có tính vụ thực tế làm ăn của một ông nhà báo. Chẳng là: ông chủ báo muốn cải cách công việc in báo của mình bằng một dàn máy in kiểu tân kì nhưng lại không có những con chữ Việt. Thế là đổi sáu dấu giọng bằng con chữ cái, thay những chữ cái riêng của hệ thống chữ viết đang dùng nhưng không có trong bộ chữ của tây (như là ă, đ, ư...) bằng một con chữ nào đó tùy tiện chứ không dựa trên sự chính xác về ngữ âm.

Dự định của Nguyễn Văn Vĩnh không thành, chỉ vì ông chỉ nghĩ đến ý đồ riêng tư chứ không dựa vào chính hệ thống chữ quốc ngữ nhìn từ khía cạnh học thuật.

Theo chân ông, sau này còn một số người khác, lại muốn sửa đổi chữ quốc ngữ theo ý đồ riêng và ý thích riêng của họ. Đó là trường hợp Vi Huyền Đắc (**Việt tự**), Phạm Xuân Thái (**Việt Ngữ Cải Cách**). Những "công trình" nói trên đều mua vui chốc lát cho giới học thuật, rồi tan vào lãng quên một cách không thương tiếc.

Hội nghị thống nhất ngôn ngữ (1956)

Đại hội Văn hóa Toàn Quốc năm 1956 có một Ủy ban Ngôn ngữ, cũng kiến nghị một chương trình sửa đổi một số cách viết chữ quốc ngữ. Có nhiều nhà chuyên môn về ngôn ngữ tham gia soạn thảo dự án. Nhưng rồi cũng không có gì thay đổi suốt bao nhiêu năm trời. Chương trình Giáo Dục tiếng Việt ở miền Nam vẫn chỉ nhắc nhở suông vài câu rằng chính tả cần dựa theo **Việt Nam Tự Điển** do Hội Khai Trí Tiến Đức soạn (1931).

Nội dung của đề án cải tổ chữ quốc ngữ cũng chỉ xoay quanh những nét căn bản đã được khởi xướng từ Bản đề nghị của Ủy ban Cải cách năm 1902, dĩ nhiên là với những lí luận khúc chiết hơn. Nhưng, sở dĩ đề án của Ủy ban Ngôn ngữ lần này vẫn rơi vào lãng quên là vì thiếu kế hoạch phối hợp giữa giới văn hóa và nhà trường. Tất cả mọi sửa đổi chỉ có thể thực hiện được là qua báo chí và trường học. Nhưng các nhà văn hóa lúc bấy giờ không tự tin lắm vào chương trình cải tổ của họ, cho nên vẽ ra trên giấy tờ để tự an ủi lương tâm. Rồi thôi.

Hội nghị cải tiến chữ Quốc ngữ (1959)

Tại Hà Nội, một hội nghị cải tiến chữ quốc ngữ được tổ chức năm 1959 với dự định là đẩy mạnh việc cải tiến chữ quốc ngữ cho thêm phù hợp với thực trạng tiếng nói của chúng ta hiện nay, đồng thời sửa lại những chỗ không chính xác trong lối ghi âm hiện hành. Thật ra, trong **Đề Cương Văn Hóa** (1943), Đảng Cộng Sản Đông dương cũng đã đề ra mục tiêu cải cách chữ quốc ngữ và xem đó là "một việc phải làm", "một nhiệm vụ cần kíp". Các nhà khoa học ngôn ngữ miền bắc lúc bấy giờ cũng chia sẻ với Ủy Ban 1902 về những cải tổ có ý nghĩa. Nhưng rồi, cũng như Hội nghị 1956 ở Sài Gòn,

mọi bàn cãi sôi nổi rồi cũng lại ngủ yên trên giấy tờ, vì cho rằng "tình hình chưa thuận tiện", nên nhiệm vụ cải tiến chữ quốc ngữ phải gác lại.

Như đã nói trên, nội dung của những kết luận Hội nghị 1959 không đi xa hơn những đề nghị của Ủy Ban 1902, nghĩa là cũng dựa trên cơ sở ngữ âm học để thể hiện nguyên tắc "nói sao viết vậy" hay là "mỗi âm được ghi lại bằng một kí hiệu."

"Chữ và vần Việt khoa học" của Nguyễn Bạt Tụy (1959)

Là một người nghiên cứu ngữ âm học tiếng Việt, Nguyễn Bạt Tụy là một tác giả đã có nhiều cống hiến về mặt này. Năm 1949, ông viết sách **Chữ và Vần Việt Khoa Học**, nội dung là trình bày những gì ông tìm tòi được về mặt âm vị học tiếng Việt, rồi qua đó đưa ra một bản đề nghị sửa đổi cách viết chữ quốc ngữ mà ông cho rằng hợp lí và khoa học.

Nguyên tắc chung của quan điểm Nguyễn Bạt Tụy là dựa trên nguyên tắc âm vị học để ghi âm tiếng Việt. Từ đó, ông phân tích hệ thống đơn vị âm thanh tiếng Việt và các lối tổ hợp âm thanh của nó. Kết quả là tác giả phát hiện hệ thống các âm vị có nhiều nét khác với những gì xưa nay cứ yên trí là đúng đắn, nay cần phải sửa lại. Từ đó sẽ phải dẫn đến một việc chính yếu của sách là đưa ra một bản đề nghị thay đổi cách viết chữ quốc ngữ theo ông là chính xác với nguyên tắc ngữ âm học.

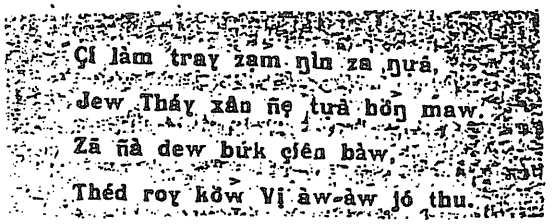
Çi làm tray zam ɲin za ɲựa,
Jew Tháy xăn nẹ tựa hồng maw.
Zã ñà dew bứk çiên bàw,
Théd roy kỏw Vị àw-àw jó thu.

Một đoạn chữ quốc ngữ "cải cách" của Nguyễn Bạt Tụy. Đoạn thơ CHINH PHỤ NGÂM nãy chính là :

" Chí lãm trai dặm nghìn da ngựa,Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao,Giã nhà đeo bức chiến bào,Thét roi cầu Vị ào ào gió thu."

Bản đề nghị của Nguyễn Bạt Tụy rất triệt để, vì hoàn toàn dựa trên nguyên tắc ghi âm, lại dựa ở trên một số phát kiến quan trọng và mới mẻ. Đó là nguyên nhân tại sao cho đến nay công chúng và các chính quyền tiếp nhau ở Việt Nam không thừa nhận nó. Lại nữa, tác giả lại là người nhiệt tình đối với tiếng mẹ đẻ, nhiệt tình đến mức độ quá khích, thể hiện ở lối chế tác những thuật ngữ mới. Nhưng vượt lên trên những điểm này, quan điểm của Nguyễn Bạt Tụy có rất nhiều giá trị tham khảo cho bất cứ một công trình nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt.

Ủy Ban Điển Chế Văn Tự (1973)

Bước vào những năm 1970, tại Sàigòn có một cơ quan tên là Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục được tổ chức ra làm công việc vạch hướng và cố vấn cho hoạt động khoa học của Bộ Văn Hóa Giáo Dục lúc bấy giờ. Mục tiêu nhằm đến thì to tát, tiếc thay, với thành phần già cỗi nặng óc hành chính hơn là tinh thần năng động của những nhà hoạt động và nghiên cứu, Hội đồng đã trở thành một văn phòng cố vấn lạc lõng. Về địa hạt ngôn ngữ, một Ủy Ban Điển Chế Văn Tự được ra đời để làm công việc bị bỏ dở từ bao lâu nay: cải tiến chữ quốc ngữ. Thật ra, Ủy ban có nhiệm vụ cụ thể lúc bấy giờ là điển chế danh từ khoa học mà thành tích nổi bật là sự ra đời một **Nội San Danh Từ Chuyên Môn** nhằm phổ biến những công trình soạn thảo danh từ các khoa học chuyên ngành. Tiểu ban Chính Tả cũng đã bàn cãi về những nguyên tắc chính tả và sửa đổi cách viết. Các tập Chương Trình Giáo Dục, một văn kiện hướng dẫn việc dạy và học tại nhà trường phổ thông, đều nhấn mạnh việc sử dụng Việt Nam Tự Điển của Khai Trí Tiến Đức cùng với Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị của Lê Ngọc Trụ. Một số vị trong Tiểu Ban là thầy dạy học tại cơ sở Đại học nên có một số ảnh hưởng nào đó đối với thế hệ nhà trường trẻ trung. Ngoại giả, công chúng không hề theo dõi để mà có thể có một ý kiến nghiêm chỉnh về một việc làm chính đáng.

Sau 1975

Những dự đoán cải tổ trước kia ở hai miền Nam, Bắc đều không có yếu tố thuận lợi về mặt công chúng. Sau 1975, vai trò chuẩn hóa tiếng Việt, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt được đặt ra toàn diện. Theo đà làm việc đó, một số Từ điển, chủ yếu là song ngữ, đã ra đời. Dường như có cả một công trình biên soạn Từ điển Tiếng Việt do Viện Ngôn Ngữ chủ biên. Tiếng Việt trong hoàn cảnh thuận lợi nhiều mặt như thế tất yếu là phải phát triển, vì hội đủ những yếu tố cần thiết cho một cuộc vận động xã hội: tổ chức chỉ đạo, công chúng, cơ quan công cụ. Thành hay bại giờ đây là tùy thuộc ở đảm lược của chính những con người. Ở hải ngoại, chưa thể có những điều kiện thuận lợi như thế. Nhưng những nhu cầu của tập thể người Việt ở hải ngoại về mặt ngôn ngữ lại đòi hỏi sự quan tâm đúng mức của mọi người để công việc duy trì ngôn ngữ và văn hóa

dân tộc có những nền móng ổn định và vững chắc. Thế mà, không có được những tổ chức chuyên môn có thể góp phần vào công việc lớn lao này. Đây là một thử thách lớn cho mọi người. Không trừ một ai.

Chữ quốc ngữ ngày nay

Ngày nay, có một số không nhỏ người Việt ở hải ngoại. Nhu cầu về lâu về dài của cộng đồng người Việt là làm sao duy trì ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Từ đó đặt ra công việc dạy và học tiếng mẹ đẻ bên cạnh những công việc khác. Dạy những gì và dạy ra sao, là những câu hỏi mà mỗi thầy giáo và mỗi bậc cha mẹ thường vẫn phải đặt ra để tự soi đường cho việc mình làm; vì đến nay hầu như chưa có nhiều công trình đầu tư suy nghĩ cho cái công việc nặng nhọc này.

Chỉ giới hạn trong phạm vi rất nhỏ hẹp thôi, là vấn đề dạy chữ **quốc ngữ**, cũng đã có nhiều việc phải bàn. Chẳng hạn, khi cô giáo dạy trẻ rằng **ă** đọc là /á/. Nhưng khi cô ghép vần với **n** /n/, cô đọc là /á-n --) ăn/, cháu bé sẽ ngẩn ngơ, vì không hiểu sao không thấy dấu sắc /'/ nữa. Nó cứ đinh ninh là /á-n --) án/ chứ. Trực giác của cô giáo và của cháu bé đều không sai, chỉ có qui ước của kí hiệu ở đây không chính xác. Ví dụ khác nữa: các cháu được dạy **ng** đọc là /ngờ/ nên cứ yên trí là **ngề ngiệp** đúng chính tả, như là **ngọc ngà** vậy thôi, vì cùng có âm /ng/ ở đầu tiếng...

Những cái "yên trí" như vậy đều có trong mỗi đứa trẻ con trong mỗi người Việt ở mọi thế hệ. Các bậc cha mẹ có thể nhìn ngược xa về những ngày thơ ấu của mình để làm chứng cho kẻ viết bài này. Chúng ta đâu có lỗi! Chúng ta chỉ bị hệ thống chữ viết "lỗm" chúng ta mà thôi, mà nguyên do chỉ là vì sự bất nhất trong nguyên tắc mà chính những người sáng chế ra chữ quốc ngữ đặt định: dùng chữ cái Latin để ghi các âm theo nguyên tắc mỗi âm một kí hiệu.

Những vướng víu như thế sẽ dễ thông qua nếu ta vẫn còn hằng ngày hít thở ngôn ngữ của mình ở quê nhà. Nhưng đối với trẻ con đang từng ngày bị lôi kéo xa khỏi cộng đồng ngôn ngữ dân tộc, những vướng víu như vậy sẽ nổi lên rất rõ, có thể đến mức gây thành ấn tượng không hay ho gì cho tiếng nói và chữ viết dân tộc. Trong trí trẻ luôn luôn có khuynh hướng đối chiếu ngôn ngữ khi nói và viết tiếng mẹ đẻ, vì chúng đã có một khuôn mẫu ngôn ngữ khác, khuôn mẫu ngôn ngữ Ấn-Âu cũng dùng hệ thống chữ cái Latin.

Tất cả những yếu tố tâm lí và xã hội ngôn ngữ học nói đến ở trên đều tác động vào việc học tiếng mẹ đẻ của trẻ Việt song ngữ trong cộng đồng hải ngoại hiện nay và mai sau.

Nhiệm vụ của chúng ta là làm giảm nhẹ những thứ hành lí nặng nề không cần thiết cho công việc dạy và học tiếng Việt ở ngoài nước. Từ đó, đặt ra việc nhìn trở lại những gì chúng ta đang có: hiện tình chữ quốc ngữ.

Chữ quốc ngữ hiện nay gồm có 29 chữ cái mượn từ hệ thống chữ cái Latin có thay đổi chút ít để phù hợp với nét vẻ riêng của tiếng Việt; trong đó 17 chữ cái dùng để ghi phụ âm, 12 chữ cái để ghi nguyên âm. Ngoài ra còn có 5 dấu để ghi giọng cao thấp của nguyên âm. Không kể đến hệ thống chữ viết cổ của dân tộc nay chỉ còn dấu vết rời rạc trên một số di chỉ khảo cổ, hãy chỉ so với hệ thống chữ nôm vốn cũng theo nguyên tắc kí âm mà ta mượn nét viết của chữ hán, phải nhận rằng chữ quốc ngữ đơn giản và tiện lợi hơn nhiều lắm, và cũng là một hệ thống được tạo lập rất có khoa học so với tình trạng khoa ngữ học ở thế kỉ XVII-XIX. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chữ quốc ngữ đã rất hoàn hảo, bất khả xâm phạm. Sự thay đổi của bộ mặt chữ quốc ngữ trong vòng một thế kỉ từ khi Từ điển de Rhodes ra đời cho đến khi Pigneau de Béhaine soạn Từ điển của ông đã chứng tỏ rằng các nhà hoạt động ngôn ngữ đã không quá bảo thủ hoặc hãnh tiến đến mức liều lĩnh cố chấp. Huống chi, ba trăm năm qua, nhiều tiến bộ về mặt học hỏi song song với sự đổi thay tự nhiên của tiếng Việt, đã khiến cho những niềm tin cũ nay trở nên đáng nghi ngờ, cần phải dành nhiều công sức của nhiều giới có thiện chí.

Trong tình trạng hiện nay của chữ quốc ngữ, hay nói đúng hơn, hiện trạng của chữ quốc ngữ trong vòng một trăm năm trở lại đây -- tính từ thời điểm những bộ từ điển Taberd, Legrand deLa Liraye (1877), Génibrel (1898), Bonet (1899) xuất bản, có thể thấy nhiều vấn đề cần đặt ra thảo luận. Chúng tôi tạm qui về hai nhóm vấn đề:

(1) Những sự thay đổi tự nhiên qua thời gian khiến cho chữ viết không còn ghi đúng nội dung âm thanh tiếng nói;

(2) Những hiện tượng đi lạc ra ngoài nguyên tắc "mỗi kí hiệu chuyên chở một đơn vị âm thanh của ngôn ngữ."

Chữ quốc ngữ qua thời gian

Cuốn từ điển của de Rhodes có một phần biên soạn về ngữ pháp tiếng Việt, có tựa là **Linguae Annamiticae seu Tunchinensis Brevis Declaratio** (Sơ lược về tiếng An nam hay tiếng Đàng Ngoài), chính là một tập ngữ pháp Việt Nam vào thời kì này. Chương I: "Về

các chữ và vần cấu tạo nên tiếng nói" có đoạn nói về chữ D như sau:

"Chữ D ở Đàng Ngoài đọc giống y như chữ D ở tiếng Latin. Tuy nhiên cũng có vài khác biệt: khi chữ D có chữ E dính liền mà không đọc rời chữ E ấy, như chữ Dea chẳng hạn. Còn khi không có E thì hoàn toàn đọc như D của chúng ta, như tiếng Da..." (Ibidem).

So sánh với đoạn nói về chữ GI, ta thấy ông chỉ dẫn cách đọc GI tương tự như lối đọc gi ở tiếng Ý. Kiểu nói phân biệt /d/ và /gi/ này đã dần biến mất, mà có khuynh hướng đồng hóa cả hai thành /z/ ở tiếng bắc, và /j/ ở tiếng trung, nam. Nhưng chữ viết vẫn không đổi thay theo. Hình thức viết gi và d hiện nay vẫn là theo mẫu mực của thế kỉ XVII.

Nếu không dựa vào lịch sử phát âm như thế, khó có thể hiểu tại sao lại viết giản dị mà không thể viết là dản dị được.

Hiện tượng chữ PH cũng đáng chú ý. Từ điển A. de Rhodes ghi rằng: "Thực ra tiếng xứ này không bao giờ có P đứng đầu các chữ như đã nói ở phần nghiên cứu chữ F. Chỉ có PH, đọc giống như phi của Hy Lạp." (Ibidem) Ngược lên đoạn nói về chữ F, ta thấy chỉ dẫn như sau: "F - hay đúng hơn, PH - vì khi đọc nó, không tách hai môi như khi đọc F của ta. Khi phát âm chữ này, môi cử động rất nhẹ và hơi rít cũng chỉ qua loa." (Ibidem)

Maspéro cắt nghĩa rõ thêm rằng ph là một âm môi hơn là âm môi răng như ngày nay. Âm này đã thay đổi từ bao giờ không rõ, nhưng rõ ràng là âm /h/ trong tổ hợp /ph/ ngày nay không còn bật hơi như ngày xưa; thảng hoặc chỉ còn một vài nơi hoặc vài cá nhân nói giọng cổ đó mà thôi. (Xem Maspéro, *Etudes sur la phonétiquehistorique de la langue annamite: les initiales. BEFFEO t.XII, n.1, p. 46).* Nói cách khác, ngày nay, âm PH phát âm như âm F của người phương tây, chứ không bật hơi khi mở hai môi như ngày xưa A. de Rhodes đã ghi nhận.

Tưởng cũng cần nói thêm là de Rhodes và các vị chế tác chữ quốc ngữ đã có dụng ý thêm chữ h trong các trường hợp th, kh, ph là để chỉ tính cách bật hơi thở của những âm này; cho đến nay, tính cách này đã mất đi ở ph, và giảm nhẹ ở kh.

Trên đây là những sự kiện nhặt ra được từ chính nội thân tiếng Việt để so sánh với chữ viết theo hệ thống chữ cái Latin. Những đổi thay này là tự nhiên thôi, không miễn trừ ngôn ngữ nào cả. Cũng chẳng phải vì tiếng nói đổi thay là chữ viết cũng phải sửa đổi theo ngay. Dù sao, thói quen của tập thể người sử dụng ngôn ngữ vẫn mạnh hơn ý muốn của thiểu số nhà khoa học. Qui luật của ngôn ngữ là: tập quán của đám đông quyết định sự tồn tại của một hiện tượng ngôn ngữ. Cho nên, các hiện tượng đổi thay qua thời gian được đề cập ở đây chỉ có ý nghĩa nói lên tính cách động của tiếng nói qua thời gian, chứ không phải ngôn ngữ luôn luôn "nhất thành bất biến."

Những hiện tượng lạc ra ngoài nguyên tắc âm vị học

Bộ chữ cái Latin dùng để ghi âm tiếng Việt tất nhiên là cũng theo nguyên tắc chung của mọi hệ thống chữ viết ghi âm: mỗi chữ cái là một kí hiệu ghi lại một âm thanh. Thế nhưng trong chữ quốc ngữ của chúng ta, không phải lúc nào cũng có sự trùng khít giữa chữ cái và nội dung các âm thanh. Và đây chính là nguyên do làm nảy ra các sáng kiến cải tổ chữ quốc ngữ một cách có ý thức do các nhà ngôn ngữ đề xướng.

Trước hết là hiện tượng c, k, qu.

Từ điển de Rhodes ghi chú rằng: "Chữ C chỉ ở vị trí đầu các tiếng có nguyên âm A, Ô, Ơ, U, Ư; còn trước các nguyên âm Ê và I chúng ta dùng K hoặc S (sic)." Ở đoạn nói về âm K, tác giả viết: "K chỉ đứng với nguyên âm Ê và I, chẳng hạn: kẻ kĩ..." (Cf. Brevis Declaratio. *Ibidem).*

Tại sao lại có hiện tượng đó? Không phải tiếng Việt đọc âm /k/ khác nhau trước hai loại nguyên âm này, mà chính là các nhà chế tác chữ quốc ngữ đã đem áp dụng thông lệ chính tả của Pháp đặt vào tiếng Việt. Nhưng âm /k/ trong tiếng Pháp lại không có chúm môi trước nguyên âm, cho nên phải mượn QU trong tiếng Latin và đọc y như ở trong tiếng Latin vậy. Đây là một thói quen của một số giáo sĩ phương tây đặt để lên tiếng Việt mà không có lí do thỏa đáng nào cả.

Mặc dù vậy, thầy cô giáo tiếng Việt vẫn cứ phải gọi đó là "qui tắc" để nhắc nhở học sinh viết cho đúng "nguyên tắc."

Trường hợp g(h), ng(h), cũng là một lệ ngoại. Hiện tượng thêm h trước các nguyên âm E, Ê, I, là ảnh hưởng của lối chính tả Latin chứ không có lí do tự nội thân tiếng Việt. Âm /h/ trong trường hợp này không có cơ sở vững chắc như kh, ph, th.

Hiện tượng GI được nhắc đến trên đây cũng là một trường hợp đi lạc ra ngoài nguyên tắc âm vị học nữa. GI là cách chính tả của tiếng Ý, mượn để chỉ một âm tắc xát ở vào thời de Rhodes. GI, như vậy, chỉ là một kí hiệu chỉ một âm đầu, kết hợp với một nguyên âm nào đó mới thành một tiếng: gi-à, gi-ỏ, gi-ẻ, gi-iết.

Thế nhưng khi ghép với nguyên âm i, GI lại mất I: g (i) - i --) gi. Đây là sự vi phạm nguyên tắc âm vị học, vì g(i) giờ đây đồng hóa với một

âm khác là **g / g(h)** nhưng lại đọc khác hoàn toàn.

Cũng theo qui ước âm vị học, tất cả các nguyên âm đều được phát âm ở bậc thang âm ngang: **a, i, o, u**...đều đọc là /a/, /i/, /o/, /u/. Nhưng khi đọc đến những nguyên âm ngắn của **a** và **ơ**, người ta phát âm thành một âm có bậc thang âm rất cao, ở bậc dấu sắc /'/. Sự lẫn lộn nhỏ này đã dẫn đến một nhầm lẫn lớn khác: làm mờ sự đối xứng giữa nguyên âm dài và nguyên âm ngắn ở **tiếng Việt.** Nói cách khác, **ă** và **a** không phải là hai âm khác nhau mà chỉ là một âm dài và một âm ngắn mà thôi, tương tự như cặp ơ và â vậy. Có nhận ra sự đối lập này mới cắt nghĩa thấu đáo tại sao có một sự phân bố đồng đều giữa chúng khi kết hợp với các âm cuối **y, u, ch, nh.** Theo cách viết hiện nay thì ta nghĩ những nguyên âm trong **ay, au, ach, anh** là những nguyên âm dài, nhưng thực ra đó chính là những âm **a** ngắn, còn những âm **a** dài thường phân bố kết hợp với những âm cuối trên dưới dạng viết sau: **ai, ao, ac, ang.**

Trong cách viết chữ quốc ngữ hiện nay, có hiện tượng bất nhất khi viết **i** và **y**. De Rhodes ghi chú như sau về cách viết hai chữ này ở thời ông: "Tiếng xứ này chỉ dùng chữ I làm nguyên âm, vì chữ I phụ âm được thay bằng chữ G (sic). Muốn tránh lẫn lộn, ta dùng I ở giữa hay ở cuối tiếng: **biết, bĩ.** Cũng cần chú ý là ta dùng âm Y ở cuối tiếng khi nào có nguyên âm kép (sic) cần phải đọc tách biệt: **Ey** (ấy), nhưng phải dùng I khi nào nguyên âm kép không đọc tách rời, ví dụ chữ **Ai.** Để tránh dùng nhiều dấu hiệu trên một chữ, ta không đánh hai dấu chấm trên chữ I. Chỉ cần nhớ với nhau một lần rằng viết Y ở sau một nguyên âm không phải để đọc thêm một vần tách biệt mà chỉ có ý phân biệt vần như trong **cây** và **cai.** Ta cũng dùng Y trước một số nguyên âm nhưng cũng

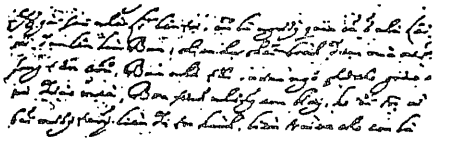

Một đoạn trong tập bản thảo lịch sử Việt nam do Bento Thiện viết năm 1659. :" Ngãi sau nhà Lí lên trị,cũ là ngườy quan cả ở nhà Lêi... thì đạt lên làm Bua,Thiên hạ thái bình được mùa... sang tấn côũ.Bua nhà Tốũ,nước Ngô phoũ cho Giao...và đườc mùa.Bua sinh những con tlay.Họ ãi trị vĩ...bải mườytuổylièn đi tu hành. Liền truiền cho con là..."

không xem là phụ âm bao giờ, chẳng hạn **Yéo** (tức là yếu), **Ỷa** (tức là Ỉa)." (Ibidem).

Nguyên tắc này được áp dụng chặt chẽ trong bản thảo của Bento Thiện (1659) cho đến những tự vị của Génibrel (1898) và của Hội Khai Trí Tiến Đức (1931).

Có thể nêu ra "qui tắc" chung về cách viết I và Y như sau:

Chỉ viết Y trong những trường hợp sau đây:

(a) ở đầu một tiếng và sau đó có âm Ê; ví dụ: **yên, yêu, yết.**

(b) ở sau âm chúm môi /u/ (ngoại trừ khi viết với **qu**). Ví dụ: **uy, tuy, khuya, chuyện...**

(c) ở sau **qu** nhưng theo sau đó có Ê hoặc NH. Ví dụ: **quyền, quyết, quỳnh.**

(d) sau âm ngắn của /a/ (tức là sau chữ A) và âm ngắn của /ơ/ (tức là chữ Â). Ví dụ: **may, mây, dây, đây.**

(đ) đứng độc lập thành một tiếng. Ví dụ: **Y, Ý.** Tuy vậy, trong khi chúng ta viết **ỷ** (lai), thì sự thiên vị trong tâm lí ngôn ngữ đã tạo nên thói quen viết: (âm) **ỉ**, (ầm) **ĩ**, (đi) **ỉa** theo đúng nguyên tắc âm vị học. Cũng tâm lí thiên lệch đó khiến chúng ta viết **lý, yêu** với niềm tin rằng vẻ thẩm mĩ của chữ **y** sẽ tạo ấn tượng "tốt đẹp" mà tự thân chữ viết không hề mang lại.

Chỉ viết I trong những trường hợp sau đây:

(a) ở phần âm chính của vần. Ví dụ: **bí, chim, đi, hí, kì, kim, lì, lính, sĩ, tị, tím, vì, vịnh**... Theo qui tắc này thì sau **qu** chính là phần âm chính của tiếng, vậy phải viết với **i: quí, quít, quỉ,** (hoa) **quì.**

(b) sau một nguyên âm làm âm chính, hay là trong những trường hợp I là một bán nguyên âm. Ví dụ: **ngùi, đói, người, củi, hời, chuối, hỏi, trai.**

Trong một số sách báo tiếng Việt, chúng ta có thể lượm lặt rất nhiều kiểu viết bất nhất về chữ I và Y. Dường như người viết chỉ theo trực cảm hoặc theo thói quen (có thể đúng mà cũng có thể sai), nên chỉ có hiện tượng tên người là **Sĩ** được viết thành **Sỹ** hoặc ngược lại, **tị**(nạn) lại cũng có thể viết thành **tỵ**(nạn)... Dựa theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh, chúng tôi nhận thấy có thể ta có những trường hợp sau đây viết lẫn lộn I thành Y: sau các âm khởi đầu **m, t, l, k, qu, h.** Nếu bảo rằng phải viết tiếng hán việt theo cách khác, e là không chính đáng, vì chữ viết kí âm không bao giờ "chia hán/nôm" mà chỉ quan tâm đến việc ghi âm sao cho đúng như khi người nói phát âm ra. Vì thế, không có lí do gì để phân biệt **mỹ**(thuật), với (bánh)**mì**, hoặc là phân biệt (biệt)**ly** với **li ti**, lấy lí do là một bên viết với **y** vì là từ hán việt, bên kia viết với **i** vì là một từ nôm na. Vả lại, thật là khó chấp nhận sự kiện cho rằng có thể cả hai cách viết **i** và **y** đi kèm với những âm khởi đầu **m, t, l, k, qu, h** đều được coi là đúng, là hợp cách như một tác giả đã ghi nhận. (L.Thompson, *A Vietnamese Grammar.* Seattle, 1965, tr. 65).

Thật ra, khi chúng ta viết **Lý, Kỹ, Mỹ** với **y**, ta đã chọn thói quen và trực cảm chủ quan hơn là dựa trên chính dữ kiện ngôn ngữ để viết chữ quốc ngữ. Có lẽ vì thế mà **Việt Nam Tự Điển** (1931) của hội Khai Trí Tiến Đức -- một công trình đồ sộ của các học giả có trình độ làm việc cao, ra đời cùng một thời với Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh -- đã không theo thói quen này.

Hiện tượng bất nhất nói trên đã diễn ra từ thời kì nào? De Rhodes và những nhà sáng chế chữ quốc ngữ xem ra rất tách bạch về cách dùng chữ này -- như lời dẫn trong sách của ông đã cho thấy. Đến những từ điển Huình Tịnh Của (1895-6) hay là của Génibrel (1898) thì đã có dấu hiệu của sự phân hóa giữa hai qui tắc: các ông vẫn viết **I** ở phần chính: **huình, quình, huịch, huiên**, nhưng cũng có những chỗ viết, **huyền, khuyên, truyền, ly**... nghĩa là bắt đầu vào "qui tắc" của cách viết Y mà chúng tôi vừa nêu ở một đoạn trên. Ta thấy rõ có sự lẫn lộn I là nguyên âm chính với Y là bán nguyên âm hay nguyên âm phụ.

Đến những năm đầu thế kỉ XX thì sự lẫn lộn đã trở nên phổ biến: Đào Duy Anh soạn Hán Việt Từ Điển thì chuộng y khi viết với **m, t, l, k, qu, h**. Từ điển của Khai Trí Tiến Đức thì nhất loạt theo qui tắc mà chúng tôi nêu ở trên. Uy tín của hai bộ từ điển đã kéo theo sự phân hóa về chính tả sau đó. Tuy nhiên, trong nhà trường, qui định chính tả đã được minh thị trong các ấn bản Chương Trình Trung Học do Bộ Giáo Dục xuất bản hằng năm, rằng phải theo qui tắc viết của **Việt Nam Tự Điển**. Tuy thế, dường như nhà trường phổ thông không thiết tha gì với chính tả, và dường như không mấy ai để ý quyển từ điển này đã viết chữ quốc ngữ ra sao! Có người còn nói liều rằng quyển từ điển này đã lạc hậu rồi. Phải, sẽ phải quên nó đi thôi nếu quả thật là nó đã bị vượt bỏ. Nhưng mà cho đến nay vẫn chưa có bộ từ điển nào thật có phương pháp nghiêm túc trong lối chọn mục từ, giải nghĩa, và dẫn chứng văn liệu chính xác như nó. Đó là điều đáng buồn chung cho những ai thích sự tiến bộ. (Chúng tôi không nghĩ là chiều dày của bộ từ điển Lê Văn Đức đã đủ để được tôn là bộ từ điển có giá trị về mặt phương pháp cùng nội dung biên soạn).

Trở lại hiện tượng I và Y, có thể nói là hiện tượng lẫn lộn này tương đối mới mẻ so với lịch sử 300 năm của chữ quốc ngữ. Có thể tạm xác định mốc những năm đầu thế kỉ XX. Vả chăng, Bản đề nghị của Ủy Ban Cải Cách Chữ Quốc Ngữ (1902) đã xác nhận giả thuyết này.

Một hiện tượng khác cũng cần để ý là tiếng Việt có đến 4 con chữ dùng để viết hai bán nguyên âm: /w/ được ghi bằng **o** và **u**, /y/ được ghi bằng **i** và **y**: **hòa/hào, mùa/màu, mai/may**... Nguyên tắc âm vị học lại một lần nữa bị vi phạm. Hãy lấy cặp **mai/may** làm tỉ dụ: sự khác biệt giữa hai tiếng này không nằm ở **i/y** mà chính là ở hai âm **a**. Một đàng, **a** được đọc dài, một đàng âm **a** đọc ngắn; vậy để cho chính xác, phải ghi hai âm **a** đó. Nhưng thói quen đã ghi như vậy.

Tưởng cũng cần nhắc lại hiện tượng **h** ghi trong **nh** và **ch**. Hai phụ âm **nh** và **ch** chỉ là mượn kiểu ghi âm của tiếng Bồ, hoàn toàn không có hiện tượng bật hơi thở như trong bộ ba **ph, kh, th**. Mặc dù ngày nay **h** đã mất tính cách bật hơi trong **ph** và giảm nhẹ trong **kh**, nhưng chữ quốc ngữ vẫn không vì thế mà đổi theo.

Trở lên là những vấn đề đặt ra cho người Việt khi suy nghĩ về việc giảng dạy tiếng Việt cho con em ở một thời kì mà những hiểu biết về ngôn ngữ cho phép chúng ta rút ngắn những kiểu làm việc, giảm thiểu những thừa thãi vô ích. Trong ý nghĩa đó, bao nhiêu cố gắng của các thế hệ nghiên cứu tiếng Việt không có nghĩa là làm phiền toái sự việc, mà ngược lại là những nỗ lực để nhìn sự vật một cách chính xác hơn. Thế tại sao, từ 1902 đến nay, những gắng công của các thế hệ nghiên cứu đều chưa thành công trong việc làm cho chữ quốc ngữ thêm chính xác? Chúng tôi không nghĩ là trách nhiệm thuộc về họ, mà là ở nhà trường. Nhà trường Việt Nam trước đây đã không làm đúng phần việc của nó trong sự gìn giữ chữ quốc ngữ được ngày một tinh giản.

Bài viết này không đặt vấn đề sửa đổi chữ quốc ngữ. Việc đó để dành cho những cơ quan có thẩm quyền về sau này. Dụng ý duy nhất của người viết là phân tích một vài khía cạnh của chữ quốc ngữ để mong nhận ra dáng vẻ sống động của hệ thống chữ viết Latin này trong dọc dài lịch sử chữ viết dân tộc. Chữ quốc ngữ đã trải qua nhiều thay đổi từ nhiều thế hệ, do công phu của những người sử dụng ban đầu -- mà không nghi ngờ gì nữa -- đều là những người có trình độ hiểu biết rành rẽ về nó.

Trong tình trạng hiện nay, thiếu một tổ chức thẩm quyền, việc sử dụng chữ viết đang chịu một thách đố của qui luật phát triển tự nhiên. Dạy tiếng mẹ đẻ trong hoàn cảnh đó thật là phức tạp. Những ghi chú trên đây chỉ nhằm tìm một chỗ dựa cho việc soạn thảo bài giảng tiếng Việt cho thế hệ trẻ mà không vương vấn giữa những phiền toái không cần thiết -- trong nhiều trường hợp chỉ là làm mất vẻ trong sáng của tiếng nói và chữ viết.

ĐOÀN XUÂN KIÊN

THỜI SỰ THÁNG QUA

VESSEY SẼ SANG HÀ NỘI

HÀ NỘI (OCR) — Phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Hà Nội hôm 5 tháng Chín cho biết tướng John Vessey, đặc sứ của Tổng thống Hoa Kỳ G. Bush, sẽ đến Hà Nội vào trước cuối năm nay, để xem xét các diễn tiến trong việc giải quyết trường hợp các quân nhân Hoa Kỳ còn bị ghi mất tích (MIA) trong cuộc chiến Việt Nam trước đây.

Các giới chức cầm quyền Cộng Sản cho biết một cách riêng tư rằng, cuộc viếng thăm của tướng J. Vessey sẽ diễn ra vào khoảng tháng Mười.

Các nhà ngoại giao tại Hà Nội cho biết, theo chương trình được dự trù trước đây, thì tướng Vessey sẽ đến Việt Nam trong tuần lễ này, nhưng Hà Nội đã dời lại cuộc viếng thăm để cho Nguyễn Mạnh Cầm, Ngoại trưởng C.S. Việt Nam có thể chuẩn bị cho chuyến đi của ông ta sang Bắc Kinh, Trung Quốc, vào tuần tới, nhằm thảo luận về việc bình thường hóa bang giao giữa hai nước Cộng Sản lân bang này.

3000 QUÂN LIÊN XÔ THAM CHIẾN Ở VN

MOSCOW, Liên Xô (AP) — Báo chí Liên Xô lần đầu tiên tiết lộ về sự tham chiến của quân đội Liên Xô trong cuộc chiến tranh Việt Nam, hôm 7 tháng Chín, khi cho biết Liên Xô có lúc đã gởi đến 3,000 quân nhân sang Việt Nam, trong khi Hoa Kỳ cũng đang yểm trợ cho các lực lượng Việt Nam Cộng Hoà chống lại cuộc xâm lăng của Cộng sản Bắc Việt.

Tạp chí "Eko Planety" (Tiếng Vọng Hành Tinh) đăng tải là hồi năm 1965, các quân nhân Liên Xô đã bắn rơi được chiếc phi cơ Hoa Kỳ đầu tiên trên không phận Bắc Việt.

Bộ Quốc Phòng Liên Xô trước đây đã nhìn nhận là có có cố vấn Liên Xô phục vụ tại Việt Nam trong cuộc chiến tranh và đã có 13 người thiệt mạng.

Hãng thông tấn Tass của Liên Xô, hôm 7 tháng Chín cho biết, tuy Bộ Quốc Phòng Liên Xô có đưa ra sự nhìn nhận trên, nhưng không một chi tiết nào được tiết lộ thêm trước đây cả.

Tass cho biết sự đăng tải của tạp chí "Eko Planety," là được dựa trên các cuộc phỏng vấn của tạp chí này đối với các nhân vật từng thi hành các chính sách của Liên Xô tại Việt Nam trong những năm cuối của thập niên 1960 và đầu thập niên 1970, bao gồm cả Ilya Shcherbakov, đại sứ Liên Xô tại Việt Nam từ năm 1964 cho đến năm 1974.

Bài báo của tạp chí "Eko Planety" là của một cựu phái viên của hãng thông tấn Tass tại Việt Nam, trong những năm có cuộc chiến tranh tại đây, là Alexander Minayev.

Cựu đại sứ Shcherbakov nhìn nhận là chính phủ Liên Xô đã tỏ ra hết sức tự hạn chế trong cuộc chiến tranh giữa Cộng Sản Bắc Việt Nam và phía Việt Nam Cộng Hoà, được Hoa Kỳ hỗ trợ.

Bài báo viết:

"Tuy nhiên biến cố Vịnh Bắc Biệt đã khiến đẩy (Chủ tịch Liên Xô, lúc đó là) Nikita Khrushchev vào một tình thế khó xử," có ý nhắc đến cuộc trả đũa của Hoa Kỳ hồi năm 1964 về một cuộc tấn công của các tiểu đỉnh Bắc Việt chống lại các chiến hạm Hoa Kỳ đang di chuyển trong Vùng Vịnh Bắc Việt.

Biến cố này đã khiến Hoa Kỳ gia tăng sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ trong vùng và trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tại Việt Nam.

Bài báo viết tiếp:

"Một mặt, là Bắc Việt, một nước xã hội chủ nghĩa, phải chịu các cuộc oanh tạc của phi cơ và pháp kích từ ngoài biển khơi. Mặt khác, hậu quả của cuộc khủng hoảng vùng vịnh Caribbe cũng còn quá mới trong hồi ức của ông ta," có ý nhắc lại cuộc khủng hoảng về hỏa tiễn do Liên Xô lắp đặt tại Cuba hồi năm 1962, và bị Hoa Kỳ tạo áp lực, để buộc phải tháo gỡ hết."

"Khrushchev quyết định gởi một đại sứ mới đến Hà Nội để nhận định kỹ càng hơn về tình hình tại đây," và đại sứ Shcherbakov đã được cử sang Hà Nội, để đảm nhận ngay chức vụ này.

Tạp chí Eko Planety cho biết tiếp là thủ tướng Liên Xô lúc đó, là Alexei Kosygin đã cảnh giác đại sứ Shcherbakov là phải "luôn mở to đôi mắt," để tránh cho Liên Xô khỏi phải lôi kéo vào cuộc chiến này, khi đích thân ông sang thăm Việt Nam hồi năm 1965.

Tuy nhiên, lúc đó, Krushchev đã mất chức Chủ tịch Liên Xô và bị Leonid Brezhnev thay thế, mà theo đại sứ Shcherbakov, đã luôn tán đồng sự tham dự trực tiếp

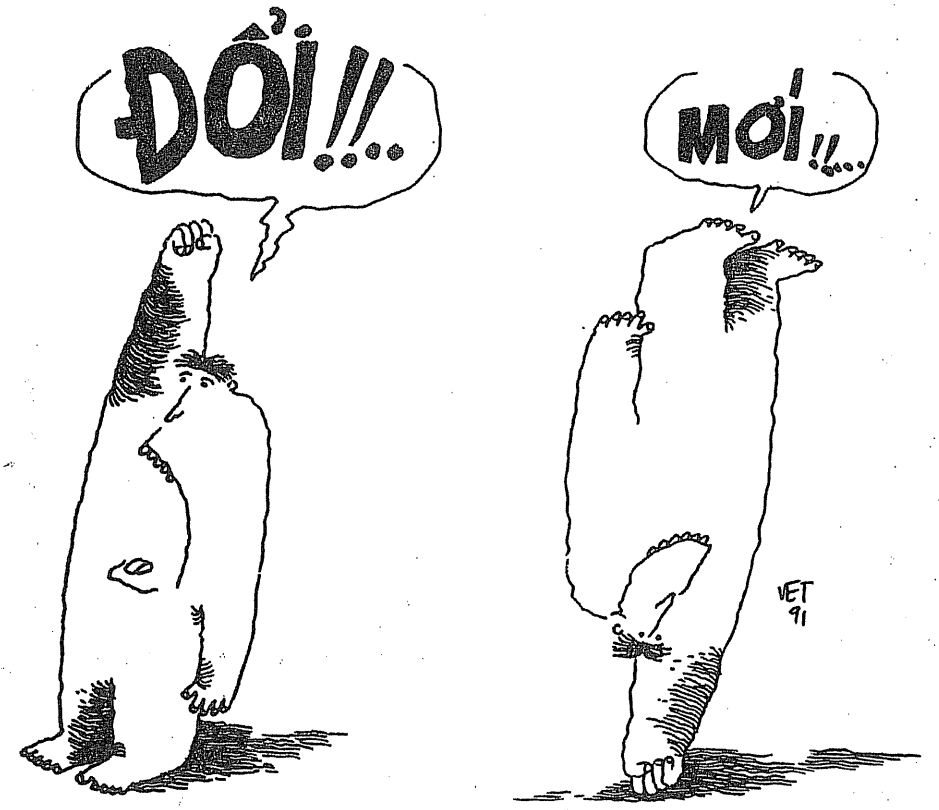

của Liên Xô vào cuộc chiến này, bằng cách gia tăng viện trợ cho Bắc Việt, để đối phó với cuộc chiến tranh.

Tạp chí trên viết tiếp:

"Làn sóng viện trợ của Liên Xô bắt đầu đổ vào Bắc Việt Nam ngay từ đầu năm 1965. Tháng Tám 1965, các lực lượng Liên Xô bắn rơi những chiếc phi cơ đầu tiên của Hoa Kỳ.

Tuy nhiên sau năm 1966, tạp chí này cho biết tiếp, không còn quân nhân Liên Xô trực tiếp tham chiến nữa, vì các lực lượng Cộng sản Bắc Việt đã được huấn luyện để sử dụng mọi chiến cụ do Liên Xô cung cấp."

Cuộc chiến Việt Nam, có Hoa Kỳ tham dự, khởi đầu năm 1964 và kết thúc hồi năm 1975, khi quân Cộng Sản cưỡng chiếm toàn miền Nam Việt Nam.

ÂU CHÂU LÀM PHIM

LONDON, Anh Quốc (Reuters) — Một tờ báo Anh Quốc, tờ "Sunday Times," hôm 8 tháng Chín cho biết một tổ hợp quảng cáo của Anh Quốc, có tên là "Saatchi" đang thực hiện một đợt vận động tuyên truyền, hầu thuyết phục các thuyền nhân Việt Nam ở Hong Kong hãy tự nguyện hồi hương, vì cuộc sống ở nước Cộng Sản Việt Nam dù sao cũng tốt đẹp hơn (?) cuộc sống trong trại tị nạn.

Tờ "Sunday Times" cho biết là Cộng đồng Âu Châu (EC) đã trả cho tổ hợp quảng cáo trên đến 592,500 đô la, để thực hiện chương trình thuyết phục trên, bao gồm việc thực hiện các bích chương, truyền đơn, video... để khuyến khích người tị nạn Việt Nam rời bỏ thuộc địa Anh quốc (Hong Kong) này, để trở về quê hương.

Roderick Moore, đặc trách về chiến dịch thuyết phục này của tổ hợp quảng cáo Saatchi cho biết rằng chiến dịch này nhằm thuyết phục các thuyền nhân Việt Nam đã bỏ nước ra đi đến Hong Kong, là họ nên trở về Việt Nam hơn là sống chui rúc tại các trại tị nạn tại đây, hiện có đến khoảng 62,000 thuyền nhân sinh sống trong các điều kiện thật vất vả thiếu thốn, kể cả mọi điều kiện vệ sinh.

GIÁ VÀNG, ĐÔ LA TĂNG KỶ LỤC TẠI SÀI GÒN

SÀIGÒN (NV) — Trong những ngày cuối tháng Tám và đầu tháng Chín, giá vàng và đô la đã tăng vọt khủng khiếp tại Sài Gòn, vượt qua sự dự đoán của mọi người, mới cách đó chừng một tuần lễ!

Báo "Tuổi Trẻ," phát hành ngày 31 tháng Tám tại Sài Gòn cho biết giá vàng nhẫn 96 phần trăm (5) của công ty kinh doanh vàng bạc thành phố HCM, lúc 2 giờ chiều ngày 30 tháng Tám, là 495,000 đồng/chỉ (bán ra), nhưng giá thị trường đã vọt lên trước, đến 515,000 đồng/chỉ rồi!

Vẫn theo báo "Tuổi Trẻ," thì cùng giờ đó, giá đô la đã tăng vọt lên đến 11,400 đồng đổi một đô la Mỹ.

Báo "Tuổi Trẻ" nhìn nhận:

"Tình trạng thị trường đô la chợ đen và vàng hỗn độn từ hai ba hôm nay (tức ngày 30 tháng Tám L.T.S)... do các mối lái, đầu nậu mấy ngày qua đã đi gom hàng, không bán ra, làm hoang mang tâm lý nhân dân...," có nghĩa là Nhà nước đã không quản lý được thị trường!

Báo Sài Gòn Giải Phóng, đề ngày 5 tháng Chín, phát hành tại Sài Gòn, cho biết, tính đến ngày 4 tháng Chín, giá vàng và đô la có sụt giảm một phần.

Tại các cửa hàng tư nhân mua 460,000 đồng/chỉ và bán ra 472,000 đồng/chỉ. Còn giá đô la trên thị trường tự do, mua 11,000 đồng cho đến 11,050 đồng/một đô la, còn bán ra là 11,100 đồng cho đến 11,150 đồng/một đô la.

Tại Trung Tâm Giao dịch Ngoại tệ Saigon, đặt tại 17 Bến Chương Dương, vừa được thành lập hôm 30 tháng Tám, với sự tham gia của 25 đơn vị giao dịch thường xuyên bằng ngoại tệ của thành phố này, gồm chín ngân hàng và 16 đơn vị sản xuất kinh doanh có nhu cầu mua bán ngoại tệ, giá đô la Mỹ, được định mua vào là 10,800 đồng/đô la và bán ra là 10,855 đồng/đô la.

Tỉ giá này được các ngân hàng áp dụng cho các đơn vị thanh toán đến phiên họp kế tiếp của Trung tâm Giao dịch ngoại tệ này, diễn ra vào ngày thứ ba của tuần kế tiếp.

Báo "Tuổi Trẻ," đề ngày 5 tháng Chín, trong khi đó cũng cho biết "giá một số mặt hàng lương thực - thực phẩm như gạo, thịt, đường, sữa... đều nhích lên..."

Bài báo viết:

"Gạo thường: 2,000 đồng/lít (tăng 100 đồng) - gạo ngon Chợ Đào: 3,500 đồng/lít (tăng 200 đồng) - đường RE ngoại: 4,800 đồng/kg (tăng 100 đồng) - Sữa ông Thọ: 4,400 đồng/hộp (tăng 100 đồng) - Bột ngọt Ajinomoto: 3,000 đồng/bao 453 gr. (tăng 1,000 đồng)...

Ngoài ra, từ ngày 1 tháng Chín, Liên doanh chế biến dầu khí (Sài gòn Pétro) đã điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu của các đại lý trên địa bàn thành phố, từ 2,000 đồng lên 2,200 đồng/lít (tăng 10 phần trăm).

ĐỖ MƯỜI GẶP PHAN ĐÌNH ĐIỆU VÀ NGUYỄN KHẮC VIỆN

HÀ NỘI — Sau vụ đảo chánh thất bại ở Liên Xô, bộ chính trị và ban bí thư đảng CSVN đã liên tiếp họp trong hai tuần lễ tìm cách đối phó với tình hình mới.

Một nguồn tin từ Hoa Thịnh Đốn hôm 6 tháng Chín 1991 cho biết Đỗ Mười, Tổng Bí Thư đảng CSVN đang mở những cuộc đối thoại với những người đối lập trong nước hầu cứu vãn tình thế nguy ngập. Nguồn tin từ Indochina Project ngày 6 tháng Chín 91 cho biết Đỗ Mười đã mời hai ông Phan Đình Điệu và Nguyễn Khắc Viện tới nói chuyện riêng.

Các giới quan sát nhắc lại rằng trước đây hai nhân vật này cũng như Bùi Tín và Hoàng Minh Chính đã từng chỉ trích các nhà lãnh đạo CSVN. Những sự chỉ trích này đã được phổ biến rộng rãi trong nước cũng như ngoài nước.

Riêng nhà văn Dương Thu Hương, nguồn tin trên cho biết, bà vẫn còn bị giữ trong tù, nhưng bà tỏ vẻ lạc quan về việc các tư tưởng mới được phổ biến rộng rãi ở Việt Nam ngày nay.

Bà ta nói rằng những điều bà viết trước đây bị cấm đoán thì nay đã được các nhà lãnh đạo mới lưu ý.

LẦN ĐẦU TỪ 1975, MƯỜI SINH VIÊN MỸ ĐẾN VIỆT NAM DU HỌC

Đối với Ann Robinson, 21 tuổi và nhiều thanh niên cùng thế hệ với cô, thì Việt Nam chỉ là một mẩu nhỏ trong lịch sử. "Tôi không biết người nào đã tham chiến. Tôi không nhớ cuộc chiến tranh đó. Ở trường chúng tôi không ai bàn luận nhiều về nó."

Nhưng mùa thu này, Robinson và chín sinh viên đại học Mỹ khác sẽ thay đổi cách nhận xét ấy vì họ sẽ có sáu tháng đến học hỏi tại Việt Nam. Trước kia đã có một số ít người Mỹ tới nghiên cứu ở Việt Nam nhưng chỉ với tư cách cá nhân, lần này 10 người sẽ là nhóm sinh viên Mỹ đầu tiên được tổ chức đưa qua Việt Nam kể từ khi chiến tranh kết thúc. Họ sẽ tham gia những khóa hội thảo được đặc biệt trù hoạch sẵn về ngôn ngữ, văn hóa và lịch sử tại viện đại học Hà Nội.

Robinson cùng nhiều người trong nhóm hy vọng sẽ giảng dạy về đề tài nghiên cứu Á Châu tại Hoa Kỳ. Trong những cuộc phỏng vấn trước khi lên đường, các sinh viên nói rằng họ muốn hàn gắn các vết thương của cuộc chiến còn để lại cũng như tìm hiểu trực tiếp về Việt Nam.

"Đã có quá nhiều điều ngộ nhận giữa hai nước. Việt Nam hiện nay hoàn toàn rã rời về kinh tế, một phần do việc cấm vận của Hoa Kỳ. Họ sẽ phải mất bao nhiêu thời gian để chấn chỉnh trước khi chúng ta buông tha? Đã đến lúc mọi người nên tham gia vào tiến trình bình thường hóa." Đó là ý kiến của John Stef-

fen 39 tuổi, sinh viên duy nhất ở trong tuổi có thể dính líu đến chiến tranh, anh gia nhập không quân năm 1971 nhưng sau đó lại được phục vụ ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Mỹ thi hành cấm vận Bắc Việt Nam từ 1964 và sau đó đã áp dụng cho toàn quốc sau khi Cộng Sản chiếm được Sài Gòn năm 1975. Những vi phạm có thể bị xử phạt tới 1 triệu đô la và mười năm tù.

Steffen và năm sinh viên nữa được trợ giúp bởi tổ chức "Thử nghiệm sinh hoạt quốc tế" ở tiểu bang Vermont, họ sẽ lên đường vào ngày thứ hai trong chương trình du học 6 tháng ở hải ngoại.

Bốn người khác được tài trợ bởi tổ chức "Hội Đồng trao đổi giáo dục quốc tế," trụ sở tại New York. Họ sẽ đi Việt Nam vào tuần lễ thứ ba trong tháng Tám.

John Sommer, khoa trưởng, thuộc tổ chức "Thử Nghiệm sinh hoạt quốc tế" đã từng dạy học ở Việt Nam vào những năm 60, cho biết ông hy vọng các sinh viên sẽ giúp mở ra một kỷ nguyên mới trong quan hệ Việt - Mỹ.

"Việt Nam là quốc gia lớn thứ nhì trong các nước Đông Nam Á với 70 triệu dân," lời John Sommer, "Họ sẽ trở thành một trong những con rồng châu Á và chúng ta cần phải hiểu biết thêm về họ.

Một vài sinh viên có những yếu tố cá nhân trong chuyến đi. Liem Le, sinh viên cao đẳng tại Carleton College, tiểu bang Minnesota, lớn ở Việt Nam cho tới 1975 và đi khỏi đó cùng một người cô trên chuyến tàu chót rời Sài Gòn. Ông bố của anh là sĩ quan quân đội Nam Việt Nam, bốn năm sau đã cùng mẹ anh vượt biên. Anh nói:

"Đây là cơ hội để tôi tìm lại cội nguồn, nhưng cũng là một nỗ lực học tập. Tôi thực tình muốn biết những gì đang xảy ra ở đất nước này."

Sinh viên Felicity Wood Đại học New York cũng có những quan tâm có tính cách cá nhân. Bố mẹ cô đã gặp gỡ nhau trong thời gian phục vụ tại Việt Nam, lúc đó mẹ cô là chuyên viên đánh thuốc mê ở một quân y viện, còn bố anh là viên chức thuộc Bộ Ngoại Giao. "Hai người đều yêu mến đất nước và con người Việt Nam," cô cho biết.

Trong lúc một số sinh viên mong mỏi tiếp nối nghiên cứu những dự án liên quan đến chiến tranh — chẳng hạn về ảnh hưởng đối với môi trường — những người khác lại thích thú với những đề tài riêng tư hơn như là kỹ thuật đóng tàu thuyền của người Việt.

Kristen Huffman, sinh viên đại học St. Olaf College ở Minnesota trình bày cảm nghĩ của mình: "Tôi thật sự quan tâm đến dân tộc, đất nước Việt Nam, muốn hiểu họ sống thế nào chứ không muốn nhìn về họ như trong khung cảnh một cuộc tiến công quân sự."

TỊ NẠN VIỆT NAM ĐỨNG HÀNG THỨ NHÌ

WASHINGTON (AP) — Các giới chức Liên bang Hoa Kỳ hôm 11 tháng Chín cho biết trong tài khoá vừa qua, Hoa Kỳ đã nhận số người tị nạn kỷ lục vào Hoa Kỳ, lên đến 122,000 người đông nhất là Liên Xô và kế đó là Việt Nam.

Số tị nạn được nhận vào Hoa Kỳ trong tài khoá 1990 vừa qua cao hơn của tài khóa 1989 trước đó, đến trên 15,000 người.

Tài khoá 1989, Hoa Kỳ đã nhận vào đất Mỹ 107,000 người tị nạn, theo như báo cáo của Bộ Nhân Dụng và Y tế gởi cho Quốc Hội Hoa Kỳ, trong Chương trình tái định cư người tị nạn.

Báo cáo cho biết nhóm tị nạn đông nhất là từ Liên Xô, với 49,802 người, kết đến là từ Việt Nam, với 41,021 người, tiếp đến là Lào với 8,719 dân tị nạn, Cuba 4,849 người...

Tính cả di dân (theo diện ODP - Ra đi trong vòng trật tự) và dân tị nạn Việt Nam, thì trong tài khóa vừa qua, Hoa Kỳ đã nhận tất cả 63,472 người Việt Nam.

PHÁP - THỤY SĨ THUÊ PHÚ QUỐC 50 NĂM

RẠCH GIÁ, Kiên Giang (Nation) — Nhật báo Anh ngữ, "Nation," phát hành tại Thái Lan, hôm 20 tháng Chín cho biết, một tổ hợp các ngân hàng Pháp và Thụy Sĩ, được biết đến tên là Nhóm Leonardo (Group) đã được nhà cầm quyền của tỉnh Kiên Giang đồng ý để phát triển đảo Phú Quốc, thành một khu kinh tế đặc biệt.

Đảo Phú Quốc nằm về phía Tây Nam duyên hải Việt Nam.

Trần Quyết Chiến, Ủy viên của Ủy ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang, kiêm Giám Đốc Sở Liên lạc Kinh tế đối ngoại, cho báo "Nation" biết rằng nhóm Leonardo trên, dự định đầu tư vào khu kinh tế đặc biệt Phú Quốc đến 14 tỷ đô la.

LẬP CÁC PHI TRƯỜNG LIÊN LẠC VỚI ĐẤT LIỀN

Tờ "Nation" cho biết tiếp là Nhóm đầu tư Tây Phương trên đã có kế hoạch xây dựng một hệ thống xa lộ trên đảo Phú Quốc, cũng như các phi trường thương mại nối liền Đảo Phú Quốc với đất liền.

(Trước 1975, Phú Quốc đã có hai phi trường Dương Đông ở miền Trung của đảo, và An Thới, nằm về phía Nam. L.T.S.)

Ngoài ra, nhóm đầu tư trên cũng sẽ xây dựng một khách sạn quốc tế, một cầu tầu, một xưởng đóng tầu, một hệ thống các khu giải trí trên đảo, bao gồm một sòng bạc lớn... nằm trong hàng loạt công trình xây dựng, sản xuất khác, khiến có thể biến Phú Quốc thành một khu kinh tế đặc biệt cũng như hải cảng tự do — miễn mọi khoản thuế (duty free port).

Trần Quyết Chiến cũng cho biết là Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang đã thỏa thuận trên nguyên tắc cho nhóm đầu tư kia

được thuê nhượng Phú Quốc trong 50 năm, mặc dù lúc đầu nhóm này đề nghị được thuê trong vòng 70 năm hay hơn nữa.

KÝ KẾT THỎA HIỆP VÀO TUẦN TỚI

Báo "Nation," cho biết là Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang và các nhà đầu tư Tây Phương sẽ gặp lại nhau vào tuần tới tại Sài gòn, để thông qua các thỏa hiệp này, trong khi Kiên Giang cũng yêu cầu có cả sự tiếp tay của nhà cầm quyền Sài Gòn, trong dự án đầu tư to tát này.

Chiến khoe với đặc phái viên Apisak Dhanasettakorn, của báo "Nation," như sau:

Nhóm đầu tư Tây phương này đã trải qua suốt năm rồi, liên lạc với các giới chức của Kiên Giang. Chúng tôi đã gửi dự án đầu tư qui mô này cho chính phủ trung ương để xin được thông qua, và ngược lại đã đề nghị cho Kiên Giang nghiên cứu kỹ càng dự án này, cùng thảo luận bản thỏa hiệp sau cùng với nhóm đầu tư, theo ý của Kiên Giang."

MÃ, MỸ ĐỀU CHÚ Ý ĐẾN DỰ ÁN NÀY

Một viên chức của Bộ Ngoại Giao Hà Nội cũng cho biết là ngoài nhóm đầu tư Leonardo này, có một cơ quan phát triển địa ốc của Mã Lai Á (Malaysia) cũng đã tỏ ra chú ý đến kế hoạch phát triển đảo Phú Quốc này.

Viên chức trên cho biết tiếp là một nhóm tài chánh Hoa Kỳ cũng đã tỏ ra ủng hộ dự án đầu tư này, tuy nhiên danh tánh của nhóm này đã không được tiết lộ.

Vì lệnh cấm vận của Hoa Kỳ vẫn còn có hiệu lực tại Việt Nam, nên các doanh gia Mỹ không được phép buôn bán hay đầu tư tại Việt Nam.

Đảo Phú Quốc hiện nay là một quận của tỉnh Kiên Giang, cách đất liền chừng vài tiếng đồng hồ đi đò máy.

Diện tích của đảo lên đến 631 km vuông (Km2), nghĩa là lớn hơn cả nước Singapore.

280 DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA NGOẠI QUỐC

Trần Lâm, phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang, khoe với báo "Nation" là hiện có vào khoảng 280 dự án đầu tư của ngoại quốc, thuộc 30 quốc gia, đã sẵn sàng đến đầu tư phát triển khu kinh tế đặc biệt Phú Quốc, với tổng số vốn đầu tư được ước lượng lên đến hai tỷ đô la.

NGUYỄN CƠ THẠCH NGẤT XỈU TẠI BỆNH VIỆN PARIS

PARIS, Pháp (CBA) — Một nguồn tin từ Paris vừa cho hay Nguyễn Cơ Thạch, cựu ngoại trưởng của Hà Nội cùng vợ vừa đến Paris tuần qua để thăm người con gái bị bịnh ung thư máu. Tại đây, hôm thứ Bẩy 21-9-91 Thạch đã ngất xỉu khi chứng kiến cảnh đau đớn của cô con gái duy nhất của ông.

Ông bà Nguyễn Cơ Thạch đã được bộ ngoại giao Pháp dành hai vé máy bay từ Hà Nội sang Pháp để thăm người con gái, tên Nguyễn thị Phương hiện đang bị bệnh nặng ở Paris.

Được biết bà Phương, 43 tuổi là con gái duy nhất trong gia đình 5 anh chị em. Bà Nguyễn Thị Phương hiện là Quyền Vụ Trưởng Vụ Tây Âu tại Bộ Ngoại Giao của Hà Nội. Bà được cử sang Pháp tu nghiệp một năm về ngoại ngữ.

Mới sang học được bốn tháng thì tuần vừa qua bác sĩ phát hiện bà bị bệnh ung thư máu ở cấp độ trầm trọng. Bệnh tình rất nặng khó có thể chữa được.

Bà Phương đã có gia đình và

chồng bà cũng làm việc tại bộ Ngoại giao ở Hà Nội.

Nguyễn Cơ Thạch bị mất chức bộ trưởng Ngoại Giao sau khi bị mất ghế Ủy Viên trong Chính Trị Bộ trong đại hội đảng kỳ 7. Nguyễn Cơ Thạch cũng đã nhiều lần bị các đảng viên cao cấp trong đảng tố là đã đem phe cánh Quốc đã đặt ra với Việt Nam trong vấn đề tái lập bang giao giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Một nguồn tin chưa được phối kiểm cho biết một tổ chức của Hoa Kỳ mà người cầm đầu là nguyên phó đại sứ Mỹ tại VNCH đã đạt lời mời Nguyễn Cơ Thạch sang Mỹ diễn thuyết trong thời của một số đại học ở Bỉ và Tiệp Khắc. Ông vẫn thường có mặt tại Pháp vì có người con gái tên Phan Quỳnh Như hiện đang theo học tại đây.

Tuy là một nhà khoa học nhưng ông Diệu lại còn là một nhà chính trị khuynh hướng cấp tiến tại Việt Nam. Ông là đại biểu

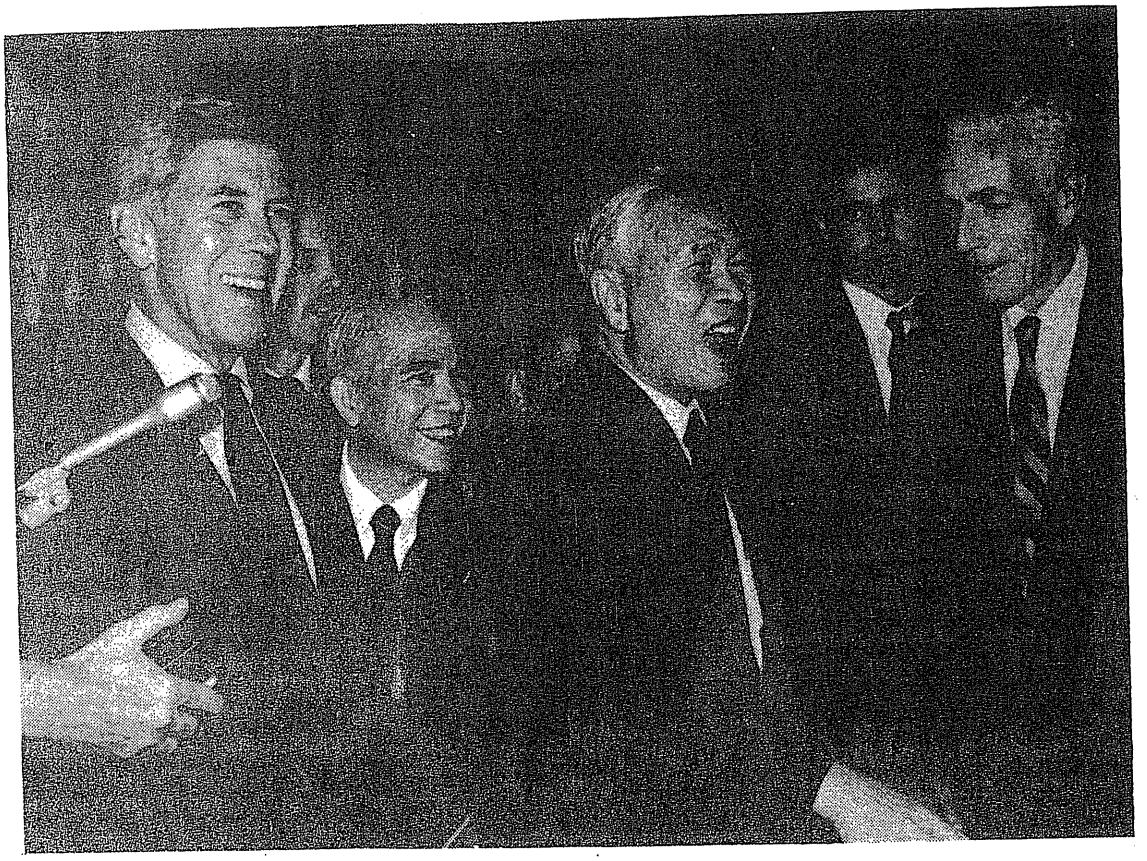

Nguyễn Cơ Thạch khi đi "cầu thân" ở Hoa Thịnh Đốn

và người trong gia đình vào làm việc tại bộ Ngoại Giao quá nhiều. Thạch bị mất chức cũng vì bị xếp vào thành phần có khuynh hướng đổi mới mà Bộ chính trị Đại hội 7 toàn là những người bảo thủ giáo điều, mặc dầu bề ngoài cố tỏ ra "cũng có đổi mới."

Nguyễn Cơ Thạch cũng bị kết tội là đã chạy theo Hoa Kỳ, nhưng chẳng đạt được kết quả gì. Mỹ vẫn giữ lệnh cấm vận kinh tế và bang giao giữa hai nước Hoa Kỳ và Việt Nam cũng chẳng đi đến đâu.

Thạch mất chức ngoại trưởng cũng là điều kiện mà Trung gian sắp đến.

PHAN ĐÌNH DIỆU ĐẾN MỸ

Mặt khác một nhân vật bất đồng chính kiến với Hà Nội là tiến sĩ toán học Phan Đình Diệu, sẽ đến Mỹ vào đầu tuần này, do lời mời của đại học Cornell ở Nữu Ước. Phan Đình Diệu hiện ở Nhật, sau khi đến Hoa Kỳ, ông sẽ sang Canada. Các đại học ở các nước đã mời ông đến để thuyết trình về toán học một loại toán cao cấp mà ông đã ghi nhận được khi theo học tại Liên Xô. Ông Diệu cũng là giáo sư thỉnh giảng quốc hội. Người ta đã nhiều lần, kể cả lần chính tướng Võ Nguyên Giáp khi còn quyền hành, đã mời ông Diệu vào đảng Cộng Sản Việt Nam nhưng lần nào ông cũng từ chối vì muốn giữ tư cách một người trí thức độc lập không đảng phái. Hồi đầu năm 1991 ông có đưa ra một bản Kiến Nghị yêu cầu đảng Cộng sản Việt Nam phải thay đổi đường lối và chính sách, nhưng đã bị Hà Nội bác bỏ hoàn toàn.

Mới đây hôm 28-8-1991, Đỗ Mười với kế hoạch ve vuốt giới trí thức Việt Nam, đã gặp các ông Nguyễn Khắc Viện và Phan Đình

Diệu để dàn xếp một cuộc tiếp xúc với giới trí thức Việt Nam do giáo sư Phan Đình Diệu tổ chức. Bản tin AP đánh từ Hà Nội ngày 21-9 cho biết là Đỗ Mười mới gặp 200 nhà trí thức Việt Nam, nhưng không nói gặp ở đâu. Nhưng tin của đài Hà Nội thì nói rằng Đỗ Mười vừa có một cuộc tiếp xúc với giới trí thức tại Sai Gòn nhưng không nói rõ con số người đã gặp ở Sai Gòn và cho biết Đỗ Mười đã trở về Hà Nội để gặp gỡ những nhà trí thức Miền Bắc.

Một tạp chí Việt ngữ ở Hoa Kỳ, số phát hành tháng Mười có bài viết của ký giả Phan Thế Trường cho biết đang có một cuộc vận động của những người bất đồng chính kiến với Hà Nội, trong việc đưa giáo sư Phan Đình Diệu lên làm thủ tướng tại Việt Nam. (CBA News 22-9-1991)

ĐÌNH HOÃN TỨC KHẮC

HOA THỊNH ĐỐN — Một nhóm thượng nghị sĩ thuộc lưỡng đảng vào cuối tuần qua đã gửi thư cho ngoại trưởng Hoa Kỳ yêu cầu đình hoãn tức khắc tất cả những cuộc thương thuyết về bang giao và kinh tế với Hà Nội cho tới khi nào nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam phải giải quyết vấn đề nhân đạo và tìm kiếm người Mỹ mất tích ở Việt Nam.

BỐN ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT

Lá thư nói trên mang chữ ký của 14 thượng nghị sĩ thuộc cả hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ gởi cho ngoại trưởng Hoa Kỳ James Baker đề ngày 20 tháng Chín yêu cầu hành pháp không nên thực hiện tất cả những cuộc thương thuyết về bang giao và kinh tế với Hà Nội cho tới khi nào bốn điều kiện mà các vị thượng nghị sĩ đồng ký tên trong lá thư gọi là "điều kiện tiên quyết" cần phải được thực thi một cách nghiêm chỉnh. Bốn điều kiện này gồm có:

1) Cho phái đoàn Hoa Kỳ được quyền đến Việt Nam giám sát ở các trại tù và trại cải tạo đã từng giam giữ quân nhân Hoa Kỳ trước đây, đồng thời phải trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị Việt Nam hiện đang bị giam giữ và cho họ được quyền định cư ở một quốc gia khác theo lời yêu cầu.

2) Hà Nội phải cho công bố một lịch trình rõ rệt về việc tìm kiếm tại các khu vực có máy bay quân sự Hoa Kỳ bị rớt trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam xảy ra.

3) Chấp thuận cho Hoa Kỳ được quyền tham khảo những tài liệu quốc phòng liên hệ tới việc quân nhân Hoa Kỳ mất tích ở Việt Nam, kể cả những cuộc tham khảo có tính cách quy mô.

4) Chấp thuận cho Ủy Ban Giám Định (Joint Casually Resolution Center) được quyền mở những cuộc điều tra rộng rãi ở Việt Nam, bao gồm việc thành lập văn phòng giám định ngay tại Việt Nam nếu cần thiết.

Trong bản thông cáo được phân phát cho báo chí, thượng nghị sĩ Robert C. Smith (thuộc đảng Cộng hòa tiểu bang New Hampshire) cho biết ông và các bạn đồng viện tin tưởng tiến trình bang giao với Việt Nam cần phải đi đôi với "những nỗ lực mà Hà Nội phải thực hiện" để giải quyết các vấn đề quan trọng này. Thượng nghị sĩ Smith là một cựu quân nhân đã từng phục vụ ở Việt Nam, vừa được các nghị sĩ thuộc Đảng Cộng Hòa đề cử để đại diện cho đảng trong chức vụ phó chủ tịch Ủy Ban Lưỡng Đảng Thượng Viện Điều Tra Về Vấn Đề Người Mỹ Mất Tích. Vẫn theo thượng nghị sĩ Smith, ông và các bạn đồng viện nhận thấy đã đến lúc cần phải làm tất cả những gì có thể làm được để các vấn đề mà các vị dân cử trình bày với Ngoại trưởng Hoa Kỳ được giải quyết cách thỏa đáng.

ĐƯỢC YỂM TRỢ BỞI CÁC CỰU QUÂN NHÂN HOA KỲ

Lá thư mới được công bố nói trên đã được sự yểm trợ của hầu hết các tổ chức cựu quân nhân Hoa Kỳ từng tham chiến ở Việt Nam, theo lời trình bày của phát ngôn viên báo chí văn phòng thượng nghị sĩ John Mc Cain với *Người Việt* vào chiều thứ Hai tuần này tại quốc hội.

Cũng tại Hoa Thịnh Đốn, bà Kelly Murphy phát ngôn viên của Hội Gia Đình Những Quân Nhân Hoa Kỳ Mất Tích ở Việt Nam cho hay hội hoàn toàn tán đồng việc hành pháp tiếp tục cấm vận với Hà Nội cho tới khi nào "Việt Nam cung cấp đầy đủ những dữ kiện liên quan đến vấn đề người Mỹ mất tích." Bà Kelley Murphy nói thêm hội và các tổ chức cựu quân nhân khác không chấp nhận việc "coi vấn đề MIA/POW là một vấn đề chỉ nằm trong chương trình nhân đạo mà phải coi đây là một trong những chính sách của quốc gia."

Mặt khác vào cuối tuần qua, ông Dick Cheney, Tổng trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ khi tiếp xúc với các đại diện của những gia đình có người mất tích ở Việt Nam cũng đã nhắc lại lời cam kết sẽ cố gắng bằng mọi cách để giải quyết vấn đề này.

LỤT LỚN TẠI MIỀN NAM

SAIGON (OCR) — Hãng thông tấn C.S. Việt Nam hôm 21 tháng Chín tường thuật là nạn lụt trầm trọng đang diễn ra tại vùng đồng bằng Cửu Long mầu mỡ của miền Nam Việt Nam, khiến có ít nhất 25 người thiệt mạng, và làm cho dân chúng đổ xô đi mua gạo vì sợ lâm nạn đói.

Hãng thông tấn C.S. Việt Nam cho biết rằng nạn lụt này, được mô tả là tệ nhất từ năm 1978 đến nay, đã gây nên cảnh lụt lội tại năm trong số sáu tỉnh miền Nam Việt Nam, thuộc vùng Đồng Tháp Mười, tức vựa lúa của cả Việt Nam.

Nạn lụt có thể lan rộng ra thêm vào tuần lễ tới đây, nếu Quốc lộ 4, thuộc tỉnh Tiền Giang (tức Mỹ Tho cũ) hiện được coi như một cái đê tự nhiên, bị làn nước vượt qua luôn.

Hãng thông tấn này cho biết thêm là cho đến nay, trận lụt đã làm cho ít nhất 25 người thiệt mạng, cũng như phá hủy vào khoảng 50,000 căn nhà, nhiều trường học, các bệnh xá trạm xá trong vùng và ngập lụt 275,000 mẫu ruộng lúa và hoa màu.

NGƯỜI VIỆT NAM, MOZAMBIQUE BỊ CHẶN ĐÁNH

BERLIN, Đức (AP)- Các viên chức Đức hôm 20 tháng Chín cho biết các mối xích mích chủng tộc ngày càng lên cao hơn tại một thị trấn nhỏ của vùng Đông Đức, đã đưa đến các cuộc giao chiến đẫm máu trên đường phố, giữa hàng trăm người địa phương Đức, các người Mozambique và Việt Nam, sang làm thuê nơi đây.

Phát ngôn viên cảnh sát cho biết có 17 người bị thương, trong đó có ba người bị thương nặng, và 24 người Đức đã bị bắt trong các cuộc hỗn chiến diễn ra chiều hôm 19 tháng Chín tại thị trấn Hoyerswerda.

Phát ngôn viên cảnh sát cho biết thêm là đã có đến 600 người Đức hỗn chiến với khoảng 200 người Việt Nam và Mozambique bằng bom lửa, gậy gộc và vỏ chai, ngay trên các đường phố.

Người ta cho rằng đây là cuộc hỗn chiến dữ dội nhất tại phần đất Đông Đức cũ, đang chứng kiến sự hồi sinh của bọn quá khích cánh hữu, chuyên gây bạo động với người ngoại quốc, từ hồi năm ngoái đến nay.

C.S. VIỆT NAM LÊN ÁN HOA KỲ

BANGKOK, Thái Lan (UPI) — Đài truyền hình Hà Nội tường thuật là nhà cầm quyền C.S. Việt Nam đã lên án quyết định của Tổng thống George Bush kéo dài thêm một năm nữa cuộc cấm vận kinh tế của Hoa Kỳ đối với Việt Nam.

Đài truyền hình Hà Nội phát đi bản tin này tối hôm 21 tháng Chín và hôm 22 tháng Chín người ta đã nhận được bản dịch này tại Bangkok, với nội dung như sau:

"Sự kéo dài này chính là sự kéo dài chính sách lỗi thời của Washington, đã bị chính công luận Mỹ lên án."

Đài truyền hình này tiếp thêm là nhiều nhà lập pháp Hoa Kỳ, các nhân vật chính trị và báo giới Hoa Kỳ đều đã kêu gọi bình thường hóa các mối bang giao giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, "tuy nhiên Washington vẫn bác bỏ các yêu sách chính đáng này, cũng như từ chối áp dụng một chính sách thực tiễn."

Tổng thống Bush đã ký quyết định gia hạn lệnh cấm vận này, hồi giữa tháng Chín vừa qua.

Washington cho biết chỉ bãi bỏ lệnh cấm vận này, được ban bố sau khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam cách nay hơn 16 năm, sau khi đạt được đến một giải pháp chính trị ổn thỏa tại Cam Bốt và giải quyết xong trường hợp các quân nhân Hoa Kỳ còn bị ghi mất tích (MIA) tại Việt Nam.

Hiện nay đã có tin là một thỏa hiệp hòa bình về Cam Bốt, sẽ được ký kết vào ngày 31 tháng Mười tới đây, trong khi phía C.S. Việt Nam đang đẩy mạnh các nổ lực giúp Hoa Kỳ giải quyết các trường hợp quân nhân Mỹ mất tích trên toàn lãnh thổ Việt Nam, trong đó có 62 trường hợp được giải quyết với hàng ưu tiên.

VIỆT NAM SA THẢI NỬA TRIỆU CÔNG NHÂN VIÊN

BANGKOK, Thái Lan (UPI) — Đài phát thanh Hà Nội loan báo là nhà cầm quyền C.S. Việt Nam, nhằm giảm bớt các sự thâm thủng ngân sách trầm trọng của nước này, đã sa thải hơn 550,000 công nhân viên chức.

Đài này cho biết quyết định sa thải trên có thể giúp giảm bớt các sự thâm thủng của ngân sách, tuy nhiên cùng lúc đó, các cơ quan nhà nước cũng đã đòi hỏi có được tổng số tiền lên đến 17 triệu đô la, là quỹ đặc biệt, để bồi thường phần nào cho số người bị sa thải trên.

Bản tin, mà bản dịch nhận được tại Bangkok, Thái Lan, hôm 23 tháng Chín, cho biết rõ như sau:

"Cho đến nay, đã có hơn 550,000 công nhân viên chức đã được cho nghỉ việc, đáp ứng một quyết định của Nhà Nước."

Tuy nhiên, đài này không cho biết quyết định sa thải trên đã được ban hành hồi nào.

Bản tin của Ngân Hàng Thế Giới cho biết Việt Nam, hồi năm rồi, có mức thâm thủng ngân sách lên đến trên 7 phần trăm của mức tổng lợi tức quốc gia (GNP).

Võ Văn Kiệt, tân thủ tướng C.S. Việt Nam, hồi tháng rồi cho biết tình hình ngân sách của Hà Nội trở nên bi thảm hơn, tiếp theo các sự cắt giảm trong các khoản viện trợ và buôn bán với Liên Xô, hiện cũng đang gặp khủng hoảng vì chính các vấn đề ngân sách của họ.

Cho đến hồi năm qua, Liên Xô vẫn cung cấp vào khoảng một tỷ đô la mỗi năm về viện trợ cho Việt Nam.

Hiện nay mức độ thất nghiệp tại Việt Nam đã lên đến trên 20 phần trăm, với số hơn nửa triệu công nhân viên chức bị sa thải thêm như vậy, sẽ làm tăng thêm cho đông đảo hơn, lực lượng thất nghiệp của nước này, bị coi là một trong những mối đe dọa chính trị trầm trọng nhất đối với nhà cầm quyền C.S. Việt Nam hiện nay.

Tìm đọc

Căn Nhà Ngói Đỏ

Tập truyện, tùy bút, thơ

Nguyễn Xuân Hoàng

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN NAM ANH

SƯƠNG NHƯ BÚA BỔ, Truyện ký của HỒ VĂN ĐỒNG, nhà xuất bản miền Đông Virginia 1991. Sách dày 190 trang. Đề giá 10.00 MK.

Nhà báo Hồ Văn Đồng sanh năm 1923 vào làng báo từ năm 1947. Ông từng là Tổng Thư Ký Nghiệp đoàn Ký giả Nam Việt Nam (1960-1966) và là Chủ tịch Hội Chủ Báo Việt Nam (1966-1970). Sau năm 1975, ông đã bị Cộng sản giam cầm hai đợt (1976-1981 và 1984-1988).

Vượt biên đến Singapore hồi tháng Ba 1989, nhà báo Hồ Văn Đồng đã định cư tại Hoa Kỳ hồi tháng Sáu, 1989.

Sương Như Búa Bổ là tác phẩm kể lại cuộc sống lao khổ, nhọc nhằn, đày đọa nơi thâm sơn cùng cốc, dưới sự đè nén của những cán bộ Cộng Sản. Sách được Phạm Trọng Nhân viết tựa và Thái Văn Kiểm viết lời bạt.

MỘT BÔNG HỒNG CHO VĂN NGHỆ của NGUYÊN SA, Đời tái bản. Sách dày 190 trang. Đề giá 12 MK. Tác phẩm gồm 7 phần. Mỗi phần đề cập đến một khía cạnh văn học nghệ thuật, mở đầu là *Tình cảnh nhà văn Việt Nam những năm sáu mươi.* Bài cuối là *Khái niệm Thẩm Mỹ học.*

SỨ MẠNG HẠNH PHÚC, tập truyện của HỒNG HOANG. Xuất bản dưới sự bảo trợ của Việt Nam Thời Báo, Vancouver, Canada. Sách dày 226 trang. Đề giá 10 MK.

Sứ Mạng Hạnh Phúc là tác phẩm đầu tay của Hồng Hoang, gồm 14 truyện ngắn và năm bài thơ. Nhà văn Nguyễn Văn Ba trong lời Bạt ghi nhận những nhân vật trong sáng tác Hồng Hoang là những người đàn ông bệ rạc hư đốn, thiếu tinh thần trách nhiệm, và những người đàn bà bất hạnh đau khổ.

GIỌT LỆ XÉ HAI, truyện dài của NGUYÊN THỊ THANH BÌNH, Văn Khoa xuất bản. Sách dày 320 trang. Đề giá 14 MK. Một truyện dài có hai lời bạt của Xuân Vũ và Nhã Ca. Mặt bìa sau là ghi nhận của Mai Thảo và Hồ Trường An.

"Chỉ có tác phẩm mới làm nên giá trị đích thực cho nhà văn. Mọi lời giới thiệu hoa mỹ đều là thừa." Nhã Ca đã viết như vậy ở lời Bạt cuốn sách.

CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG, tập truyện của KHÁNH TRƯỜNG, Tân Thư và Thời Văn xuất bản. Sách dày 300 trang. Đề giá 14 MK. Tác phẩm thứ ba của Khánh Trường sau Đoàn Thi (Thơ-1988), Có Yêu Em Không? (Tập truyện -- 1990). *Chỗ Tiếp*

Giáp Với Cánh Đồng là truyện thứ ba trong 12 truyện của tác phẩm. Truyện Khánh Trường có tính thống nhất không phải chỉ ở mặt bút pháp mà là ở khía cạnh libido của nó.

TRUYỆN THẬT NGẮN VÕ PHIẾN, Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 130 trang, 12 truyện ngắn. Đề giá 6 MK. Truyện ngắn trong tập này quả là ngắn. Khổ sách cũng vậy. Nhỏ, gọn vừa bàn tay, bỏ túi cũng tiện. Võ Phiến vẫn luôn luôn là tác giả được người đọc yêu mến nhất.

THÔNG ĐƯA TIẾNG KỆ, Truyện dài TÚY HỒNG, Người Việt xuất bản. Sách dày 352 trang. Đề giá 12 MK.

Một tác giả quen thuộc, một bút pháp lăng ba vi bộ. Một câu chuyện rất hấp dẫn.

TỜ MỘNG RÁCH RỒI, Tập truyện HỒ ĐÌNH NGHIÊM. Tổ hợp Tân Thư và Thời Văn xuất bản. Sách dày 216 trang. Đề giá 12 MK.

Hồ Đình Nghiêm viết khỏe, đều tay.

THƠ MƯA, Thơ CAO NGUYÊN, Tân Thư xuất bản. Sách dày 60 trang, gồm 21 bài thơ. Một người thơ mới trong văn chương hải ngoại.

BẾN NƯỚC NGỦ BỒ, kịch thơ dã sử HOÀNG CÔNG KHANH, Thế Giới xuất bản. Sách dày 140 trang. Giấy đặc biệt. Đề giá 10 MK.

Tác phẩm này đã xuất bản lần thứ nhất vào năm 1946 (Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội Việt Nam), nay nhà xuất bản Thế Giới California tái bản lần thứ nhất tại hải ngoại (1991).

Nhóm chủ trương tái bản tác phẩm này đã tổ chức một đêm ra mắt tại nhà hàng Phở Ngon hôm thứ Bảy 28-9-91. Đặc biệt trong Bến Nước Ngũ Bồ lần tái bản này có lá thơ ủy nhiệm của tác giả Hoàng Công Khanh gửi Lê Văn Vũ Bắc Tiến, kèm theo có cả mấy áp phích chương trình diễn ở Hà Nội, Huế, Hải Phòng, Saigon.

Một kịch thơ nổi tiếng một thời, một tài liệu văn học quý giá.

THƯ KHÔNG NGƯỜI NHẬN, tập truyện HOÀNG KHỞI PHONG, Tổ hợp Tân Thư - Thời Văn xuất bản. Sách dày 206 trang. Đề giá 10 MK.

Tám truyện ngắn được viết bằng một ngòi bút sôi nổi. Văn chương Hoàng Khởi Phong có ngọn lửa hồng, cháy từ dòng chữ đầu đến dòng chữ cuối. Người ưa thích Ngày N... chắc chắn sẽ tìm đọc tiếp Thư Không Người Nhận.

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của anh Nguyễn Đồng, Nguyễn Văn Đa và nhạc phụ của chị Nguyễn Thị Hợp là:

Cụ NGUYỄN VĂN XỨNG

đã từ trần ngày 9 tháng 9 năm 1991
tại Cần Thơ, Việt Nam
Hưởng thọ 82 tuổi

Thành thật chia buồn cùng anh chị Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp. Cầu nguyện linh hồn Cụ tiêu diêu miền Cực Lạc.

Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam
và Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Duy Thanh,
Nguyễn Cầm, Lê Tài Điển, Nguyễn Trọng Khôi,
Nguyễn Việt, Văn Mộc, Nguyễn Quỳnh, Hồ Anh,
Trương Thị Thịnh, Thanh Trí, Khánh Trường,
Nguyễn Thanh Thủy, Phạm Hoàng...

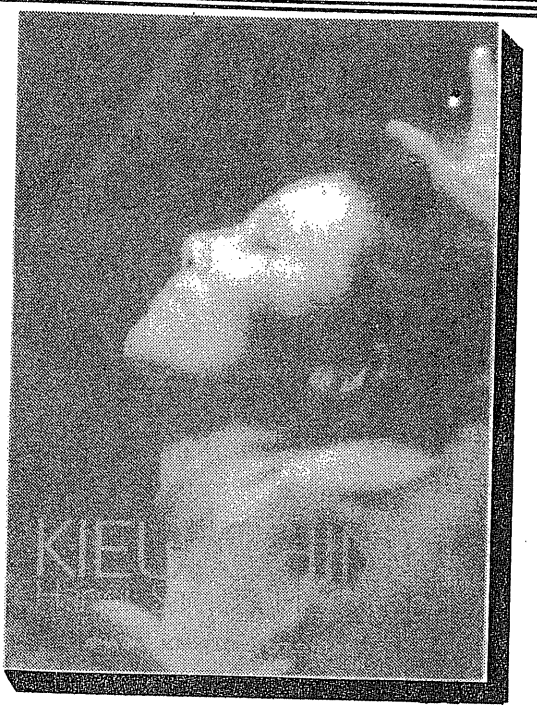

"..... Người Pháp tới Việt Nam. Cộng sản tới Việt Nam. Người Mỹ tới Việt Nam. Lớn lên từ đống gạch vụn của cùng một ngôi nhà, ba anh em nổi trôi theo số phận dân tộc, chia xa về ba phía.

Cuốn sách nhỏ này là câu chuyện về người con thứ ba của chủ nhân Kim Mã gia trang, nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh, nụ cười diễm lệ của những khổ đau mơ ước chung, sứ giả nghệ thuật và thiện chí của người Việt tự do trên thế giới."

NHÃ CA

Hãy tìm mua ngay
cuốn sách đẹp nhất trong năm:

KIỀU CHINH

Hanoi Saigon Hollywood

230 trang, khổ lớn, giấy quý

Hàng chục bài viết giá trị. Hằng trăm bức hình hấp dẫn.

Giá bán: $30 một cuốn.

Ngoài nước Mỹ thêm $3 cước phí.

Tổng phát hành:

NGƯỜI VIỆT

14891 Moran St., Westminster,CA 92683

Đ.T. (714) 892-9414

Attn: LOAN ĐỖ

Luật Sư

VŨ QUANG LÂM

ATTORNEY AT LAW

Với Sự Cộng Tác Của Luật Sư

JOSEPH P. DOWNS

Luật Sư tại các Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ,
Tòa Án Tiểu Bang California và Indiana

Phụ Trách:

- **LUẬT DI TRÚ:** Đoàn Tụ O.D.P., Di Dân, Nhập Quốc Tịch
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:** Lập Công Ty, Tổ Hợp, Khế Ước, Thương Vụ, Xuất Nhập Cảng...
- **LUẬT ĐỊA ỐC:** Sang, Thuê Nhà Cửa, Cơ Sở Thương Mại
- **HOẠCH ĐỊNH TÀI SẢN:** Di Chúc, Thừa Kế, v.v...
- **LUẬT GIA ĐÌNH:** Ly Dị, Cấp Dưỡng, Phân Chia Tài Sản
- **HÌNH LUẬT:** Say Rượu, Lừa Gạt, Trộm Cắp, v.v...
- **KHAI KHÁNH TẬN TÀI SẢN**
- **LUẬT THUẾ VỤ:** Thuế Cá Nhân, Thuế Thương Mại

TAI NẠN XE CỘ

TAI NẠN NGHỀ NGHIỆP

TAI NẠN SIÊU THỊ

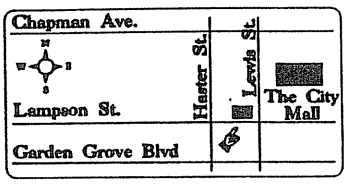

Tham Khảo Miễn Phí

QUÍ VỊ CÓ THỂ THAM KHẢO TRỰC TIẾP VỚI LUẬT SƯ

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy: *10 AM - 7 PM*
Chúa Nhật: *Làm việc theo hẹn*

12431 LEWIS ST., SUITE 102
GARDEN GROVE, CA 92640
(Trong khu Cityview Office Plaza)

Tel: (714) 748-4634

Fax: (714) 748-4637

Bạn đã từng
"ngạo nghễ đi trong
đau nhức khôn nguôi"
cùng
Nguyễn Đức Quang?
"Hát với nhau"
cùng Phạm Duy,
Ngô Mạnh Thu,
Trầm Tử Thiêng?
Ôm đàn đi rải tiếng
"du ca" khắp miền
Nam tổ quốc?

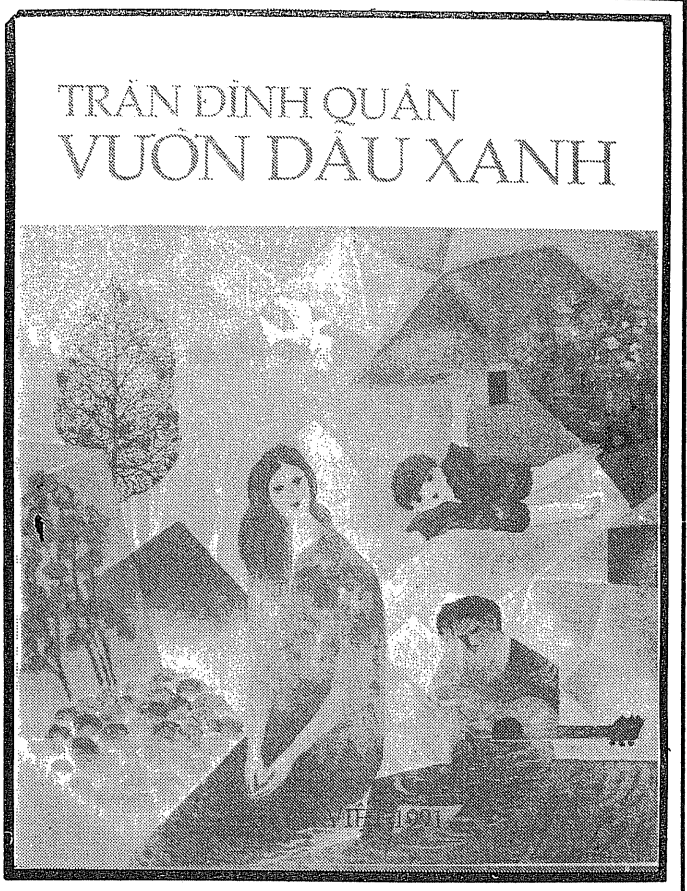

Phải tìm mua ngay:

VƯỜN DÂU XANH

Tuyển tập các bài ca rực lửa tin yêu và
thiết tha tình người
(cùng băng nhạc kèm theo)

của **TRẦN ĐÌNH QUÂN**

(cựu Trưởng Du Ca, Đà Nẵng)

Tổng phát hành:

NGƯỜI VIỆT

14891 Moran St., Westminster,CA 92683

Đ.T.: (714) 892-9414

Bộ Chữ Việt Nam

©Viet Nguyen 1984 ©VN Labs 1991

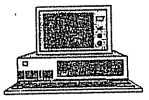

Trên IBM PC & PS/1 & PS/2

Do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Quốc Tế.

Corel Draw
Excel
Dbase III&IV
Foxbase
Microsoft Word
PageMaker
PC-Write
Professional Write
Quattro & Quattro Pro
Volkswriter
Wordstar
WordPerfect
Works
Ventura Publisher
vv..

Windows

DOS

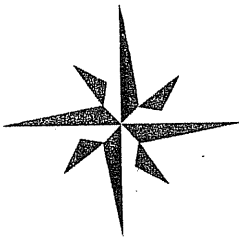

VN Labs

3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường

- ❑ **Dùng tiếng Việt vôi các áp dụng trên DOS V5 và Windows V3:** Corel Draw, Excel, Microsoft Word , PageMaker, Volkswriter, PC-Write, WordPerfect, Ventura Publisher, Dbase, Spreadsheets, vv.. trên mọi loại IBM PC/XT/AT và PS/2, in trên hầu hết các loại dot matrix và laser printers cùng Postscript printers. Chạy với mọi loại display adapters: EGA, CGA, MCGA, VGA, Hercules, Genius, Taxan, WYSE, vv.. Cách xử dụng vô cùng dễ dàng và tiện lợi.
- ❑ **Bộ Chữ Việt Nam do VN Labs** hiện đang được xử dụng tại nhiều cơ sở báo chí và các tổ chức Quốc Tế: Người Việt, SàiGòn Nhỏ, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Lý Tưởng, Liên Hiệp Quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, World Vision International, vv..

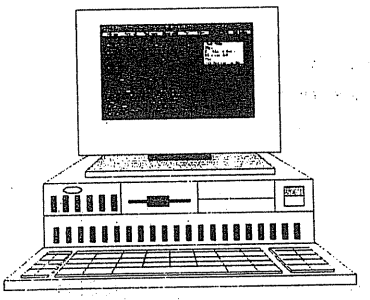

Bộ Chữ VN căn bản DOS	**$125**
Bộ Chữ VN WordPerfect	**$195**
Bộ Chữ VN Ventura	**$195**
Bộ Chữ VN Windows	**$195**

عربي
Ελληνικά
עִבְרִית
Русский

International Desktop

Shipping & Handling : $5 tại Mỹ, $20 Ngoại Quốc

Software lấy bản An Sao $25
(dùng code Bộ Chữ VN Labs)

Nhìn, đánh, in tiếng Việt cho tên tuổi vào Computer và in ra Bản An Sao trong hạn lịch sách 1901 - 2000. In trên dot matrix hoặc Laserjet printer. Vui lòng liên lạc:

Thày Bói tại gia

Lá Số Tử Vi Computer $15

Do Cosmos Systems. Lời giải vô cùng tinh tường. Vui lòng gửi $15 cùng tên, tuổi, địa chỉ, nam hoặc nữ, về Cosmos Systems.

COSMOS SYSTEMS
P.O.Box 2482
Mission Viejo, CA 92690-0482
(714) 582-8233

VN FontsCD 27 kiểu chữ Việt tuyệt vời $159

Dùng với Corel Draw và Windows. Fonts lớn, nhỏ, đủ kiểu, đủ cỡ, tiện cho việc làm tựa đề, ấn loát, bích chương, vv.. có thể chuyển vào Ventura Publisher để layout.

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Bác Sĩ

Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

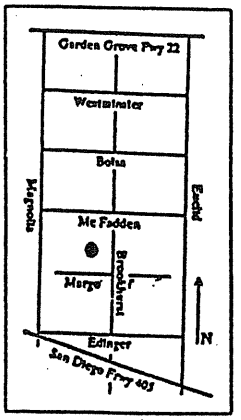

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

TRẦN LONG HỒ

NGÀY QUANH QUẨN

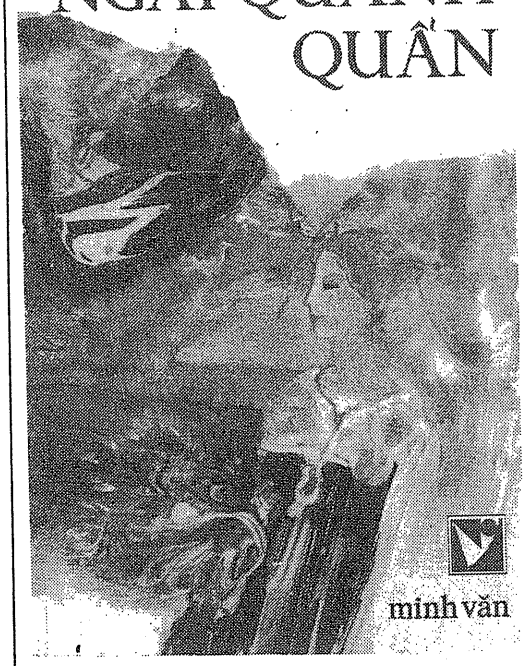

minh văn

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị
Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Thế Kỷ 21
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 892-9414

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:** Điện thoại: _____

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

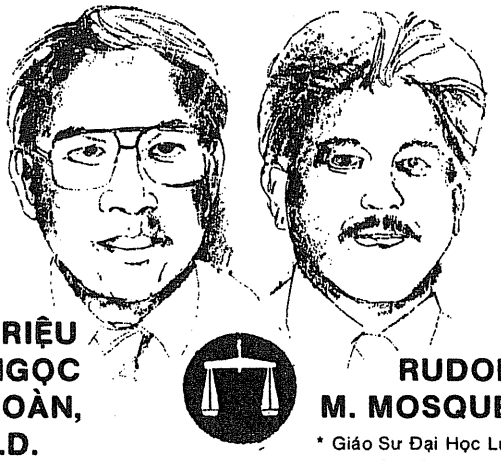

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ **2-7: 10AM-7PM**
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LY CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

- **Los Angeles Office**
  3807 Wilshire Blvd., Suite 500
  Los Angeles, CA 90010
  Toll Free: **1-800-331-4725**

- **Westminster Office:**
  9211 Bolsa Ave., suite 222
  Westminster, CA 92683
  (Cạnh Siêu Thị 99)

● 1001 tình huống bi đát nẩy sinh trong gia đình
từ một cuộc đổi đời khốc liệt!

● 1001 vấn nạn cam go dồn đẩy và bức thiết từng
cá nhân giữa một xã hội quay cuồng chóng mặt!

Tất cả đều đã có sẵn ít nhất là một giải đáp
thỏa đáng trong tác phẩm

BẠN GÁI NHỎ TO

của BÙI BÍCH HÀ

Không kể giới tính, không kể tuổi tác, không kể trình độ...

Hãy tìm đọc tác phẩm

BẠN GÁI NHỎ TO

của BÙI BÍCH HÀ

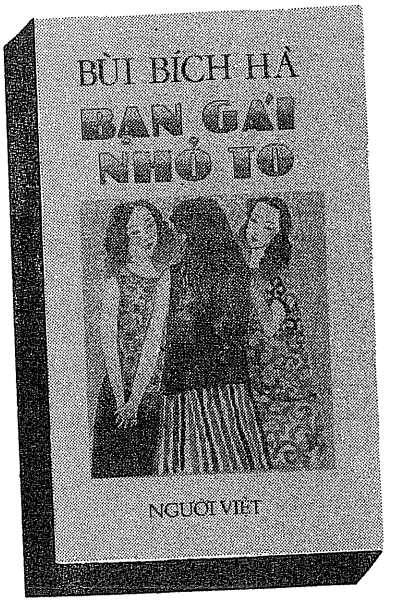

Sách dày 432 trang.
Giá tại Hoa Kỳ: **$14.00**
Ngoài Hoa Kỳ: **$15.00**

Một cẩm nang cần có trong mỗi gia đình, mỗi cơ sở:

NGƯỜI VIỆT YEARBOOK 1992

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

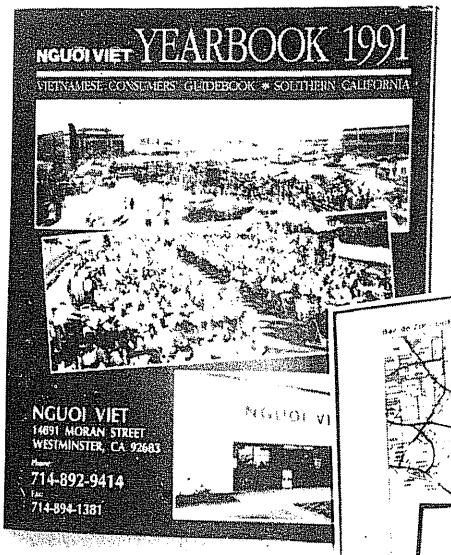

- Một cẩm nang hữu ích cho đời sống
- Một quyển niên giám điện thoại
- Một cuốn sách chỉ dẫn mua sắm hiện diện hầu hết các dịch vụ và cơ sở thương mại nhắm tới khách hàng Việt Nam

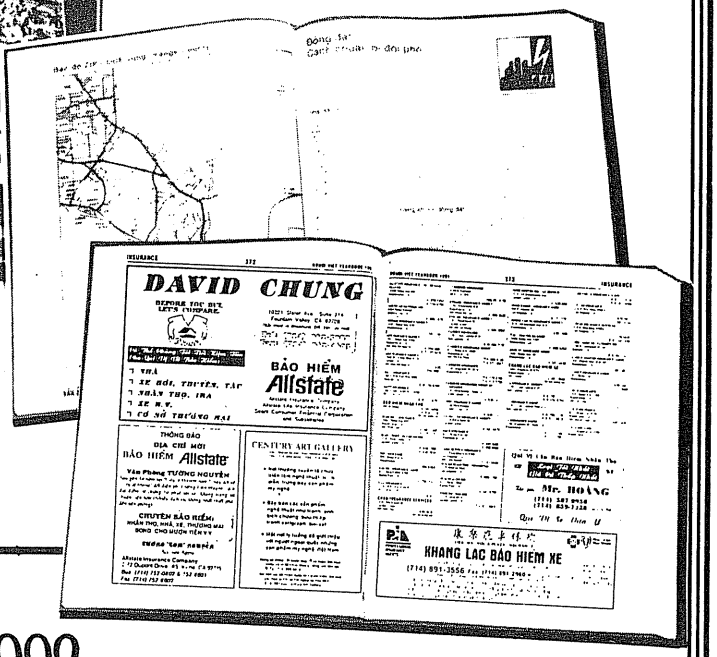

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

YEARBOOK 1992 sẽ phát hành vào cuối năm nay

phục vụ hữu hiệu hơn, với:

- nhiều cải tiến
- nhiều địa chỉ
- nhiều người dùng hơn nữa

Quý thương chủ muốn:

- có tên, địa chỉ trong phần trang vàng (yellow pages) **MIỄN PHÍ**.
- được nhận được YEARBOOK 1992, khi in xong.
- quảng cáo cơ sở thương mại của quý vị với một phí tổn thật hạ.

xin liên lạc ngay:

NGUOI VIET YEARBOOK
14891 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683
Phone: (714) 892-9414. Fax: (714) 894-1381
(Vùng Los Angeles, xin liên lạc: (213) 617-7337. Fax (213) 617-7258)

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

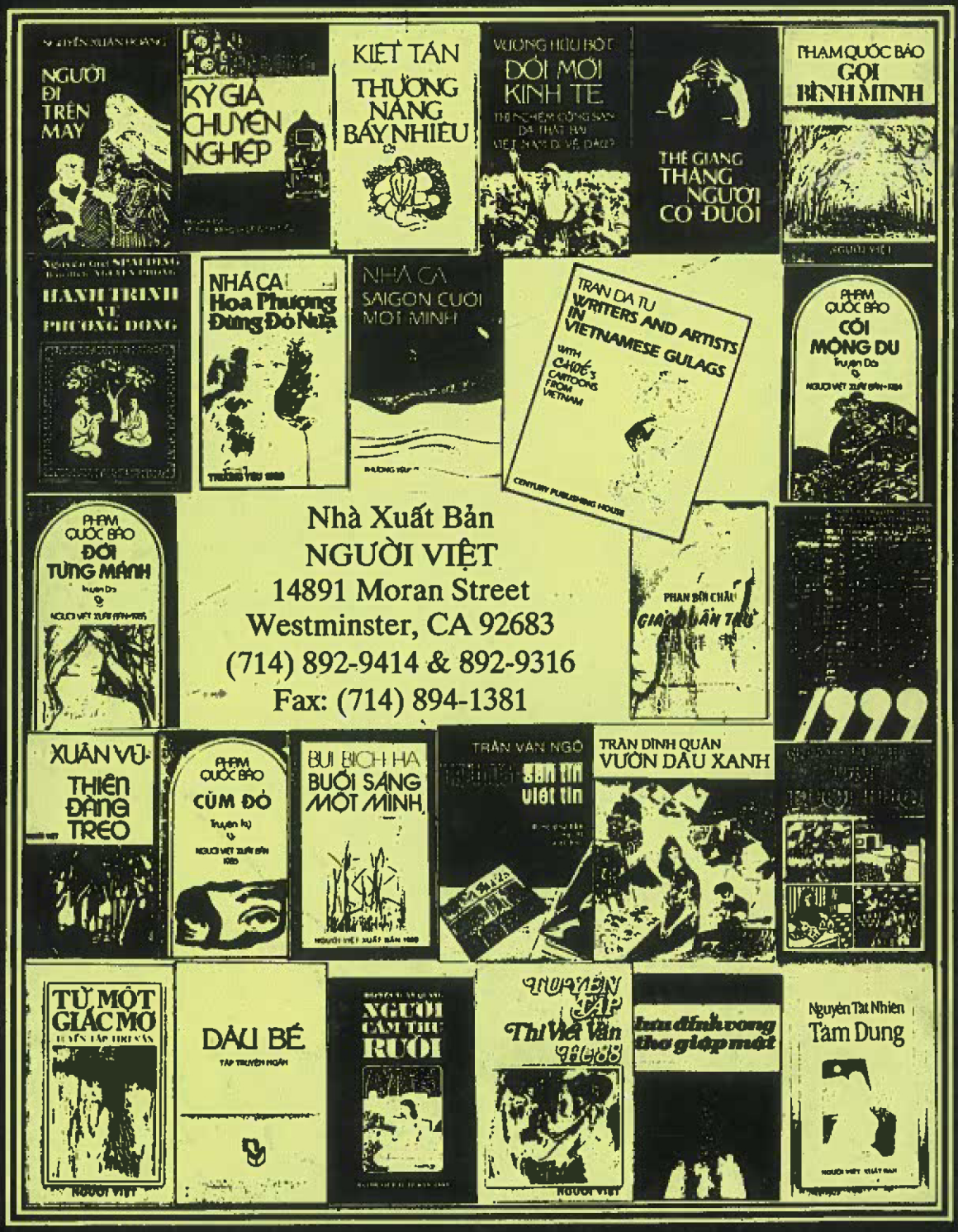

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT
14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

Giá $3.00 MK Ngoại Hoá Kỳ thêm 1.00 MK